

Hoàng Đình Quang

Cánh Đồng Lưu Lạc

(Tác phẩm được trao giải B của Hội Nhà văn Việt Nam – trong cuộc thi tiểu thuyết năm 2005 – NXB Hội nhà văn ấn hành Quý I-2005; NXB Văn hóa SG tái bản Quý II-2006)



WWW.VNTHUQUAN.NET, 2008.

ĐOẠN 1

Bây giờ thì bạn đang cầm trên tay cuốn sách của tôi. Nếu nó không hay, không hấp dẫn bạn thì tôi, với tư cách là tác giả xin bạn hãy khoan buông xuống, mà đọc thử một đoạn này. Rồi sau đó, có đọc tiếp hay không, là quyền của bạn, do bạn quyết định.

Tôi tin rằng bạn biết và nhớ hai câu thơ này.

"Tôi ở Vĩnh Yên lên,

Anh trên Sơn Cốt xuống!"

Hai câu thơ trên được viết bởi nhà thơ lớn nhất, vĩ đại nhất trong thời đại chúng ta. Hai câu ấy được đưa vào sách giáo khoa, để nếu ai đã từng cầm sách đến trường đều được học. Nếu chỉ được viết bởi nhà thơ, dù là nhà thơ lớn tôi cũng không có gan cam đoan như trên, mà vì nó còn được đưa vào sách giáo khoa cho tôi, cho bạn và hàng triệu, hàng triệu người được học và phải học, phải trả bài nên niềm tin của tôi vào bạn là có cơ sở, bởi tôi tin là bạn có đi học và được học hai câu thơ trên.

Sơn Cốt là làng tôi! Làng Sơn Cốt là của tôi, nơi ông nội tôi đến cư ngụ, lần lượt cha tôi, rồi tôi cũng được sinh ra ở cái làng nhỏ bé này. Nó vô tầm tích nếu như không từng có hai câu thơ trên. Nó bé lắm, bé như hạt tằm mà ông Trời đã vô tình để lọt qua kẽ tay, rơi xuống! Từ bé, tôi tin rằng làng Sơn Cốt của tôi là một cái làng vĩ đại, tuyệt vời, bởi nó có đầy đủ nhất, những anh hùng, hảo hán, những vĩ nhân bất phùng thời, những người thất học, những bà ăn mày, những ông dở người, câm và ngọng...

Nếu từ thủ đô Hà Nội đi lên phía Bắc dọc theo con đường quốc lộ số Ba, khoảng năm mươi cây số, đến cái phố có tên là Phố Ba Hàng, một con đường đất đỏ vừa đủ cho hai chiếc ô tô tránh nhau vất vả, rẽ về bên trái, là con đường dẫn bạn vào làng tôi. Đi chừng hơn một cây số, trên con đường đất đỏ hai bên chi chít cột điện, có cái đang reo trong gió vi vút, có cái nằm trơ vơ, như cô gái khăng khiu lờ thời, bước qua chiếc cầu bắc bằng gỗ, mà dấu tích cây cầu bằng bê tông bị đánh sập còn nằm ghếch một tảng xi măng cốt thép lên bờ, nom như một cái váy đụp rất chi là cứng của một bà lão ăn mày ngủ gật, là bạn đặt chân đến làng tôi.

Bạn gặp ngay một anh hùng!

Người "anh hùng" này có tên, nhưng tôi không nỡ đưa ra đây, bởi cho đến bây giờ ông ta đã chết rồi, chết bình thường, cũng có kèn, có trống, nhưng khi ông ta còn sống rất không bình thường tí nào. Vào cái năm ấy, là năm người Mỹ chuẩn bị đem bom đến bắn phá miền Bắc, trong đó có cái hạt tằm của chúng tôi, ông ta chừng năm, sáu tuổi, là một trai đinh trong một dòng họ lớn, mặc dù cũng là dòng ngụ cư. Ngay trên bệ cầu, vì cầu không có lan can, một con người không khỏe, dáng đứng như kiểu pho tượng Milô bên nước Ý, một tay ngửa ra như mời mọc, còn tay kia vì khoèo nên đưa ra phía sau, thế thủ. Trên người anh ta không hề có áo quần, người đen nhẻm, và ngay dưới bụng, chỗ hai chân giao nhau, lòng thòng một cái vật kỳ quái, phủ đầy râu đen. Đó là một con Tinh Tinh còn sót lại từ khi làng khai mở, hoặc cũng có thể nó đến từ một nơi nào đó mà nó bị giam hãm, thoát ra. Anh ta thấy bạn, anh ta cười, hai

hàm răng đều và trắng kinh khủng, trong khi đó cặp môi thâm sì và lợi thì lại đỏ như miếng tiết đọng trong ngực con lợn khi mổ. Đó là cái miệng của một con dã thú ăn thịt người không gớm răng. Đợi bạn đến gần chút nữa, anh ta phát ra một câu từ cái miệng méo xệch, ồm ồm mà rất vang, rất dữ mà cũng rất hiền, vì nó buồn cười: Chu chố! (Cu bố). Thế rồi ngay lập tức, anh ta phóng mình nhảy xuống nước, ngay trên bệ cầu ở độ cao chừng bốn thước. Anh ta chìm nhanh sau một quăng bọt trắng ngà. Không, bạn đừng ngại, anh ta không chết đâu, không chết được vì anh ta bơi giỏi và cũng vì ông Trời đầy anh ta, như các vị bồ lão trong làng vẫn nói thế!

Bạn tiếp tục đi về phía Tây, hai bên đường vẫn vô vàn cột điện, điện chạy lẳng nhẳng trên đầu, cột điện cắm chi chít vào ruộng vào vườn, nhưng người dân làng tôi phải đến ba mươi năm sau mới biết thế nào là điện. Hai bên đường không có nhà dân mà chỉ toàn những lùm cây gai tầm sọng, cây xạ hương và những cây sau sau lá đỏ bám đầy những con sâu cước to bằng ngón chân cái, mình đầy gai và mũ vàng đùn ra thành sợi như sợi cước. Thôn xóm ở lùi vào mãi trong sâu, không ai dám ở và muốn ở ngoài "mặt tiền" như bây giờ ao ước, vì không muốn mang tiếng "đầu đường, xó chợ" (và bây giờ thì cái "đầu đường, xó chợ" đã thành một dãy phố, có tên là phố Cong Môi). Đến một ngã ba, nơi chõ ra hai nhánh, một vào Bến Đầm, nơi có miếu thờ vị tướng công thần nhà Lê Mạt Lưu Nhân Chú, còn bên trái đi về Bến Nhái, theo con đường mòn ăn vào Đèo Nhe, sang đất Vĩnh Yên như cái tên trong bài thơ chúng ta vừa nhắc trên kia.

Tôi xin nói kỹ một chút về cái giếng này, gọi là giếng Đồn. Có thể

bạn đang khát, mà nước dưới giếng thì trong vô ngần. Đây là một cái giếng do người Tây, ông chủ đồn điền Sơn Cốt cho đào đào từ rất lâu, từ cái thuở khai sinh ra cái đồn điền và cũng khai sinh ra cái làng Sơn Cốt của chúng tôi. Miệng giếng rộng bằng cái nong, từ dưới đáy giếng sâu chừng sáu, bảy mét được kè bằng đá xanh lên tận miệng và cả thành giếng. Vào những năm khô hạn, tất cả các giếng, thậm chí cả ao hồ, cả Sông Công đều cạn, thì giếng Đồn vẫn có nước tuy không nhiều, nhưng cũng đủ cho một nửa làng sống gần đó sử dụng, dù chỉ để nấu ăn. Tôi không thể nào lý giải được điều đó, vì cái giếng Đồn ở vào một khu đất khá cao, lại xa sông, xa hồ? Tôi đã chứng kiến có những tay xe thồ, đi đường vì khát nước quá, lại không có gầu, anh ta bám vào các bậc đá leo xuống đáy giếng, uống no một bụng nước rồi lại leo lên, tiếp tục đẩy xe đi. Khi còn nhỏ, tôi cũng đã có lần xuống uống thử, vì nhà tôi gần đấy, chỉ cần chạy một mạch ngắn là có thể về nhà, uống nước sôi hắt hơi, thấy nước giếng Đồn ngọt lịm, mát lạnh, nhưng khi nhìn lên, mới thấy sợ. Bầu trời nhỏ tí tẹo, hun hút xa xanh, như rời bỏ tôi, để lại tôi cô độc trong lòng giếng.

Nếu bạn đi ban ngày, lúc còn mặt trời, tất không có chuyện gì xảy ra, ngoài chuyện người anh hùng Tinh Tinh, nhưng nếu bạn đi vào ban đêm, đêm thật khuya, đến gần ngã ba, bạn sẽ thấy trên miệng thành giếng, có một cái bóng trắng. Đến gần hơn tí nữa, bạn sẽ nhận ra cái bóng trắng đó chính là một người con gái, tóc thả dài, rũ rượi, bộ quần áo trắng toát, thỉnh thoảng ánh lên lấp lánh hàng trăm, hàng ngàn chấm sáng lân tinh. Nếu người đi đường là người mạnh bóng

vía, có bản lĩnh cao cường, mắt nhìn lên sáng quắc, miệng hôi mùi tỏi sống... cái bóng trắng ấy sẽ hoảng sợ. Nó rụt rè, run rẩy rồi lắc mình một cái nhảy xuống lòng giếng, nhẹ như ta thả cái lông tơ xuống mặt nước, không một tiếng động. Đó là cái bóng ma. Nếu khách lữ hành là một người yếu bóng vía, sắc mặt trắng, bản lĩnh non gan, đi đường hay lúc ngồi ăn thường hay nhìn xuống, lòng dạ bâng khuâng lo lắng vì đã trót làm điều gì trái lẽ đạo... cái bóng ma trắng toát kia sẽ từ từ đứng lên tiến đến trước mặt người ấy. Bằng những điệu vũ công thuần thực, hai bàn tay dài quá khổ vươn ra, chờn vờn như bắt bóng, cái miệng tươi cười xinh như đoá phù dung, và thở ra mùi tanh của sắt, của đồng gỉ... ôm choàng lấy đối thủ, khiến người ấy hoặc là bỏ chạy thực mạng, hoặc là ngất lịm, gục đầu xuống miệng giếng. Cũng đã có người suy ra rằng, cái bóng ma phù dung ấy sẽ nắm cổ, kéo tay, xốc áo người khách đem xuống giếng, dìm chết để thay vào cái kiếp phù dung đêm của con ma ấy. Nhưng không có, hoặc ít ra là chính tôi chưa thấy có ai phải chết dưới đáy giếng. Con ma trắng tay dài ấy không giết người.

Khi tôi lớn lên đã được nghe kể về lai lịch của cái bóng phù dung trong lòng giếng Đồn. Người con gái tóc dài rũ rượi ấy có tên là Mùi, cô cả Mùi. Cô cả Mùi không hiểu vì lý do gì đã nhảy xuống giếng để tự vẫn. Có người cho rằng thất tình, nhưng ngay sau đó một người khác, có hiểu biết hơn, lại cho rằng không phải thất tình mà cô Cả Mùi quyền sinh. Người ấy bảo rằng đó là vì cô ta uất ức vì một nguyên do khác, từ phía chính quyền. Chính quyền phong kiến thời ấy thối nát, ăn gian, nó dối, vu oan giá hoạ, độc quyền bắt bớ phạt

vạ... làm cho người dân làng Sơn Cốt điêu đứng. Cô Cả đã lên tiếng đấu tranh, nhưng mà, như sau này trong đợt học tập trị an, người ta bảo "Đấu tranh thì tránh đâu?". Cô Cả Mùi dững cảm và đại dột, kiên quyết mà cả sợ đã nhảy xuống giếng Đồn mà chết, giữa ban ngày. Có anh Cân là một thanh niên nghịch ngợm còn thêm vào rằng, trước khi nhảy, cô Cả còn hô khẩu hiệu "Công nông liên minh muôn năm!" và "Chính quyền nhân dân muôn năm!", vì thế nên hơi thở của Cả Mùi mới hắt ra mùi của đồng, của sắt gỉ, búa liềm đấy!

-Cái mồm thẳng Cân thế nào cũng bị vả cho sưng lên! Ăn nói bố lão bố lếu!

Quả nhiên mấy ngày sau, cái miệng anh Cân sưng to, vêu lên như mồm bò có chữa, đỏ rực. Anh đau quá, nhưng nhất quyết không chịu cúng vái Cả Mùi, mà phải nhờ đến cụ Lang Tuất lấy ra từ trong miệng những con sâu to bằng cái chân hương, trắng hếu như những con bọ trong chum tương. Đó là những con sâu răng!

Phía tay phải giếng Đồn là cánh đồng, có tên là cánh đồng Lưu Lạc. Sao lại có cái tên đó, ai mà biết được? Nhưng theo nhiều người già kể lại có lẽ nó được khai phá bởi những người dân lưu lạc tứ xứ kéo đến khai phá. Đó là một cánh đồng rộng, cấy lúa nước, và vào dịp xen vụ, cánh đồng bát ngát màu tím, màu trắng, màu vàng... như hàng tỉ con bướm run rẩy trong gió. Đó là vụ đậu đang trổ hoa. Mặt đông cánh đồng Lưu Lạc tiếp giáp với làng, phía nam là con đường đất đỏ bụi lầm, còn phía tây nó ăn thông với giòng sông Công và bị chặn đứng lại bằng một rừng tre gai, mỗi mùa một màu thay đổi, mùa hạ nó xanh rì, sang xuân nó ngả màu vàng bùng, và những

bông hoa tre xấu xí khô cằn rụng lả chã. Rặng tre ấy có nhiệm vụ chắn lở, nhưng thế nào đó, dòng sông đã đổi tính, chuyển bờ lở sang bên kia Thống Hạ, để sau rặng tre làm thành một bãi bồi, không lớn lắm, nhưng đủ để cho cỏ mọc xanh biếc, những rặng cây bưởi bung nở hoa trắng ngát và để lại những trái bưởi bung bằng đầu ngón tay, ăn giòn ngọt, hăng hăng mùi bưởi bòng. Cánh đồng Lưu Lạc đã từng là nơi chôn vùi hơn ba trăm sinh mạng dân làng tôi, đó là những xã viên đang làm cỏ tên đồng, thì một chiếc máy bay Mỹ đã thả hai quả bom bi mẹ xuống, hai quả bom này chao đảo như hai cánh diều đứt dây, rồi nó bùng nổ ngang trời, tung ra hàng ngàn quả bom bi con, nhỏ lụp bụp, suốt ba mươi năm trời sau này vẫn nổ. Nhưng thôi, tôi sẽ còn kể về cánh đồng ở những đoạn sau, bây giờ chúng ta hãy trở lại làng. Xin nói ngay rằng, tôi đã lầm, vì tưởng rằng chỉ làng Sơn Cốt của chúng tôi mới có đầy đủ những gã ngốc, bà Côi ăn mày, Cụ Đồ Nham, Giáo sư Thanh, ông Bếp Hồng, anh hùng Tinh Tinh... Nhưng không phải thế. Tôi đã đi khá nhiều, kết bạn với cũng khá nhiều bạn hữu, để biết rằng, mỗi thôn làng Việt Nam yêu dấu của chúng ta cũng có đủ những nhân vật ấy. Có thể hơn kém nhau tí chút, nhưng đều có đủ những hạng người để dân làng giải trí bằng những câu chuyện lưu truyền hậu thế, hay ít ra cũng là để cười cợt, suy tư trong những tháng ngày phân gió quần quật. Nhưng làng tôi không có kẻ giết người. Tôi chưa từng thấy, đã đành, mà con chưa từng nghe đến một tên sát nhân nào tồn tại trong những câu chuyện tục tĩu hay đoạn trang của thế hệ trước kể lại. Mãi sau này, tôi được kể lại, ông bạn thiếu thời của tôi tên là Phúc, bơi giỏi, thả diều cũng

giỏi, bị bố đánh (ông bố vốn là một binh nhất trong quân đội Lê Dương thuộc Pháp, đã sang tận Phi Châu đánh thuê) để lại cái sẹo trên môi (nên gọi là Phúc Trều), người đã từng tặng tôi cuốn sách đầu tiên trong đời tôi được đọc, là cuốn Rôbinxơn Cờuxô, giá năm xu, vào dịp Quốc khánh 2-9. Chiến tranh, sau này Phúc đi thanh niên xung phong rồi chuyển sang quân đội ở đơn vị quân giới, giờ về hưu làm thợ gò hàn đầu phố Cong Môi. Một lần đại đột thế nào đó, Phúc đã tặng cho một ông bạn khác của chúng tôi vốn là nhạc công thổi kèn của công an Hà Nội, bị thải hồi, một khẩu súng CKC đã chế tác lại theo ý Phúc, để ông bạn thổi kèn này bắn nát đến tận đuôi một bên chân ông anh họ tôi là một giáo viên cấp hai, trong một vụ tranh chấp một tí đất rộng chừng một đường cày. Suýt gây ra án mạng, nhưng ông anh họ giáo viên của tôi chỉ bị tháo khớp đến háng, còn ông bạn cựu nhạc công đi tù. Phúc Trều ra sao, tôi không biết!

Nhưng làng tôi cũng chưa có kẻ biết giết người!

Nếu là buổi sáng, trong ánh bình minh mờ đục, bạn sẽ gặp cụ Đồ Nham. Cụ Đồ cao to, vạm vỡ, theo đúng chân dung được mô tả "vai u, thịt bắp, mồ hôi dầu", đang vác một cái cày chìa vôi, mà bắp cày rất lớn, "phi" đến mười lăm xăng-ti-mét, làm bằng tre được, kiêm luôn đòn gánh của cụ, giống một con nghé bé tí tẹo, chắc là mới vực.

Trong khi đôi mắt kèm nhèm của cụ cúi xuống để tránh những vũng nước và những bãi phân trâu, thì con nghé con cứ hếch mũi lên mà ngửi trời, có thể cô ả đang tung tăng sung sướng vì lần đầu tiên được chính thức tham gia vào việc kéo cày, đem công điểm về cho chủ là cụ Đồ Nham. Cụ Đồ là người quê gốc ở Hà Đông, bằng chứng

là tôi đã được nói chuyện với anh cháu gọi cụ bằng chú từ Hà Đông lên chơi với cụ. Anh ta tên là Da. Cụ là công nhân mỏ sắt Lăng Hít, rồi sau loạn lạc cụ đến ở nhờ làng tôi, cụ thể là trên mảnh đất nhà tôi, nguyên là cái vườn hoa cảnh của chủ đồn điền Sơn Cốt, tên là Đùi Gà (có lẽ là Dugas, nói chệch ra), để rồi lấy một bà vợ khét tiếng là chửi hay nhất làng. Mùi mồ hôi dầu của cụ đồ Nham danh tiếng đến nỗi, trong bất kỳ cuộc họp xã viên trong phạm vi đội sản xuất hay đại hội toàn thể, sự có mặt của cụ được người ta biết ngay. Thậm chí cách nửa cây số, người ta vẫn biết, nếu đứng xuôi chiều gió thì điều này càng được khẳng định.

Câu chuyện cụ Đồ Nham cưới vợ tôi biết, dù lúc đó tôi mới được sáu tháng tuổi. Khi cụ Đồ đến ở nhờ nhà tôi thì đã có một người khác ở nhờ, đó là ông Dư, người cùng làng tôi, nhưng gia đình tứ tán, không còn cha mẹ, hơn nữa ông Dư lại mắc bệnh động kinh. Bố tôi bằng lòng cho ông Dư và sau đó là ông Nham ở nhờ những ngày đầu vào một cái chái, dù rằng là tôi rất nhỏ. Thường thì ông Dư hay ngủ ngoài đồng rơm. Người mà cụ Đồ lấy làm vợ đã có một đời chồng, mang tên chồng cũ, chứ tên thật của bà rất ít người biết. Khi có chồng bà mang tên chồng là bà Nham. Bà này có họ với bà nội tôi, nên chúng tôi gọi bằng bá, còn chồng bà lại gọi là ông. Chính vì lẽ đó mà sau này, vợ chồng cụ Đồ Nham không ở nhờ nhà tôi nữa, ông Dư bị chết sau một cơn co giật, vào một buổi trưa mừng một tết, bà bá của chúng tôi đã đứng trước cổng chĩa vào nhà tôi chửi suốt một buổi chiều, mà mãi sau này tôi mới hiểu bà chửi "cái đứa đã lợi dụng chứa chấp em tao, lấy hết của cải của nó để chôn người sống, đồng

người chết". Lúc đó tôi và em tôi, theo lời chỉ dẫn của cụ Đồ, đứng ra bờ rào bắt nhại tiếng chửi của bà bá thân yêu, khiến bà chửi càng mãnh liệt hơn, đến phải đưa vào nhà hô hấp.

-Đ. mẹ con cái Rụng (Rụng là tên thật của bà bá chúng tôi), thằng Dư nhà mày thì trên răng dưới dái có cái đéo gì mà người ta lấy. Ăn nhờ hết bát lành, bát mẻ, ăn cả giải giút nhà người ta còn chết đói kia kìa. Có cặc tiền bạc đấy mà lấy! Đó là những lời lầm bầm rất nhỏ, có khi nghe như lời tâm sự của cụ Đồ Nham chửi vợ.

Bác Dư, chúng tôi vẫn gọi thế cho đến khi ông chết, là người tài giỏi trong nghề rừng. Suýt nữa thì bác Dư cũng thành một người anh hùng kiêu Tinh Tinh, nhưng tâm thần bác khá hơn, chỉ bị lên cơn co giật khi cần thiết. Có khi vài ba năm, không thấy cơn bệnh phát ra. Tôi ở với bác đã từng được bác cho ăn thịt ngựa, thịt hùm... có khi ăn sống, hoặc rửa bằng nước vo gạo, xào sơ, rất ngon lành. Năm mươi năm sau, mẹ tôi còn thấy khiếp khi nhắc lại chuyện con trai bà ăn thịt hùm sống.

Nếu vào buổi chiều tà, mặt trời tụt xuống sau dãy núi Tam Đảo, nhuộm màu đỏ quạch xuống các rặng tre, thì rất có thể gặp được giáo sư Thanh! Giáo sư là con người thấp lùn, lại xương xẩu, hom hem... rất có dáng của một người ăn mày. Dáng đi của ông như bay, chân không chạm đất như những cảnh chiếu chậm trong phim quảng cáo. Đầu cúi xuống đầy vẻ suy tư, hai tay cậu ôm lấy cái gì đó dưới bụng, có khi là bơ gạo, bọc sẵn luộc, vài quả đậu đũa, mà cũng có khi chẳng có gì, giáo sư vẫn giữ chặt chẽ, cẩn thận. Và giáo sư Thanh vừa đi vừa máy mõm, như đang nhắm một công thức, một

phương trình hay một luận đề phức tạp, rất nhỏ. Nhưng chính tai tôi đã nghe thấy ông chửi, chửi ông anh rể tàn bạo để toàn con gái, được mỗi một mụn con trai thì lại lác mắt, ông chửi con gà lao vào chân ông, ông chửi cái thằng đã giành mất của ông cái đầu gà lở toét, nham nhở từ năm bốn-năm, ông chửi cái mô đất suýt làm cậu ngã, vấp cái ngón chân trở đã bị mù vào, đau quá, đau quá... Tuy nhiên, tôi chưa thấy ông chửi tôi, hay bất kỳ một người nào trong gia đình chúng tôi, dòng họ chúng tôi.

Khác với dân làng Sơn Cốt, anh em chúng tôi gọi giáo sư Thanh là "cậu giáo", sở dĩ chúng tôi gọi bằng cậu, có lẽ vì ông ngoại tôi với bố cậu Thanh cũng là dân ngụ cư đến sau, không có ruộng, ông tôi làm thợ bạc, còn ông già giáo sư là người làm mướn, hay đến trú rét nhờ cáo bể thợ bạc phì phò của ông. Giáo sư chỉ có một người chị gái và cậu gọi mẹ tôi là chị. Khi hoà bình, cậu cũng là xã viên, cũng lấy vợ, cũng ly dị về nhà ở nhờ nhà chị gái. Một sự không ăn ý nào đó, cậu đi lang thang trong làng, và cuối cùng, lại đến ở nhờ trong nhà tôi. Cậu giáo là người đã từng đi ăn mày có thâm niên. Cậu đã kể cho chúng tôi nghe những chuyện mà cậu đã trải qua, đã nghe được trong những năm đi ăn mày. Đàn ông thế nào, đàn bà ra sao, cán bộ, bộ đội, mục hàng cơm, bà hàng xén, tất tần tật cái gì cậu cũng có thể kể ra vanh vách, lại có phần khúc chiết, đoan trang. Tôi vô cùng khâm phục vốn sống của cậu, thậm chí phát thèm lên vì những mảnh bánh mỏng dính nằm trong kẽ lá gói bánh, cái vị thơm nồng, béo của khúc xương đầu gối đùi gà luộc đã trải qua một đêm trong sọt rác, cái giấc ngủ mê mòng trên manh chiếu rách vĩa hè ngậy mùi nước

đái...

Xin lỗi bạn đọc, tôi đã lừa! Không, không phải tôi, mà chính là dân làng Sơn Cốt chúng tôi đã lừa, khi dùng hai danh hiệu đáng kính là Cụ Đồ và Giáo Sư để gọi hai con người khốn khổ không biết chữ là ông Nham và ông Thanh! Không biết xuất phát từ đâu, từ ai đã phong hai cái danh hiệu đó? Tôi nghi ngờ bố tôi, ông có nỗi buồn, có nỗi thất vọng mà chỉ sau khi bố tôi chết, tôi lớn lên và già đi tôi mới phần nào hiểu được, nhưng lúc nào bố tôi cũng vui vẻ. Sự rộng lòng và vẻ hài hước của ông đã được mọi người, mà nếu không phải tất cả thì cũng là cụ Nham, ông Thanh, bác Dư... thừa nhận!

Nhưng gia đình chúng tôi còn cư mang một gia đình nhỏ nữa, một thầy giáo dạy vỡ lòng thôi, không phải ông đồ hay giáo sư, và cô con gái bé bỏng của ông. Đó là thầy giáo Hoan và con gái của thầy, chị Nga.

Thầy Hoan, trong cuộc đời tôi, thầy là một người thầy theo đúng nghĩa nhất, vừa cụ thể nghĩa đen, đồng thời lại vừa trừu tượng theo cả nghĩa bóng, mặc dù thầy chỉ dạy tôi lớp vỡ lòng, cái lớp làm quen với chữ cái, chữ i, chữ tờ, tập đánh vần và những câu chuyện cổ tích huyền bí. Hồi bé, tôi là một đứa trẻ nhát học. Những ngày đầu đến trường của tôi, không biết bao nhiêu là nước mắt đã chảy, mỗi khi nghe tiếng keng gọi học trò. Tiếng keng phát ra từ một quả bom lép treo ở nhà ông cụ Khuê, ngân nga, réo rắt một hồi sáu tiếng làm tôi hoảng sợ. Sợ học. Sợ đi học cùng với những tay học trò lớn lồng ngồng, ngổ ngáo tôi dễ bị bắt nạt, mà từ đó biến thành sợ cái tiếng

"keng... keng" của quả bom.

Trong kho tàng ngôn ngữ tiếng Việt, tôi đồ rằng từ "keng" là một danh từ hoàn toàn mới, nó chỉ xuất hiện sau những loạt bom của đế quốc Pháp thả xuống cánh đồng, làng mạc, rừng núi Việt Nam. Đáng lẽ nó phải nổ tung để tàn phá cầu cống, nhà cửa, kho tàng, trường học, hầm hố và phanh thây xé xác con người thì lại bất ngờ có một vài quả lép. Cái quả lép ấy, được các chiến sĩ du kích quân Việt Minh tháo ngòi nổ, lấy thuốc ra dùng vào nhiều việc, trong đó có cả việc đánh lại người Pháp, thì cái vỏ của nó được dùng làm cái thứ để gõ, phát ra tiếng để báo hiệu, thông tin. Rất có thể cái âm "keng, keng" của nó mà có có tên là keng! Trước đó, người Việt Nam chúng ta chỉ có tiếng mõ "cốc cốc", tiếng trống "tùng tùng", và sau này người ta dùng nhiều vật phát ra tiếng khác nữa như vành (tang trống) bánh ô tô, thanh tà vẹt... nó chỉ phát ra những âm thanh ồm ồm, rè rè, buồn bã...

Cái keng treo ở cây mít trước cửa nhà ông cụ Khuê là một quả bom cỡ năm mươi cân, nó tròn và thuôn đẹp như một con lợn thoai, bóng nhẫy, mập mập. Cùng với hình dáng của nó, âm thanh nó phát ra trở thành thân thuộc, đáng yêu đến nỗi không ai nghĩ nó vốn là một tên giết người dã man.

Thầy Hoan cũng dữ đòn như nhiều thầy giáo làng thời bấy giờ. Thầy có một cái roi làm bằng cành dâu, trắng phau dài độ hơn sải tay, lúc nào cũng giắt sẵn trên mái gianh để thị uy đám đệ tử mũi giải của mình. Mỗi bài học vỡ lòng dạy chúng tôi bao giờ cũng ngắn ngủi, giản đơn và cuối mỗi buổi học, bao giờ cũng là một câu chuyện cổ

tích vừa hấp dẫn, vừa ghê rợn, đầy tính răn dạy. Hình ảnh thầy Hoan đứng trước ô cửa đầy ánh nắng giả đò theo động tác của cậu Bé Tròn hái quả cho cha mẹ ăn một cách khó nhọc, cứ in mãi, lắng mãi vào trái tim non nớt của tôi...

Năm 1975, từ chiến trường trở về, tôi đến thăm thầy. Năm ấy tuy đã ngoài sáu mươi, nhưng thầy hãy còn quắc thước và đỉnh đạc lắm.

Thầy sống một mình với câu chuyện buồn về người con gái duy nhất của thầy. Ngoài con chó già và một bầu vườn chỉ có hai loài cây đơn mặt trời và ngải cứu, thầy không còn ai làm bầu bạn.

Tôi nhìn quanh ngôi nhà lợp lá cọ dậm thêm lá mía, vách đất mà mưa đã bào mòn trơ ra những thanh nứa cắm vách ngả màu bạc. Bờ vách ấy, đối với tôi chứa đầy kỉ niệm mà giờ đây, cả tôi, cả thầy Hoan đều im lặng dẫn nó xuống một khoảng sâu thẳm trong đáy lòng. Sợi dây thép chằng từ một danh kèo nối với cây xoan đào từ lâu quá rồi, khiến cây xoan thắt một cái ngấn sâu vào tận thớ gỗ, vẫn còn đó. Tôi lặng đứng và hình dung nhớ lại trên sợi dây ấy phất phới bay một tà áo sơ mi thiếu nữ màu xanh trứng sáo tỏa ra cái mùi xà phòng nặng nặng khi chưa bén hơi người. Tầm áo ấy giờ chắc đã rách và thiếu nữ, người chủ của nó giờ đây đang lưu lạc nơi đâu? Tôi vịn tay lên thân cây xoan đào, muốn khóc quá! Nhưng thầy Hoan đã cầm con dao cùn, dụng cụ làm vườn của thầy đến sau lưng tôi:

-Bây giờ hết đánh nhau, hòa bình rồi, anh định làm gì? Thầy Hoan hỏi tôi một câu hỏi mà chính tôi cũng đang muốn hỏi thầy, và cũng là câu hỏi mà thấy mình hãy còn sống sót sau cuộc chiến tranh, tôi đã không nguôi tự hỏi mình.

Tôi làm gì ư? Quả thực trong lúc đánh nhau với quân thù, tôi và các đồng chí của mình chẳng bao giờ có thời gian, hay một khoảng trống tương tự trong lòng để đặt ra câu hỏi: hết chiến tranh anh sẽ làm gì? Câu hỏi chúng ta sẽ làm gì thì có, và có hẳn một câu trả lời tuyệt đẹp. Thế nhưng đối với mỗi con người, mỗi anh lính cụ thể thì lại không có câu trả lời cụ thể. Tôi nói điều này hẳn nhiên có người chê trách, tôi không cãi. Nhưng, một thế hệ như chúng tôi lúc bấy giờ dễ nhận ra lắm, nó chói sáng, nó lừng lững và cả nó công thần nữa. Nhưng từng cá nhân cụ thể và nhỏ nhoi, rất khó nhận ra. Anh lính chiến thắng thì có, nhưng còn anh A, anh Z, anh Bình, anh Lạc... thì khó tìm lắm, khó thấy lắm, họ đã chìm ngấm vào trong rừng vinh quang.

Vậy là tôi sẽ làm gì sau khi chiến tranh chấm dứt vẫn là câu hỏi thường trực. Tôi đem đến hỏi người thầy thuở còn mũi giải của mình, vì tôi tin thầy sẽ có câu trả lời đúng. Câu trả lời ấy thầy Hoan sẽ lấy ra từ những câu chuyện cổ tích, mà bao giờ nó cũng có hậu.

Quay về nghề cũ! Đó là những người có nghề, có cơ quan, có xí nghiệp. Quay về trường cũ! Là những sinh viên, học sinh đang học dở dang. Quay về cố hương, nơi chôn rau cắt rốn! Hãy nối nghiệp ông cha từ các đời Vua Hùng truyền lại, mà nhiều người trong số chúng tôi nghĩ là "theo đít con trâu", "một mái nhà tranh, một bà vợ - hoặc là lắm điều, hoặc là không nói gì - và một lũ con quanh năm đói khát, thò lò mũi xanh".

Tôi đi bộ đội trong khi đang học dở dang năm thứ ba trường trung cấp sư phạm. Nếu không có chiến tranh, nếu không phải vào quân

đội thì tôi đã là một anh giáo làng dạy cấp hai, mà có ít ai ngờ được là dân "trí thức xã", cày ruộng, gieo mạ, phát bờ... còn tinh thông hơn cả cầm phấn viết bảng. Như vậy là, nếu muốn, tôi sẽ quay về trường cũ, học nốt nửa năm để tiếp tục sự nghiệp "trí thức nửa mùa" của mình. Nhưng..., ở đời này tôi thấy con người ta toàn gặp phải những cái "nhưng" oái oăm, oái oăm thôi, còn hay dở thì chưa biết, có nhiều cái nhưng may mắn kia mà. Nhưng, khi tôi trở về trường cũ thì không còn cái hệ "bảy công ba", là cái hệ mà tôi đã học. Trường đã thành trường cao đẳng, hệ trung cấp đã chấm dứt. Lúc này tôi mới hiểu ra rằng: thầy Hoan của tôi chưa từng qua một trường đào tạo nào, không trung cấp và cũng không sơ cấp sư phạm nào cả, những bài học của thầy dạy cho chúng tôi chỉ là một chút chữ nghĩa i tờ và tấm lòng mà thôi. Những con ma, những thằng quỷ và cả những ông Bụt, ông vua... trong câu chuyện cổ chan chứa tình người, là do thầy nhặt nhanh trong cuộc đời, được rây lọc qua bao nỗi buồn vui, cay đắng. Người ta có thể trở nên người tài nhờ những bài toán đạo hàm, toán cao cấp và vật lý lượng tử, nhưng khó mà nên người khi thiếu đi những Bé Tròn và cả những thằng Cuội suốt đời nói dối ngời gốc cây đa.

-Đồng chí về trường sẽ nhận công tác là cán bộ chuyên trách Đoàn trường. Thầy Ninh dạy sử tôi năm thứ ba, giờ là trưởng phòng giáo vụ nói với tôi như thế.

-Thưa thầy, em muốn được dạy học...

Dĩ nhiên là thầy Ninh và cả nhà trường khó có thể đáp ứng nguyện vọng của tôi, dù lúc ấy tôi đang là một công thần, có Huân chương

trên ngực áo quân phục.

Tôi không kể cho thầy Hoan nghe câu chuyện trên, mà chỉ nói:

-Thưa thầy, cháu sẽ... về quê!

-Làm gì?

Tôi im lặng, bởi vì vừa không muốn trả lời thầy, vừa không thể trả lời được. Thầy tiếp:

-Làm ruộng thì anh có làm được không? Một thứ lao động truyền đời, bán lưng cho trời, bán mặt cho đất. Không, tôi không nói đến cái gian khổ, gian khổ đối với anh chắc không thiếu. Tôi nói đến cái sự tù túng, quẫn bách của thói nhà nông hãnh tiến. Làng này anh thấy chứ? Giàu có như ông Sử Quốc cũng có bao giờ dám bỏ ra năm đồng để mua một đôi pin không hay là lại phải chạy vạy, châu trực để được phân phối. Chuyện cũng nực cười, thấy tôi bỏ ra năm đồng mua đôi pin Con Thỏ của bà hàng xén, ông ấy nhìn tôi kinh ngạc: Ông giáo mà cũng phải mua ở đây à? Tôi hỏi lại: Thế mua ở đâu? Mậu dịch không bán cho tôi vì tôi không có phiếu đài cán bộ, muốn soi con gà con què, con rắn con rết... thì phải ra đây mới có. Ông ta lặng im và rồi chỉ nửa ngày sau cả cái làng này biết tôi "dám" bỏ ra năm đồng để mua đôi pin Con Thỏ!

Tôi cười hơi có cái vẻ hiểu đời, nhưng không phải là vô lễ với thầy Hoan:

-Năm đồng là to lắm rồi, thưa thầy!

Bất ngờ thầy đổi giọng:

-Hay là đi buôn? Quê ta cũng có nghề đi buôn đấy! Nhưng muốn đi buôn phải có hai điều kiện, mà ở anh tôi nghĩ không có...

Tôi chăm chú chờ đợi thầy Hoan giải thích tiếp, nhưng thầy chỉ im lặng. Tôi đành vô phép hỏi với giọng sốt ruột:

-Thưa thầy, hai điều kiện đó là gì ạ?

-Một là phải học dốt. Hai là phải biết nói tục! Thầy nói một cách nghiêm túc. Nói tục thì có thể rèn mãi cũng thành. Chứ còn học dốt thì khó đấy... Khó không kém gì học giỏi đâu!

Trong cuộc đời ngắn ngủi của con người ta, tôi nghiệm ra rằng có những điều mà mình chỉ nghe một lần thôi, để rồi không tin không được, nhưng tin thì lại không biết vì sao mình tin, không hề có cơ sở khoa học, nó y hệt như một tôn giáo mầu nhiệm. Cái điều thầy Hoan nói với tôi hôm ấy, tôi cũng lảng máng tin là đúng bởi những trải nghiệm của mình, nhưng rồi hơn mười năm sau khi vào học Khoa thương mại, trường Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh tôi mới tin là thật. Vị giáo sư - tiến sĩ giảng bài marketing đưa ra cho chúng tôi một công trình trắc nghiệm của người Mỹ, xem anh có phải là nhà kinh doanh giỏi không, bằng một loạt các câu hỏi trắc nghiệm, trong đó có câu: "Khi còn đi học ở bậc phổ thông, anh học có xuất sắc không?". Nếu trả lời vào ô "có" anh được ba điểm; còn ô "không" anh được tám điểm!

Tôi không hiểu sức học của mình tới tầm cỡ nào, nhưng thường thì tôi không có điều kiện học bài ở nhà, mà chủ yếu tiếp thu trên lớp. Nhưng may mắn thế nào đó mà tôi vượt qua được tất cả các kỳ thi, để rồi được tuyển vào đội học sinh giỏi của tỉnh đi thi toàn miền Bắc (lúc ấy gọi thế vì chưa thống nhất đất nước). Đến đây thì tôi không vượt qua được, nhưng như thế thì cũng là vinh quang lắm rồi. Vinh

quang cho làng tôi, cho trường tôi và họ hàng tôi. Chú tôi bảo: thằng này có thể học được tới tiến sĩ! Nhưng... (lại nhưng), cái ngày mà bọn bạn tôi lên huyện nộp đơn xin vào học cấp Ba, thì chúng gặp tôi trên đường gánh phân ra đồng!

Cánh Đồng Lưu Lạc

ĐOẠN 2

Sau khi vãi nốt gánh phân cuối cùng để có được năm điểm ghi vào sổ hợp tác, tôi quẳng đôi quang gánh vào đầu đó rồi lên đồi nằm vật vờ trên vạt cỏ mua đất. Bên cạnh tôi, những ngôi mộ cũ cùng những bụi sim chẳng chịt dây tơ hồng. Trời càng lúc càng tối sầm, vắng vắng tiếng người gọi nhau trở về từ phía làng, nghe như tiếng gọi của những con người lạc nhau trong chiều hôm. Từ một ngôi mộ nào đó rất gần cất lên tiếng kêu đơn điệu, cô độc của một con dế. Tiếng kêu nghe lúc xa như kẻ hụt hơi, lúc gần đến chói tai. Cánh đồng thảng thốt, cánh đồng có cái tên nghe muốn rớm nước mắt, trải ra một vùng tím ngắt nổi vùng đồi với dòng sông ngẫu đục, con sông chảy cắt đôi làng tôi làm hai nửa không đều nhau, bên tả ngạn đang bồi, còn bờ kia đang lở. Phía bờ ngòi, một người đàn bà nách cặp chiếc rổ, xắn quần ngang đầu gối, hối hả chạy, bước thấp bước cao như có ma đuổi. Tôi bứt một quả sim muộn bỏ vào miệng nhai, vị chát ngấm dần vào lòng. Nỗi buồn tạm lắng, lại được dịp trào lên, tôi úp mặt vào hai cánh tay, nằm sấp trên cỏ... Trước mắt tôi hiện ra cánh đồng đục nước, và sau khi gặt lúc ba giăng (ba trắng - tức ba tháng, cấy xen vào giữa hai vụ chiêm mùa), tôi đùn chiếc cày quần đầy rạ tươi, đến bờ không nhắc nổi, nổi ghen ngào muốn rơi nước mắt. Trong túi tôi còn một củ khoai. Tôi có ba củ khoai của bữa sáng. Một củ tôi ăn trước cửa chuồng trâu, chờ cho con trâu thức dậy. Một củ, tôi ăn trên đường ra đồng trong ánh trăng già hạ huyền, bước thập thồm trên bờ ruộng gầy gặt. Khi nào thả cày, con trâu tìm gặm cỏ là lúc tôi ăn nốt củ khoai cuối cùng của mình. Thế là tôi đã chấm dứt quãng đời niên thiếu tuổi học trò của mình, vương

vấn quá!

Trời càng tối sậm khi lưỡi trăng non như một cái lá cỏ bay dạt trong sương xanh lạnh lạnh. Cả một trái đồi lừng lững in vào góc trời đen thẫm như một ngôi mộ ngàn kiếp im lìm hoang vắng. Chợt tôi rùng mình khi có người vỗ vai. Ai? Bàn tay vỗ nhẹ và dừng lại, truyền cho tôi một chút hơi ấm. Nếu không có cái hơi ấm ấy, chắc hẳn là một hồn ma nào đó vừa từ dưới một ngôi mộ gần đấy chui lên. Tôi từ từ ngẩng lên và nhận ra khuôn mặt một người con gái, lơ nhơ trắng trong chiều tàn. Mái tóc đen và dài chảy xuống cổ và mặt tôi, toả một mùi hương dịu ngọt rất lạ lùng, nhưng lại đầy vẻ quen thuộc. Tôi vùng dậy ôm choàng lấy người con gái ấy và khóc. Mãi lâu sau, để cho tôi nguôi bớt cơn khóc, giọng người thiếu nữ thoang thoang:

-Nín đi, em! Khóc thế đủ rồi...

Tôi ngước lên lóa mắt trong ánh trăng chiều, rồi gục đầu vào ngực người thiếu nữ ấy:

-Em buồn quá, chị Nga ơi!...

Chị Nga nhìn tôi bằng cái nhìn của người đang nhìn một con thú bị thương, cái nhìn đầy thương cảm, nhưng bất lực. Tôi tiếp tục nức nở:

-Em biết làm thế nào bây giờ?... Bố mẹ em cũng buồn, nhưng em phải nghỉ học thôi!

-Cả chị, cả bố chị cũng buồn cho em... em trai của chị! Chị không biết làm gì khi biết em phải bỏ dở chuyện học hành. Bố chị thì tiếc cho em lắm...

Chị Nga là con gái thầy Hoan. Mẹ chị mất sớm, mất ngay từ khi chị mới lọt lòng. Chị không biết gì nhiều về người mẹ của mình, chỉ có thầy Hoan biết, nhưng thầy một mực giữ kín trong lòng. Đó là một câu chuyện tình của người xưa, thấm đẫm máu và nước mắt. Tôi ước gì có thể kể cho bạn nghe!

Thầy Hoan bế chị trong một cái áo chàm được bọc thêm bằng một cái áo trấn thủ, may chần chéo những hình quả trám, loại áo của các anh Vệ quốc đoàn. Chị im lặng, không khóc, và cũng rất ít cười mà cứ lớn lên bình thản. Lúc ấy thầy Hoan mới ngoài ba mươi tuổi, và cái lý do khiến thầy đậu lại ở làng tôi (cũng như cha ông tôi đã đậu lại trên mảnh đất khó nhọc này) là thầy gặp bà ngoại tôi. Thầy gọi bà ngoại tôi bằng bá, vì bà người cùng làng quê với thầy. Cuộc trường chinh tha hương của thầy không hẳn là cầu thực. Có thể là một niềm say mê rủ rê con người ta ra đi, và cũng như thế để trốn tránh một cái gì đó của riêng họ, để rồi đến một tuổi nào đó, họ

nhận ra mình đầy rẫy những nỗi niềm lấm lỏi. Những người có chức sắc làng tôi cũng vui vẻ chấp nhận thầy, và thầy Hoan được đề nghị trân trọng làm thầy giáo dạy đám học trò học chữ sau ngày hoà bình. Căn nhà rạ một gian hai chái của cha con thầy giáo làng nằm trên cùng với một mảnh đất nhà tôi, lẫn khuất sau bóng cây si già bên bờ ao Sen.

Lúc nhỏ, chị Nga là một đứa bé sài đẹn, ốm yếu. Nhưng chi cứ thân nhiên lớn dần lên trong sự lãng quên của làng xóm.

Một lần tôi nghe được câu chuyện giữa thầy Hoan và bà ngoại tôi:

-Anh giáo xa làng lâu chưa? Bà ngoại tôi hỏi.

Thầy Hoan im lặng một lúc, hai tay mân mê cây cời bếp:

-Cháu không nhớ nữa, nhưng hình như từ lúc cháu còn bé. Cứ thế theo người ta đi, cũng chẳng biết đi đâu. Sau được làm con nuôi một gia đình khá giả. Nhờ thế, cháu cũng được đi học, bá ạ! Cứ tưởng đời mình được may mắn, nào ngờ, tạ hoá ập đến...

Đó là một câu chuyện thê lương. Trong cuộc chạy đua vào chức phó lý, gia đình bố nuôi của thầy Hoan trở thành khánh kiệt. Hơn thế nữa, họ đã gây ra mối oán thù giữa những kẻ có của, hãnh tiến. Ông cụ bố nuôi của thầy bị hàm oan, và đã chết trong nhà lao. Rồi bà mẹ cũng ốm đau dặt dẹo rồi qua đời. Anh em ly tán, tất nhiên thầy Hoan cũng phải tìm đường bán xứ. Tóm tắt là thế, nhưng đó là những tháng ngày tuyệt vọng dài đằng đẳng của một anh học trò trường làng. Năm ấy thầy mới mười lăm tuổi, bắt đầu cuộc hành trình lưu lạc mới.

-Cuối cùng thì thị xã Phú Thọ là nơi cháu dừng lại. Quãng hai năm sau, cách mạng nổ ra, cũng nhờ công ơn ông bà cha mẹ nuôi, có được ít chữ, cháu trở thành anh giáo bình dân học vụ...

-Thế ra anh giáo cũng là người trôi lạc, bôn ba nhỉ? Mà nghĩ cho cùng, cái thời buổi ấy, trăm người được mấy ai thoát khỏi cảnh tha hương, bán xứ. Nghĩ mà tủi, biết bao giờ mới ngó lại được nơi chôn rau, cắt rốn...

-Cháu cũng muốn về làng một lần, bá ạ! Cái làng Sen Hồ của mình ấy, không biết bá có còn ai không, chứ cháu chỉ còn một người anh cùng mẹ. Năm nọ nghe anh ấy gả chồng con gái, là nghe mấy người đi buôn họ nói thế...

-Anh giáo là đàn ông, còn có thể đi đây đi đó, tôi là đàn bà, theo

phận nhà chồng, lại già cả rồi, nào dám nghĩ đi được đến đâu...

Bà ngoại tôi lẳng lặng đem ra một bát bánh đúc tấm và một bát tương:

-Anh ăn đi. Tôi hỏi nhá, thế mẹ cháu Nga người ở đâu ta?

-Người Trại! Ở bên trên Phúc Thuận một quãng. Chỗ nông trường bộ đi vào...

-Thế anh cứ định ở vậy mãi à? Tôi nghĩ có đám bên Thống Hạ...

Thầy Hoan xắn một miếng bánh đúc bỏ vào bát tương, chống đũa:

-Thôi bá ạ, cháu có con Nga là đủ lắm rồi. Đèo bòng làm gì cho khổ thêm mình, lại khổ cả cháu. Bá còn lạ gì thói đời dè ghè con chồng, bánh đúc nào có xương...

Bà ngoại tôi cười:

-Có đấy! Năm nay thóc ao gạo kém, tôi nấu bằng gạo đầu, ăn thì để ý mà nhẩn, kéo lại hóc. Cháu Nga rồi nó lớn, cũng phải đi lấy chồng. Lúc bấy giờ còn mình anh, ai đỡ đần, nâng giắc? Năm nay cháu mười mấy nhỉ? Mười sáu à? Cũng sắp sắp rồi đấy. Trông trẻ nó lớn mà thấy mình già...

-Bá nấu bánh đúc() ngon quá! Cứ như thế là ăn ở làng mình ấy! Bá nói sao? Cháu Nga nó lấy chồng thì cháu chọn thằng nào ở rể. Cháu thành dong thế này cũng chả đến nỗi khó tính. Ăn uống kham khổ, đạm bạc quen rồi, chẳng cầu kỳ...

Câu chuyện của thầy Hoan và bà ngoại tôi ngày đó mà tôi nghe hóng được tôi đem khoe với chị Nga. Chị bảo chị chẳng thèm lấy chồng, cứ ở nhà với bố. Tôi cũng tin như thế. Lúc này đây, trong ánh trăng mờ, tôi thấy chị thánh thiện quá. Nhớ lại câu chuyện cũ, tôi hỏi:

-Thế chị có định lấy chồng không?

-Không! Chị đã nói với em một lần rồi mà. Này, nhưng sao em không là con gái nhỉ? Để chị em mình cùng... không thèm lấy chồng! Nhưng mà thôi, em cứ là con trai cũng được, để chị còn thương em...

Tôi vùi sâu mái tóc khét nắng của mình vào lòng chị Nga. Trái tim tôi dần dần nóng lên một cách khó hiểu. Tôi nghe thấy cả tiếng đập của nó, nặng nề ở đâu bên thái dương. Tôi nói mà nghe thấy tiếng nói của mình như giấu kín trong tà áo chị Nga:

-Chị em mình mãi mãi bên nhau nhé?

Chị im lặng, không nói. Bàn tay chị lùa vào mái tóc tôi, những ngón tay chị cứ ngập ngừng, như muốn nói "ừ!", mà cũng có thể là "không!".

Tôi làm sao hiểu được chị? Không, sẽ chẳng bao giờ tôi hiểu! Tôi thì

trẻ thơ mà giờ đây chị đã là một thiếu nữ, là người chị, người bạn của tôi, hơn thế nữa, chị còn là cô giáo dạy tôi môn địa lý lớp bảy. Đây là lần đầu tiên từ khi tôi lớn lên, trong cơn tuyệt vọng, tôi gục đầu vào ngực chị để được khóc. Chị cứ để yên như thế, để mái đầu khét nắng và trái tim của một thằng trai mới lớn ngủ yên trên ngực chị. Tiếng dế đàn lập tức từ các kẽ đá của những ngôi mộ đồng loạt cất lên, nghe hào hứng và rạo rực lạ thường. Tôi từ từ tỉnh tâm lại, ngược lên nhìn vào mắt chị Nga:

-Chị ơi! Sao người ta không thể làm chủ số phận của mình được nhỉ? Chị không trả lời mà âu yếm bảo tôi:

-Đưa bàn tay của em đây, bàn tay kia, tay trái ấy...

Chị Nga nắm lấy bàn tay tôi đưa ra dưới ánh trăng. Trăng non mờ quá lại sắp lặn, tôi nhìn bàn tay mình mà chẳng thấy gì cả. Nhưng chị vẫn lấy ngón tay của mình chỉ vào lòng bàn tay tôi, giọng xa vắng:

-Bàn tay em đẹp lắm, không phải của người cầm cày, cầm cuốc mà là có dáng của một thư sinh cầm bút. Nhưng đường học vẫn bị đứt ngang, như vậy là chuyện học của em có nhiều dang dở...

-Hay là tại số hủ chị?

-... Có học được cũng chật vật lắm, mà rồi cũng chẳng đi đến đâu, học nghề này lại đi làm nghề khác! Em còn muốn học không?

-Muốn lắm! Tôi ngồi thẳng dậy, hào hứng như một cậu học trò thuộc bài, tự tin.

-Có cách này. Em làm hồ sơ xin vào học trung cấp sư phạm, như chị ấy. Được học văn hóa, lại có học bổng, gia đình không phải lo...

Tôi không tiếp lời chị Nga, chỉ im lặng cắn một ngọn cỏ đắng. Học hết lớp bảy phổ thông trường huyện (ngày ấy cả huyện tôi chỉ có một trường cấp 2 - 3) chị Nga vào học trung cấp sư phạm. Ra trường chị được một sự ưu tiên vô cùng quý giá là về dạy ở quê nhà, để trông nom cha già là thầy Hoan, cũng là một nhà giáo đã nghỉ dạy. Ở trường chị dạy tôi môn địa lý. Buổi học cuối cùng chấm dứt, ngày mai chúng tôi thi tốt nghiệp, ra trường và ngày kia, ngày kia nữa... để rồi câu chuyện học hành của tôi chấm dứt buổi chiều nay.

-Có học toán, học văn không hả chị? Tôi lạnh lùng hỏi lại chị Nga.

-Có chứ! Nếu em học ban tự nhiên, em sẽ học toán lý hoá, còn ban xã hội, sẽ được học văn-sử-địa, như chị ấy!

-Em học văn! Em sẽ làm nhà thơ!

Tôi hồn nhiên hào hứng. Chị Nga cúi xuống nhìn tôi:

-Em cũng làm được thơ à? Đọc nghe nào!

Tôi ngồi lên đọc bằng một giọng ngân nga:

"Dù anh đi một ngàn đêm sương gió

Vẫn thương em khi nhạt ánh chiều

Anh sẽ đi làm màu xanh bãi cỏ

Cho em ngồi tình tự với người yêu!"

Đọc xong, tôi ngược nhìn chị Nga, chờ đợi những lời khen ngợi, thán phục. Nhưng chị chỉ ngồi im nhìn xa vắng về phía giòng sông, yên lặng. Mãi sau chị nói nhỏ, bằng quơ:

-Yếu đuối quá! Thôi, chị em mình về đi, chị lạnh rồi!

Tôi đứng dậy theo chị Nga. Chị cuốn mái tóc xoắn xuống lưng, vuốt lại tà áo. Lúc này, nhìn chị tôi mới nhận ra chiếc áo chị mặc, không phải chiếc áo trắng chị vẫn mặc. Cái áo hôm nay chị mặc cũng màu trắng nhưng nhuộm đậm màu biếc của trăng non, và hình như ánh lên màu sáng xanh của ánh lân tinh, nhìn như trong suốt. Tôi cứ bước thấp, bước cao trên bờ ruộng, còn chị Nga cứ băng băng như lướt trên cỏ, trên đồng và trên cả ánh trăng giải tràn xuống đôi chân trần của chị. Đến đầu làng, nơi có cây gạo già nua, chị bảo tôi:

-Em về trước đi, chị đi có tí việc rồi chị về sau!

Tôi chưa kịp nói gì thì bàn tay chị đã rời khỏi tay tôi. Tôi quay lại nhìn cái bóng trắng có pha màu dạ quang lướt nhẹ về phía góc làng. Ở đó, ban ngày dưới bóng mát của ngôi mộ đá Chúc Anh Đài (thật ra là mộ của một người Tây) và những cây dứa ma, đám trẻ vẫn thường tụ nhau đánh chuyền, đánh chắt...

Hôm sau, không chờ được đến tối, sáng ra tôi đến trường tìm chị Nga. Thấy tôi chị hỏi:

-Em đi đâu đấy? Tìm chị à, có việc gì vậy?

-Về việc tối hôm qua...Em... em muốn đi sư phạm!

-Được để chị hỏi Ban tuyển sinh cho em. nhưng mà muộn rồi. Đã khai giảng khóa mới, có lẽ phải chờ sang năm...

Tôi chạy ào về nhà, lòng cay đắng hờn trách chị Nga, dù tôi biết chị chẳng có lỗi gì.

Tôi còn phải ở nhà một năm nữa với ba củ khoai của mình trên cánh đồng Lưu Lạc cấy lúa ba trắng và vụ màu tái giá. Năm sau, vào một buổi trưa cuối hè, anh Định Khiển, người giao thông xã dứt qua hàng rào cho tôi bức thư đặc biệt- nó to hơn những lá thư mà tôi thường thấy, lại được làm bằng giấy báo, và được dán lên một mảnh giấy vuông vuông màu vàng để tên và địa chỉ người nhận là tôi. Tôi

giật thót tim: giấy gọi vào học trường trung cấp sư phạm! Tôi chạy ào qua vườn, qua đồng vắng, băng trên những chà gai xấu hổ, xộc thẳng vào phòng chị Nga. Chị đang ngủ, vầng trán thanh tú của chị giãn ra nhẹ nhõm. Dưới lớp chăn mỏng cùng với nhịp thở đều đều, vòm ngực nhỏ bé của chị cũng nhịp nhàng dâng lên, hạ xuống thanh bình. Tôi đứng lặng đi trong một giây, giùng giăng, nửa muốn xộc vào đánh thức chị, nửa muốn quay ra. Sau cùng tôi xoay bước, khẽ khàng không làm động giấc ngủ trưa thanh thả, hiếm hoi của chị. Tôi vừa quay ra thì có tiếng chị:

-Này, nhà thơ! Em có chuyện gì thế?

Tôi ngoảnh lại và thật kinh hoàng khi nhìn thấy một bên vai áo chị trể xuống, một vòm ngực sáng và mịn như được nặn bằng đất sét thạch cao màu ngà lóe lên. Tôi từ từ tiến đến, chìa ra trước mặt chị cái giấy báo nhập học. Chị hất mái tóc ra sau, xốc lại áo, rồi nắm tay tôi, kéo ngồi xuống bên cạnh. Chị đọc xong, liếc nhìn tôi, mỉm cười:

-Mừng không?

-Em cũng không biết nữa. Chị có mừng không? Là em hỏi cái ngày chị nhận giấy báo nhập học, chị có mừng không?

-Thích lắm. Nhưng chị lại thương bố. Chị đi rồi bố ở nhà một mình...

Tôi hào hứng:

-Em chẳng phải nuôi ai. Thế mới thích. Ừ mà em mà lại làm được thầy giáo, chị nhỉ?

-Làm được chứ có gì mà không làm được. Ở nhà, đã ai biết chưa?

-Chưa!

-Về đi, về báo cho bố em biết!

Lần đầu tiên tôi được đi ra khỏi cái làng Sơn Cốt bé bỏng và đầy những nghịch cảnh của mình. Theo lời dặn trong giấy, mẹ tôi phải bán hơn bốn chục cân thóc, lấy giấy chứng nhận của phòng lương thực huyện đem lên trường ăn gạo nhà nước. Cũng theo lời ghi chú trong giấy báo, học sinh phải đem theo một loại vũ khí thô sơ: dao găm hoặc mã tấu, tôi lôi ra thanh kiếm cùn trong đồng đồ nghề thợ bạc của ông ngoại tôi. Màn đi mài lại cho đến sáng loáng. Tôi được mẹ sắm thêm cho một cái quần gụ may theo kiểu chân què. Khốn nỗi, phiếu vải không còn, mẹ mua ngoài chợ của ai đó một tấm vải đầu cây, còn ghi những con số khó hiểu đánh dấu mẫu mã của xúc vải. Chỗ ấy được bà An may xuống gấu quần, những hàng số bằng sơn màu vàng, không thể nào giặt sạch trông như số của người tù. Kệ nó, tôi tự nhủ! Trước ngày lên trường chị Nga ngồi với tôi một

buổi chiều, chị dặn dò từng li, từng tí, ăn ở ra sao, nói năng thế nào, những thầy nào, cô nào, tính khí ra sao chị cho tôi nghe bằng hết.

Đến lúc tôi đem ra khoe với chị cái quần có số, chị cười:

-Em mặc vào cho chị ngắm xem nào!

Tôi vào trong buồng một lúc rồi trở ra lũng thùng trong cái quần có số màu gụ, chị Nga tự dưng cứ rũ ra mà cười:

-Trông em như người Cao Lan ấy. Thôi, không sao, càng đỡ phải giặt xà phòng...

Nhìn tôi lúc đó, chắc phải buồn cười lắm. Nặng bốn mươi một cân, cao một mét bảy mươi, diện một cái quần "âm lịch" có đánh số dưới gấu, lệch thếch cái hòm gỗ - nguyên là cái hòm đựng xà phòng của Liên xô và lũng lảng bên hông một thanh gươm... ra đi học làm anh giáo, gỗ đầu trẻ. Và đúng như ước muốn của tôi, tôi học ban xã hội với các môn văn-sử-địa.

Đến nửa năm thứ ba, nghĩa là còn một học kỳ nữa, qua một đợt thực tập là ra trường, tôi đã kịp hình dung ra tôi, một anh giáo làng, cần mẫn và an phận. Nhưng, một hôm người ta đánh xe ô tô đến, họ chở nào cân, nào túi thuốc, nào bảng chữ cái khám mắt đến dựa ngổ ngang cạnh các gốc cây. Tỉnh đội đến khám sức khỏe, tuyển bộ đội! Chúng tôi được thông báo, và được gọi đến khám tuyển. Tôi đã trúng tuyển ngay lần khám đầu! Dĩ nhiên là chúng tôi rất hào hứng. Lòng hân hoan, những miền đất xa xôi, đầy hứa hẹn và lảng mạn đã cuốn hút tôi, mà không hề hình dung ra những gian nan, cực khổ của cuộc chiến tranh đang chờ đợi.

Trong khi tôi đang hí húi viết những giòng lưu niệm cho bạn bè thì nhận được thư chị Nga. Chị lấy chồng! Tôi phải về, phải về ngay! Không thể nào chần chừ được nữa. Lúc này, tôi đã đủ lớn, đủ sức suy nghĩ để hiểu rằng, không có hạnh phúc nào lớn lao bằng tình yêu đôi lứa. Rằng, người con gái phải lấy chồng, họ phải có một gia đình riêng, một cuộc sống riêng. Nhưng sao, lại là chị Nga của tôi? Chị lấy ai? Người chồng của chị có yêu chị không? Chị có yêu anh ta không? Và, cả tôi nữa, anh ta có làm cho tôi yêu mến không hay cũng lại là những tay đàn ông đầy lòng tự ái, vũ phu, gia trưởng và ngu xuẩn mà tôi đã thấy? Cái cảm giác mất chị tràn ngập trong ý nghĩ. Buổi chiều, tôi ra nhà bố Tiểu, - bố nuôi tôi, theo quy định của nhà trường, chúng tôi kết nghĩa làm con nuôi một gia đình nào đó trong địa phương nơi trường đóng chân, tôi làm con nuôi ông bà Tiểu người Thái Bình lên khai hoang - mượn được một chiếc xe đạp cũ kỹ.

Suốt đêm ấy, từ nơi trường sơ tán, tôi đạp xe gần một trăm cây số về dự đám cưới chị Nga.

Khoảng gần mười hai giờ đêm tôi về đến nhà. Trời lạnh, gió tạt cắt da, nhưng hai bên tai tôi lúc nào cũng nóng phừng phừng. Bố mẹ tôi ngạc nhiên lắm khi thấy tôi về nhà vào nửa đêm thế này. Tôi bảo:

-Con đi bộ đội đây! Trên trường họ khám, con trúng rồi.

Mẹ tôi lo lắng:

-Thật không con?

Bố tôi không nói gì, ông lặng lẽ bước ra sân, ngoài ấy một màn sương trắng đục đang la đà, tràn ngập vườn tược, cây cối. Lát sau, bố tôi vào nhìn tôi:

-Được về mấy ngày?

-Con trốn về. Xe đạp con mượn của bố Tiểu... Trưa mai con phải lên để kịp ra tỉnh đội tập trung!

-Sao không cho con người ta về nhà gặt gở, chia tay với gia đình?

Làm gì mà gấp gáp cứ như là bắt lính thế hở con? Mẹ tôi đặt đứa em rồi trở dậy cứ đứng nhìn tôi trân trân.

-Con không biết nữa! Thời chiến mà. Thôi con ngủ một tý đây. Bố mẹ cũng đi ngủ đi.

Tôi ra giếng ngó sang nhà thầy Hoan. Bên ấy vẫn còn sáng đèn. Tôi muốn lao vào mà ôm chầm lấy chị Nga quá. Nhưng nghĩ thế nào, tôi vào nhà chui vào chăn với thằng em. Tôi vui chăn kín đầu, còn nghe tiếng bố tôi:

-Ở nhà mai dự đám cưới chị Nga đã chứ!

Tôi vùng ra:

-Lấy ai hả thầy?

-Thằng Kỳ, con nhà Tuân!

Tôi lặng lẽ hạ gối xuống. Một làn khói từ đâu kéo đến cay gắt mắt tôi. Trên bàn thờ, ba nén hương cháy đỏ, bố tôi đã thắp lên từ lúc nghe tin tôi nhập ngũ.

Sáng hôm sau là ngày dẫn dâu, tôi sang nhà thầy Hoan từ sớm. Chị Nga vẫn còn gánh nước tưới su hào ngoài bãi, nhìn thấy tôi chị lắc đầu:

-Lạnh quá! Em về tối qua à?

Tôi không nói, lặng lẽ cầm lấy cái chổi quét một vũng sân. Thầy Hoan ho dưới bếp. Không khí ảm đạm cho mãi đến khi bạn bè của chị Nga, là các thầy cô giáo kéo đến lục tục. Đám phụ nữ lôi chị Nga vào trong buồng, còn tôi pha nước bóc thuốc mời cánh đàn ông. Tôi

thèm nói chuyện với chị Nga quá, nhưng chẳng còn một phút thời giờ nào dành cho tôi. Khi nhà trai đến, chú rể là anh Kỳ, một người cùng xã với chúng tôi. Chị Nga từ trong buồng bước ra, tôi thấy đôi mắt chị ngấn nước. Và, cái áo chị mặc ngày đi lấy chồng vẫn chỉ là cái áo chị mặc khi lên lớp. Sao chị không mặc cái áo mà chị đã mặc hôm lên đời tìm tôi? Cái áo trắng, pha màu biếc của ánh trăng mà tôi mới chỉ thấy một lần. Tôi đứng dựa cột chòm dằm trong tiếng ồn ào, lao nhao tiếng cười nói của hai họ. Khi chuẩn bị theo chồng, chị nhìn xung quanh như kiếm tìm ai. Tôi rời cây cột đến trước mặt chị. Chị nắm lấy tay tôi:

-Em đưa chị đi chứ?

Tôi lắc đầu:

-Em không đưa chị đi được đâu. Mười hai giờ trưa em phải về trường rồi...

-Có chuyện gì gấp thế?

-Em về từ biệt chị. Sáng mai, em phải có mặt để xe chở lên tỉnh đội. Em... nhập ngũ!

Bất ngờ chị ném cái khăn mù soa vào tay một ai đó, hai tay chị nắm lấy cổ tay tôi, nghẹn nức. Mãi sau chị mới nói, rất nhỏ:

-Ừ thôi, em đi đi, chân cứng, đá mềm... Chị chẳng có gì tặng em !

Tôi đẩy nhẹ chị ra:

-Em cũng thế, chẳng có quà mừng ngày chị đi lấy chồng. Đây... tôi móc trong túi ngực áo, em có mấy đồng bạc người ta cho em để nhập ngũ, chị cầm lấy...

Tôi bỏ nửa chừng câu nói, nghẹn ngào quay lưng bước ra ngoài.

Tiếng chị Nga gọi tên tôi phía sau, rất nhỏ nhưng day dứt quá. Tôi về nhà chào bố mẹ rồi vác xe ra cổng đập mả miết... Và, tôi cũng không ngờ rằng, chúng tôi xa nhau từ ngày ấy mà phải đến tận hai mươi bảy năm sau, khi cả hai chị em đã luống tuổi mới lại được gặp nhau!

Cánh Đồng Lưu Lạc

ĐOẠN 3

Trở lại phần đầu câu chuyện, tôi có kể là lúc tôi ở chiến trường ra, thăm thầy Hoan thầy ở một mình.

-Tôi mới nhận sổ hưu được mấy tháng nay. Định cải tạo cái vườn trồng ít quýt hồng bì và hồng xiêm. Cô Nga cô ấy xin đâu được hai cây giống, tôi mới trồng góc kia...

-Thế còn cây si, cây si to thế bây giờ đâu rồi ạ?

-Cây si ấy đáng lẽ là của tôi, nó mọc trên đất tôi. Nhưng người ta bảo của xã. Thế rồi tự dưng nó héo cành, úa lá, rụng xuống đen thâm cả nước ao. Họ chặt năm ngoái rồi!

Tôi nao nao nuối tiếc về những kỷ niệm tuổi ấu thơ của mình. Cái gốc si già tua tủa những chùm rễ, như một bộ râu con quái vật. Khi tôi còn bé độ sáu bảy tuổi, mẹ tôi thường "quăng" tôi sang nhà chị Nga để mẹ đi làm đồng. Những lúc ấy, khi tôi khóc đòi mẹ thì chị Nga trèo lên cây si, vạch một chùm rễ, ngó xuống ao. Ở đấy hiện ra cái gì?

-Có nàng tiên con gái vua Thủy Tề, em biết không?

-Có giống Nàng Tiên trong câu chuyện bác Hoan kể không hả chị?

-Giống! Nhưng cơ mà đẹp hơn nhiều.

-Cho em xem với! Tôi nhõng nhẽo.

-Lên đây! Chị gọi tôi và đưa bàn tay ra vẫy vẫy.

Tôi trèo lên nhìn theo chị. Nhưng tôi đâu có thấy Nàng Tiên:

-Tiên đâu chị Nga?

-Kia kìa!

Tôi chỉ thấy bóng chị Nga, một cô bé mười ba tuổi, gầy và xanh. Một trái si rụng xuống làm lan những vòng sóng. Bóng chị Nga lung linh, lung linh... tỏa sáng dưới ánh nắng trưa lọt qua vòm lá si xanh ngắt. Và tôi òa khóc!

Câu chuyện về một người con gái đẹp vì thất tình nên phải tự tử dưới gốc si già này. Cái chết oan khiên và tức tưởi của cô làm cô không nguôi nhớ trần gian. Thỉnh thoảng cô vẫn hiện về với khuôn mặt sưng vù, đỏ rực hận tình. Cũng có khi cô hiện ra an ủi những nỗi buồn, những ước mơ bị tan vỡ của ai đó. Câu chuyện do nhiều thế hệ thêu dệt đã làm cho trái tim non nớt của tôi hốt hoảng. Nhiều năm sau này, khi lớn lên, tôi vẫn còn nhớ mãi khuôn mặt chị Nga hôm ấy... xanh xao, yếu ớt và thật bí hiểm. Và nếu quả là tương truyền có thật, vong hồn người thiếu nữ chết yếu kia bây giờ trú ngụ nơi đâu?

Chị Nga lấy chồng rồi vẫn vừa đi dạy học, vừa làm dâu. Nửa năm sau anh Kỳ cũng nhập ngũ. Thế là gia đình nhà ông lão Tuấn bắt chị phải nghỉ dạy để ở nhà làm ruộng, trông nom bố mẹ chồng. Chị Nga im

lặng, không cãi lại, hoặc phân bua nửa lời, âm thầm về làm người nông dân. Công việc đồng áng đã làm chị sụm xuống, đôi mắt lúc nào cũng nhìn xuống bàn chân, hoặc có khi ngó mã đầu đầu, xa xôi, hy vọng và cả tuyệt vọng. Ai cũng bảo chị đang thương nhớ chồng. Tuy là người cùng làng nhưng khi còn ở nhà tôi không biết nhiều về gia đình anh Kỳ. Chỉ biết nhà anh có ba chị em, hai chị gái lấy chồng thiên hạ. Anh Kỳ là con trai một nhưng không phải duy nhất, nên tuy không thuộc diện miễn bộ đội nhưng mấy năm qua anh cũng thuộc diện tạm hoãn. Thời loạn ly, trai tráng ra trận hết, những người còn lại trong thôn chỉ toàn là ông bà già, phụ nữ và trẻ con... anh Kỳ nổi lên như một nhân vật quan trọng của địa phương chúng tôi. Anh là phó chủ nhiệm hợp tác xã, là bí thư chi bộ. Lần này, sau khi cưới vợ, anh xung phong một cách quyết liệt vào bộ đội. Oái oăm thay, và cũng tủi phận thay, anh Kỳ hy sinh ở chiến trường Tây Ninh sau một năm thì có giấy báo tử về làng. Đáng lẽ như bao nhiêu người phụ nữ làng tôi, nước tôi, chị Nga đã lặng lẽ sống một cuộc đời chinh phụ góa bụa, an phận thủ tiết. Trong đời người, giông gió như thế là quá đủ lắm rồi, nhưng... vào một đêm thu, trăng già, gió nhẹ thôi nhưng rất lạnh, heo may lảng đãng, số phận lại khoác vào chị một lần cay nghiệt nữa...

Tôi tiếc là không biết chuyện tình yêu giữa chị Nga và Anh Kỳ ra sao. Có nhiều lúc tôi cứ tự hỏi hai người này có yêu nhau không nhỉ? Hai con người xa lạ thế, khác nhau là thế làm sao mà đồng điệu, mà hòa hợp được? Hay là có ai bắt, ai ép? Tôi thì nghĩ rằng thầy Hoan chẳng bao giờ ép con gái trong chuyện chồng con. Sau lần chia tay với chị Nga hôm đám cưới chị, tôi đi một mạch thẳng vào chiến trường, chị em không còn lúc nào để nói chuyện với nhau.

Sau khi có tin chồng hy sinh, chị Nga cũng không buồn hơn. Người ta chỉ thấy chị im lặng hơn và lơ đãng hơn. Chị đem tất cả những vật kỷ niệm của anh Kỳ gói vào một cái bọc nhỏ kê dưới đầu giường. Giấc ngủ mong manh của chị luôn bị đánh thức bởi những nỗi niềm. Có nhiều đêm chị thức trắng nghĩ ngợi về số phận của mình. Vào một đêm như thế, trăng già méo mó và lơ lửng trên cành xoan trước cửa buồng chị. Xa vắng đâu đó ngoài đồng bãi tiếng chó cắn ma từng chập, từng chập rộ lên. Chị Nga nằm quay mặt vào vách và từ từ chợp mắt. Bỗng chị cảm thấy có hơi thở lạ trong buồng. Chị rùng mình, co cứng người không dám ngoảnh lại. Hương hồn anh Kỳ, chồng chị trở về! Chị tin là thế. Chị tin là người ta có những ràng

buộc với nhau, không chỉ một cõi nhân gian chật hẹp trong cái làng Sơn Cốt của chị, mà cả cõi đời này, đã nợ nần nhau dù một ngày cũng thành tình, thành nghĩa. Miệng chị khô đắng và cái nóng âm ỉ từ đâu chảy về. Nó bắt đầu từ trong sâu thẳm của ruột gan, rồi lan tỏa ra khắp cơ thể. Đây không phải là lần đầu tiên chị có cái cảm giác ấy. Càng về sau, nhất là từ khi anh Kỳ có giấy báo tử, chị Nga càng có những giây phút lạ lùng như thế này. Chị cố nằm im, nhắm chặt hai mắt, mà để cho lòng dạ trôi nổi về mãi tận những miền ký ức xa xăm. Nhưng hôm nay, hơi thở lạ càng như có thật chứ không phải mơ hồ do chị tưởng ra. Chị từ từ mở mắt và trong ánh trăng héo hắt chiếu lên vách đất, một cái bóng to lớn, chập chờn, và im lặng như đang nhìn xoáy vào cơ thể chị. Chị vùng dậy và hét lên một tiếng kinh sợ. Cái bóng giật mình lùi lại, thều thào:

-Thầy đây mà... vợ Kỳ! Thầy đơ..ây!... Đó là cái bóng của ông lão Tuân, bố chồng chị.

Thoát khỏi cái cảm giác hãi hùng, chị Nga rơi nhanh chóng vào tâm trạng thất vọng. Chị lần tay lên đầu giường lần tìm bao diêm. Không biết có phải do vội vã cuống quýt hay không mà chị không thấy cái bao diêm đâu, chị đụng phải cái gói chắt đầy kỷ niệm của chồng. Tiếng động loạt xoạt làm ông lão Tuân lo lắng.:

- Con ơi!... Con làm gì thế?...

Tìm thấy cái hộp vuông vuông hăng hắc mùi lưu huỳnh, chị Nga như muốn hụt hơi:

-Con tìm bao diêm để thắp đèn.

-Đừng! Con ơi, thầy muốn nói chuyện với con trong ánh trăng như thế này!

Tự dưng cái cảm giác ghê rợn tràn đến, ào ào, lũ lượt, như một đàn lươn, đàn trạch, nhót nhát, tanh tươi. Ngày thường chị Nga một mực tỏ ra cung kính, không bao giờ trò chuyện tay đôi với bố chồng. Chỉ một lần duy nhất, là sau hôm báo tử anh Kỳ một vài ngày, chị xin phép được nói với ông:

-Từ ngày con về làm đau thầy u, xin thầy cho con biết con có điều gì không phải với thầy u, với các anh các chị, bên nội , bên ngoại nhà chồng con không?

Ông Tuân kinh ngạc nhìn con dâu:

-Chết! Sao con lại hỏi thầy câu ấy? Hay là...

Ông lão bỏ lửng câu nói. Chị Nga ngược cặp mắt buồn bã trống rỗng lên nhìn ông lão:

-Không! Con mất chồng, con đau một, thầy u mất con thầy u đau mười. Nay con đã thành người góa bụa, con không dám trách ai. Con muốn hỏi thầy câu ấy, để thầy chỉ bảo cho con sống nốt những ngày làm dâu con trong nhà.

Ông lão Tuân thần thờ:

-Thôi thì cái số thẳng Kỳ nó mỏng. Khổ thân con, khổ thân thầy.

Người ta có năm có mười thì lành, thầy chỉ có một, lại vớ...

Ông lão Tuân khóc nức lên thành tiếng, tiếng khóc của một người đàn ông, lại đã có tuổi, từng trải, nghe nó não lòng hơn nhiều lần những tiếng khóc khác. Hai người, ông lão Tuân và chị Nga, hai bố con hai thế hệ, nhưng có cùng nỗi đau mất người thân. Chính chị Nga, cũng cảm thấy bấy lâu nay mình chỉ cung cúc tận tụy làm người phục dịch trong nhà. Chị chưa hề cởi mở tấm lòng mình. Sau nỗi mất mát này, chị thấy mình cần phải làm cho mọi thành viên nhích lại gần nhau, kết nối với nhau thành một cái mảng, phập phù trong những tháng ngày giông bão. Chính vì thế, mới có cuộc trò chuyện, và tiếng hờn thảm thiết của ông lão Tuân. Chị Nga ngồi hai tay đặt trong lòng đầy an phận im lặng chờ cho bố chồng bớt tiếng khóc. Mà sao chị không khóc nhỉ? Chị đã khóc một mình, đã cạn nước mắt. Chị không chỉ khóc về phận mất chồng, mà chị còn khóc cho những cái khác, mờ mịt hơn ở mãi tận đâu đâu mà chính chị cũng không thể nào biết được. Mãi lúc sau chị lên tiếng:

-Thôi, thầy ạ. Khóc cũng chả làm cho anh ấy trở về được nữa. Con chỉ nghĩ thương u...

-Thầy hỏi con câu này, là hỏi vậy thôi, chứ thầy không có ý gì đâu. Với lại chỉ nghe thiên hạ họ giảng ca...

Chị Nga cúi xuống nhìn vạt áo:

-Người ta đồn sao ạ, xin thầy cứ nói?

-Người ta bảo, có lẽ con... đi bước nữa?

-Ai mà ác mồm thế?

Ông lão Tuân gằn như reo lên:

-Thế không phải hả con?

-Lạy thầy, con không phải là người ăn ở hai lòng. Tuy con không có mẹ, bố con một mình gà trống nuôi con, nhưng là nuôi dạy của người có chút ít chữ nghĩa. Con về làm dâu thầy mẹ, sống là người trong nhà, chết làm ma trong họ, nếu thầy u còn thương, còn coi con là con.

Ông lão Tuân lại quay đi ngậm ngùi:

-Thôi người ta nói mất con, còn rể, nhưng thầy còn có phúc, mất con trai, còn con dâu.

Ông lão Tuân là người từng trải, con người quắc thước. Ở vào tuổi ngoài ngũ tuần, sự tráng kiện đã phai, có phần tàn lụi, nhưng sức vóc vẫn còn mạnh mẽ. Bà mẹ chồng, sau cái tin con trai hy sinh bà nằm liệt giường ngay. Mọi sự ăn uống, vệ sinh, tắm giặt... đều tại một chỗ, đến nỗi, ông Tuân phải thu xếp một góc nhỏ dưới nhà ngang, cho bà nằm. Công việc đồng áng của chị Nga vốn đã chất ngất, giờ lại thêm bà mẹ chồng, làm cho chị phải luôn chân tay, đầu tắt mặt tối.

-Con xin thầy, có chuyện gì để mai hãy nói.

-Con ạ, thầy nghĩ mãi rồi, thầy phải nói với con ngay bây giờ! Con ơi! Vợ Kỳ ơi, thương thầy với...

Tiếng ông lão Tuân chìm hẳn xuống, lạc đi mãi đâu đâu. Nhưng nghe ra, có một cái gì nữa, như thể tiếng rạ rơm quẹt vào vách nứa. Nói xong câu này, lão Tuân ghé ngời vào giường con dâu. Chị Nga thừa thông minh để đoán biết, nếu như trong tình huống khác. Đằng này ông lão cứ lảo đảo, rõ ràng ông kiệt sức lắm rồi. Tuy thế, chị cũng ngời lui vào tận góc giường. Cảm giác lạnh buốt đầu đó trong người chạy ra bủa lấy hai bàn tay chị:

-Thầy ơi, đêm hôm khuya khoắt này, thầy làm thế này, con thấy...

-Con ngồi lại đây, ngồi lên cho thầy lấy, rồi thầy mới dám xin con...

-Đừng! Con van thầy!

Trong bóng tối lơ mơ, ông lão Tuân quỳ sụp xuống vái liền mấy cái. Chị Nga cắn chặt hai hàm răng lạnh vào nhau, run bần bật. Chị muốn đứng dậy nhưng không nổi. Chị muốn òa khóc, nhưng không mở miệng ra được. Ông lão lấy con dâu xong thì chồm tới phía trước, hai tay ông quờ quạng và túm được một bên ống quần chị Nga:

-Thương thầy với, con ơi!

Chị Nga run rẩy cố đẩy ông bố chồng ra, nhưng ông lão Tuân đã úp mặt vào chân chị:

-Thầy xin con, Nga ơi! Thằng Kỳ chết đi, giòng họ Trần nhà thầy thế là tuyệt tự. Phải chi, trước lúc nó ra trận, con giữ lại cho nó, cho thầy, cho giòng họ này một hòn máu. Hu... hu...!

Chị Nga đau đớn lắc đầu trong bóng sáng từ cửa sổ hắt vào của quầng thái âm nhợt nhạt:

-Con không biết làm thế nào. Không biết có phải lỗi tại con không?

-Không! Con không có lỗi. Con thương ta, cho ta một đứa cháu, một

đứa con nổi dỗi...

Chị Nga càng lắc đầu tuyệt vọng:

-Nhưng con đã không làm được như thế. Thày bảo phải làm sao?

Ông lão ngẩng lên, một khuôn mặt đầm nước mắt hòa trộn vào ánh trăng đã vào hồi thiếu sáng:

-Được chứ! Con bằng lòng cho thày nhá, cho thày một đứa con. Một đứa con thay vào chỗ thằng Kỳ, vào chỗ con thằng Kỳ!

-Không! Không! Khô... ông...

Chị Nga thét lên bằng những cung bậc khác nhau, nghe như tiếng rít lên phần uất của cây đàn mà người nhạc công tạo hóa vuốt ngược sợi dây định mệnh. Hai chân chị co lại, giẫy giụa như đứa trẻ hờn dỗi. Ông lão Tuân chồm tới, bằng một sức mạnh cuối cùng của lòng quyết tâm cao độ và của sự khát thèm thôi thúc. Tự dưng chị Nga im lặng, thở dốc, những giọt nước mắt đắng cay tứa ra. Ông bố chồng cảm thấy một sự thỏa hiệp ở phía người đàn bà đang vào độ mặn mà phì nhiêu mà phải héo hon dần theo thời gian cay nghiệt. Ông van vỉ con dâu:

-Nhá! Nga ơi, con hãy thương thày với... Không ai biết chuyện này đâu!

Bất thần, chị Nga vùng dậy xô ông lão ngã lăn ra giữa nền buồng. Rồi như không nhìn thấy gì, chị nhắm mắt lao ra phía cửa và cứ thế, nhắm hướng cánh đồng Lưu Lạc mà chạy. Dưới chân chị, đất dới ải vỡ ra lạo xạo. Những con nhái ăn đêm bị đánh động chạy tán loạn. Tiếng gió lùa ào ạt trong tai chị, hòa lẫn với tiếng chó sủa nhăm nhắng trong làng, làm chị Nga càng chạy khỏe. Dưới lớp sương mờ và ánh trăng già càng về khuya càng sáng, người đàn bà đầu tóc xổ tung rũ rượi, trong bộ quần áo trắng ướt đầm mồ hôi và sương sa, chị như lướt đi vào cõi hoang mang. Chị Nga chạy mãi mà không biết đến đâu rồi, cho đến khi một bụi dây bìm bìm giăng xấp mình xuống đất, chị mới nắm vật ra. Có tiếng ong ong trong lòng đất, như những tiếng ru ai oán khiến chị dần tỉnh lại. Xa xa trong làng có tiếng gà gáy gọi nhau. Nước mắt chị Nga chan hòa cho thân phận chị, cho hương hồn anh Kỳ chồng chị, cho cả sự trớ trêu của người chinh phụ. Chị kêu lên một tiếng thảng thốt, ngậm ngùi:

-Mẹ ơi!

Đến đây xin bạn đọc vui lòng cho tôi rẽ ngang câu chuyện một chút, để tôi được kể về tôi. Kể về tôi sau khi nhập ngũ, trải qua ba tháng

huấn luyện ngăn ngủi và chỉ kịp bắn bia số bốn, bài một rồi vào một đêm trăng sáng lạnh ngăn ngắt, chúng tôi lên tàu ở ga Sen Hồ vào Nam. Không phải không còn lẳng mạn, nhưng đói và cực, mệt mỏi đã làm tôi nhiều lúc ngồi một mình ứa nước mắt. Chết ư? Dễ thôi. Chỉ cần một quả bom rơi, một viên pháo lạc, một cái sảy chân bên bờ dốc thẳm, một cơn co giật của bệnh sốt rét ác tính... cũng là chết rồi. Thực ra lúc ấy, nghĩ đến cái chết nó nhẹ lắm cơ. Có thể bây giờ có người không tin, nhưng cứ thử hình dung mà xem, một thân một mình, chẳng nợ ai, ai nợ... thì có gì mà vương vấn. Với cha mẹ đẻ ra mình thì cầm bằng hòn máu đánh rơi. Cầm tấm vải liệm quân nhu phát cho nhét vào đáy ba lô để phòng mọi tình huống, tình huống xấu nhất, tình huống cuối cùng, mà không thấy sợ, không thấy rủi ro, sui sẻo, thế là được rồi. Anh đã hoàn toàn là anh lính chiến. Bom đạn rồi cũng quen đi. Chỉ có gian khổ, đói và nổi cực nhọc hành hạ thân xác từng phút, từng giờ là giày vò con người. Nổi nao lòng, nhe dạ rất thường khi ở chỗ này... Bây giờ, khi chúng ta đã có một gia đình, một đàn con, một trách nhiệm không thể trút bỏ được, nên nghĩ đến một khi chúng ta không còn trên cõi đời này nữa, để cùng chia sẻ, cùng gánh vác mọi nỗi niềm, mà chủ yếu vẫn là những nỗi oan nghiệt trái ngang, thì vợ con ta, cha già, mẹ héo của ta sẽ đau khổ biết nhường nào? Ấy, cứ nghĩ thế mà lặn lưng ra mà cày, mà cuốc, mà kiếm tiền, mà sống.

Mấy năm đánh nhau có lúc được, lúc thua, có khi thừa thắng xông lên, có khi cầm cổ chạy dài... Chiến tranh, đó cũng là cái thường tình. Cố mà đi đến chỗ cấp trên báo, cố mà lao vào chỗ cấp trên ra lệnh, cố mà sống đến ngày mai. Rồi ngày mai nữa, được ngày nào hay ngày ấy... Đấy, đại khái là như thế. Nhưng mỗi đứa lính chúng tôi không chỉ có những lúc đánh đấm, bắn giết và cầm đầu chạy. Phút giây im lặng trong chiến tranh nhiều lắm, rất nhiều, đó mới lại là lúc gặm nhấm tâm hồn mỗi thằng lính chúng tôi. Trong cả một khoảng dài máu me, khét lẹt ấy, không mấy lần tôi không nhớ về chị Nga của tôi. Cuốn sổ tay mà Thu, người yêu tôi tặng tôi khi chia tay, ghi những nhật những giòng lưu niệm của bạn bè, nhưng vẫn còn một khoảng trống khá dày trang. Tôi ghi nhật ký, không ghi dài được.

30.4- Mệt. Hình như sốt. Uống liền bốn viên nivaquin.

1.5- Thằng Mão tụt lại. Thấy trên cây săng lẻ Binh trạm 32 có khắc cơ man những dòng chữ nguệch ngoạc, tên họ quê quán của những người lính đã đi qua đây. Có dòng Hà Đức Mẫn, Phổ Yên, Bắc Thái.

10.5- Gửi thư cho Thu và chị Nga. Sao chị Nga lấy chồng vội quá nhỉ? Nhanh thế! Chị bảo chị không lấy chồng kia mà? Giá chị ít tuổi nhỉ! Ít đi vài ba tuổi thôi. Thu trắng hơn chị Nga, và có vẻ yếu ớt hơn. Giá được vùi mặt vào lòng Thu, trong lúc này như chị Nga nhỉ! Chiều nay gặp một đoàn người đi ra, toàn là trẻ con và phụ nữ. Có mùi gì lạ lắm...

2-6. Cả một đoàn quân dài dặc chuyển tay nhau từ dưới lên trên cái xu-chiêng!

8-8. Khương Đức Duy chết rồi. Một quả đạn AT do chính tay nó gài chống ăn cắp kho quân lương.

Vân vân...

Những dòng nhật ký đại loại như thế mà rồi cũng kín hết chỗ giấy còn lại của quyển sổ. Tôi lại ghi tiếp vào cuốn khác. Những mẫu chi tiết, sự kiện, cảm nghĩ như thế cứ nối nhau, nhưng không phải lúc nào, chuyện gì, hay ý nghĩ ra sao tôi cũng ghi được. Rồi cuốn sổ cũng chẳng còn, một cuốn bị cháy mất, một cuốn phải nộp cho chính trị viên đại đội. Cuốn sau cùng những thằng bạn tranh nhau xé làm giấy cuốn thuốc lá Tà Ôi.

Cho đến một ngày cuối tháng mười năm bảy hai, khi trên đài phát thanh chúng tôi nghe được lời tuyên bố của chính phủ ta phản đối Mỹ lật lọng không chịu ký một hiệp định hòa bình. Tiếc ngẩn ngơ, một cơ hội hòa bình bị mất đi, chiến tranh sẽ còn kéo dài... dài đến bao giờ? Lại âm thầm làm phận sự người lính của mình và chờ đợi. Thế rồi cái ông Richard Nixon trúng cử tổng thống Mỹ một nhiệm kỳ nữa, nghĩa là bom, đạn, lính Mỹ tiếp tục cày phá đất nước này.

Chiều hôm ấy, ngày Hiến chương quốc tế các nhà giáo 20-11, một buổi chiều khá thanh thản. Tôi một anh giáo nửa mùa, nhưng sao cứ âm ỉ nhớ về cái ngày ấy. Và rồi băng khuâng tơ tưởng về quê nhà, nơi ấy có cha mẹ, có các em tôi. Nơi ấy còn có Thu của tôi, có thầy Hoan và chị Nga! Tôi lặng lẽ ra bờ suối ngồi một mình để một mình kỷ niệm về cái ngày của mình. Liệu tôi có còn kịp trở về để được làm một thầy giáo làng gõ đầu trẻ nữa không? Không còn nhật ký, không còn cả bút mực mà viết một cái gì đó, một dòng chữ gì đó cũng được. Tôi thả ý nghĩ lang bang trong buổi hoàng hôn rừng rú, tiếng ì ầm của máy bay C.130, tiếng nổ cuối tầm của đạn pháo xen lẫn tiếng rì rầm của thác suối. Và ve, tiếng ve đầu mùa khô trong rừng khộp nghe như có cả tiếng kim khí của một loại khí nhạc đơn điệu độc một giai điệu trung tính, không ra trầm, không ra bổng, chẳng rõ vui hay

buồn. Có tiếng chân người đạp trên lá khô rụng xào xạc sau lưng. Tôi ngoảnh lại, thẳng Tiến hào hứng:

-Này nhà thơ! Mày có người tìm!

-Ai tìm? Anh Ngữ à?

-Không phải. Một người lạ, nhưng biết mày, từ Binh trạm xuống...

Tôi ngạc nhiên hỏi Tiến:

-Có phải cán bộ quân lực không?

-Cứ về xem nào. Lúc nào cũng chỉ tưởng quân lực!

Tôi hỏi thế là vì, đã hơn một lần tôi được cán bộ quân lực xuống hỏi thăm, rồi sau đó là quyết định điều động. Từ công binh, sang thông tin, rồi bây giờ là pháo cao xạ. Ai mà biết được, trong chiến tranh nhiều cái bất ngờ lắm, và cũng nhiều cái bất trắc lắm. Người đàn ông từ lán anh Ngữ đứng dậy nhìn tôi chăm chăm:

-Cậu không nhận ra anh à?

-Dạ... em không biết anh...

Anh Ngữ, trung đội trưởng đổ vào:

-Người làng mà không nhận ra nhau à?

-Kỳ đây! Ở nhà đã biết nhau rồi mà.

Dưới bóng loạng nhoạng của hoàng hôn trong rừng thẳm, tôi vẫn còn đang nghĩ ngợi, không dám nói, thì anh tiếp:

-Kỳ chồng Nga, con rể thầy giáo Hoan đây!

-Trời ơi, anh Kỳ!

Tôi ôm choàng lấy anh mà lắc. Anh Kỳ đây ư? Tôi thật vô tâm. Mà đâu phải tôi chỉ vô tâm khi đứng trước mặt anh. Suốt từng ấy năm, trong ý nghĩ của tôi không hề có một tí tẹo nào dành về anh Kỳ.

Chồng chị Nga là một người không có thực trong tôi, nó giống như một cái tên gọi, được gán kèm vào đấy, ví dụ "Thúy Nga" chẳng hạn, mà tôi thì lại chỉ biết và chỉ chấp nhận ở chị mỗi hai chữ "chị Nga" mà thôi.

Tôi ôm anh Kỳ khá lâu, lúc rời anh, tôi mới nhìn kỹ thấy một người đàn ông vêu vao, đầu trọc lốc như người trong tranh hý họa. Tóc rụng đã đành, cả lông mày cũng không còn, nhìn anh thật sợ. Tôi xin phép anh Ngữ đưa anh Kỳ về lán tôi. Anh Kỳ lấy vớng của mình từ trong cái túi mìn clâymo ra mắc vào hai khúc cây gác ngang hai bên mái lán, nhún thử rồi ngồi xuống:

-Tôi ở ban quân giới, lúc sang làm việc với quân lực, nhìn ké danh sách tiểu đoàn 68, tình cờ thấy tên cậu. Hôm nay, nhân xuống làm việc với quân khí tiểu đoàn mới có dịp tìm cậu. Khỏe chứ?

-Vâng, em bình thường. Tôi vừa hí húi đun nước pha trà, vừa đáp.
Sao anh gầy thế? Trông phát hểi lên ấy!

Anh móc ra một bao thuốc lá RUBI quân tiếp vụ:

-Hút đi cậu!

Tôi thích thú ngắm nghía bao thuốc loại của quân đội Sài Gòn, có vẽ một người lính rằn ri đang xung trận với vẻ mặt đặng đặng sát khí trong tư thế một chân co, một chân duỗi trên lá cờ vàng ba sọc đỏ:

-Anh sang thế? Loại "chân co, chân duỗi" này chúng em có mà mơ!

-À, gặp cánh bộ binh đi ra, họ cho đấy mà.

Tôi cho trà "Thái Nguyên" - một loại trà làm ở Chợ Lớn được quản lý cấp - cho vào cái ca bằng i-nốc, dốc ngược cái bi-đông Mỹ đựng đầy nước sôi úp vào, rồi nhóm lên một tý cho nước ra ngấm trà. Tôi rót ra cái bát "B52" mời anh. Anh Kỳ bưng bát nước trà kề lên miệng rồi lại đặt xuống:

-Các cụ ở nhà nói thế mà thiêng thật. Cái hôm tôi lên đường, bà cụ nhà cậu dặn tôi là vào cố tìm em nó. Cả cô Nga cũng bảo thế. Không ngờ lại hóa thật. Tôi cứ nghĩ chiến trường thì mệnh mông, biết đâu mà tìm nhau. Thanh bình còn khó hướng chi là bom đạn như trấu vãi, lính tráng đâu có được tự do đi lại. Phải không cậu?

-Ừ mà anh cũng giỏi thật đấy. Anh đi năm nào?

Anh Kỳ uống cạn bát nước, châm một điếu thuốc nhả khói:

-Tôi nhập ngũ sau cậu một năm. À, tôi đã báo cáo với đại đội rồi, đêm nay anh em mình nằm với nhau một đêm. Sáng mai, các cậu đi nhận nhiệm vụ mới rồi.

Tôi leo lên võng nằm, mà bụng dạ nghĩ vẩn vơ. Không ngờ có lúc tôi với anh Kỳ lại nằm bên nhau trong khu rừng nguyên sơ này. Trong khoảnh khắc, tôi thấy mình cũng yêu yêu anh, yêu yêu một phần đời của chị Nga mà tôi không nguôi thương nhớ.

Cánh Đồng Lưu Lạc

ĐOẠN 4

Anh Kỳ kể:

-Sau khi cưới nhau được già nửa năm, chính xác là sáu tháng với mười sáu ngày, tôi nhập ngũ. Lần này do chính tôi xung phong, có người can ở lại chờ vợ có mang rồi hẵng đi cho chắc chắn có người

nổi dỗi. Nhưng tôi không nghe, bởi thấy nó cứ thế nào ấy. Cậu thấy không? Tất cả dù lý do chính đáng thế nào đi nữa, có hợp lý đến đâu, trong hoàn cảnh ấy đều không hợp tình. Ba tháng huấn luyện ở Phú Bình, vợ tôi có sang thăm hai lần, tôi tranh thủ xin về nhà được một đêm. Sau đó là đi B...

Cậu hỏi chúng tôi có yêu nhau không ư? Về phần tôi thì không cần nói cậu cũng hiểu. Một người con gái như Nga, theo tôi nghĩ, một của hiếm. Không phải tôi tự khen đâu, mà tôi là người hiểu được Nga, yêu Nga. Còn về phần Nga, tôi cũng không biết cô ấy có yêu tôi không? Yêu vì cái gì? Chắc cậu cho rằng đã là vợ chồng rồi, cái tình, còn thêm cái nghĩa, lại còn lục vấn nhau làm gì nữa? Nhưng những lúc gian khổ ác liệt như thế này, bên cạnh nỗi nhớ da diết, tôi cứ hay tự hỏi mình, rồi lại nhủ rằng nếu may mà còn sống trở về, thế nào tôi cũng hỏi Nga câu ấy.

Học hết lớp bảy tôi vào học trường trung cấp nông nghiệp tỉnh. Trường tôi sơ tán gần trường sư phạm chỗ Nga học, chắc cậu biết? Hồi bé tôi cũng là học trò của thầy Hoan, nhưng tôi không biết thầy có cô con gái là Nga. Một lần đi lên trường, tình cờ chúng tôi lại cùng đạp xe trên quãng đường dài và cùng ngồi nghỉ tại cái quán anh Gù ở Lương Sơn, vừa bán nước vừa bán vé xổ số. Hỏi ra mới biết người làng, Nga học năm thứ nhất, còn tôi sắp sửa ra trường. Thế rồi thỉnh thoảng, chúng tôi có gặp nhau, nhưng không hề có tình ý gì.

Sau khi tốt nghiệp khóa trung cấp cơ khí nông nghiệp, tôi được điều về xã nhà. Rồi Nga cũng về dạy ở xã. Tôi tiến bộ khá nhanh, vào Đảng, vào cấp uỷ rồi phó chủ nhiệm. Mấy lần tuyển quân, tôi đều được đảng uỷ xin hoãn cho ở lại vì lý do công tác và cha mẹ già không ai trông nom. Tôi say mê công tác, trước mắt là cái ghế bí thư xã đoàn đang chờ, cho nên cũng chưa muốn dính vào chuyện vợ con, mặc dù ông bà cụ tôi mong lắm, giục tôi bao lần. Và rồi tôi gặp lại Nga khi đến làm việc với ban lãnh đạo trường cấp II. Nga cũng nhận ra tôi ngay giữa đám đông các vị quan quyền hai bên, chúng tôi cứ như là hai kẻ tri kỷ lâu ngày gặp lại. Tôi đến thăm Nga, khi thì ở trường, khi thì ở nhà. Mỗi lần tôi đến nhà, thầy Hoan tìm cơ ra vườn không rõ là thầy muốn cho chúng tôi được tự do trò chuyện hay thầy không thích nói chuyện với tôi? Cứ thế, nửa năm sau tôi đặt vấn đề với Nga:

-Nếu em không chờ đợi ai, anh muốn ngỏ lời lấy em làm vợ?

Tôi nghĩ thế nào Nga cũng phản ứng, hoặc là bùng nổ chối từ, hoặc

là e lệ chấp thuận. Nhưng không, Nga thản nhiên cười với tôi:

-Em không chờ ai, không hẹn ai, từ trước đến giờ, và kể cả từ giờ về sau!

Lồng ngực tôi bỗng trống trải và lạnh toát. Rồi sau đó lập tức cơn tự ái bùng lên. Trong một cái làng bé nhỏ như cái làng Sơn Cốt của chúng ta, có biết bao cô gái trông ngóng hy vọng vào tôi, vào một con người vừa khỏe mạnh, sáng sủa, lại có chút ít chúc vụ. Vậy mà một cô giáo cấp hai, đẹp nhưng không sắc nước hương trời, lại không có mẹ, không biết mẹ là ai, dám từ chối lời cầu hôn của tôi? Vậy ra tôi không xứng đáng với cô ấy ư?

Anh Kỳ ngồi dậy, châm một điếu thuốc, rồi im lặng. Tôi dè dặt:

-Em biết!

-Cậu biết gì? Anh ngạc nhiên hỏi tôi.

Tôi định nói: "Em biết chị Nga có một lời nguyện!" nhưng không hiểu sao tôi lại nói lảng:

-Em biết tính chị Nga, ngang bướng từ bé, có lẽ tại được thầy Hoan chiều!

-Không phải! Nga không được chiều chuộng, mà trái lại, cuộc sống của cô ấy khắc khổ từ tuổi thơ, bên cạnh một người cha khắc khổ. May mà cơn tự ái của tôi không bùng ra thành lời nói. Tôi cố gắng nghĩ về điều mà Nga vừa nói. Không chờ đợi ai, cũng có thể hiểu rằng không có ai mà chờ! Theo cách hiểu ấy, tôi tự tin hơn:

-Thế nhưng từ hôm nay, em sẽ có người để chờ đợi!

-Anh tự tin quá đấy!

-Anh có được sự tự tin ấy chính là nhờ ở đôi mắt em khuyến khích! Tôi tranh thủ giành thế chủ động. Có thể lý trí bảo em không nên lấy anh, vì anh là người có chức trong xã, sợ mang tiếng là người hám lợi. Nhưng trái tim em, đôi mắt em lại nói điều ngược lại...

Tôi thật sự ngạc nhiên là tại sao lúc đó mình lại nói được những lời có cánh như thế? Có thể là tôi đã đọc được ở đâu đó, để rồi trong phút hoang mang, nó chợt kéo về cứu giúp mình. Quả nhiên Nga im lặng. Tôi liếc nhìn ôm choàng lấy Nga, trong góc khuất của ngọn đèn dầu phòng không, tôi hôn tới tấp vào mặt, vào môi, vào bất kỳ chỗ nào mà tôi đặt môi tới được. Nga vùng vẫy, giãy giụa một cách tuyệt vọng. Và rồi sau đó, cuối cùng cả hai đứa cùng thở dốc mệt nhoài... Sau lần ấy, Nga tiếp tục không giữ được mình nữa, cô nói thật với bố. Thầy Hoan im lặng, chỉ đến khi Nga thật sự tuyệt vọng ông mới nói:

-Vợ chồng là cái duyên, cái phận, không ai cản được, và cũng không thể gán ghép, ép buộc. Con đã chọn anh ta thì bố biết nói sao. Chỉ có điều từ nay, coi như bố không còn con, mà con cũng không trông cậy được vào bố. Làm dâu cái đất này là khổ nhục lắm. Vì thế bố thương con...

Cũng may cho Nga là cô ấy là người nhà nước, có gạo, có lương. Lấy nhau rồi, tôi mới biết là Nga cũng yêu tôi...

Anh Kỳ còn nói nhiều chuyện, nhưng tôi không còn nghe được gì nữa. Nỗi buồn cứ chà qua xát lại ở mãi tận đâu đâu trong góc ngách tim tôi. May mà anh Kỳ là người tử tế, nhưng vô tâm nên không đem lại hạnh phúc cho chị Nga của tôi. Sao anh không biết rằng chị Nga của tôi, nàng Nga yêu dấu của anh, không còn là cô giáo nữa, mà trở thành một nông dân, cái bóng mập mờ trên cánh đồng Lưu Lạc?

Những hạt mưa cuối cùng của mùa mưa miền Đông Nam Bộ, làm cho hơi rừng dịu lại. Tôi nhắm mắt thật chặt để tìm giấc ngủ nhưng khó quá. Vững bên kia, anh Kỳ đã ngủ.

Sáng hôm sau, tôi và anh Kỳ, chúng tôi chia tay nhau, hẹn ngày gặp lại ở quê nhà. Nhưng, ngày trở lại làng quê, chỉ còn tôi, mà không có anh Kỳ. Anh đã vĩnh viễn nằm lại ở một góc khuất nào đó trong một khu rừng nguyên sơ của đất nước.

Trong cái đêm hãi hùng ấy, chị Nga đã vật vờ như một bóng ma đắm người sương lạnh. Chị hầu như không biết mình đang ở đâu, và không nhớ những gì đã xảy ra đêm qua với mình. Mãi gần sáng, có tiếng người giục trâu đầu đó ở phía đồng bãi, chị mới dần dần tỉnh trí lại. Trong bộ quần áo trắng mong manh, đầu tóc rũ rượi, chị lần men theo rìa làng như một kẻ tà gian về nhà. Ở khúc đường ngoặt, một vài người đàn bà đi chợ sớm trông thấy chị đã vội vã nép mình vào bờ rào sợ sệt. Khi chị Nga lướt qua trước mặt họ, chị nghe thấy tiếng các bà hoảng hốt hỏi nhau:

-Ai như cô giáo Nga, con dâu cụ Tuân Kỳ ấy các bà ạ!

-Chắc là phải rồi. Nhưng mà cô ấy đi đâu về sớm thế nhỉ? Lại có vẻ vụng vụng, trộm trộm thế nào ấy!

-Dễ thường cũng mèo mả gà đồng...

-Chớ có nói thế, các bà ạ. Cô giáo Nga là người đứng đắn, nói thế mà phải tội!

-Ồi dào, thời buổi loạn lạc, có chính chuyên đứng đắn mãi cũng bằng

hoài công. Chứ còn gì nữa, anh con trai cụ Tuấn báo tử hồi đầu năm. Rồi cô ấy cũng phải cắp nón mà về nhà mình, may ra còn kiếm được đám nào...

-Tội thân thật đấy! Đang làm cô giáo ăn lương nhà nước mà phải bỏ về cầm mặt xuống bùn, song sóc hai cái thân già nhà chồng. Bây giờ lại góa bụa...

Tiếng kéo kẹt của đòn gánh, tiếng lộc cộc của thúng mủng cứ nhịp nhàng cùng với những lời bàn tán giăng ca của các bà chợ búa lọt hết vào tai chị Nga. Chị chạy tắt qua đồng ngô vào vườn bằng một đàng rào sau nhà, hụp hơi ngã vật vào cây rơm trong vườn. Hơi ẩm từ cây rơm tỏa ra làm chị nóng dần lên và bình tâm trở lại. Chị Nga cứ ngồi như thế và chớp mắt đi một chốc, cho đến khi có tiếng lợn kêu đòi ăn và đám gà trống, gà mái đuổi nhau tứ tán xung quanh cây rơm, chị bừng tỉnh. Phải làm gì bây giờ? Chị uể oải đứng dậy rón rén vào buồng. Căn nhà tối om, không biết ông lão Tuấn đang ở đâu? Chị lặng lẽ thay quần áo, cuốn sơ đầu tóc rồi vội vàng xuống bếp bắc nồi cháo cho bà mẹ chồng. Thấy động, bà lão lồm ngồm ngồi dậy, chắn màn vung vãi xuống cả đất:

-Vợ Kỳ đấy à? Sao hôm nay dậy muộn thế?

-Dạ, con hơi mệt! U ăn cháo muối hay cháo đường?

-Cháo muối mãi cũng chán. Nhưng tiền đâu ra mà mua đường hả con?

-Hôm qua anh Sửu ở uỷ ban mới đưa tiền "tử sĩ". Được sáu chục đồng, thầy con đang giữ. Nghe thấy hai tiếng "tử sĩ" bà lão lại mếu máo:

-Khổ tôi không hả giờ! Tôi bán con tôi được sáu chục bạc thế này à?

-Thôi, u đừng làm ầm lên nữa. Chị Nga hơi gắt, và chính chị cũng ngạc nhiên là sao hôm nay mình lại gắt với mẹ chồng. Chị dịu giọng lại. Con định xin tiền thầy mua cho u hai cân đường, còn thì xem may cho u bộ quần áo mới...

Bà mẹ chồng giãy nảy:

-Thôi đi chị ơi! Tôi không ăn đường cát đâu, có mua thì mua cho tôi hai miếng đường phen được rồi. Còn quần áo thì may làm gì, tôi đi đâu mà mặc. Hay là các người định may cho tôi mặc xuống lỗ đấy. Ừ, khéo thường thế thật! Tôi cũng chả muốn sống nữa. Kỳ ơi! Con ơi...

Thực lòng, bà cụ Tuấn rất thương chị Nga. Thử hỏi rằng, có ai thương người đàn bà, bằng một người đàn bà. Thuở xưa, chính bà

cụ Tuân, lúc còn trẻ, lấy ông lão Tuân cũng là người phải làm dâu gia đình nhà chồng. Lúc ấy, cả bố mẹ chồng bà còn sống. Có ai hiểu được nỗi lòng người con gái làm dâu hơn bà mẹ chồng. Từ tờ mờ sáng bà đã phải dậy băm bèo, đặt nồi cám lợn. Rồi còn phải luộc một nồi khoai lang để cho chồng, anh Tuân ấy, bỏ vài củ vào túi đánh trâu ra đồng. Mà phải làm thật chính xác, thật nhẹ nhàng, bởi vì chỉ cần một tiếng động nhỏ là bị chửi. Không chửi té tát thẳng vào mặt dâu, nhưng bằng những câu nói mát, xía xói rất dễ làm người ta bức mình. Cả hai ông bà đều không ngủ được, họ già rồi, họ ngủ chán ra rồi, chính họ cũng biết thế nhưng lại cứ kiểm cố, đổ cho con dâu "đá thúng, đụng nia", là kẻ gây hấn. Con lợn trong chuồng, nghe động xoong nồi là gầm rít lên, cái giống súc vật là thế. Bà mẹ chồng cũng biết thế, nhưng nào bà có chịu là thế đâu. Trong lúc quờ quạng với cặp mắt nhập nhèm, bà đứng trên hè, giống giả bằng cái giọng khô khê:

-Chị nhiều ơi, chị nạt cái con lợn toi vật ấy một tiếng cho nó cầm mồm nó lại cho tôi nhờ cái nào!

Ấy thế mà một lần, chị nhiều Tuân cầm cái cặp đùa bấp đập vào cọc chuồng lợn mắng nó:

-Toi vật! Có cầm cái mồm lại không nào! Ăn gì vào lúc này mà gầm rít lên thế...

Nào ngờ lúc ấy, bà cụ đang mài miết "tồ tồ" sau gốc chuối, cạnh chuồng lợn. Nghe nàng dâu mắng con lợn, bà cụ đã "mát mẻ":

-Ấy, chị ơi! Cả cửa cả nhà nhà tôi cóp nhặt mới nuôi được nó bằng tương ấy đấy! Toi mà vật mất nó thì biết trông vào đâu...

Sau này, khi có con, chị Thông, chị Diệu, rồi anh Kỳ lần lượt ra đời, bà Tuân đỡ khổ được đôi phần. Không, bà vẫn khổ, nhưng cái cực khổ có phần "dễ chịu" hơn. Có con, bà bầu víu vào con, không còn chịu cảnh xía xói, mát mẻ như trước. Nhưng một nách mấy đứa con thơ, chả bao giờ bà được ăn miếng cơm cho ra miếng. Đến bữa, hai chân cặp con, để cho nó ngồi trước mặt, bà nhắm mắt, nhắm mũi vào mà và lấy, và để, mặc kệ, sẵn, khoai, cơm, củ... lợn nhón, lạo nhạo, miễn là lưng lửng bụng. Để rồi lại quẳng con đấy, lao ra đồng... Gia đình nhà chồng, bà mẹ chồng, "vuốt mặt còn nể mũi", có hành hạ hay dè bủ con dâu, cũng phải kiêng những đứa cháu nội... Gia đình ông Tuân là nhà gia giáo, có cửa, có danh... Một thời xa xưa, chính ông Tuân cũng đã từng giang hồ lưu lạc, theo một bà cô đi buôn bán khắp mấy tỉnh thành. Sau ngày vỡ đôn Tây (tháng Tám

năm 1945) ông mới trở về làng. Lúc lấy ông Tuân, người ta đã bảo bà sẽ sướng, và sướng là thế! Nhưng ở cái làng Sơn Cốt của chúng tôi, cái truyền thống đáng nguyên rủa hàng đời, hàng đời nay về sự đầy ải con dâu và sự ăn miếng, trả miếng giữa nàng dâu mẹ chồng đã ăn sâu vào trong tận xương trắng, tủy đỏ rồi, biết đến bao giờ mới gột đi được? Người ta gia giáo ở tận đâu, tận đâu ấy chứ người đàn bà, nhất là thân phận người đàn bà làm dâu có khi nào được hưởng. Những tưởng là những người đã đau khổ chết chồng bởi cảnh làm dâu rồi thì sau này họ ngồi ghế mẹ chồng, thì "lòng và cũng như lòng sung", họ phải thương lấy con dâu, nhưng ngờ đâu, họ lại dẫm vào cái dẫu chân tai ác ấy như con trâu trên đường lầy, họ cứ nhè những bước của "tiền nhân" mà xử với những người đàn bà có chung số phận. Cứ như thế là trả thù vậy! Không phải ngẫu nhiên mà người ta còn truyền nhau cái câu: mất tiên mua mâm thì đâm cho thủng! Không muốn, họ cũng phải là "kẻ thù truyền kiếp" của nhau!

Thế hóa nên, bà lão Tuân có thương chị Nga thật đấy, nhưng cái miệng bà lúc nào cũng oai oái, làm như mọi tội lỗi bà phải mang, mọi tai ương bà phải gánh đều do chị Nga của tôi đem lại.

Chị Nga đặt nồi cháo xong, múc cám chặn lợn. Chị đứng hồi lâu ở chuồng lợn, vừa cho nó ăn vừa gãi gãi trên cái bờ gáy rậm rịt những sợi lông cứng của nó. Con lợn im lặng, thỉnh thoảng nó lại hặc mồm về một bên như đứa trẻ hờn. Trong nhà này nó cho chị là người chủ thân thiết, và rồi chị Nga cũng coi nó như người bạn. Đôi khi công việc ngập chân tay, nhưng chị vẫn dành cho nó vài phút. Những lúc ấy, chị cảm thấy chính nó mới là nguồn an ủi của chị.

Phục vụ bà mẹ chồng xong, chị Nga lên nhà trên, không thấy ông lão Tuân đâu, chị vào buồng chải đầu và cẩn thận chít vành khăn trắng lên mái tóc đã bắt đầu cứng, có rất nhiều sợi chẻ ra làm hai, làm ba... dắt xe đạp ra cổng. Chị lưỡng lự giây lát rồi dựa xe vào bờ rào, quay vào nói với mẹ chồng:

-Thầy con không có nhà, con về bên bố con một chốc, u ạ!

-Ừ. Liệu mà về sớm sớm cơm nước con nhé. Giọng bà lão ngọt ngào một cách lạ thường, khiến chị Nga lấy làm ngạc nhiên.

Ra đường, tiếng lách tách của chiếc líp xe làm chị thấy vui vui. Ừ, chiếc xe đạp hiệu Thống Nhất, món kỉ vật mà người ta dành cho thầy Hoan, trước khi thầy nghỉ hưu, là quà tặng của thầy cho chị Nga, và đến khi chị lấy chồng, thì nó là của hồi môn rất đáng giá của thầy

dành cho con gái. Chị vừa nghĩ ngợi lung tung, vừa phải tránh những vũng nước ổ gà và những hòn đá cuội "nhẵn như đầu ông sư" rải rác trên mặt đường. Một toán học sinh đi học về, đứng nép vào một bên, chúng thay nhau nhao nhao "Em chào cô ạ!". Chị Nga cười với chúng bằng nụ cười thật chua chát. Em chào cô ạ! Cô nào? Chị đã bao nhiêu lần nói với chúng rằng, chúng không phải chào chị nữa, và nhất là đừng "chào cô giáo" nữa, nhưng chúng không nghe! Liệu chúng có thật lòng không hay là chúng cố tình châm vào nỗi đau của chị? Và cũng rất có thể là chúng làm theo lời xui bẩy của một ai đó? Chao ơi, nếu thế thì thật là độc ác!

Chị Nga đạp xe về, không thấy bố trong nhà, chị gọi to:

-Bố ơi!

Có tiếng động phía bờ ao, thầy Hoan xắn quần quá đầu gối, tay cầm con dao đi lên:

-Nga đã về đấy hả con?

Chị Nga chỉ chờ có thế, gục đầu vào vai bố khóc nức nở. Thầy Hoan dìu con vào nhà, đặt chị xuống mép ghế rồi vỗ vỗ vào mái tóc có chít vành khăn trắng. Hai bố con chị Nga cứ ngồi như thế bên nhau có tới hàng giờ lâu. Thầy Hoan gỡ tay con gái ra khỏi vai áo mình, nói nhỏ:

-Nín đi con! Chiến tranh...

-Con khổ quá, bố ơi!

-Bố hiểu! Bố hiểu con gái. Mọi sự đã được sắp bày cả rồi, biết phải làm sao!

Chị Nga gạt những sợi tóc mai nhòe đầm nước mắt, nhìn bố cầu khẩn:

-Bố hãy cho con một lời khuyên!

Thầy Hoan vâng vâng que đóm châm thuốc trong tay, ngẩn ngơ nhìn vào khoảng nắng ngoài vườn. Que đóm cháy leo đến đầu ngón tay khiến thầy giật mình, dụi nó vào bát điếu. Ngoài kia, xa xôi lắm ở tận nơi nào đó của làng quê, tiếng người gọi nhau nghe thật hồi hã. Xa nữa là tiếng ầm ì của máy bay, không biết của ta hay của địch mà sao thanh bình làm vậy?

-Bố chỉ có mình con, nhưng bố đã không giữ được con bên mình. Điều này làm bố ân hận quá. Lại càng đau lòng hơn khi nhìn thấy con rơi vào hoàn cảnh éo le mà bất lực. Con hãy tha tội cho bố. Thầy Hoan khóc. Và mẹ con nữa, hãy tha tội cho ta... Lời khuyên của bố ư? Bố chỉ biết nói với con rằng: nếu con nhận thấy điều gì đúng thì con cứ làm!

Chị Nga nắm chặt những ngón tay gầy guộc của bố, ngược lên:

-Con biết bố muốn con phải làm gì rồi. Nhưng...

-Nhưng sao hả con gái?

-Thôi, bố cứ yên tâm. Bố hãy kể về mẹ cho con nghe đi!

Thầy Hoan nhìn con gái, ngạc nhiên:

-Bố đã kể rồi mà!

-Bố cứ kể lại cho con nghe, xin bố hãy kể hết, và đừng giấu con điều gì. Nhất là về cái chết của mẹ...

Thầy Hoan thở dài nhượng bộ:

-Thôi được, bố sẽ nói cho con biết. Sau khi sinh con ra được hai mươi ba ngày, mẹ con qua đời. Đúng là không phải mẹ con chết vì bệnh hậu sản như bố đã nói với con...

-Vậy thì vì cái gì hả bố?

-Chính vì lưỡi dao của ông ngoại con, cha của mẹ con!

Chị Nga rùng mình ôm chặt lấy đầu gối bố, đôi mắt nhắm nghiền, giọng thoang thoảng:

-Kinh khủng quá! Thầy Hoan tiếp tục nói như nói cho chính mình nghe. Ngày ấy bố và mẹ con phải lòng nhau, nhưng không được ông ngoại con đồng ý. Vì bố là người xa lạ, tứ cố vô thân, hơn nữa lại là người lính, rày đây mai đó, sống chết khôn lường. Nhưng tình yêu đã làm hai người mù quáng, mẹ con đã mang hình hài của con trong bụng. Gần đến ngày sinh con, mẹ con đã tìm bố. Rồi chúng ta đưa nhau vào một cánh rừng, bố dựng lên một cái lán nhỏ. Ở nơi ấy con đã cất tiếng khóc chào đời. Hai mươi ba ngày sau, khi bố đi vắng, lúc trở về, thấy mẹ con đã nằm bên vũng máu còn con thì giãy đạp bên cạnh, người cũng đỏ lòe máu tươi. Lúc ấy mẹ con chỉ còn thều thào:

-Hãy đưa con đi khỏi nơi này! Đừng oán giận cha em, ông đã tuyệt vọng vì đưa con duy nhất!

Sau khi chôn mẹ con, bố nghe tin ông ngoại cũng đã tự tử. Bố bồng con đến trước mộ ông ngoại, nói lời vĩnh biệt rồi ôm con ra đi.

Hai bố con chị Nga cùng ngồi bất động hồi lâu. Nắng đã lụi xa khỏi thềm nhà, mùi ngải cứu trên đầu giường thầy Hoan tỏa ra hăng hăng. Cho đến lúc chị Nga lay bố:

-Bố ơi! sao bố không xử con như ông ngoại đã xử với mẹ?

-Không! Không bao giờ rồ dại lặp lại những điều bi đát!

-Nhưng lại có những bi đát khác?

Thầy Hoan xoa đầu con gái:

-Đúng là có những cái bi kịch khác nhau mà chúng ta khó tránh khỏi.

Nhưng bố tin rằng rồi thế nào cũng phải có một lối thoát. Thôi trưa rồi, con có ở lại ăn cơm với bố không?

-Con phải đi thôi bố ạ!

Khi chị Nga sắp nón dẫn xe ra cổng, thầy Hoan đưa cho chị cái gói nhỏ, buộc lỏng lẻo:

-Bố có cân đường, tiêu chuẩn hưu, con cầm lấy mà uống nước...

-Con xin bố! Con thương bố quá! Thôi, con đi đây!

Chị Nga dựa xe đạp, khẽ đẩy dịch bức liếp, lách người vào nhà. Từ ngoài nắng vào trong mát, mắt chị hoa lên, chưa nhìn rõ mọi vật trong nhà vừa trống trải vừa ảm thấp. Chợt chị nghe có tiếng động mạnh như người giầy đạp và tiếng người nghệt thở. Thoạt đầu chị tưởng tiếng con lợn đánh hơi thấy chị về, nhưng không phải. Chị hốt hoảng nhận thấy cả mấy cái đuối nhà cùng rung lên. Có chuyện không lành rồi! Chị Nga lao vào buồng, nơi vẫn để thóc, sắn khô, nồi thau đồng, và một cảnh tượng kinh hoàng đã hiện ra trước mắt chị: một thân người gầy rạc đang treo lủng lẳng trên quá giang nhà. Chị Nga vội quay ra giật phắt cái liềm cắt lúa vẫn gài trên mái gianh từ sau vụ gặt, nhảy vào trèo lên bồ thóc, một tay đu người trên mái nhà, tay kia chị ngoặc cái liềm vào sợi dây ra sức cửa. Sợi dây đứt, cái thân người đổ ịch xuống nền buồng. Đó là ông lão Tuân! Chị Nga cởi mạnh cái nút dây thừng rồi bế thốc ông lão đặt lên giường. Toàn thân ông lão hầy còn nóng, chị Nga nghiêng người ghé tai lên ngực nạn nhân. Chị im lặng đứng dậy: tim hầy còn đập! Chị Nga tìm cái quạt nan quạt mạnh lên mặt ông lão Tuân, rồi chị lấy hai đầu ngón tay cái day mạnh hai bên thái dương. Được một lúc, có tiếng thở khò khè của ông. Như sức nhớ ra, chị đứng dậy lấy trong cái túi của mình ra gói đường bọc trong giấy báo mà ông bố mới cho, tìm cái cốc thủy tinh sút se, pha một cốc nước đường, nâng đầu bố chồng dậy, kê cốc nước vào miệng. Tất cả những động tác, những việc làm của chị Nga chính xác, khéo léo diễn ra dưới vẻ mặt lạnh lùng, bình thản, tựa như một bác sĩ đang làm chức trách của mình. Và khi thấy sức lực ông lão Tuân dần dần lấy lại, chị ánh lên một nét cười trên vành môi của người vừa hoàn thành một công trình sáng tạo.

Ông lão Tuân mấp máy môi, uống từng ngụm nhỏ. Bỗng, lão nấc một tiếng dựng người lên, rồi nôn thốc tháo ra tay chị Nga. Một dòng nước đỏ lòm trào ra miệng lão, nghiêng xuống cái ngăn cổ nhả

neoh đang bắt đầu sưng vù lên.

Nghe tin ông lão Tuân ốm, bà con đến thăm chậ nhà, không kém gì cái ngày báo tử anh Kỳ. Ông Tuân ngồi dựa vào thành giường, chùm chấn kín đôi chân đến ngang bụng, cổ quấn cái khăn phu-la màu gụ, thở khò khè, không nói được hỉ gậ đầu đáp lễ những người đến thăm. Chị Nga tất tưởi chạy lên nhà trên xuống nhà ngang, nơi hai ông bà bố mẹ chồng đang cùng nằm liệt chiếu. Đun nước, chào đón khách, một tiếng rên nho nhỏ ở phía nào chị cũng phải có mặt.

-Chị Kỳ này, chết thật, làm sao mà để cụ đêm hôm một mình không trông nom, đến nỗi này? Một bà thím họ xa, ăn trầu cần chỉ, trề đôi môi mỏng ra chành chẻ.

Chị Nga cúi nhìn vạt áo, rơm rớm nước mắt:

-Thưa thím, tại cháu sơ ý!

-Ừ, lần sau nhớ cẩn thận đấy, các cụ già yếu, lại cô đơn một mình một bóng, con cái đưa lấy chồng thiên hạ, đưa hy sinh ngoài mặt trận. Tất cả đều trông vào chị thôi đấy!

-Vâng ạ!

Rồi chị tất bật đi ra, từ non trưa đến chiều tối, mãi đến quá khuya, chị mới được ngả lưng. Đặt mình nằm xuống cái giường chị lại giật thót người, chỉ muốn vùng dậy phóng ra ngoài. Có đêm, chị như người lẫn thần, vùng dậy chạy vào bếp vục cám cho lợn ăn. Con lợn bị đánh thức ngái ngủ dụi dụi cái mõm vào tay chị, rồi uể oải xốc cám. Nó hình như cũng muốn chiều chị mà ăn, còn chị, hàng giờ liền ngồi vừa vun cám cho nó ăn, vừa gãi gãi trên cái bờm có những sợi lông thưa và cứng của nó. Hai hôm sau ngày ông lão Tuân ốm, một vị đại diện thường trực uỷ ban xã đến thăm. Tiếng ông ta oang oang, rõ ra là tiếng cười nói của người đặc chí từ ngoài đầu ngõ:

-Thế nào? Cô giáo Nga đâu? Cụ nhà mới thế nào?

Chị Nga lật đật chạy ra, tay cầm cành rong đuổi chó:

-Bác lại chơi! Ấy chết bác đừng gọi em là "cô giáo" nữa. Em có còn dạy dỗ gì nữa đâu ạ...

-Ừ hừ! Nhất tự vi sư, bán tự vi sư, cô là cô giáo thì chúng tôi mới dám gọi. Như ông Bếp Hồng ở ta đấy, cô có biết không? Ông ấy đi lính cho Pháp làm đến chức "bếp", về làng đã lâu, mà ai cũng gọi là ông Bếp Hồng đấy thầy!

-Người ta khác, em khác. Xin bác cứ gọi em là Nga thôi ạ!

-Ừ, thế cũng được. Cụ nhà nằm đâu?

-Mời bác vào, ông cụ nhà em ở trên nhà trên.

Ông thường trực uỷ ban gạt cái chân trống xe đạp phượng hoàng đứng giữa sân, úp cái mũ cối bộ đội lên ghi-đông rồi vào nhà:

-Chào cụ! Nghe tin cụ mới, anh em trên uỷ ban cử tôi đến thăm cụ đây!

Ông lão dọ dặng ngồi nhồm lên, hướng đôi mắt lo âu về phía khách, môi mấp máy không thành tiếng.

-Cụ cứ nằm nghỉ, không sao! Ông khách ghé ngồi vào một bên thành giường. Chết thật, bệnh tình thế này mà không chạy chữa là khổ. Hay để tôi bảo cô Sáu trên trạm xá xuống khám cho cụ nhé?

Ông Tuân bất ngờ rút tay ra gỏi chần, huơ huơ ra chiều không đồng ý. Thành linh cái khăn phủ-la trên cổ tụt xuống, làm lão hoảng hốt, kéo vội nó lên. Vừa lúc ấy chị Nga cũng từ nhà ngang đi lên:

-Thầy! Thầy làm sao thế?

-Cổ cụ làm sao mà tím bầm lên thế, hả cô giáo?

Ông lão Tuân cố hết sức bình sinh:

-Đá...nh gio... ó...!

-Gió à? Ông khách cười. Ừ, dạo này gió lạnh về đêm, đi ra ngoài lại có tuổi như cụ, hay bị cảm lắm đấy. Phải không cô giáo?

-Dạ, bác nói phải ạ!

-Thôi thế này, uỷ ban có cân đường gọi là chút quà thăm nom, gửi cụ uống nước. Ông lục túi áo đại cán lấy ra cái gói nhỏ. Còn đây là của tôi, lạng mỷ chính Việt Trì hôm đi tập huấn nông nghiệp ngoài huyện được mua. Cô giáo cầm lấy, thỉnh thoảng cho vào cháo cho cụ ăn...

-Vâng, em xin bác, cảm ơn bác và các bác"ngoài" uỷ ban!

-Cụ nằm nghỉ, chịu khó ăn vào cho khoẻ. Tôi phải đi sang Thống Hạ xem mạ mon thế nào đây. Đấy, lại còn phải liên hệ cho nhà trường Đại học gì ấy, ở Hà Nội về sơ tán. Gớm, sau cái thằng Giôn-xơn, đến cái thằng Ních-sơn này nó còn ác liệt lắm đây! Mẹ cha chúng nó! Nhà ta còn hằm chứ?

-Dạ còn ạ!

-Ừ. Thôi chào cụ, chào cô giáo, à tôi cứ hay quen mồm, chào chị Kỳ!

-Vâng, bác lại nhà!

Rồi khách khứa cũng thưa dần, nhưng cái dấu dây thừng trên cổ ông lão vẫn còn bầm tím khá lâu. Cho đến khi ông lão Tuân đã đứng dậy đi lại được trong nhà, trên cổ ông vẫn xù xù cái khăn phủ-la. May mắn cho ông lão Tuân, cho cả mình nữa, chị Nga thăm nhủ, nó là cái sợi chạc trâu bằng dây nâu đã ải lại cứng chứ mềm như sợi vải thì

chắc chả kịp. Phải tay mình, chị Nga cười, mình sẽ tìm một sợi lụa trắng, phải rồi, sợi lụa bạch để ra đi cho thanh sạch! Khi ông lão khỏi hẳn, trong lúc chỉ còn hai người cần phải nói với nhau điều gì, chỉ có chị Nga lên tiếng trước.

Cánh Đồng Lưu Lạc

ĐOẠN 5

Sau những biến cố trên xảy ra, có thể coi như những cơn giông bão ập đến đổ lên hai vai chị Nga làm chị hoàn toàn thay đổi. Trước hết chị như người mộng du trong một cõi hư không của riêng chị. Lúc nào chị cũng cảm thấy muốn cười, cái cười nhạt, không chứa đựng một ý nghĩa nào, dù là chua chát đắng cay. Chị cười với con lợn, tiếng cười khanh khách như hồi còn trẻ, lúc chị mới vào trường trung cấp sư phạm. Từ trong nhà ngang, bà Tuân cố bò lại gần cái cửa sổ mắt cáo nhìn sang, bà thở dài rạch trở lại chỗ nằm, không thể biết bà nghĩ gì về cô con dâu. Có lúc chị cười với cái bóng mình dưới đáy giếng. Và kỳ lạ ở chỗ, trong mâm cơm, chị cứ nhìn ông Tuân mà cười! Điều thứ hai làm mọi người xung quanh để ý là chị bắt đầu hay chải tóc, ngắm nghía mình thật lâu bên thành giếng nước. Có vài lần chị lấy cái áo để đã lâu không mặc từ trong đáy hòm ra hong nắng, và buổi tối, chị mặc nó vào đi ngủ.

Về phần ông Tuân, cái cổ của ông đã tan vệt bầm của sợi chạc trâu, ông có thể ung dung ra đường mà không cần phải quấn khăn. Nhưng trông ông già sạm đi nhiều, gặp người quen đôi mắt thường đưa ngang ra phía cánh đồng. Ai hỏi gì, có lúc ông trả lời như một cái máy, chỉ một mực "dạ, vâng".

Thiên hạ không ai đàm tiếu, họ chỉ tỏ ra xót xa cho một gia đình bất hạnh. Nhưng dần dà những lời cảm thương cũng vơi đi, bởi họ còn phải lo, phải nghĩ cho chính họ. Còn một sự kiện nữa mà chỉ có mình ông Tuân biết, là sau chuyện bất thành đó, chị Nga không còn xưng hô một cách cung kính với ông như trước nữa. Trước đây chị một hai thưa thày, mà bây giờ, trừ khi có người thứ ba, còn thì chị chỉ nói trống không. Ông Tuân bảo:

-Vợ Kỳ hôm nay ở nhà để thày đi cày chỗ đất củ Đồng Quán cho.

Chị Nga đáp lại:

-Không. Cứ ở nhà đấy.

Lần khác chị bảo:

-Đưa tiền mua đường cho u!

Ông Tuân cảm thấy bị xúc phạm, nhưng vẫn không nói gì, lặng lẽ làm theo. Nỗi ê chề đã làm cho ông không biết phải xử ra sao. Một lần, khi chỉ có hai người trong nhà, ông Tuân chần chừ mãi rồi quyết định hỏi con dâu:

-Sao chị Kỳ lại không để cho tôi chết đi cho rảnh mắt?

Chị Nga ngừng tay sàng gạo, nhặt một hạt thóc trên sàng cho vào miệng cắn:

-Không cứu? Không cứu để chết ra đấy thì tội vạ ai chịu? Chỉ toàn là đem tai ương gieo vào đầu người khác. Đấy nhá, chỉ mới năm đấy nửa tháng mà bao lời trách móc đã đầy tai...

Ông Tuân, vừa cảm thấy bức bối, nhưng lại có cảm giác tỉnh thức, dịu dàng, không thấy có cái vẻ xa cách bố chồng nàng dâu như trước. Chứ còn gì nữa? Họ đối đáp với nhau nhăm nhắng, như là một cặp nhân ngãi. Ông bố chồng cũng bắt đầu giở giọng phiêu lưu:

-Cứ để cho tôi chết quách đi cho xong, sống làm gì, sống mà không con cái, không kẻ nối dõi. Cô là đàn bà làm sao biết được cái khổ tâm của kẻ tuyệt tự.

Chị Nga tiếp tục quay sàng, miệng vẫn đều đều:

-Thiên hạ cũng đầy ra đấy chứ nào riêng ai. Đằng này con người ta xông pha ngoài mặt trận mà bỏ mạng chứ ăn cướp ăn trộm gì mà xấu hổ?

Bỗng ông Tuân đổi giọng:

-Nga ơi, hay là con tìm người nào mà chấp nối lại đi, chứ sống mà như thế này, lúc khỏe trẻ không sao, về già như thầy u, khổ lắm, nhục lắm!

Chị Nga vẫn giậm giăng:

-Chả thiết!

-Còn cái tuổi xuân, con gái đàn bà có thì, có lúa, không ai trách con đâu. Hỏi con câu này, con với thằng Kỳ ăn ở thế nào mà già nửa năm trời vẫn không có gì?

-Ăn ở thế nào? Cũng như người ta chứ còn biết ăn ở thế nào?

-Hay là... tại con?

Bỗng chị Nga lắc mạnh tay, làm cho cái sàng vung ra khỏi nia, gạo thóc tung tóe ra nền nhà. Rồi chị buông tay sàng oằn người lên, tay

chống ra sau, còn tay kia ôm bụng quằn quại, miệng ú ớ:

-Đau... đau quá!

Ông Tuân giật mình luống cuống chạy lại ngồi xuống sát chị Nga, nhưng không dám động tay vào người chị:

-Sao thế con?

-Đau quá! Chị vừa rên vừa bấu tay vào vai ông Tuân. Dìu ... tôi vào buồng!

Ông Tuân vội vàng xốc nách chị Nga, còn chị, vừa đặt dẹo lê chân trên nền nhà, vừa dựa hẳn người vào ông Tuân. Ông bố chồng đỡ con dâu nằm lên giường xong, hỏi nhỏ:

-Đau bụng à? Để lấy nắm tóc rối cho đánh gió nhá?

Chị Nga vẫn nhắm nghiền mắt, vừa lắc đầu. Lát sau, chị nằm im, thờ dốc, hé mắt bảo ông Tuân:

-Ra khép hộ cánh cửa vào cái!

Ông Tuân lật đật làm theo, rồi quay vào, ghé ngồi lên mép giường. Thình lình chị Nga nắm lấy bàn tay ông Tuân, kéo sát, ghì chặt vào ngực, giọng lạnh băng:

-Đây! Làm gì thì làm đi!

Những ngày mưa lụt, mưa dầm dề suốt ngày này sang ngày khác, giờ này sang giờ khác, nước mưa hình như cũng được pha một chất keo buồn bã làm lá sắn úp dính vào nhau theo một chiều thê lương và lạnh lạnh. Một ngày như thế, chị Nga đạp xe ra chợ Ba Hàng.

Chiếc xe đạp Thống Nhất khung nữ sơn màu xanh thắm đẹp như một tiểu thư đài các của chị lăn bánh trên những ổ gà lồi lõm. Mưa xiên xiên tạt chéo vào khuôn mặt xinh xinh ngày nào, giờ đây hai gò má nhô cao và rúm rúm làm cho nó bợt bạt đi. Gần tới cầu Châu, một hòn đá nung vôi bất thần nằm chặn giữa đường để cho chiếc xe của chị chồm vào, hất chị xuống rãnh nước. Mặt mày tối xăm lại, chị chìm ngay vào cõi đen ngòm. Chị chết, chết thật sự. Chị Nga của tôi đã đi vào cõi vĩnh hằng một cách thanh thản, bất thần, không chuẩn bị trước và cô đơn.

Nhưng... đúng lúc đó, từ trong một túp lều dựng tạm của một người bán nước chè xanh, mà vì một lý do gì đó, có thể do mưa bão sụt sùi, không có khác lữ hành nào dãi dột đi trên con đường lổm khởm này, túp lều đã bị bỏ hoang, người anh hùng Tinh Tinh xuất hiện! Anh hùng của làng Sơn Cốt vẫn đen nhẻm, vẫn cười nhe bộ răng trắng ghê hồn được mọc ra từ hai miếng lợi đỏ chói như hai miếng tiết

quân hàm của anh binh nhì mới nhập ngũ. Nhưng mưa gió lạnh lùng đã khoác lên người anh hùng Tinh Tinh một tấm áo đại cán rách bươm vốn của người cháu là một cán bộ công an. Cái áo của anh công an này vốn có màu vàng lòng tôm đặc chủng, gửi về cho bố, là anh ruột của anh Tinh Tinh, nhưng ông bố không thể cứ để như thế mà mặc, thứ nhất cái màu sáng cả ban đêm lẫn ban ngày ấy dễ bị chửi vì rất dễ làm mờ cho máy bay, mỗi khi thấp thoáng trong ngõ xóm, thứ hai là nó sẽ nhanh chóng trở thành màu xỉn cháo lòng, rồi đen thâm trông rất "rợ", vì anh con trai công an không có đủ xà phòng gửi về cho bố. Thế là nó được nhuộm bằng nước vỏ cây núc nác, ngả sang màu xanh lá mạ, lúc đầu đẹp tuyệt trần, và lại rất hợp với tình hình phòng không lúc đó. Những năm sau, tấm áo đặc chủng cũ dần và màu của nó gần giống với màu áo sĩ quan quân đội, còn kiểu cách thì may y hệt như nhau, cùng một "mô-đen", như bây giờ ta đang gọi. Khi chiếc áo đã không còn tốt, còn đẹp nữa, nó rách tan nát, vá vúi lằng nhằng, sơ tướp thì được chuyển giao cho người em trai, người hùng Tinh Tinh, tứ thời ở trần.

Những bước chân chậm chạp nặng nề và dò dẫm của con Tinh Tinh làng Sơn Cốt rất cảnh giác khi tiến lại gần chị Nga. Mưa tạt vào mặt, khiến Tinh Tinh nhú mắt lại, càng tiến đến gần, bước chân của anh ta càng ngập ngừng, như bước chân của một người bình thường, thậm chí còn có vẻ tinh ma, ranh mãnh, có khi một bàn chân nhấc lên trên không trung rồi để đó, chưa biết đặt xuống chỗ nào?

Chị Nga nằm đó như một đồng giẻ cũ nát, cuộn tròn, hai tay ôm lấy bụng, thò ra đôi chân trắng xanh, bám đầy bùn lầy. Chiếc xe đạp nằm văng sang một bên, hai bánh vẫn còn quay, tiếng líp xe át cả tiếng mưa tạt, phát ra những tiếng kêu lách tách, vui tai, khiến người hùng để ý. Anh ta nhếch mép, không, nhếch cả hai mép ra và nụ cười hoang dã không hề tắt trên đôi môi thâm đen, không phải vì lạnh mà là vì vốn nó đã thâm đen như thế. Cúi xuống, lấy tay khẽ chạm vào bánh xe, làm nó quay nhanh thêm một chút và tiếng tách tách càng có vẻ vui tai, người Tinh Tinh thấy lo lắng, không dám đụng tới chiếc xe đạp màu cánh trả, anh ta quay sang nhìn vào khuôn mặt tái ngắt và có một vết tím bầm ngay trên mí mắt trái. Có một cái gì đó làm anh ta chững lại. Nụ cười ngây đại bỗng vụt tắt. Một chút trí tuệ, dù chỉ bằng hạt tấm bỗng loé lên trong bộ óc vốn đã bị hư hỏng từ thuở bé. Một khuôn mặt khiến cho người hùng Tinh Tinh làng Sơn Cốt thấy kính nể, hoặc yêu mến, hoặc một thứ tình

cảm gì na ná như thế trôi dạt trong tâm trí đen thẳm của anh ta. Đúng là anh ta đã từng thấy, từng nhìn ngắm và với một vẻ kính nể không thông thường toát ra từ khuôn mặt chị Nga. Tinh Tinh cúi xuống, nó cũng biết luồn đôi tay không khoèo xuống dưới đồng giẻ ướt sũng nước rồi nhấc bổng thân thể chị Nga lên, cố hết sức bằng đôi chân lòng không tập tễnh lết đi trên đường, hướng về một ngôi nhà gần đó, miệng không ngớt gào lên những tiếng la thê thảm: -Chu chố...! Chu... chố...!

Về phần chị Nga của tôi, chị coi như đã tan vào một khối mây dùng đục, hai mắt chị mở to, nhưng lại bị mờ đi trong một thứ ánh sáng nhợt nhạt. Cảm giác thanh thoát và dịu dàng như tấm chăn bông mềm mại ấm ấm hơi người trùm kín lên khuôn mặt và dần dần bao lấy chị như cái kèn trắng của một loài tằm ăn lá sắn, mịn màng, êm ái. Liên ngay đó ý thức chị choàng tỉnh và điều đầu tiên chị nhận ra rằng chị đã chết. Cụ thể và chính xác hơn là chị đang chết, chết một cách từ từ, chậm chạp, rất rõ nhận ra bằng một sự rơi, rơi nhẹ nhàng như một cái bông gạo trong gió nhẹ. Thì ra, chết là thế! Chết là từ từ hồn lìa khỏi xác, nhưng ý thức thì lại không dễ gì tan biến ngay đi, mà nó cứ lửng lơ, như thể còn một điều gì chưa nói ra mà đã phải quay mặt đi, lặng lẽ trước cái mũi nhọn của đầu sùng, hay lưỡi lê gì đó của một kẻ rất mạnh, rất đáng sợ nhưng cũng rất vũ phu, đáng ghét.

Bây giờ thì chị nhận rõ mình hơn, nhận ra từng hạt mưa gõ bung bung vào chiếc nón lá để bên cạnh, cái thai trong bụng ngọt ngào, cựa quậy một cách yếu ớt và tuyệt vọng. Chị mang nó đi vào cõi chết nhưng nó không chịu im lặng để tận hưởng cái hạnh phúc thoát cõi thế trần gian. Nó là thế, chị biết, chị làm mẹ nó, chị từng nếm trải những đắng cay, những thất vọng ê chề của cuộc dồn nén, săn đuổi, nhưng nó chưa từng được ra đời, chưa từng được thấy cái vẻ đẹp hùng vĩ và ngọt ngào của ánh nắng mặt trời lúc hừng đông, chiếu thẳng tấp vào khuôn mặt từng con người, bất động. Nó chưa từng nghe tiếng sấm chớp, những giận giữ của bão giông, uy hiếp vạn kiếp sinh linh nhưng vẫn lộ ra vẻ bất lực của trời thăm, không thể nào với tới được những ngõ ngách sâu kín, huyền bí và cả gian ngoan, dối trá trong mỗi con người. Nó cũng chưa từng cảm thấy những cuộc sát phạt, đấu đá, hành hạ bằng những tâm trạng khoái trá rửa hận, hay những ánh mắt lo sợ hãi hùng mà trên dương gian này, con người vẫn thường đem ra để thi thố. Con ơi! Con chưa được

thành người, chưa được có niềm hạnh phúc mang cái danh hiệu con người thì mẹ đã mang con đi! Không biết là may mắn hay rủi ro cho con, cho kiếp người đang chờ con ở ngoài kia!

Như nghe được những lời than vãn của chị Nga, cái thai đập mạnh hơn nữa, và chị Nga nhận thấy mình đang bay, bằng một đường bay gập ghềnh, nâng lên, đặt xuống, có lúc như hụt hẫng, nhưng vẫn là đang bay. Rồi, bất thần, đường bay chững lại, va mạnh chị vào một bờ đất kiên cố, nặng chịch, vỡ oà ra. Máu trong người chị chảy như suối, chị tan ra thành muôn ngàn mảnh li ti, bay lập lờ trong sương nhạt. Thế là hết, là chết! Chết là thế đấy!

Cho đến khi tỉnh lại, trước mặt chị là khuôn mặt vô cảm của bà Phán Lan:

-Rõ khổ cái thân! Nhà chị đi đâu trong lúc mưa gió thế này? Nón tờ đâu mà phong phanh? May quá, thế nào mà cái thằng người Tinh Tinh, chuyên cời truồng cời trần nháy Đầu Cầu nó lại thấy chị, lại còn biết mang chị vào cho tôi!

Chị Nga ngơ ngác nhìn lên đám mạng nhện đu đưa qua hai cái kèo tre:

-Cháu đi cắt thuốc cho bà cụ...

-Sao không đưa bà cụ ra viện Than? Thuốc gì hay vẫn thuốc cụ Lang Khuê?

Chị Nga vẫn vô cảm:

-Dạ phải! Mấy giờ rồi hả bà?

-Năm giờ từ khi nãy, nghe tiếng kèng của trại tù binh.

Chị Nga gượng ngồi dậy, bà Phán đỡ một bên cánh tay:

-Chị nằm nghỉ, tôi bảo cháu nó đi gọi ông giáo rồi.

Chị Nga giật mình như người đang từ cõi âm u tịch trở lại cõi dương gian:

-Chết! Bà cho gọi bố cháu làm gì! Cháu bị nhẹ thôi mà. Với lại cháu còn phải ra phố...

-Thôi, đừng đi đâu nữa, tối rồi, mai hẵng đi. Chị cứ nằm đây mà nghỉ...

-Không... Chị Nga khẽ rên một tiếng, gượng đứng dậy, nhưng năm hụt cái thành giường, chao người, chống một bên đầu gối xuống đất.

Bà phán chạy lại:

-Bảo mà! Đây kia, ông giáo đang ra kia...

Thầy Hoan đội một cái áo bạt cũ rách lỗ chỗ, dừng lại ngoài hiên rũ phành phạch rồi vắt lên cánh rại, bước vào nhà. Trông thấy chị Nga

đang ôm bụng quằn quại, thầy nắm lấy cổ tay con gái:

-Con bị làm sao thế?

-Con chết mất! Bố ơi!...

Cơn đau bụng quằn thắt thành linh kéo đến cùng với sự có mặt của thầy Hoan. Hai con mắt trắng dại của chị Nga ngó trừng trừng vào mặt cha. Bà Phán Lan thấy thế thì đâm lo:

-Nói đại, hả ông giáo? Có phải chị Nga...?

Phải rồi! Chị Nga đang vật vã trong tay tay cha, một tay chống vào bên sườn oằn bụng gồng lên như gò, như đồng. Tay kia chị nắm một nắm tóc cho vào miệng cắn, tiếng rên của chị qua những sợi tóc ré lên một âm sắc ghê rợn:

-Bố ơi... Bố cho con về nhà bố đi. Để con chết!

Thầy Hoan bối rối nhìn vào mắt con gái:

-Sao? Con thấy sao?

Bà Phán vội vàng chạy về phía bàn thờ lật bật đốt ba nén hương rồi phủ phục xuống đất lồm rồm khấn vái. Đoạn bà quay lại, ghé vào tai thầy Hoan:

-Ông Giáo ạ... Hình như là... có dễ... chị Nga, chị ấy trở dạ!

-Hả? Bà Phán, bà nói cái gì?

-Không có gì đâu. Cô ấy sắp đẻ...

Thầy Hoan đỡ người, buông con gái ra nhìn bà Phán:

-Ai bảo bà thế?

Không nói không rằng, bà Phán Lan giật phăng hàng cúc áo bên dưới bụng chị Nga trật ra một hàng, mấy lớp vải cắt chéo quăn chặt lấy bụng. Bà Phán tiếp tục lần giở những cái tã trẻ con hình tam giác được quăn mấy vòng. Sau cùng, bụng chị Nga như bất ngờ trướng lên, lòi những cục, những cục... Chị Nga hét lên một tiếng:

-Đừng! Rồi chị nhìn thầy Hoan bằng cái nhìn tuyệt vọng: Bố ơi. Cho con về...

-Không sao! Chị nằm đây, để tôi đi gọi người. Bà Phán vừa thở vừa nói.

-Đừng! Cháu lạy bà, cháu chết mất!

Thầy Hoan bất thần đứng vụt dậy nhìn chị Nga như ngây dại. Trong một giây đắn đo, thầy ghé lưng vào:

-Ôm lấy cổ bố. Ta về nhà đi con...

Khi thầy Hoan xốc con gái lên lưng thì trên khuôn mặt màu vàng nghệ giờ đã chuyển sang trắng bệch của bà Phán Lan lộ vẻ vô cùng kinh ngạc:

-Sao? Ông định giết chị ấy à? Trời đang mưa sầm sập thế này!
-Bà ơi! Bố con tôi đội ơn bà! Bà đừng để chuyện này lộ ra với ai...
Cháu nó dại, tôi xin chịu. Để tôi tính.

Nói xong thầy Hoan cũng chị Nga lao ra sân trong một màn mưa mờ mịt. Bà Phán tần ngần đứng nhìn cái bóng lù xù của hai cha con ông giáo lão đảo lặn vào trong mưa. Rồi bà quỳ quả sắp những thứ mà bà vừa lấy ở bụng chị Nga ra cho vào cái tay nải, chòng cái áo tơi qua cổ chạy vụt ra trời mưa. Ra đến giữa sân, bà Phán lại chạy vào buồng tìm kim chỉ, một xấp giấy bản, và hai ba cái lọ đựng gì không biết. Bà chạy mãi miết đuổi theo họ, trong màn mưa đục mịt mờ và trong gió giăng giàn giạt.

Năm ấy lụt to. Quê tôi chưa năm nào lụt to như thế. Đường ra chợ Ba Hàng, người đứng trên cầu Châu có thể chỏ chân xuống dòng nước chảy xiết. Nhiều người còn hào hứng kể lại cho con cháu nghe đến vài mươi năm về sau những câu chuyện đại loại như thường luồng và giải cuộn tròn lại với nhau quấn xiết lấy những thân cây cổ thụ trôi phẳng phẳng trên sông Công. Thật là một năm đại họa. Câu chuyện về mùa lũ ổng năm ấy tuy có để lại những ấn tượng hãi hùng cho nông dân làng Sơn Cốt, nhưng nó mau chóng tan biến đi cùng với cái đói kèm sát sạt ngay sau đó, và bởi những câu chuyện khác thời sự hơn, sát sườn hơn...

Dân làng Sơn Cốt chúng tôi nói theo thuật ngữ thời bây giờ thuộc vào hàng đói thông tin. Sở dĩ nói "đói" là vì họ là những người ưa thích đưa chuyện, nhưng không phải lúc nào cũng có sẵn chuyện để mà truyền khẩu. Đói ăn vụng, ăn vụng còn ăn, huống hồ được một bữa liên hoan kiểu như đại hội xã viên thì còn gì bằng. Đàn ông có mâm của đàn ông, đàn bà và trẻ con có chiếu của mình, ăn xong còn lấy phần. Những miếng thịt mỡ thái con chì trắng ơn ớn, đói lâu ngày, thiếu kinh niên, tương vào chưa biết bổ béo ra sao nhưng đám giun đũa, giun kim và vô vàn loài sống ký sinh trong đại tiểu tràng cũng được một bữa liên hoan. Và rồi những cơn đau bụng té re cả làng quần nhau tìm lá ổi, vỏ sắn thuyền... Thông tin cũng thế!

Dòng tin thời sự nóng hổi và cực kỳ hấp dẫn lan truyền như một làn vi ba âm ỉ xuyên suốt từ nhà này sang nhà kia, qua những bức tường đất, qua những mái rạ đến từng người dân, đàn ông, đàn bà và cả người già, trẻ con. Tất nhiên là chị Nga không nghe thấy, nhưng có lẽ vì không nghe được những lời đồn đại ấy nên chị càng đau đớn

quần quai. Trong ngôi nhà lợp lá cọ dậm lá mía ướt sũng nước mưa, thầy Hoan âm thầm phục vụ con gái. Thầy vui hay buồn, đau khổ hay hạnh phúc? Có lẽ cả hai, bởi cho nên thầy không nói nhiều, nhưng nhìn con gái ôm con, thầy ánh lên một nét cười trong bóng tối.

Có một người, đó là bà Phán Lan, người đã đón tiếng khóc của cậu con trai đem đặt vào tay chị Nga, không, bà đặt vào tay thầy Hoan trước đã:

-Ông bế cháu tý nào! Thằng chó mới hay làm sao!

Cứ thế bà suýt soa, đến nỗi thầy Hoan cũng cảm thấy "thằng chó" mới hay làm sao. Một ngày hai buổi, bà Phán chạy vào giặt giũ, cơm nước cho chị Nga. Thầy Hoan phải chắp hai tay vào nói với bà:

-Bà để tôi làm, tôi làm được. Ba làm tôi áy náy quá!

-Giời đất ơi! Ông giáo mới là người hay! Chuyện váy máu, đàn ông đàn ang, ai lại dúng tay vào. Ông giáo khỏi phải lo, tôi làm là làm phúc cho con cháu tôi, chứ ân với huệ gì. Nói để ông giáo yên lòng, đời tôi còn chua chát bằng vạn ấy chứ, mà nào có thằng nào con nào cắn gấu váy tôi đâu... Nào! xem thằng chó của bà thức hay ngủ nào? Cứ thế bà Phán Lan xằng xái với những công việc khá là vất vả và phức tạp. Bà bê chậu quần áo tã lót ra ao Sen ngồi dặt hai chân lên cái cầu đá ngay sát đường đi mà vò, mà vổ. Bà vổ rõ to, cứ bồm bộp, bồm bộp... Đó là bà tự hào với việc làm phúc đức, nhưng lại thành ra trêu ngươi thiên hạ. Bà Th., cái bà đàn bà giàu có, có tiếng là hay thốc mách, khích bác, đi qua dĩ nhiên là phải ngửa mồm rồi:

-Ôi giới! Bà Phán đấy à, cứ tưởng ai người thiên hạ! Bà giặt giũ gì mà cứ quần quật thế? Lại có cả tã lót nữa. Con gái hay con dâu "vỡ chum" đấy?

-A à! Bà Th. đấy à? Con cháu gái tôi nó đẻ đấy bà ạ.

-Thế trai hay gái đấy?

-Trai! Trai mới quý chứ lì. Nó lớn lên nó lại vào Nam đánh nhau, chứ nó lại thềm trốn chui trốn nhủi như khối thằng sợ chết ở cái làng ta bà nhĩ...

Bà Phán Lan cười, tiếng cười cứ lạnh lạnh, tự nhiên, một mình, đến nỗi chỉ nghe bà cười, người ta cũng phải cười dù chả biết bà cười gì.

Cuộc đời chị Nga của tôi lại tiếp tục rẽ vào một ngõ ngoặt nữa trên con đường đời gập ghềnh đầy những bất trắc. Những ngày đầu tiên nhìn đứa con trai đỏ hỏn, ngọ ngoạy trong đám tã lót, chị không còn

biết mình có còn tồn tại trên cõi đời này nữa. Cứ y như thể một cơn chiêm bao trong giấc ngủ ngày, muốn tránh đi nhưng cứ phải nhìn, muốn mở mắt ra thì lại chói lòe, dúi lại, muốn vùng dậy chạy đi mà chân tay cứ không khỏe, cuốn chặt. Nhưng rồi cái cảm giác ấy cũng dần dần qua đi. Từng tí một, chị Nga nhận thức được đây là sự thật chứ không phải chiêm bao, mộng mị. Chị ngồi dậy ngăm nhìn đứa con như ngăm nhìn một con thú nhỏ, lạ lẫm. Trên vầng trán xanh xao, thoáng hiện lên những nếp nhăn nghi hoặc ngờ vực... Cái sinh linh nhỏ bé kia nó động đây, nó mở mắt ra rồi lại nhắm mắt vào, đùn những hạt nhử nhỏ tí màu vang ớn lên bờ đôi mí mắt không lông mày, lông mi và lớp da mỏng tang màu đỏ thắm của máu. Và, không biết được rằng một giây, một khoảnh khắc vụt đến nào đó, chị Nga nhận ra rằng đó chính là đứa con của mình, nó chính là máu thịt của chị vừa trải qua một cơn đau đớn quằn quại, đau như cắt, như xé, như dút. Phải rồi, đó chính là cơn đau vặt ngắt một mảng thịt xương đầu đó của con người chị để tạo ra nó. Ôi! Con tôi! Đúng rồi, con của tôi! Chị Nga chờ đần nghĩ ra điều đó rồi chị bồng nó lên tay, đưa nhẹ và nước mắt trào ra, lã chã... Khi chị vạch áo tìm vú đưa vào miệng thằng bé, nó vội vàng hau háu cái miệng làm như đói khát lắm, nhưng chỉ vài cái mút nó vội vàng nhè ra để há cái miệng nhỏ xíu toàn lợi ra mà khóc. Chị rất kinh ngạc khi con mình khóc không ra tiếng. Chị cảm thấy nhức dữ dội hai bầu vú căng sữa. Chị đặt thằng con xuống góc chiếu rồi vạch vú quay vào tường vỗ mạnh. Những tia sữa màu trắng đục bắn lên vách đất tạo ra hình thù kỳ quái, ngả dần sang màu đen.

Ba ngày sau chị Nga không về nhà, ông Tuấn sốt ruột chống gậy ra ngõ ngóng. Một người nào đó ghé vào cho ông biết tin con dêu ông bị ngã xe ngoài đường, được đưa vào nhà bà Phán Lan. Ngày hôm sau, lại có tin cô giáo Nga bằng huyết nặng lắm nặng nề đòi về nhà bố đẻ là ông giáo Hoan. Ông lão Tuấn sốt ruột quá, lo lắng quá. Căn nhà vốn đã vắng lặng, giờ càng trở nên điều hiu. Ở dưới nhà ngang bà Tuấn vẫn rên và gọi chị Nga. Khi được ông chồng báo cho biết chị Nga bị ngã xe ngoài Ba Hàng, thì bà cảm cái:

-Dừng mãi mớ lên, đi đâu ra ngoài ấy để cho nó ngã?

Ông Tuấn điên tiết:

-Có cần cái mồm đi không? Đã liệt giường liệt chiếu lại còn hay ác khẩu. Đi đâu à? "Người ta" đi cắt thuốc cho bà đấy! "Người ta" mà có làm sao thì bà cứ liệu cái thần hồn...

-Gớm nhỉ! Ông gọi "người ta" là ai thế? Không khéo lại đội nó lên mà thờ...

-Nằm im đấy! Có đói thì bảo, chứ đừng có mà rống lên như thế. Hai con lợn kêu cũng đủ rồi...

Ông Tuân quay ngoắt lên nhà trên về thuốc Lào. Mấy con gà con bị mẹ bỏ sớm đang tranh nhau nhảy nháo nhác lên vành cối xay, hy vọng vào những hạt thóc lép còn kẹt trong nan cối. Ông vung cánh tay yếu ớt lên xua chúng một cách chiếu lệ rồi móc cái đóm cài trên cánh rại, châm vào ngọn lửa yếu ớt của ngọn đèn con để cả ngày. Thuốc Lào bắt lửa, lại được kéo gió mạnh, từ hai lá phổi còn khá tốt của ông lão, rục lên rồi từ đỏ chuyển sang màu trắng của tàn thuốc. Ông lão ngưng lại lấy hơi, rồi đưa cái điếu lên cao ngang mặt, rít một hơi cực mạnh, quyết định của một mối thuốc. Khói tràn vào ngáp ngựa buồng phổi, ở đó chừng một giây rồi lại kéo nhau ra cuộn cuộn, ở cả cái miệng rộng và hai lỗ mũi khoằm. Say! Thuốc Lào bao giờ cũng say. Phải say mới là thuốc Lào, say đến quên xung quanh, quên cả mình, cả điếu. Rồi tỉnh lại một cách nhanh chóng, nhưng sau say là một tâm trạng tỉnh khác hẳn, mới hẳn, không thật rõ ràng với trước đó, trước khi hút. Ai đã từng hút thuốc Lào, chắc hẳn phải có cảm giác như thế.

Đang lơ mơ với khói thuốc, có tiếng con chó hực lên mấy tiếng rồi nhảy cẫng lên rên ư ử. Khách nào nhỉ? Con chó nó cong đuôi lên thế kia, đích thị người quen. Ông vừa tìm chỗ dựa cái điếu vừa ngẩng lên thì đã thấy người đàn bà bước vào. À, con mẹ Diệu.

Chị Diệu mặc quần phíp, áo sơ mi kiểu Hồng Kông, từ ngực trở xuống thẳng đuồn, tóc rẽ ngôi lệch lười trai. Trông chị đúng là mẫu người cán bộ thời ấy. Chị cũng làm chức gì đấy có chân trong ban lãnh đạo xã bên cạnh. Vừa dựa cái xe đạp vào thành bể nước, giọng chị oang oang:

-Sao bảo thầy ốm đau thế nào? Gớm, con cũng bận quá, nghe tin thấy vậy mà mãi hôm nay mới sang được.

-Vâng! Ông Tuân nói mát. Cả năm nay rồi mà chị mới vác cái mặt sang, giang sơn nhà chồng có bị làm sao không?

Chị Diệu đánh phệt xuống cái chổi rơm, cầm nón ve vẩy:

-Ồi dào! Ồm, ồm như u con thì có mà chết người ta. Thế vợ Kỳ nó đi đâu rồi thầy?

-Thấy bảo ngã xe đã vài hôm nay nằm bên nhà ông giáo Hoan...

-Khốn khổ, khốn nạn! Đi đâu mà tí tởn thế chả biết. Để thường lại

tính đi bước nữa chắc?

Ông Tuân ngồi im, toan hút điều thuốc nữa, nhưng thấy người vẫn còn say say lại thôi. Thấy bố không nói gì, chị Diệu tiếp:

-Ở bên ấy, con nghe người ta đồn về thím ấy nghe rác cả tai ra.

-Đồn thế nào?

-Còn thế nào nữa. Làm đom lăm cơ. Mà cái này mới ác mồm, chả biết có thật không?

-Cái gì thật với không thật?

Chị con gái nhóm dậy ghé sát tai bố:

-Nghe bảo thím ấy... cô ấy chim cả... thầy, có không?

Ông Tuân giương cặp mắt khỏi thuốc lên chờ dẫn nhìn con gái. Mãi sau ông mới buông một câu:

-La...áo...!

Non trưa, ông lão Tuân lộc cộc đẩy cánh cổng tre rệu rạo bước vào sân nhà thầy Hoan. Lúc ấy, đang bầy lại cái bu gà đã bị bung ra một góc, nghe động thầy Hoan ngẩng lên và cảm thấy máu trong người như dồn cục lại đầu đó trên thái dương. Tay vẫn cầm con dao cùn, thầy Hoan đứng dậy chào thông gia:

-Cụ sang chơi?

-Không dám, chào ông giáo!

Nhìn ông Tuân sòm xuống dựa cây gậy sắn vào cột hiên, thầy Hoan chưa nghĩ ra được một câu nào để khả dĩ đánh loăng cái không khí u uất, nặng nề đang đè nặng lên căn nhà ốm yếu, đè lên đôi vai mòn mỏi của thầy. Đến khi ngồi vào cái ghế khập khểnh, thở mấy nhịp ông Tuân lên tiếng:

-Cô Nga làm sao hả ông giáo?

Thầy Hoan bỗng rùng mình một cái như một thầy pháp, nhồm lên nắm tay ông Tuân lôi xềnh xệch dậy:

-Mời cụ vào đây...

Ông Tuân không hiểu chuyện gì, định cưỡng lại nhưng vì ông thông gia kéo mạnh quá nên ông cũng phải theo. Hai ông già, lôi kéo nhau lò mò gò lưng chui vào cái cửa buồng tối om. Từ ngoài nắng, ông Tuân đang còn hoa mắt chưa nhìn thấy gì thì thầy Hoan đã vén tấm vải mùng che vuông cửa sổ để một luồng sáng vàng bừng rọi vào đồng tử lút đang ngoay.

-Cái gì thế? Ông Tuân thì thào.

-Cụ vẫn chưa nhìn thấy gì à? Cháu tôi đấy! Thầy Hoan đĩnh đạc.

Ông lão Tuân giương hai mí mắt lên nhìn mà không tin vào mắt mình. Chị Nga giật mình ngồi thu mình vào một góc chiếu như con mèo thủ thế. Im lặng trôi đi nặng nề.

-Cháu tôi đấy, cụ ạ! Thầy Hoan đồng dặc nhắc lại một lần nữa, tưởng ông Tuân thế nào cũng gầm lên. Nhưng không, ông Tuân cúi xuống nhìn sát vào mặt đứa bé rồi nhìn thẳng vào mặt chị Nga mà hỏi một câu thảng thốt:

-Trai hay gái?

-Trai! Chị Nga buột mồm, còn thầy Hoan thì hoàn toàn bị bất ngờ bởi câu nói khá hỗn của con. Thầy đứng lùi xa một bước nhìn hai người, ông Tuân và chị Nga nhìn nhau. Chợt tim thầy nhói lên đau đớn khiến thầy phải ôm ghì lấy ngực mình. Cơn đau dai dẳng quá, khiến thầy ngã phịch vào cái bao tải đựng sẵn khô. Chị Nga vùng dậy ôm lấy thầy mà khóc:

-Bố ơi! Con giết bố rồi...

Cánh Đồng Lưu Lạc

ĐOẠN 6

Nắng gay gắt! Nắng tháng Tám héo quăn héo quắt lá sắn, buổi trong vườn rụng bình bịch suốt đêm. Ban ngày, tầm quá trưa nước trên cánh đồng Lưu Lạc như sôi lên, sủi tăm, những con cua con, những con cá cờ đuôi tím ngắt... nhao vào bờ leo lên gốc rạ tìm nơi tránh nắng. Một buổi chiều, đúng vào ngày tháng con đầy tháng chị Nga đội nón bông con ra xã làm giấy khai sinh. Tôi không muốn thuật lại cái chuyện đầy sóng gió này vì có nhiều người đã viết về sự "thảng như nòng súng, rần như hòn đạn" của Ủy ban hành chính hồi đó rồi. Nhưng nhờ vào tấm lòng từ tâm, đầy giông bão và đau khổ của bà chủ tịch xã, mà cũng có lẽ là do tiếng khóc đanh thép và dai dẳng của thằng bé, đích thân chủ tịch xã đã viết và ký giấy khai sinh cho nó. Nó mang họ Trần, họ của anh Kỳ, tên nó được chị Nga đặt là Hận, Trần Hận! Xong xuôi cái thủ tục này, chị bế thằng con về nhà ông Tuân.

Nhìn theo cái dáng lăm lũi, nhẩn nhục của người đàn bà trẻ đang bế đứa con rẽ vào ngõ khuất, bà chủ tịch bỗng cảm thấy lòng mình

chạnh đau như muối xát. Bà cầm con dấu Ủy ban hành chính hình chữ nhật lên ngắm nghía: nó cũ kỹ và trầy sứt, loang nhoang màu mực, màu nhòe đen, thật thảm hại, nhưng nó lại có uy lực rất lớn. Nó có thể cứu một con người ra khỏi tai ương, nhưng nó cũng có thể đẩy một con người vào vòng lao lý. Và kèm theo với cái dấu ấy là chữ ký, của bà hay của một người nào đó, của bà chẳng hạn, là chính quyền, là công lý, là lợi ích... Bà chủ tịch xã chúng tôi, bỏ con dấu cùng với những thứ giấy tờ linh tinh vào cái túi xách màu đen, dắt xe ra cổng ủy ban. Bà lựa một quãng đường phẳng, nhảy lên pê-đan chiếc xe đạp nữ màu xanh phòng không. Bà cứ đạp... và không sao dứt ra khỏi hình ảnh thằng bé con cô giáo Nga, nó đỏ hỏn hỏn như con chó con chưa mở mắt, quờ quạng tìm vú mẹ. Tên nó là gì nhỉ? Hận, Trần Hận! Sao cô ấy lại đặt tên cho con mình như thế nhỉ? Hận gì? Ân hận hay thù hận? Bà nhìn lên bầu trời chiều nắng đã tàn, nhưng nóng oi hằm hập, tím bầm, một hai con cò trắng bay lác lõng phía cánh đồng Lưu Lạc. Rồi thế nào người ta cũng nghi ngờ và chất vấn bà rằng: vì sao mà bà chủ tịch lại chấp thuận một cách dễ dàng lời khai của chị Nga đến thế. Bà hỏi:

-Cô đặt tên cho cháu là gì?

Chị Nga đáp:

-Thưa chị, em đặt cho cháu tên là Hận ạ!

Bà chủ tịch hơi cau trán, nhưng những giọt mồ hôi li ti đã nhòe đi theo những nếp nhăn giãn ra, bà lại ôn tồn hỏi:

-Tên mẹ là Nga! Họ của cô là gì nhỉ? Như tự trách mình, bà nói thêm. Chị em với nhau mà tôi không biết họ của cô. Tôi cũng là học trò của thầy Hoan!

-Dạ, em là Hoàng Thị Nga!

Bà chủ tịch lại hí húi viết. Còn một câu hỏi bà muốn hỏi, câu hỏi cuối cùng nhưng lại rất quan trọng, nên bà cảm thấy rất khó. Thằng bé bỗng khóc ré lên, chị Nga vỗ vào lưng nó, dùng đưa hai cánh tay, ru con. Bà chủ tịch cắn quản bút, nghĩ ngợi. Chị Nga nhìn thấy trên mặt bà hằn rõ sự căng thẳng từ khóe môi. Bà thở mạnh một hơi, chùng người xuống, rồi nhìn thẳng vào mắt người công dân đầy vẻ lo âu, căng thẳng, đang ngồi trước mặt mình:

-Họ của cháu cũng là họ Hoàng chứ?

Chị Nga hiểu nỗi băn khoăn của bà chủ tịch và chị nhìn bà với cái nhìn đầy biết ơn:

-Không, chị ạ! Họ của cháu là họ Trần!

Bà chủ tịch thở nhẹ, cúi xuống định viết, lại ngẩng lên:

-Trần Tuấn? Bố cháu là...?

Chị Nga dù rất cảm phục và biết ơn bà chủ tịch, nhưng chị vẫn thấy cần phải bày tỏ sự khảng khái, thậm chí còn đầy khiêu khích của mình. Chị khẽ lắc đầu, như muốn hất mấy sợi tóc mai vương trên trán, chảy lòa xòa xuống mặc dù nó đã bắt mồ hôi, rồi ngẩng lên nhìn thẳng vào mắt bà chủ tịch:

-Họ tên đầy đủ của cháu là Trần Hận, con của Trần Tuấn Kỳ!

Bà chủ tịch không hỏi gì thêm, bà viết hết những chỗ trống cần thiết cho một tờ giấy khai sinh, rồi ký tên, đóng dấu. Bà nhìn tờ giấy đang màu nâu đất, chao qua chao lại chờ mực khô, rồi đưa cho chị Nga:

-Của cô đây! Rồi bà cười, nhìn thẳng Hận (từ giờ phút này tên nó là Trần Hận). Xem thẳng Cún cái nào... Cháu ngoan chứ? Cô có đủ sữa cho cháu bú chứ? Bà là người tế nhị thật, chỉ hỏi với những câu "tích cực". (Đáng lẽ bà có thể hỏi: Cháu ngoan không? Có đủ sữa không?).

Chị Nga cầm tờ giấy khai sinh quạt cho con:

-Dạ cháu cũng ngoan... Cám ơn chị... Cháu còn non bầy, chưa ăn bao nhiêu nên em cũng đủ sữa!

Tất cả mọi chuyện xảy ra nhanh chóng như vậy đấy. Nhờ Trời! Cũng may cho chị Nga, nếu không gặp trực tiếp bà chủ tịch, mà là ông ủy viên ủy ban phụ trách hộ tịch có lẽ chị chưa biết sẽ phải nói năng, trình bày như thế nào?

Vừa đạp xe, bà chủ tịch xã bỗng bật cười. Bố thằng Hận là Trần Tuấn Kỳ? Anh chàng Kỳ đi bộ đội ba năm thì hy sinh, từ hôm báo tử đến nay cũng đã hai năm! Có họa thằng bé con là ông Thánh Gióng! Nhưng bà mẹ Thánh cũng chỉ mang thai đến ba năm, đang này...

Để hiểu tấm lòng vị tha, cao thượng của bà chủ tịch, tôi xin thuật lại câu chuyện sau đây mà mãi về sau tôi mới được nghe kể lại. Tên bà là Nghĩa, theo một mối quan hệ họ hàng xa, tôi phải gọi bà Nghĩa bằng dì. Ông ngoại tôi và mẹ của dì Nghĩa là anh em thúc bá, con chú con bác, cùng từ Thái Bình lên "tha hương cầu thực". Có lẽ vì thế, mà tuy là họ ngoại, lại đã xa đến mấy đời, các cụ đã mất, nhưng gia đình tôi với anh em dì Nghĩa rất gần bó, còn hơn cả bên nội của chúng tôi. Có điều, sau khi dì Nghĩa trúng cử vào chức chủ tịch xã, bố tôi, trong một buổi tối có đủ mặt cả nhà, (tất nhiên vắng mặt tôi) đã phát ra một mệnh lệnh:

-Từ nay, mẹ con nhà này có đến chơi nhà cái Nghĩa thì đến, nhưng

cầm không được nhờ vả, hay là làm cái gì để nó phải khó xử nhá! Chúng mày nghe rõ cả chưa? Hình như bố tôi nhằm vào một ai đó trong họ nhà tôi thì phải.

Lúc ở nhà tôi có biết chồng dì Nghĩa là chú Cầu. Chú Cầu là thương binh trong một chiến dịch thời kháng Pháp, bị một vết sẹo to giống như cái lưỡi hái bên sườn trước bụng. Những lúc cao hứng và có sự vui vầy của chúng tôi, chú Cầu vẫn thường kể những câu chuyện chiến đấu rất hấp dẫn rồi trệt áo ra khoe cái vết sẹo xù xì rất đáng kinh hãi đó. Chú bảo:

-Ở Điện Biên Phủ đấy! Một quả "tạc đạn" của quân Pháp bắn xuyên qua bụng tao ra đằng sau! Không tin à, nhìn đây...

Chú xoay lưng lại, đằng sau lưng chú cũng có một vết sẹo, nhỏ hơn và nom "hiền lành" hơn! Có lần, tôi kể cho cả nhà nghe chuyện của chú Cầu, bố tôi nghe, ông chỉ tùm tùm cười. Ông cũng có mặt ở Điện Biên Phủ năm 1954.

Chú Cầu là út và là con trai duy nhất trong một gia đình khá giả, toàn chị gái. Tên chú đặt là Cầu, vì chú là đứa con cầu tự được trong cửa chùa. Chú Cầu là một trong rất ít người có học vấn cao trong làng. Tuổi thơ của chú rất sung sướng, chú bảo thế! Chú có bằng Tây học Diplome, nhưng sau khi bị thương chú về quê, lấy vợ, làm ruộng. Đáng lẽ chú có thể thoát ly làm cán bộ nhà nước, ai cũng tiếc cho chú!

Chiến tranh bùng nổ một lần nữa, thanh niên trai tráng lần lượt lên đường vào Nam chiến đấu hết. Đến cả lớp thanh niên mới lớn, mười bảy, mười tám tuổi cũng ra đi. Trong làng chỉ còn lại đàn bà, trẻ con và những người già cả yếu đuối. Sức mạnh của xóm thôn bỗng hụt hẫng, tiếng chó sủa cũng bớt gay gắt, nhưng nghe trầm lắng hơn, ma quái hơn đầy đe dọa. Trên trời máy bay địch quần đảo suốt đêm ngày, mây trắng tản đi đâu hết, bầu trời chỉ còn mây đen, mây xám của khói bom, khói cháy nhà, cháy kho tàng, xăng dầu và cao su, thuốc hóa học... Hai giờ sáng, những người đàn ông già nua và thương tật cùng với những người đàn bà đảm đang, tháo vát dong trâu, vác cày bừa ra đồng, cày bừa trong ánh sao nhợt nhạt để kịp cho các bà, các chị ra cấy vào lúc bốn, năm giờ sáng. Sáng ra, cánh đồng Lưu Lạc đã vắng người, chỉ còn lác đác những ai về chậm và những đứa trẻ mò cua. Mặt trời lên cao, cánh đồng Lưu Lạc chỉ còn lại là một cánh đồng hấp hối, nặng nhọc bốc hơi lên bầu trời ẩm hơi nước và khói xám. Thình thoảng những tốp máy bay F4, F105... xù xì

như những bộ xương đen của loài quỷ lại ào qua, pháo phòng không ở đâu đó bắn lên lụp bụp. Khi những con quái vật hình xương xẩu bay về hướng thủ đô, bầu trời còn lại những vệt khói đen ngoằn ngoèo và những chùm khói trắng như hoa lau của đạn pháo cao xạ. Dì Nghĩa của tôi lúc bấy giờ là chủ tịch Hội phụ nữ xã, tất nhiên dì là một đảng viên. Là cán bộ nhưng dì vẫn là một nông dân, nghĩa là dì cũng dậy từ ba, bốn giờ sáng, cùng với những người đàn bà mắt nhắm mắt mở ra đồng cấy chạy... tàu bay! (Xin mở ngoặc nói thêm là khái niệm "cấy chạy" trong thời bình của làng chúng tôi từ nhiều đời chỉ dùng trong trường hợp chạy cạn, tức là cấy trước khi cạn nước, nếu không nhanh, nước cạn sẽ bị "giế", lúc ấy có thể chảy máu tay người cấy). Đã gọi là cấy chạy thì luôn vội vàng, hấp hoảng, dưới ánh trăng thượng tuần và ánh sao mờ ảo. Sáng ra, dì lại ăn mặc tươm tất đi lo những công việc của hội, của đàn bà, phụ nữ. Mà "gái thời loạn" bao giờ cũng có nhiều nỗi niềm, nhiều trăn trở, nhiều chuyện phải giải bày, nhiều vấn đề phải xử lý. Những người đàn bà đang thì đang lứa đôi ăn, đôi ngủ, và đôi... đàn ông, đã làm cho họ tàn tạ nhanh chóng. Trong những buổi làm đồng tập thể hay những lúc hội họp, giữa những người có chồng ra trận hay những cô gái đồng trinh với nhau, họ vẫn cười, vẫn nói, vẫn đùa nỡm bằng những lời thanh tao lẫn tục tĩu, bất ngờ họ nhìn nhau với cái nhìn dờ dẩn. Họ cùng bất chợt nghĩ về những niềm khát khao đơn giản, có khi tầm thường của bản năng mà ứa nước mắt. Những đêm xuân bưng bưng hoa bưởi, những đêm hè rạo rực lá ngâu, những đêm thu ngạt ngào hương trái thị và những đêm đông gió bắc lửa vào vách liếp, sốt soạt lá chuối khô, họ đơn độc như người khát thèm nước giếng khơi. Dì Nghĩa nói, dì làm, dì đi... nhưng hầu như chỉ làm nén lại nỗi khát khao của họ như nén cái lò so đang nóng chảy. Dì biết thế, vì dì đã trải qua những tháng năm chú Cầu đi bộ đội.

Trong khi dì Nghĩa tất tả với công việc và công tác, thì chú Cầu cũng là một đảng viên, nhưng chú chỉ làm đội trưởng một đội sản xuất. Công việc của chú là thăm đồng, thăm nước, thăm mạ mon và phân công công việc cho xã viên trong tầm quản lý của chú. Công việc không nhàn nhã nhưng cũng không vất vả.

Dì Nghĩa tiếp tục tiến bộ, khóa ấy dì trúng cử vào hội đồng nhân dân, và được bầu làm chủ tịch xã.

Đùng một cái, chị Xuân, vợ một anh bộ đội đang ở chiến trường, có... mang! Đây là một việc hệ trọng, một việc tày đình. Không

chồng, đúng hơn là không có chồng ở nhà mà chữa! Tiếng sét loảng ngoảng, xé trời xanh đầy mây xám, đổ xuống đầu chị Xuân! Ai là thủ phạm hả Xuân? Phải chặn đứng cái thói giăng hoa, hủ hóa ấy lại! Con chó dái rưng mỡ ấy đâu? Trong khi người ta đổ máu ở mặt trận thì nó ở nhà mò vào buồng vợ người ta để làm cái trò ăn vụng. Mà cái cô Xuân ấy nữa, không chịu được thì đổ thóc vào cối mà xay, không có thóc thì xay cối không, việc gì mà phải ngửa đên thế? Con cho cái không goe nguẩy thì đời nào con chó đực nó vầy đuôi? Chị Xuân cúi mặt, úp nón vào bụng đi làm! Khi đẻ được một thằng con trai, thì chị Xuân không chịu nổi sức ép dai dẳng từ mọi bề, chị đành khai ra cha của đứa bé là... chú Cầu!

Trời hại rồi! Dì Nghĩa bị hai đòn quất vào đầu cùng một lúc. Cũng không biết bằng cách nào mà dì không gục xuống. Ngoài lòng ghen tuông thường tình của người đàn bà bị ném trấu vào mặt, dì còn một nỗi nhục của người cán bộ đã bao nhiêu lần đi giảng giải cho người ta bằng những lời cao cả, đạo đức! Thế mà, cái điều sỉ nhục ấy lại rơi vào gia đình dì, vào chính đầu dì.

Cuộc chiến đấu không hề kém quyết liệt, đau thương, mất mát... so với ngoài mặt trận đã đi đến kết thúc. Đảng ủy xã đã quyết nghị để gia đình chú Cầu phải nuôi đứa bé con chị Xuân. Kể cũng lạ, tình mẫu tử không hề làm cho chị Xuân thấy đau xót hay nao núng khi chị nhẹ nhàng giao đứa con cho dì Nghĩa. Còn chú Cầu không chối bỏ đứa con và thế là chú bị bắt ra huyện rồi phải đi tù ba năm.

Không phải đi tù vì không có tòa án xét xử, mà chú Cầu bị đưa đi cải tạo giam giữ theo lệnh của nhà nước, vì tội hủ hóa với vợ bộ đội, làm mất ổn định, phá hoại chính sách hậu phương quân đội. Một lệnh là ba năm, nếu cần, có thể bổ sung bằng những lệnh ba năm khác tiếp theo.

Với bốn đứa con của mình, giờ đây, dì Nghĩa phải nuôi thêm một đứa con chồng còn đỏ hơn hồng. Khó khăn về cơm áo đã chất chồng, nhưng còn có thể vượt qua được, nhưng nỗi nhục nhã thì dì chỉ có thể chôn vào lòng. Đúng lúc ấy, chị Nga đem thằng Hận ra xã làm giấy khai sinh, như tôi đã kể.

Tất nhiên hết khóa ấy, dì Nghĩa của tôi không còn làm chủ tịch xã, hơn thế nữa, dì từ chối mọi công tác, xin ra Đảng để làm người dân bình thường nhưng lương thiện để nuôi những đứa con, như lời dì viết trong đơn xin thôi công tác. Cuộc đời của dì Nghĩa tôi sau này rất buồn thảm. Mãi sau này, cách đây vài năm, tôi về thăm dì thì dì bị

mù cả hai mắt, ở với bà mẹ chồng, tức mẹ chú Cầu, chín mươi tư tuổi cũng bị mù. Chú Cầu đã bị chết trong khi đi cải tạo, do vết thương hình lưỡi hái xuyên từ bụng sang lưng tái phát. Còn đứa con của chú Cầu với chị Xuân đã về ở với mẹ, vì anh chồng chị Xuân đã hy sinh, năm ấy nó đã hai mươi hai tuổi, nhưng không xin được đi làm nhà nước, vì lý do gì đó. Còn chị Xuân thì không vui nhưng cũng không buồn lắm, chị vẫn thường qua lại với dì Nghĩa, nhận dì Nghĩa làm chị. Khi bà cụ mẹ chú Cầu chết, chị cũng góp một con lợn và hai mươi cân gạo làm ma, và đôi khăn trắng. Tôi hỏi dì Nghĩa:

-Sao lúc làm giấy khai sinh cho thằng Hận, dì không hỏi cha nó là ai? Dì cười, hướng đôi mắt nhắm tịt, ứa nước ra phía cửa:

-Hỏi làm gì hở anh? Đau khổ đến thế còn chưa đủ hay sao mà hành hạ nhau nữa...

Chị Nga của tôi lại túi bụi với công việc nhà chồng, để thằng Hận nằm lẫn lóc một mình, thỉnh thoảng ông Tuấn mon men lại gần, nựng nó, âu yếm nó, nhưng chỉ làm nó khóc toáng lên mà thôi. Mỗi lần nó khóc bà Tuấn ở dưới nhà ngang lại rên lên dữ dội. Rên một lúc bà khóc anh Kỳ. Tiếng khóc nào nùng, đay nghiến như vật thịt vật da người nào đó. Thì còn người nào nữa, chị Nga chứ ai. Ông Tuấn lúc đầu để yên, nhưng sau phải vào tận nơi, chỉ vào mặt vợ:

-Bà làm cái gì thế? Có cầm cái mồm lại không!

-Ồi giờ ơi! Con ơi là con! Kỳ ơi là Kỳ! Con đem thân đi chết vì nước vì dân, con có biết đâu ở nhà mẹ khổ như thế này!

-Bà thì khổ cái nỗi gì? Đã là cái cục nợ cho người ta còn không biết thân biết phận...

-Ồi ông giờ ơi! Người ta đang rửa tội. Vâng, tôi là cái nợ, thế còn ông là cái gì mà ông giương mắt lên nhìn cái con gà cỏ ấy?

-Gà cỏ nào? Nó là máu mủ nhà này đấy!

Cuộc đấu khẩu bất tận bằng những tiếng khóc ấy làm cả làng lắc đầu. Rồi đến một hôm, hai người con gái lấy chồng thiên hạ bảo nhau kéo về một lượt. Chị Diệu về trước chị Thông một chút. Cả hai không nể mồm ra sức nhiếc móc chị Nga, là quân ngựa nghề đồ đi rạc. Đã thế lại ngang nhiên đem đứa con hoang về nhà chồng. Nếu ông Tuấn không dọa tự tử treo cổ lên xà nhà thì họ đã đè chị Nga ra mà gọt đầu. Kể cũng lạ, chị Nga không nói, không khóc, đến gần trưa, chị xuống nhà ngang quỳ sụp xuống lấy bà Tuấn bốn lạy, lên hè cũng lạy hai bà chị chồng cũng bằng tưng ấy cái, rồi lạng lẽ bế

con, đập cái nón mê lên mặt nó, ra cổng. Ông Tuân muốn đuổi theo nhưng hai bà con gái giữ ông lại. Họ cùng đứng ở giữa sân nhìn theo cái bóng chị Nga đi về phía cánh đồng cho đến khi khuất hẳn vào sau rặng tre bờ sông. Đến lúc ấy, ông Tuân đứng giữa sân ngửa mặt nhìn mặt trời chính ngọ đâm ngực đùm đụp:

-Giời ơi là giới! Nó là máu mủ nhà này đấy, các người biết không? Hai bà con gái nhìn nhau, nhưng không nói gì. Mãi sau chị Diệu mới lên tiếng:

-Cứ để cho nó đi! Nhà này không cần cái ngử ấy. Hai ông bà già đã có tiền liệt sỹ của cậu Kỳ sống hết đời lo gì mà lo?

-Phải đấy! Lúc này chị Thông, người con gái thứ hai, em của chị Diệu mới góp tiếng vào. Cậu Kỳ hi sinh là để lại quyền lợi cho thầy u, chứ chưa nó ở đấy ngày nó cướp mất đem cho giai. Lại còn nhà cửa vườn tược này nữa thì ai mà giữ. Chúng con lấy chồng ăn phận nhà chồng...

Chị Nga cứ lùi lũi bằng con đi về phía bờ sông. Thực trong lòng chị vẫn hi vọng ông Tuân cất lên một tiếng giữ chị ở lại, dù chỉ là đái bơi. Nhưng không, không có ai, không có gì níu chân chị ở lại, ngoài những tảng đất cày và đám gốc mía từ vụ trước còn loi thoi gập ghềnh dưới chân chị.

Nơi bờ sông ấy là một khu bãi bồi gọi là Soi Vạt. Soi Vạt rộng chừng vài mẫu được người ta trồng tre bao để dòng sông Công khỏi lấn vào cánh đồng. Tre rất tốt và đặc biệt những bãi cỏ xanh mướt kéo dài suốt một triền bãi xen kẽ với những bãi cây bưởi bung. Tôi cũng không hiểu tại sao ngoài đám trẻ mục đồng chúng tôi ra, người lớn rất ít khi đặt chân đến đây, và Soi Vạt trở thành một thế giới riêng của chúng tôi, như là trong chuyện cổ tích. Vì là chuyện cổ tích nên ở đó thường hay có Bụt, có Tiên, và cả những mụ dì ghẻ ác độc và cả ma quỷ nữa, rất nhiều. Vào mùa nước nhỏ chúng tôi thường lùa trâu vào Soi Vạt và tha hồ vùng vẫy dưới dòng nước trong vắt của con sông miền Trung du. Chúng tôi say mê tìm những tổ cò lửa để lấy những cái trứng màu nâu đỏ trong những cái tổ sơ sài trong bụi dứa gai. Chán, chúng tôi lại xuống sông lật những hòn đá tìm những chú tôm ngái ngủ. Có khi bắt được một mớ, chắt một đồng lửa bằng cành tre gai mà nướng. Những con tôm sông chuyển dần sang màu đỏ au, thơm và ngọt. Những lúc như thế đám trẻ trâu chúng tôi, cả trai lẫn gái, nằm ngả mình trên cỏ thi nhau mơ màng. Chúng tôi có một thế giới tuổi thơ êm đềm trên cánh bãi Soi Vạt. Về sau này, khi

chúng tôi lớn lên trở thành những chàng trai, cô gái bay túa đi nhiều phương nhưng dòng sông vẫn thế, vẫn êm đềm và bí hiểm như là trong một thế giới cổ tích bị lãng quên...

Từ hôm ấy, Soi Vạt là nơi trú ngụ của hai mẹ con chị Nga. Những tin tức của mẹ con chị Nga bay về xóm rất nhiều chiều, nhiều luồng và đứt đoạn bởi chủ yếu là do đám trẻ con mục đồng thuộc thế hệ sau chúng tôi đem về. Rồi một ngày, ông Tuân chống gậy lần theo những rặng tre ven sông. Nhưng ông đành thất vọng trở về, bởi vì hai mẹ con chị Nga không còn ở đấy nữa. Không ai biết chị đi đâu. Mãi một thời gian sau có một nguồn tin nói rằng, vào một đêm trăng suông, những người lẩn mọt trên sông nhìn thấy bóng người, một người mẹ ôm con ngồi trên một cái mảng nứa, trôi theo con nước về mãi dưới xuôi. Thế thì đúng chị Nga rồi! Buồn quá, sự đời nước chảy bèo trôi, chỉ thương cho chị Nga của tôi, cho người thiếu phụ thời nước non loạn lạc...

Từ sau ngày có tin mẹ con chị Nga đang giữa đêm khuya đưa nhau trên mảng nứa trôi theo dòng sông Công về mãi dưới xuôi xa tít mù khơi, dân làng Sơn Cốt chúng tôi được dịp rộ lên một chấp xung quanh "vụ cô giáo Nga" để rồi lại ăng xuống như dòng sông sau cơn lũ. Mỗi lần một người nào đó gặp ông Tuân chống gậy lần thẩn đi về phía Soi Vạt, họ lại lắc đầu đầy vẻ thương cảm. Thời gian trôi đi chậm chạp và nặng nề một cách tai ác... Một hôm như thế, ông lão Tuân đang trên đường từ bãi soi về làng, anh Định Khiển, người giao thông xã, chuyên lấy thư từ, báo chí và các loại công văn của xã bằng chiếc xe đạp Phượng Hoàng tổng tộc tới. Nhìn thấy ông lão Tuân, anh Định rà phanh xe lại dừng ngay trước mặt ông lão:

-Chào cụ! Cụ đi đâu về mà nắng nôi thế này, nón áo chả có?

Ông lão từ từ ngẩng lên và từ từ cất giọng:

-Ừ! Thế ông là ai...?

Anh giao thông cười:

-Con đây mà cụ! Định giao thông đây...

Nhận ra người quen, ông lão chẳng lại một giây, rồi thều thào:

-Tôi có thư à? Hay là lại giấy báo tử...?

-Khổ quá! Làm gì có giấy báo tử nữa... Hoà bình từ mấy năm nay rồi!

Các anh bộ đội ai còn sống thì đã về làng cả rồi!

-Ừ nhỉ! Ông lão Tuân cười nhợt nhạt, nhe hàm lợi khô, nhăn nhúm.

-Con có tin này cho cụ đây. Rồi giữa đường vắng, anh giao thông xã

vẫn ghé sát vào tai ông lão, giọng thì thào, như sợ có ai nghe thấy.
Con biết chỗ mẹ con cô giáo Nga ở rồi!

-Thế à? Ông lão giật mình, nói to lên bằng giọng reo mừng như quát.
Anh thấy mẹ con cô ấy ở đâu? Họ có khỏe mạnh không?

-Cụ ơi, nhỏ nhỏ thôi, không có các bà con gái cụ mà biết lại chữ
cháu là đồ hóng hớt. Cháu không nhìn thấy, nhưng anh bạn bưu
chính huyện thấy và tả lại thì con nghĩ đúng là mẹ con cô giáo Nga,
chứ còn ai?...
Ông lão vịn một tay vào ghi đông xe đạp của anh giao thông:

-Anh chỉ chỗ cho tôi mới!

-Nhưng mà xa lắm, không phải ở tỉnh ta đâu!

-Xa là ở đâu?

-Bên Phú Thọ kia!

Ông lão chống cái gậy tre vào cằm, nghĩ ngợi:

-Phú Thọ à? Tôi biết. Hồi năm đi dân công lên Điện Biên tôi cũng đã

đi đường ấy... Thế anh bạn của anh thấy cô Nga nhà tôi làm công
việc gì?

Anh giao thông tỏ ra ái ngại:

-Con cũng không hỏi...

-Bây giờ anh ta ở đâu? Cho tôi gặp một cái được không?

-Vâng! Để hôm nào con mời anh ta vào nhà chơi, rồi con bảo cụ.

Thôi, bây giờ con phải đem công văn vào ủy ban xã kéo muộn. Mà
này, cụ nhớ giữ kín chuyện này hộ con nhé!

Ông lão Tuân gạt đầu hai ba cái rồi nhìn theo anh giao thông thọt
chân đang dướn mình "nhảy-bê-đan" trên chiếc xe đạp tróc sơn đèo
đằng sau lưng lẳng hai cái túi bạt lòi cả ra những tờ báo còn mới mùi
mực in...

Ông lão Tuân bỗng thấy trong ruột gan bắt đầu có cái gì đó bào xé,
nếu như trước đây nó chỉ âm ỉ sôi réo, thì bây giờ nó thật sự bào xé.

Ông không thần thờ mà cảm thấy có ai đang đợi mình ở đâu đó. Ở
đâu thì ông không biết, có thể là ở nhà, mà cũng có khi là ở một nơi
nào đó xa thẳm. Hình như ông sợ chết! Nếu cách đây vài phút đồng
hồ trước khi gặp Định Khiển, ông chả còn thiết sống, ông coi lần ra
với Soi Vạt này là lần cuối cùng, để rồi vĩnh viễn nằm lại trên chiếc
chống tre, chờ người ta gói ông vào tấm vải liệm. Ông sẽ ra đi mà
trong lòng không thể thanh thản, nhưng còn cách nào khác đâu?

Người già như ông làm sao lột da sống lại để trả các món nợ nhân
gian!

Nhưng không! Định Khiển với cái chân thọt nhảy nhao nhao trên chiếc bút chì pê-đan đã đem lại cho ông một tia hy vọng mới! Hy vọng gì và làm thế nào để thực hiện nó thì ông chưa biết, nhưng ông biết chắc chắn là thế nào ông cũng phải gặp được mẹ con chị Nga của tôi. Đó là món nợ đời của ông. Ông nợ ai? Nợ anh Kỳ? Nợ chị Nga hay nợ thằng Hận? Tất cả, tất cả đã giăng xé ông trên con đường làng khắp khênh toàn dấu chân trâu truyền nhau để lại. Vào nhà, ông lão cẩn thận dựa cây gậy vào góc cột rồi ngồi vật xuống chiếc tràng kỷ long mộng. Nghe tiếng động, bà lão dưới nhà ngang bắt đầu rên to dần. Cả con lợn trong chuồng, cũng như một phản ứng dây chuyền, nghe tiếng rên của bà lão, nó hực lên một tiếng rồi bắt đầu rít. Cùng với sự nổi loạn đồng loạt ấy, bầy gà đang bới ngoài gốc rơm cũng táo tác, nhảy tứ tung vào trong sân, lên bệ nước. Ông lão Tuân đang rối ruột, càng thêm bức bối. Ông muốn làm một cái gì đó cho tan hoang cái cơ ngơi này đi, để khỏi nhìn thấy nó, để khỏi phải lo lắng cho nó... Ông vê điều thuốc Lào, châm đóm nhưng không hút ngay, que đóm cháy leo lên gần ngón tay, đến khi nó xém vào da thịt, ông lão thả nó xuống nền đất, ngọn lửa còn leo lét cháy một lúc nữa mới chịu tắt. Nhìn ngọn lửa bùng lên dưới chân mình trước khi tắt ngấm, vươn lên một sợi khói mảnh ngoằn ngoèo, ông lão bật cười. Ông đang có một dự tính, và châm que đóm khác. Điều thuốc làm ông mê mên chừng vài giây, vài giây đồng hồ thoát khỏi căn nhà và những ý nghĩ.

Có tiếng động mạnh ngoài hiên, ông lão không buồn ngó ra cũng biết là ai. Đó là con Thảo, đứa cháu ngoại con gái đầu lòng của chị Diệu. Nó là một con bé mười ba tuổi, chưa trở mã, người cao ngẳng, xanh xao. Từ ngày mẹ con chị Nga bỏ đi, chị Diệu bàn với cha mẹ:

-Thôi thế cũng là xong, là gọn, thầy u khỏi phải bận tâm. Con thử về bàn với nhà, rồi chúng con sẽ cho cháu Thảo sang ở với ông bà. Trước là để cho có người ruột thịt, sau là để nó đỡ dần, cơ nước, thuốc thang cho bà...

Ông lão Tuân không buồn đáp, ông đang đau lòng, còn bà lão thì khóc nức nở:

-Ồi Giời ơi là Giời! Có con trai mà không được nhờ, phải nhờ đến con gái với cháu ngoại! Giời bảo tôi thế có đau không?

-Cháu nào chả là cháu, bà cứ nói thế, chả trách! Chị Diệu gắt lên với mẹ. Giá kể thằng Thu nó lớn thì con cho nó sang, sau này nó sẽ là người trông nom hương khói cho ông bà. Tội cái, nó hầy còn bé, chả

biết việc gì vào với việc gì...

Nghe đến đây, ông lão Tuân thấy trong ruột gan nóng ran, như thể ai vừa châm cái đóm vào:

-Thôi được rồi, không phải bàn bạc gì nữa, chị muốn thế nào thì cứ thế là làm... Nhưng mà cũng phải bảo chồng chị sang đây, cho tôi nói chuyện. Đây, dinh cơ vợ chồng tôi và thằng Kỳ làm ra đây, liệu mà trông nom. Còn thì hưởng, chả còn thì thôi, tôi nhắm mắt xuống đất, thì còn thiết cái gì. Nhưng cơ mà các chị cũng ác đức lắm...

Chị Diệu tỏ ra đã hiểu câu nói xa gần của bố, chị rời khỏi cái ghế đầu sang ngồi đối diện trước ông bố trên cái tràng kỷ:

-Sao thầy lại nói thế? Sao thầy bảo con ác đức? Thế dễ thường cứ để cho mẹ con cô ấy ở đây là mát mặt lắm đấy chắc? Thầy u già thì cũng phải chết, nhưng cơ mà còn chúng con, còn các cháu, cất mặt vào đâu được?

-Cất vào đâu ấy à? Việc gì đến các chị? Có mà các chị tiếc cái nhà này, tiếc cái mảnh vườn này... Tôi nói thật cho các chị biết...

Chỉ một tí nữa thôi là ông lão nói ra cái sự thật chết người, mà chỉ một mình ông cất giữ. Ông kíp giữ lại trong lòng. Nhưng ông sẽ giữ được bao lâu? Không! Nhất định ông phải nói ra, nhưng nói vào lúc nào và nói với ai, chứ không phải với những bà con gái tham lam, hãnh tiến và mưu mô giả dối này!

Chị Diệu khóc tẩm tức, khóc nức nở:

-Sao thầy lại nói thế! Chúng con chỉ muốn cho cha mẹ khỏi khổ! Chúng con có sung sướng gì khi cha mẹ đơn độc? Nếu cậu Kỳ còn sống thì thử cho chúng con cũng đã dám nhận nào...

-A, ra cái con này hỗn láo! Mày dám thách thức ông, thách thức bố mày à? Thằng Kỳ nó không chết thì ai còn nói làm gì? Nó còn sống mà về đây thì cho ăn vàng chúng mày cũng không dám ho he...

Thực tình, chị Diệu không phải là người xấu, ít nhất là trong trường hợp này. Cái lý của chị, cái tình của chị không thể chê trách, bắt bẻ chị được. Có điều, ông lão Tuân đã giận quá, mất khôn. Trong lòng ông đang dào lên nỗi nhớ thương chị Nga và thằng con trai của chị, thằng Hận! Thế là niềm hy vọng, không, niềm tin, không, báu vật của ông đã vượt mất. Vượt ngay trước mắt ông, nhưng ông đã không giữ nổi, đau đớn hơn nữa là ông không dám giữ. Lúc đó ông là một người đàn ông, tồi tệ, một người cha hèn mạt. Rồi đây, ông sẽ ăn nói thế nào với tổ tông, cụ kị? Ừ, thì cứ cho là việc làm của ông với chị Nga là tồi bại đi! Thì đã sao? Ông đâu phải là con quý dâm dục, ông

chỉ làm một việc là gìn giữ cái dòng họ của ông mà thôi... Ngay lúc này đây mà xảy ra cái chuyện hai bà con gái của ông xa xa đuổi mẹ con chị Nga, thì ông đã...

Cuối cùng thì ông cũng chấp nhận đề nghị của bà con gái là để đưa cháu ngoại, con chị Diệu sang ở với ông bà. Con bé tuy khờ khạo, nhưng được cái ngoan hiền, không dám cãi ông bà. Nhất là bà. Bà cụ Tuấn sau nỗi đau mất con, bệnh tình của bà càng trầm trọng. Người đàn bà quê tôi thường không mấy người chịu ngồi nhà chịu cảnh tôi mọi để chồng nuôi. Bà lão Tuấn vốn là một tay đi rừng, luồn măng, hái củi cừ khôi. Bằng ấy năm, khi bà chưa bị cái bệnh tê thấp đánh ngã gục, bà đã chèo chống cái gia đình vốn rất đa đoan, đao đổ. Ấy thế mà khi bệnh tật, lao lực đánh bà ngã gục xuống, như là một trận hỏa hoạn, mọi cái đã tiêu tan... Cho nên bà đau đớn lắm. Đau thì bà phải kêu!

Thực tình bà thương con dâu lắm. Đời người đàn bà làm dâu có chồng bên cạnh đã khổ, đằng này mới cưới nhau được hai tháng thì chồng đi biệt biệt vào nơi hòn tên mũi đạn, chẳng có ngày về. Thế rồi, bây giờ, chồng chẳng còn, con cũng không có, ở lại nuôi hai cái năm xương ư? Thì nó phải phá ra, nó phải đi thôi! Nhưng, như thế thì oan uổng cho con bà, cho thằng Kỳ quá! Nó chết có nhắm được mắt không? Hả Giời!

Con bé Thảo lướt qua vách dừng, nó biết ông lão Tuấn đã về, nhưng nó không có thói quen chào ông, mà chỉ lướt qua, đánh động để ông nó biết. Ông lão Tuấn, sau phút say xiêu vẹo của điều thuốc Lào, gọi vọng ra ngoài sân:

-Thảo ơi! Lên đây ông bảo!...

Con bé rón rén vào nhà, ông lão e hèm mấy cái rồi hỏi nó:

-Bà ăn cơm chưa?

-Bà cháu ăn rồi ông ạ! Ông ăn cơm để cháu dọn lên...

Ông lão nhìn ra ngoài sân, cái cần kéo nước ngất ngểu trên miệng giếng, làm ông phân tán ý nghĩ, suýt thì ông quên mất cái ý định nói với nó lúc đầu. Ông "sù" một tiếng đuổi con ngan đang lể mể trong sân giếng, thỉnh thoảng lại "phệt" một bãi. Con bé Thảo thấy thế toan chạy ra, ông gọi lại:

-Đứng đấy ông bảo. Ông chưa muốn ăn cơm đâu, cứ để đấy cho ông. Bây giờ cháu về bên nhà bảo mẹ chiều qua ông nói cái này nhé!

-Mẹ cháu đi họp ngoài huyện ông ạ! Không biết đã về chưa...

-Ừ, cháu cứ về xem, nếu có mẹ mày ở nhà thì bảo sang ngay. Còn

không thì bảo ông nhẩn...

Con bé Thảo vào buồng, lúc sau vó đi ra với cái áo mới và cái nón trắng của chị Nga để lại. Nó lễ phép:

-Ông ơi cháu về!

Ông lão Tuân, chỉ tay vào buồng:

-Lấy xe đạp mà đi cho nhanh con ạ!

Khuôn mặt con bé Thảo chợt ửng lên. Nó sung sướng! Từ hôm nó sang ở với ông bà, nó nhớ nhà, thỉnh thoảng lại ra đồng rơm nhìn ang bên kia sông, rớm nước mắt. Nhưng nó không để cho ông bà thấy, bố mẹ nó đã dặn là phải ở với ông bà, sau này ông bà sẽ lo cho... Lo cho cái gì thì nó chưa quan tâm, vì nó chưa hiểu. Nhưng cái xe đạp thì nó thích lắm. Đây là chiếc xe đạp của chị Nga để lại, chiếc xe đạp Thống Nhất màu xanh nước biển, mà không chỉ con bé Thảo mà rất nhiều người mơ ước. Nó ao ước được leo lên chiếc xe đạp ấy lắm! Nó cũng biết đó là xe của "mợ Nga", mà mợ Nga thì đã đi rồi. Nó ở đây thì nó sẽ được đi thôi, con bé tin như thế. Nhưng chưa bao giờ nó được ngồi lên cái xe ấy, mà nó thì không dám hỏi. Thỉnh thoảng ông nó cũng lấy ra lau chùi chiếc xe bóng loáng, rồi ông đạp thử mấy vòng quanh sân, ra cổng rồi lại vào nhà, cất đi. Bây giờ thấy ông bảo thế, nó sung sướng đến nóng cả mặt. Chắc phải là việc gì quan trọng lắm, khẩn thiết lắm, ông mới cho nó lấy xe đi chứ! Xe của mẹ, dù mẹ là cán bộ xã, được phân phối nhưng cũng chưa là "cái đình gì" so với cái xe nó sắp đi đây. Mẹ nó mà thấy cũng phải ghen lên chứ đừng nói gì mấy đứa em! Con bé Thảo cẩn thận nhấc cái xe từ trong buồng ra, nó dẫn ra hết sân rồi mới bước lên pê-đan. Tiếng líp tách-tách ròn tai lặn ra cổng...

Cánh Đồng Lưu Lạc

ĐOẠN 7

Ngay sau ngày hòa bình, từ chiến trường miền Nam trở về, một trong những nơi tôi đến thăm đầu tiên là Soi Vạt.

Bao nhiêu lâu rồi nhỉ? Chỉ mới có mười năm thôi ư? Nhưng sao mà lâu thế, mà đặng đặng thế? Và bất chợt tôi hiểu ra rằng, thời gian đối với mỗi con người, mỗi lứa tuổi và mỗi sự kiện, công việc cũng

khác nhau. Thời gian chính là cái đồng hồ chỉ có mỗi một việc là quay tròn, tích tắc vô tư, vô hồn, còn con người thì lại dích dắc, ngoắt ngoéo, có khi thì là số phận đẩy đưa, mà cũng có khi lại là những mưu toan do chính mình bày ra và lao theo.

Bây giờ thì tôi hiểu ra rằng tại sao người lớn lại ít đến và ngại đến Soi Vạt. Chẳng phải ma mãnh, quỷ thần gì cản chân họ, mà cũng không phải là ở đó không có lợi lộc phì nhiêu, mà là do con đường. Nếu gọi là “đường” để vào Soi Vạt thì đó chỉ có mỗi con đường độc đạo. Khi rẽ xuống bờ sông, để đến cái bãi này, phải vượt qua cửa một con ngòi. Con ngòi này chảy ngoằn ngoèo qua cánh đồng Lưu Lạc, để đến khi đổ vào sông Công đem theo một ít phù sa, tuy ít ỏi nhưng cũng đủ làm nên một bãi lầy ngay cửa ngòi, mà ngoài con trâu ra, con người khó mà dám lội xuống. Tất nhiên người ta cũng có bắc một cây cầu, gọi là cầu Vòng. Nhưng cây cầu Vòng này là một hệ thống ống được làm bằng những cái thùng phuy đường kính độ sáu mươi phân, nối vào nhau để dẫn nước từ một cái “cạn” mãi đâu tận Làng Mương về cho cánh đồng Lưu Lạc. Với một “cây cầu” như thế thì chỉ có những người can đảm lắm, liều lĩnh lắm mới dám vượt qua! Đám trẻ mục đồng chúng tôi, đã lợi dụng thế hiểm yếu đó để lừa trâu vào bãi chẵn, bằng cách ngòi chễm trệ trên lưng trâu, hò reo tấn công vào Soi Vạt, như thể đoàn quân chiến thắng, tiến vào tịch thu đất đai và chiến lợi phẩm. Có lẽ bọn trâu cũng thích thế, nơi đây có cỏ lúc nào cũng non, bao giờ cũng xanh mướt, có bóng mát của tre phù sa và nước sông trong xanh, ngọt lừ ngọt lịm, nên chúng băng băng lội qua đám bùn lầy, đến ngang bụng, và cũng có khi ngập đến tận lưng, chỉ thò có cái mũi lên thở phì phì!

Nhưng đó là chuyện của cách đây đã lâu. Vài năm trở lại đây, người ta đã bắc một cây cầu khác, tuy vẫn đơn sơ là tre, là gỗ, nhưng bằng phẳng, có bề rộng hơn một thước, để người đi bộ và gồng gánh có thể qua lại được!

Tôi trở về Soi Vạt trong bộ quân phục bằng vải Tô Châu còn khá mới, vì nó được phát ngay trước ngày chiến thắng để chúng tôi tiến vào thành phố hoa lệ, thủ đô của một chế độ khá hùng hậu về tiền bạc, vừa thất trận. Bộ quần áo ấy, vào thời ấy là sự sang trọng bậc nhất. Nó là hiện thân của sự vinh quang tốt độ mà chúng tôi đem về quê hương. Cùng với bộ quần áo màu xanh huyền thoại ấy là chiếc mũ cối có ngôi sao vàng trên nền cờ nửa đỏ, nửa xanh, lại một biểu tượng nữa của một thế hệ thanh niên nhà quê chúng tôi. Có lần, tôi

đã ngẫm so sánh chiếc mũ cối với chiếc mũ kê- pi của người Côđắc sông Đông bên nước Nga xa xôi, khi nó tồn tại hàng mấy thập niên trong nhiều thế hệ như một thứ vinh quang và tiện dụng. Cái ông già Panchêlây thọt chân mừng như thế nào khi anh con trai bất trị Grigôri đem về tặng bố chiếc mũ lưỡi chai có viền một băng đỏ! Cha tôi không thích chiếc mũ cối, nhưng ông luôn thích tôi đi đâu phải có nó, có khi đội trên đầu và cũng có lúc ôm trước bụng một cách khiêm tốn và tự tin. Chính vì thế mà trước khi tôi trở lại miền Nam nhận tiếp nhiệm vụ mới, tôi đã bị mất cặp chiếc mũ cối rất đẹp mà nếu bán được rất nhiều tiền (đủ tiền mua vé ô tô hai lượt khứ hồi Sài Gòn - Hà Nội) tại ngay Hà Nội, thủ đô văn hiến. Chiếc mũ ấy tôi đã có ý định tặng lại cha tôi khi tôi ra đi! Nhưng khi tôi trở lại Soi Vạt thì chiếc mũ ấy chưa bị mất, và một chú bé chần trầu có mái tóc vàng cháy và lớp da trên mặt nổi mốc nhìn tôi rất chăm chú, và khi nhận thấy chiếc mũ và chiếc quân hiệu xanh - đỏ, trên đầu tôi chú ta đánh bạo:

- Anh ở Miền về à?

Tôi bật cười. Miền là Miền Nam, một nơi hoàn toàn xa xôi, lạ lẫm với chú bé, nhưng có thể chú đã nghe đến Miền Nam suốt từ thuở lọt lòng đến giờ, thế mà chỉ với thời gian ngắn ngủi gần đây, chú đã kịp bắt chước những người đi buôn, gọi nó bằng một tiếng "miền" ngắn ngủn và xác xược. Họ là những ông vua, bà vua trong việc sáng tạo ra nguồn từ vựng kiểu bến xe, bến tàu, chợ búa... bổ sung vào vốn tiếng Việt yêu dấu của chúng ta. Xe "miền", vải "miền", gạo "miền"... và giờ đây tôi là anh "miền" của chú bé. Tôi hơi bị tự ái, nhưng rồi nhìn cái vẻ ngây thơ, thất học của nó, tôi đâm rộng lượng, xoa đầu nó:

- Ủ! Sao em biết anh ở Miền Nam ra?

Chú bé không trả lời tôi, nó ỏn ẻn, chìa tay ra:

- Cho em một điếu thuốc "miền" đi anh!

Tôi không có thuốc "miền"! Đúng ra thì cũng có, nhưng từ hôm ra tôi đã đãi khách hết rồi, ai cũng muốn thử một điếu, nhà khói phì phèo, đưa ra một câu nhận xét ác cảm, rồi khi về cầm thêm một điếu làm quà.

- Anh không có thuốc "miền", chỉ có Tam Thanh thôi...

Tôi chìa bao thuốc ra cho nó, thằng bé nhón một điếu, xin tôi lửa châm hít một hơi, nhăn cả mũi, rồi cũng thở ra đặng mũi, rất buồn cười. Làm như vẻ khoái trá, nó hỏi tôi:

- Sao anh không chết?

Tôi giật thót người, hiểu câu nó hỏi, nhưng chưa nghĩ ra cách trả lời, thì thằng bé hỏi tiếp:

- Đánh nhau ác liệt thế mà anh không bị hy sinh à?

Hóa ra thằng bé là người thẳng thắn nhất trong số những người mà tôi đã gặp lại trên quê hương mình từ ngày từ chiến trường trở về. Tôi về làng vào nửa đêm hai mươi sáu Tết, cái Tết đầu tiên sau ngày hòa bình. Một đêm rét cắt thịt da, gió rít điên cuồng trong các toa tàu đen xù xì, ghê rợn. Nếu trong những vinh quang mà người chiến sĩ được hưởng, thì được về phép vào dịp Tết là vinh quang được nhân lên gấp nhiều lần, cùng với niềm kiêu hãnh tột bậc. Trong niềm hãnh diện chung dành cho anh lính sáng bóng trong vòng hào quang chiến thắng, còn xen lẫn với niềm sung sướng được về quê ăn Tết. Việc con người tha hương dù là đi cầu thực, làm thuê cuộc mưu sinh chẳng nữa thì chuyện trở về đoàn tụ trong ba ngày tết là một niềm khát khao vô độ, huống là chúng tôi đi chiến đấu, đi giải phóng! Trong những ngày Tết vừa có thời gian để chơi bời, thăm hỏi, vì trong dịp này không ai đi làm, vừa có cái ăn, vì trừ ba ngày Tết dân làng mới thịt, mới có cơm không, còn lại quanh năm suốt tháng nhà nhà chỉ có cơm độn khoai sắn, và hiếm khi mới có tí... mũi, tức là mỡ lợn. Người làng đến thăm chúng tôi (cùng đêm ấy có hai chiến sĩ cũng trở về với tôi, nhưng vào những giờ khác nhau) như đi hội, như đi thăm một kỳ quan của làng. Những người lớn tuổi, ai cũng muốn chạm vào người chúng tôi một cái, để thấy đích xác rằng da thịt chúng tôi vẫn còn. Các cô gái đã vào tuổi lỡ thì, ngồi xen với những bà xồn xồn, thỉnh thoảng đưa con mắt hiếu kỳ pha chút khát khao nhìn chúng tôi đang xúng xính trong tư thế của người đấng quang. Còn các cô gái mới lớn, đang trở mã, phô bày ngồn ngộn sức sống thanh xuân, rục rịch thì không ngại gì mà cười ngặt nghẽo, dấm thùm thụp vào lưng, vào vai chúng tôi... Họ, những cô bé còn đầy mũi giải và những cái áo xơ tướp, cái quần thùng dẹt khi chúng tôi ra đi! Cũng có những người không có mặt trong những ngày đầu chúng tôi mới về. Đó là những người cha, người mẹ mất con, những người vợ mất chồng... Và, việc chúng tôi phải đến thăm những gia đình bất hạnh ấy vào ngày đầu năm mới là một đạo lý. Một trong những gia đình ấy là ông bà Tuân. Ông lão già xum, nhưng vẫn tinh táo, tinh tường, chứ không ảo não, tàn tạ như bà cụ, co ro như một đồng giẻ cũ nát trong góc giường. Bà cụ Tuân nhìn tôi bằng con mắt nghi ngờ,

nhưng bàn tay bà lập cập lần theo cánh tay tôi, tôi cảm như bàn tay ấy mọc ra từ bức vách đất, gai gai;

- Nghe nói cậu có gặp anh Kỳ nhà tôi?

Tôi khẽ nắm bàn tay bà:

- Vâng! Anh em chúng cháu có gặp nhau...

- Cậu thấy anh ấy thế nào?

Tôi đắn đo, chưa nghĩ ra cách trả lời bà lão. Đáng lẽ tôi phải nói thật rằng anh Kỳ gãy như một cây củi cành, với cái đầu trọc lốc, không có tóc, không còn cả lông mày... thì tôi lại nói:

- Lúc ấy anh Kỳ khỏe lắm, to lớn hơn cả lúc ở nhà!

Tôi thấy bàn tay bà cụ lỏng ra, nỗi đau đớn, thất vọng truyền sang cả cánh tay tôi. Một giọng nói đầy vẻ trách móc:

- Thế mà cậu không rủ anh ấy về cùng...

Tôi hiểu câu nói ấy như sau, rất rõ ràng: thế mà anh ấy chết, còn cậu thì lại sống!? Những con người làng quê của tôi là như thế đấy. Trong cái đau đớn, thất vọng tột cùng, họ cũng không nỡ làm tôi buồn.

Thằng bé tiếp tục rít thuốc, và lại ngẩng lên nhìn tôi, chờ câu trả lời.

Tôi, khoác tay lên vai nó, hỏi:

- Mày con nhà ai, nhà ở đâu?

Nó thản nhiên:

- Nhà em ở trong xóm! - Nó ngoảnh đầu vào rừng tre đen ngòm - Bố em tên là Tuất, anh có biết không?

- À, anh biết! Bố mày cũng đi bộ đội?

- Chết rồi! Báo tử rồi...

Nó trả lời một cách thản nhiên và kiên quyết. Tôi đoán, thằng bé không hề biết chết là gì, báo tử là gì, mà nó chỉ nghe qua lời người lớn. Nhưng bố nó không bao giờ trở về thì nó biết.

- Lâu chưa?

- Năm kia! Xã làm lễ truy điệu, to lắm, có cả bắn súng nữa!

- Năm nay mày lên mấy? Tên là gì?

- Em tên là Hợi, mẹ em bảo em 13 tuổi!

- Mẹ mày đâu? Ở trong xóm à?

Thằng Hợi ngo ngoạy cái cổ cứng của nó trong tay tôi:

- Mẹ em lấy ông Sáu làm chồng rồi. Ông Sáu đánh xe trâu ở Đầu Cầu, anh biết không?

Tôi thấy tim mình như muốn nghẹn lại, cánh tay tôi xiết chặt vai thằng bé:

- Không biết! Mà ở với mẹ, với ông Sáu à?
- Em ở với ông ngoại, cả với dì nữa! Nhưng, em không ở trong xóm. Nhà em kia kia...

Tôi nhìn theo hướng ngón tay đen nhẻm và gầy quắt của thằng Hợi. Sau hàng hàng lớp lớp rặng búi bung, là màu xanh ngắt của cỏ. Có mấy con trâu đang đứng đỉnh gặm cỏ, hai con ghé con thỉnh thoảng lại lồng lên, rống đuôi, rồi lại lao vào vú mẹ. Dòng sông mùa này nhỏ lại, lấp lánh ánh mặt trời, rồi khuất vào một mô đất phù sa, như muốn giấu mình, không rõ là thẹn thùng hay đau khổ. Phía đầu soi, nấp dưới bóng một lùm tre phơ phất hoa khô là một cái chòi. Nhà thằng Hợi! Tôi khoác vai nó:

- Đi!

Chúng tôi men theo sườn một bờ tre gai đã bị chặt trụi, đất mùn giun đùn lên đen thâm nom như những hòn non bộ hoặc như những tòa lâu đài cổ của người A Rập. Tôi nhìn theo bàn chân trần của thằng Hợi đạp phứa lên những đám mùn giun mà thấy gai người. Một kỷ niệm kinh hoàng chợt kéo đến, khiến tôi hoảng hốt, la lên:

- Kia! Cẩn thận, Hợi!...

Thằng Hợi phô hàm răng vàng khè, toàn một màu nhựa sần, tro than, nhìn tôi lạ lẫm. Rồi nó bật cười:

- Làm gì có cái gì! Anh làm sao thế?

Tôi không bị làm sao cả, chỉ bất chợt thấy hốt hoảng mà thôi. Cái ngày 17 tháng 3 năm ấy tôi còn nhớ rất rõ và rất dai dẳng. Đó không phải là một trận đánh ác liệt, chỉ là một ngày bình thường, nắng gay gắt, trời trong xanh như muốn xuyên thấu tận đáy vũ trụ, thế mà chúng tôi mất đi hai chiến sĩ, còn tôi mất hai người bạn, đồng hương. Câu chuyện từ những đồng mùn giun...

Tôi được điều động từ sư đoàn bộ về làm quân lực ở trung đoàn 32, lúc ấy đang đóng quân ở Tây Ninh. Là anh cán bộ quân lực, tôi có nhiệm vụ quản lý quân số, thiết bị, khí tài, vũ khí của trung đoàn. Chỉ ngày hôm sau bàn giao, đọc toàn bộ danh sách cán bộ chiến sĩ trong trung đoàn, tôi đã biết cậu Thanh, đang làm liên lạc, công vụ cho trung đoàn trưởng là người cùng quê với tôi. Quê Thanh ở xã Thanh Ninh, huyện Phú Bình, và đặc biệt hơn nữa, khi tôi vào bộ đội, trong những ngày đầu huấn luyện, tôi ở ngay trong xóm của Thanh, chỉ cách nhà cậu ta có mấy nhà. Buổi chiều xuống bếp tập thể ăn cơm, tôi thấy một cậu lính trẻ, nhanh nhẹn nhận phần cơm cho trung đoàn trưởng cho vào một cái ăng-gô, anh nuôi gọi hắn là Thanh. Tôi bưng

bát cơm của mình đến ngồi cạnh cậu ta, bắt chuyện:

- Cậu là công vụ cho thủ trưởng Sơn à?

Thanh nhìn tôi bằng cái nhìn khó chịu, không nói, tiếp tục gấp đũa rau muống vào bát. Thanh kém tuổi tôi, tuy nhiên, không hiểu sao trong quân đội, mọi người rất ghét cách gọi nhau bằng cậu. Mà tao là tốt nhất, lớn hơn là anh em, khi nào nghiêm trọng lắm mới gọi nhau bằng đồng chí. Tôi biết tính những tay công vụ, có người bảo hẳn là "thủ trưởng con", cái gì cũng biết, có khi rất hay "ra oai" với anh em. Nhưng thực ra, trong tâm cậu ta, một nỗi buồn mặc cảm làm người hầu hạ cho người ta, tuy nhiên, ông trung đoàn trưởng của chúng tôi đáng tuổi cha chú chúng tôi, lại là một con người nhân từ, có tâm, có tầm và có tài, có "hầu hạ" ông cũng là xứng đáng.

- Thanh ở Phú Bình à? Mình ở Phố Yên đây...

Đôi mắt Thanh sáng lên:

- Thế à? Anh mới về quân lực phải không?

- Ừ. Này, tối rảnh rồi qua chỗ mình nói chuyện chơi nhé. Thôi ăn đi...

Thanh nhìn tôi ngơ ngác, trong đôi mắt xanh biếc không tương xứng với nước da má xanh của những trận sốt rét rừng quất lên chàng trai mười chín tuổi, chứa chất một cái nhìn khao khát, thêm thường rất làng quê. Tối, Thanh sang tôi chơi và cậu ta ngủ lại. Hai đứa chui chung vào một cái màn lố chỗ vết thủng của những mùa mưa ẩm mốc, Thanh thì thào:

- Mai em cho anh cái màn, thủ trưởng mới cho em, còn tốt lắm!

- Thế mà năm bằng gì?

- Màn của em! Tuy có thủng vài chỗ nhưng còn thơm hơn của anh nhiều... Thanh kéo dài chữ "nhi...ề...u" một cách rất trẻ con, đúng giọng quê tôi. Từ đó, thỉnh thoảng Thanh vẫn sang ngủ chung với tôi. Hồi tôi đóng quân ở Thanh Ninh, cậu ta mới mười sáu tuổi, đang đi học cấp ba. Hai năm sau, Thanh nhập ngũ. Ở nhà chỉ còn, bố mẹ và người chị gái, anh trai Thanh cũng đang ở chiến trường, nghe đâu ở Tây Nguyên. Sáu tháng sau, bằng trình độ văn hóa và những thành tích của mình, Thanh được xét đi học lớp đào tạo báo vụ. Cậu ta mừng lắm, cứ nhất quyết cho rằng đó là công lao của tôi. Thực ra, đích thân trung đoàn trưởng, bảo tôi đề nghị lên trên cho Thanh được đi học. Trước ngày về quân khu hai hôm, Thanh xin phép xuống tiểu đoàn 10 gặp Tuyền, một cậu bạn cùng học để chia tay. Đến khuya không thấy Thanh về, tôi đâm lo, nhưng không dám hỏi. Mãi trưa hôm sau, buổi trưa cái ngày 17 tháng 4 ấy, một anh du kích

xã vào ban tham mưu trung đoàn. Mặt anh du kích tái nhợt, báo cáo với tham mưu trưởng trung đoàn, lúc ấy cũng có mặt tôi:

- Báo cáo các đồng chí, chiều tối qua, anh em du kích phát hiện ra hai xác tử thi, qua quân phục, chúng tôi biết là bộ đội chủ lực. Chúng tôi cho người đi báo các đơn vị quanh đây, nhưng chưa có người đến nhận. Đề nghị các đồng chí cho kiểm tra lại...

Tôi nghe anh du kích nói thế, linh cảm thấy có điều chẳng lành.

Thanh vẫn chưa về là nguyên cố gì? Ông tham mưu trưởng, lo lắng, nhìn tôi:

- Cậu cho hỏi tiểu các đoàn xem có ai ra khỏi đêm qua có anh em nào ra khỏi đơn vị không? Hỏi ngay đi!

Ngẫm nghĩ một lát, ông nói tiếp:

- Thôi để tôi báo với tác chiến! Cậu đi theo đồng chí này đến nơi xem thế nào. Thử cố nhận mặt nạn nhân nhé!

Tôi vội vàng theo chân anh du kích lên đoạn đường 22, nơi vắt qua một ngọn đồi nhỏ, hơi nhô lên. Gần đến nơi, tôi đã thấy thấp thoáng có những bóng người, có cả phụ nữ. Đến gần hơn, tôi nhận ra hai chiếc quan tài bằng gỗ mộc, được phủ lên bằng một tấm nilon mỏng màu xanh. Tôi lại gần nhìn thấu cả những mảnh thịt và xương nhô lên trong lớp nilon bị nắng thiêu mềm nhũn, gần như trong suốt. Mùi nước hoa, mùi nhang trầm trộn lẫn với mùi xác người chết tạo thành một mùi chết chóc rợn người. Tôi chào mấy người dân rồi đến đứng lặng trước hai cỗ quan tài đang hầm hập bốc hơi nóng và lấy hết can đảm cúi xuống, lật tấm nylon... Chỉ một chút thiếu bình tĩnh là tôi có thể nôn ọe ra. Một nửa khuôn mặt người sưng vù, rạn vỡ nham nhở vì một vết chém toác ra không còn nguyên vẹn. Tôi vẫn nhận ra khuôn mặt quen thuộc của Thanh! Những mảnh đùi, bụng, chân tay... đang động đậy, mà ngay lúc đó tôi chưa nhận ra những con giòi đã kịp làm tổ, mặc dù mới hơn mười hai giờ đồng hồ. Tôi cầm miếng nilon nóng hầm hập trên tay một vài giây, cố không để chân tay rụng rời, nhưng nước mắt tôi tràn ra, không sao cầm lại được. Tôi chưa gặp Tuyền, nhưng chắc chắn đó là hai gương mặt mà tôi cần nhận dạng.

Tôi thả tấm nylon xuống, rồi ôm mặt ngồi gục xuống bên cạnh hai cỗ áo quan mà khóc. Lát sau, một người du kích già và một phụ nữ đen đúa, nắm tay tôi kéo ra một góc. Trời vẫn tiếp tục nắng gay gắt, trước mắt tôi những đốm hoa nắng nhảy múa chập chờn. Người du kích già nói với tôi:

- Chiều qua, tầm năm giờ, chung tôi nghe có tiếng nổ rất lớn, một cột khói dựng lên, lát sau, một tiếng nổ tương tự... khi chúng tôi chạy lên thì thấy hai xác người quăn vào nhau. Chúng tôi biết họ đã trúng mìn... Một anh còn nói được vài câu, mà chúng tôi hiểu là họ đi tiểu, vào quá sâu trong bãi mìn của địch gài lại từ hồi mùa hè đỏ lửa...

Đây là vùng đã được giải phóng từ hai năm trước, ngọn đồi vốn là một chốt điểm của địch. Khi quân ta tiến công, địch rút chạy, còn lại những trái mìn râu. Mìn râu là loại mìn sát thương cực mạnh, được chôn xuống đất, chỉ để thò lên ba sợi "râu" rất mảnh. Đã mấy năm qua, chốt này bị đốt cháy nhiều lần, nhưng những trái mìn giết người vẫn nằm im trong đất và được ngụy trang bằng những ổ mùn giun. Thanh và Tuyền rủ nhau lên Sa Mát chụp ảnh kỷ niệm, vì ở đây có một tiệm chụp ảnh, mà để đến được, hai người bạn đồng hương của tôi phải cuốc bộ gần hai mươi cây số. Trên đường về, Thanh buồn tiểu, đáng lẽ đứng ngay bên đường, vì trên đường chiều không hề có ai qua lại, nhưng vì thói quen xấu hổ của một chàng trai mới lớn, cậu ta đã đi sâu vào trong và gặp một trái mìn râu. Trái mìn đã hất tung Thanh lên, thấy thế, Tuyền thương bạn lao vào để cứu bạn, thì gặp phải trái mìn thứ hai... Và thế là cả hai người đã bị hai quả mìn hất tung lên, xé họ ra làm nhiều mảnh... Khổ thế đấy, trong chiến tranh, cái chết luôn được báo trước, nhưng không có cái chết nào là không bất ngờ!

Nhìn hai bàn chân thẳng Hợi cứ phăng phăng đạp bừa trên ổ mùn giun, tôi không thể nào chịu nổi và hét lên. Thằng Hợi còn quá bé, lại ở khá xa nơi chiến địa, làm sao hiểu được những điều bất trắc? Khi nghe nó hỏi như giễu cợt cái tính nhát và tiếng hét hốt hoảng của tôi, tôi như tỉnh ra, chỉ cười:

- Ừ, anh nhớ lại một chuyện khủng khiếp từ ngày xưa ấy mà... Thôi đi đi, nhưng chú ý gai đấy!

Chúng tôi băng qua một đám cỏ xanh mướt, lác đác những bãi phân trâu, rồi rẽ xuống mép một vũng nước đầy nóng nọc, lại trèo lên một mỏm đất phù sa tiến về phía cái chòi. Thằng Hợi thoăn thoắt đi trước, thỉnh thoảng nó dừng lại ngó nghiêng nhìn về phía mấy con trâu. Nó chặn trâu hợp tác ăn công điểm, hai con trâu và một con nghé, được cả thảy ba trăm công một năm. Tính ra, công nó cao hơn cả người lớn, chỉ thua những lão nông tri điền và cán bộ trong ban quản trị mà thôi. Nhưng nếu tính cả nguồn phân do hai con trâu và

con ghé đem lại quy ra điểm thì cao hơn cả họ. Đó là chính sách ưu tiên cho nó, con liệt sĩ. Nhưng thằng Hợi không biết điều đó, nó chỉ thích được nghỉ học và một mình ra Soi Vạt chăn trâu. Những ngày cày cấy, nó phải đưa trâu về xóm cho thợ cày, chiều mới dẫn trâu ra Soi Vạt, còn những ngày rỗi, nó để trâu ngoài soi cả ngày lẫn đêm, và ở lại. Nó đem theo một ít gạo với sẵn, một nhúm muối và tự túc hoàn toàn bằng tất cả những gì ăn được mà nó kiếm được. Nó là một chàng Rôbinxơn Cơruxô của chúng tôi.

Thằng Hợi dẫn tôi vào trong cái chòi, mà nó gọi là “dinh cơ” của nó. Tôi phải khom người thật sát xuống để khỏi cộc đầu, một căn lều thảm hại hơn cả cái chòi lính tạm bợ trong chiến tranh. Một chiếc giường tre nhỏ không có chân mà được kê lên mấy hòn đá tảng tròn nhẵn nó khuân từ dưới sông lên. Một manh chiếu rách gầy nát, đen thâm và ẩm mốc, trộn lẫn với những mớ rẻ rách, tàn tích của áo quần, chăn màn. Góc lều là ba ông “đầu rau” cũng bằng những hòn đá tròn nhẵn đen nhẻm, một cái xoong nhôm quấy bột trẻ con méo mó, và một cái niêu đất xù xì nhưng rất chắc chắn nằm ềnh ệch ngay dưới chân giường. Khắp lều toàn mùn giun, cái thấp lù lù, cái cao ngất ngều... như một cao nguyên đá, nhìn trong ánh ngày lơ mờ rất ngoạn mục, nếu tôi không bị ám ảnh bởi cái chết tức tưởi của hai thằng bạn đồng hương năm nào. Tôi nhìn chéo sang bên vách thủng. Ở ngoài ấy dưới gốc một bụi tre nền nhẵn nhụi, là nơi thằng Hợi buộc trâu vào ban đêm, có lẽ còn sạch hơn và ẩm cúng hơn trong chòi. Tôi ngồi xuống cái giường, tuy thế lại khá chắc:

- Ai làm cho mày cái nhà này, Hợi?

Nó cũng ngồi xuống một hòn đá, xoay lưng ra cửa, nhìn tôi bình thản:

- Cửa cô giáo Nga để lại cho em đấy! Anh có biết cô giáo Nga không?

Cánh Đồng Lưu Lạc

ĐOẠN 8

Nghe có người báo con gái đến tìm, chị Diệu lật đật chạy ra cổng ủy ban xã. Nhìn thấy con bé Thảo lúng túng nhảy từ trên chiếc xe đạp

bóng nhoáng xuống, mẹ nó hốt hoảng:

- Chết thôi! Ai cho mày đi xe đạp thế hả Thảo?

- Ông! Ông bảo con đi tìm mẹ về ông bảo gì ấy! Con bé Thảo thích thú đáp lời mẹ. Nó chệnh choạng dẫn chiếc xe định dựa vào thềm gạch, nhưng dựa mãi không được, làm cái xe suýt thì đổ kèn. Chị Diệu chạy đến giúp con gái:

- Ông làm sao thế hả con?

- Ông không làm sao, nhưng cơ mà khi ông chống gậy lên Soi Vạt về bảo con đi tìm mẹ ngay. Nhanh lên, mẹ về ngay đi!

Chị Diệu ngăn người không hiểu có chuyện gì. Lại Soi Vạt! Cái Soi Vạt chết tiệt này nó làm khổ ông bố chị đến bao giờ nữa đây? Mà ở đó có cái gì kia chứ! Chị chưa bao giờ đặt chân đến cái bãi sông bí hiểm ấy. Đối với chị nó như một cái cõi xa xăm nào đó, như trong chuyện kể về ma quỷ, về thần thánh mà trong mỗi con người ai ai cũng nghe, cũng biết, cũng có lo âu sợ sệt và hoan hỉ, nhưng chưa ai từng nhìn thấy. Cái bãi sông ấy chỉ hợp với những con người không bình thường, những con người có tuổi tác, có thân phận, có niềm hy vọng, có cuộc đời kỳ quặc, u mê. Từ ngày mẹ con cô Nga bỗng bế nhau lên đây ở, câu chuyện về Soi Vạt càng được người ta đồn đại, phóng to lên nhiều lần. Đã có những câu chuyện kể về những người đàn ông trong làng ra sông lẩn mọt vào những đêm mùa đông giá rét. Có lần một người nào đó đã bắt được một con cá to bằng đứa trẻ con lên ba. Nó bị quáng đèn và bị những tấm rào nửa ảo ảnh chặn lại không dám lao tới, để một cái đập chụp lấy, mặc dù nó hết sức cựa quậy nhưng không làm sao thoát được. Những người lẩn mọt đem nó lên bờ thì một người đàn bà không biết từ đâu chạy đến đòi. Chị ta bảo đây là con mình, chị van xin họ hãy tha cho nó, đừng làm thịt nó, để chị nuôi cho nó lớn lên, nó sẽ thành một chàng thanh niên cao lớn, tuấn tú, nó sẽ ra chiến trường đánh giặc! Các người không tin ư? Hãy nhìn kia! Khi những người thợ lặn mọt nhìn xuống thì không phải con cá, mà là một thằng bé con trần truồng đang nằm trên cỏ, thản nhiên mút tay và nhìn mọi người bằng con mắt ướt của loài cá, không kể gì đến cái rét thảng chập tím thịt, cắt da. Họ, những người thợ lặn mọt gan lì nhất trần đời cũng phải hốt hoảng, bỏ cả đập, cả giỏ, quăng đóm mà chạy. Người đàn bà cười nhẹ bế con lên đi về phía rừng tre, nơi có túp lều chần trâu của thằng Hợi. Rồi lại một câu chuyện khác, về chiếc máy bay Mỹ bị vướng vào ngọn tre rơi xuống Soi Vạt vào một buổi chiều. Thông thường, máy bay Mỹ

bay rất thấp mỗi lần chúng muốn đánh vào thủ đô. Chúng bay men theo sườn núi Tam Đảo, dọc lòng sông rồi bất thần tăng độ cao vọt lên rồi từ đó bổ nhào vào mục tiêu mà ném bom hay bắn rốc-két. Một lần chả biết chúng bay thế nào mà một chiếc F105 to bằng cái gốc đa và cũng sần sùi, gai mấu, gớm ghiếc như thế quệt phải một cành tre. Cành tre níu lấy chiếc tàu bay, còn nó, cái con Thần Sấm hung hãn thì cứ gầm rú vùng vẫy, phụt cả khói đen ra đằng đít nhưng cũng không sao thoát ra được. Cuối cùng, nó ngã vật ra giữa lòng sông, vì thế nó không bị bốc cháy. Những người dân trong làng kéo nhau ra xả thịt con Thần sấm đem về bán cho cánh thợ đúc xoong, từ mãi dưới Thái Bình, Nam Định lên hành nghề. Tay nghề của họ thật siêu đẳng. Những chiếc xoong đủ các cỡ bằng đũa- ra từ máy bay Mỹ thật tuyệt vời. Vừa nhẹ, vừa sáng loáng, nấu cơm không bị cháy lại vừa bền. Có thể dùng đến năm mươi năm, hoặc hơn, một trăm năm mà không hề hư hấn. Nhưng có điều lạ là người ta không tìm thấy tên giặc lái đâu cả, dù là một mảnh xác hay một miếng vải quần áo của tên Mỹ. Xã, huyện đưa dân quân, du kích và cả bộ đội về săn lùng, rồi thông báo đến khắp mọi ngóc ngách người dân, nhưng không ai tìm thấy nó, dù chỉ là dấu tích. Lâu dần mọi người quên đi, thì bỗng dưng có người thấy đêm đêm có một cái bóng cao to gấp đôi, gấp ba người trong làng, trắng như người bạch tạng, lặn mò dọc theo bờ sông mà bắt cá, ăn sống! Cái bóng người bạch tạng ấy là hồn ma hay chính là tên phi công Mỹ còn sống? Những câu chuyện đó không ai tin, kể cả thằng Hợi gan lì một cách khác thường, trừ những chiếc xoong bằng đũa ra ai cũng trông thấy. Dù không tin nhưng ai cũng nghĩ là có khi có thật thì sao? Ấy vậy mà cô Nga dám bồng con lên đấy ở, có khi cô ấy đã là nhân chứng cho những câu chuyện hoang đường, ma mị của Soi Vạt. Không thể thì làm sao cô ấy sống ở đó được. Nhưng rồi, cô Nga và thằng con trai của cô phải ra đi. Hai mẹ con người đàn bà bất hạnh và ma quái ấy đi như thế nào cũng chẳng ai biết đích xác. Họ chỉ thấy ông lão Tuân ngày ngày vẫn chống gậy đi vào đấy, rồi lại trở về, y hệt một người dở hơi, không hồn, không vía... Con bé Thảo nhìn mẹ nó đứng nhìn về phía cánh bãi đang vào mùa mía lên. Màu xanh phơn phớt của những mầm mía đã bám được rễ vào cánh bãi phù sa, hứa hẹn một mùa mật vàng óng thơm lừng. Bất giác chị Diệu nhớ tới những đêm kéo mật rậm rịch tiếng chân trâu cùng với tiếng nghiêng ken ken của trục kéo mía. Thỉnh thoảng tiếng

giục trâu ậm ừ của người rong trâu cũng ngái ngủ như tiếng thở phì phò, mệt nhọc của con trâu. Tiếng nước mía chảy long tong trong thùng mật. Cành về khuya, tiếng người càng thưa dần, và trăng thì càng trong vắng. Mùa kéo mật, cả làng thơm lừng, thơm từ trong quần áo của thiếu nữ, đến da thịt của bầy trâu nhọc nhằn. Cả vầng trăng tháng một cũng thơm lừng, ngọt lừ... Vào một đêm như thế, chị Diệu sống lại với thời gian của thời thiếu nữ... Những cánh tay đàn ông vạm vỡ, những bộ tóc bù xù khét nắng, dính dính mật mía và anh trắng mờ tỏ, thoắt ẩn, thoắt hiện trong bãi mía lao xao. Thời ấy đã qua. Chiến tranh mà hiện thân của nó là những Con Ma, Thần Sấm, vừa kinh tởm lạ lùng, vừa dã man điều độ rải từ trong bụng nó ra những quả bom li ti như thóc mạ, rồi ầm ầm trùn khói mịt mù xuống mọi nơi, mọi chốn. Cánh đồng mía chạy tan hoang, xa hơn nữa, cánh đồng Lưu Lạc của làng chị lở trổ hố bom và những ngôi mộ mới... Thế rồi, chiến tranh cũng phải đến ngày kết thúc, bao nhiêu thanh niên trai tráng không về, họ đem đi vĩnh viễn những cánh tay vạm vỡ, những mái tóc bù xù thơm và dính mật mía... Chị cũng thế, từ ngày theo chồng về làng bên này, chị cũng chưa một lần trở lại cánh đồng Lưu Lạc, nơi chị đã lớn lên, lần đầu tiên trong đời chị đã học cách cầm rảnh mạ cấy xuống bùn non! Rồi từ đây, cây lúa của chị lớn lên trổ bông, đơm bông, chín gié, làm thành những hạt gạo trắng trong, nuôi sống con người...

Mãi mê với những ý nghĩ chợt đến, mãi đến khi con bé Thảo nằm áo chị kêu lên:

- Mẹ...! Mẹ nghĩ gì thế?

Người đàn bà giật mình, trở lại với hiện tại. Chị kéo con gái lên bèn thềm gạch dưới bóng mát của hàng xoan đào, gỡ những bông hoa cỏ trên tóc nó:

- Thảo này, con ở với ông có vất vả không?

- Không mẹ ạ!

- Con làm những việc gì?

- Thì cũng như ở nhà mình thôi. Nhưng cơ mà khổ nhất vẫn là lúc cho bà ăn, lúc bà đi đồng...

"Khổ thân con tôi!", chị Diệu thầm kêu lên trong lòng, nó còn bé thế, chưa biết gì mà đã phải làm những việc như thế.

- Nhưng mà con cũng thích, thỉnh thoảng ông lại cho con đi xe đạp.

Cái xe đạp của mẹ Kỳ đẹp nhỉ mẹ nhỉ. Đạp nhẹ ới là nhẹ!

Ừ, nếu như chị đừng quá quắt, đừng ghen ghét với mẹ Kỳ, thì con

chị đâu đến nỗi. Bất giác chị Diệu thấy ân hận, nỗi ân hận kéo đến làm chị sắp rơi nước mắt. Nhưng đây là những giọt nước mắt thương con.

Tội nghiệp nó, mới mười ba tuổi đầu đã phải sống xa bố mẹ, xa các em. Chị Diệu thương con gái còn bởi nó chính là cái phiên bản, cái bóng của chị. Năm mười ba tuổi, chị cũng phải lìa nhà đi ở chăn trâu cho một nhà giàu có trong làng, chỉ vì ở nhà thì chị không biết lấy gì để ăn. Người giàu có trong cái làng Sơn Cốt bé bỏng của chúng tôi hồi ấy không nhiều, chỉ độ dăm bảy người, và cái mức giàu có của họ cũng không như những câu chuyện được mô tả trong sách vở, tiểu thuyết. Vì thế, con cái nhà bần cố nông nào muốn được xin vào để ở trong nhà họ cũng không phải dễ dàng gì. Và chính chị đã được nhận đi ở chăn trâu cho nhà ông địa chủ Đồng Giám. Chị Diệu còn nhớ mãi những buổi chiều đông xám xịt và gió rét cắt da, thổi ù ù, trên cánh đồng Lưu Lạc, một mình chị giăng co, vật lộn với hai con trâu không chịu về chuồng. Những giọt nước mắt cắn côi và nóng rát tràn xuống hai gò má cô bé Diệu, rồi lại bị gió thốc ngược vào môi, vào miệng mặn chát. Xa xa, xa lắm, là cái vệt đen dài của làng. Thực ra thì cái khoảng cách giữa cánh đồng Lưu Lạc lồng lộng gió với chân làng không bao xa, nhưng với tuổi mười ba, côi cút, lưu lạc của chị, đó là cả một chân trời thiên hạ, mịt mù. Chỉ có một cậu bé, gọi ông chủ Đồng Giám là bác ruột, là thỉnh thoảng còn tha thần đến với chị, trong những lúc chị tủi thân bên đồng rơm khô. Người đó chính là anh Quân, chồng chị bây giờ.

Từ khi xảy ra sự cố, nói đúng hơn là những sự cố liên tiếp xảy đến để đến giọt nước cuối cùng là sự bùng nổ nhau ra đi của mẹ con chị Nga, cái ly nước buồn đau trong gia đình ông lão Tuân mới được ngó ngang tới. Sự sụp đổ, gãy gục của ông lão Tuân và những tiếng than kêu rên rỉ của bà lão khiến cho ngôi nhà vốn nền nếp, cứng cỏi trở thành nơi trú ngụ của đau thương bi thảm. Không có tiếng người lớn, không có tiếng trẻ thơ, chỉ có tiếng rít ư ử của con chó thủy chung và tiếng gào thét của con lợn bị ruồng bỏ là tạo được cái âm thanh nào động của trần gian. Sự xuất hiện của chị Diệu, những tiếng xua gà, mắng lợn và những nhát chổi của chị đã cứu rỗi ngôi nhà. Chị tắm rửa, cơm cháo cho mẹ, lòng thương mẹ của chị không sao lẫn át được ý muốn tội tình của người đàn bà chán ngán. Bất chợt thoáng qua thôi nhưng bỗng dưng nó được neo lại trong lòng chị: chị mong cho mẹ chết! Ừ, sao chị lại có ý nghĩ mong đợi quái gở và phản phúc

thế nhỉ? Biết là tội vạc dầu, cối giã sẽ đè ập vào chị, nhưng chị Diệu bắt đầu bị ám ảnh bởi sự sống, hay đúng hơn là sự tồn tại của mẹ mình chỉ càng gây ra bao khổ đau cực nhọc cho chị, cho bố chị và cho chính cả bà nữa... Chị vừa sửa lại cái sào gầu mức nước, vừa đưa mắt về phía căn buồng, nơi tiếng rên rĩ rền rĩ của bà mẹ phát ra. Đến bao giờ, bao giờ nhỉ, những âm thanh ai oán và rủa rới ấy ngưng tắt? Đó là ngày giải thoát cho kiếp con người mong manh ma trữu nặng dường bao!

Dường như không chịu đựng nổi cái ý nghĩ tội lỗi ấy, chị Diệu lặng lẽ nhảy lên پہ- đan xe đạp, không một lời chào từ giã cha mẹ. Con đường liên xã vốn đã ngoằn ngoèo và lổ chỗ chân trâu, vào lúc nhập nhoạng tối, càng trở nên gập ghềnh bao nỗi đã đưa chị về đến nhà. Ngôi nhà ấm cúng, yên thân của một cuộc đời người đàn bà giờ đây đã trở thành ốc đảo ích kỷ của chị Diệu. Chị càng yên thân, êm ấm và kiêu hãnh đến đâu, thì nỗi xót thương cho hoàn cảnh của cha mẹ càng dào lên gấp bội. Giờ đây, sau khi đã chui vào cái giường ấm ẩm quen thuộc mùi nước đá của đứa con nhỏ, niềm hạnh phúc hân hoan quen thuộc của chị đã không còn nữa. Chị đã suy nghĩ, và sẽ phải đi đến một quyết định. Chị ngồi dậy quấn lại mái tóc búi thành một búi sau gáy, quơ mãi chẳng thấy cái kẹp đâu, chị cứ để như thế, một tay giữ cái búi tóc, đi ra gian nhà ngoài, nơi chồng chị đang ngồi, cộng trừ sổ sách. Nghe tiếng bước chân vợ, anh Quân, ngưng tay nhìn lên. Thấy dáng bộ quen thuộc của vợ, nó thường diễn ra như một tiếng nói báo hiệu, anh lại cúi xuống những con số công điểm, với vai trò của một con người tất bật, đầy trách nhiệm. Chị khể khàng ngồi vào ghế, thả mái tóc dày xuống, nén một tiếng thở dài. Lần này anh Quân ngẩng lên, với một nụ cười của kẻ đã biết hết mọi sự.

- Anh làm sổ sách sắp xong chưa?

- Hứ, còn mấy chỗ rắc rối quá! Không ngủ được à?

Chị Diệu không trả lời câu hỏi cũng rất quen thuộc của chồng:

- Chiều nay em tạt qua nhà ông bà. Buồn quá...

Anh Quân buông bút, ngồi xoay hẳn lại phía vợ:

- Bà có đỡ được tí nào không?

Chị Diệu khể lả đầu:

- Em nói câu này phải tội thật, nhưng sao em mong cho mẹ mình chết...

Nói chưa hết câu, chị Diệu ngồi gục xuống cánh tay tì trên cạnh bàn,

khốc tức tuổi. Đang từ một tâm trạng phẫn chấn, rạo rực, anh Quân rơi vào cái thế của nỗi buồn chán. Anh thương vợ và cũng một lòng thương cha mẹ vợ. Từ khi người em vợ là anh Kỳ hy sinh, nỗi ám ảnh, mặc cảm càng như day dứt, cứ cửa trong lòng anh. Nỗi mặc cảm của người trốn chạy, mà thực ra không phải mà cũng không thể là lỗi của anh. Trong khi cuộc chiến tranh đang âm ầm đổ xô xuống từng mái rạ, gốc cau, mâm ăn, giường ngủ, từng mỗi gia đình, mỗi thân phận thf anh, như một người ngoài cuộc, người rảnh nợ. Lý do rất đơn giản: anh là cháu gọi địa chủ Đồng Giám bằng bác ruột. Trong những cuộc tuyển quân rầm rộ, người ta không màng đến anh. Lúc đầu anh xấu hổ, nhưng rồi anh Quân chợt nhận ra đó là sự may mắn của mình. Sự may mắn có phần ác độc ấy đôi khi làm anh cũng nhoi nhói, nhưng rồi cũng tan nhanh, nhất là khi bom đạn và những chiếc Con ma, Thần sấm gầm rú trên vòm trời. Chỉ từ khi những tờ giấy báo tử lạnh lùng đầu tiên được gửi về xã, với những tên họ quen thuộc của làng, trong lòng anh Quân bắt đầu nhói lên sự mặc cảm. Đến tờ giấy báo tử của Trần Tuấn Kỳ thì sự lẻ loi, đơn độc và cả sự khinh bạc nhẹ nhàng, âm ỉ từ những con mắt, những câu nói vừa xót xa, vừa ngạo mạn của những người mẹ, người vợ có chồng con ra trận, cứ như xoáy vào đầu đó đằng sau lưng, mà có khi vào cả trước mặt anh. Anh không chịu nổi nữa, anh làm đơn tình nguyện nhập ngũ, một lần nữa, lần này xa hơn, cao hơn: huyện đội! Nhưng vẫn vô vọng, không ai đáp lời anh, đáp lại sự đau khổ của anh.

Nhìn người vợ cứng cỏi, rất đanh thép của anh đang rũ xuống trên mặt bàn, anh Quân quên hết những phiền muộn mà chị đã gieo cho anh. Đã có lần, chị nói với anh một cách vô tư cay độc:

- Tại anh đấy! Nếu anh không phải là cháu địa chủ, anh cũng bình thường như mọi người thì tôi đâu đến nỗi, thiệt thòi, tủi nhục...

Lần ấy, anh Quân đã bỏ nhà ra đi, nhưng không phải vì anh bỏ đi mà người ta bầu chị Diệu làm phó hội trưởng hội phụ nữ xã. Lúc ấy, bà dì tôi, chủ tịch xã đã phải can thiệp:

- Cô không làm cán bộ, cô vẫn phải là người mẹ người vợ. Cô hãy đi tìm gọi chú ấy về. Rồi đảng ủy sẽ bố trí cho cô một công tác phù hợp!

Dường như chị Diệu đáo để, mà chị đáo để thật, đã có phần tỉnh ra khi anh Quân trở về. Cho mãi đến lúc phải xua đuổi mẹ con chị Nga ra đi, thì chị lại hiện ra như một con người đanh thép. Giờ đây con

người đan thép ấy đang rũ xuống, như một tấm áo không giá. Anh Quân lay vai vợ:

- Này, thôi đừng khóc nữa, nghe tôi bảo này...

Chị Diệu ngoan ngoãn như một đứa trẻ có lỗi, ngẩng lên vén mái tóc ra sau gáy, nhìn chồng:

- Anh bảo thế nào bây giờ?

Quân đứng dậy, đi vòng sau lưng vợ, ra cửa, nhìn ra bóng tối mịt mù, rồi quay vào:

- Ta cho con Thảo sang ở với ông bà một thời gian...

- ...?!

- Tuy nó còn bé nhưng cũng giúp cho ông bà được những việc vặt, đuổi con gà, trông nồi cơm. Với lại ở bên ấy nó đi học cũng gần trường hơn...

Chị Diệu đã thôi khóc, để suy nghĩ đến một sự việc nghiêm trọng hơn. Làm sao con bé Thảo làm nổi những công việc gọi là lật vật ấy? Bất giác chị nhớ lại cái tuổi mười ba và những cơn gió rít quay cuồng trên cánh đồng Lưu Lạc.

- Đừng, đừng để con bé phải khổ...

- Sao lại khổ? Nó về ở với ông bà chứ có phải đi ở kiếm cơm như ngày xưa đâu?

Ngày xưa ư? Ngày xưa khổ nhục, ngày xưa thương mến đã qua rồi.

Chị Diệu bỗng quay lại ôm choàng lấy anh chồng, hai vạt áo anh Quân đầm nước mắt của vợ. Hình như họ cùng biết ơn nhau.

Chị Diệu nhìn con gái bằng cái nhìn lo lắng:

- Thế mỗi lần lên Soi Vạt về, ông có nói gì không Thảo?

Con bé phụng phịu lắc đầu:

- Ông chẳng nói gì cả, chỉ ngồi ở hè, ngửa mặt lên nhìn trời. Con thấy sợ lắm. Mẹ ơi, hay là mẹ cho con về nhà đi...

Người mẹ thẳng thốt:

- Ừ, để mẹ bàn với ông...

- Sao ông lên Soi Vạt mà không bảo vợ Kỳ về nhà?

- Mẹ không biết nữa! Hình như là vợ Kỳ bỏ đi rồi...

- Đi đâu hả mẹ?

- Mẹ không biết!

- Vợ ấy có đưa em bé đi không hả mẹ!

- Có...!

- Em bé của vợ Kỳ có giống em bé nhà mình không hả mẹ!

Chị Diệu cúi xuống nhìn con, xằng giọng:

- Cái con này, hỏi gì mà hỏi nhiều thế? Đi mà hỏi ông ấy!
- Con bé Thảo cụt hứng, nó phụng phịu nhìn mẹ bằng con mắt hờn dỗi:
- Mẹ có về không? Con về trước đây, kéo ông sốt ruột...

Cánh Đồng Lưu Lạc

ĐOẠN 9

Tôi vẫn không biết, mà cũng không dám hỏi thầy Hoan rằng, trong những ngày hoạn nạn của chị Nga, tức là những ngày chị Nga bỗng bế thẳng Hận lên Soi Vặt trú ngụ, thì thầy Hoan làm gì, làm thế nào, sống như thế nào? Nhưng những mẩu chuyện vụn vặt trong mỗi giao tình giữ thầy Hoan và ông lão Tuân thì tôi đã được nghe kể.

Sự đối trọng căng thẳng, quyết liệt và cũng rất cân bằng giữa một bên là thầy Hoan, một ông giáo làng đã hồi hưu, chẳng giữ một vai trò gì trong cái làng Sơn Cốt bé bỏng, nghèo nàn, neho nhóc..., nhưng thầy Hoan của tôi lại tồn tại như một thứ cây thảo mộc cổ thụ, luôn tiềm ẩn những vị thuốc, tuy không quý giá, mà đôi khi cần người ta vẫn nhớ đến. Bên kia, là ông thông gia, cụ Tuân, một lão nông chi điền chất phác với người ngoài nhưng lại rất uy nghi, pha thêm cái chút láu cá tiểu nông trong cư xử với người thân, trong làng xóm, trong họ mạc. Nếu thầy Hoan là một thứ cây thảo mộc ít rễ, dễ ăn, dễ sống, dễ bị lung lay trước cả những cơn gió heo may... thì ông lão Tuân như một cây ổi già trong vườn tạp bị trẻ con leo trèo, quần thảo, lá cành tươi tắn, khiến nó sinh ra những quả chua ngắt, nhưng mà bền chắc, vững chãi đời đời.

Chiến tranh đối với hai ông già chẳng qua chỉ là một cuộc chém giết, đầy đọa, giành phần hơn thua đã... quá quen thuộc. Thế nhưng nỗi đau thì âm ỉ, cứ vào từng mạch máu nhỏ li ti, trong mỗi khoảnh khắc của miếng ăn giấc ngủ. Hai ông già thương nhau như hai con thú già cùng tồn tại trong một cái cúi, một cái đích: đó là anh Kỳ. Chỉ có những con thú già, trải qua bao nhiêu bầy cạm mới biết thương nhau, nhưng dù sao, vì những biến động của thời cuộc, của con cái, khiến hai con thú già ấy không thể nào nhập vào nhau được. Một buổi trưa hè nắng gắt, nắng đến nỗi đường làng cũng chẳng

thấy một mống người nào. Vào lúc ấy, ông lão Tuân, trên tay cầm một cái gói nhỏ gói bằng giấy báo, phăm phăm đi tắt con lạch nhỏ qua một bãi tha ma vài ngôi mộ vô chủ, vắng ngắt hơi người đến nhà thầy Hoan. Đây là cuộc gặp mặt cuối cùng, là ông lão Tuân dự định như thế. Vì là lần cuối cùng nên ông lão Tuân sẽ dự định nói tất cả những gì cần phải nói cho ông bạn già, một người thông gia và... là gì nữa, cũng phải nói ra, cho bằng được, bằng hết và bằng đúng. Căn nhà lợp lá cọ, dậm lại bằng những mảng lá mía, từng mảng theo thời gian cũng đã gần hòa hợp sắc màu, thả dài xuống giọt ranh cộp xuống như mái tóc tang hiện ra trước mắt ông lão. Phải đến vài phút đồng hồ tần ngần, ông lão mới gọi cửa, tiếng gọi cũng dè dặt, thẽ thọt:

- Ông giáo ơi, ông giáo? Ông giáo có nhà không?

Thầy Hoan, lúc bấy giờ đang giấc ngủ trưa. Trong cái mơ màng của tiếng ve sầu sà sã, thầy có cảm giác như một tiếng gọi từ cõi hoang vu, thăm thăm vọng đến...

- Ơi, ông giáo! Ông giáo Hoan...

Ai nhỉ? Ai trong cõi u minh đang gọi tên ta. Thôi được rồi, ta đi đây. Ta chẳng còn gì để lưu luyến nữa, ta đã lưu lạc quá nhiều. Ta đã để mất quá nhiều. Ta đã nhận được quá nhiều... Nhưng mà ai đã gọi ta, mà sao không mở mắt ra nổi. Một quầng sáng chói gắt cứ chấp chới tiến gần đến làm cho tay chân ta cứng đơ. Phải vật mạnh, phải quấy mạnh để thoát ra...

- Ông giáo ơi, tôi đây....

Tiếng gọi đã tiến vào đến cửa sổ, thều thào, đứt đoạn, nhưng khá rõ ràng... Thầy Hoan vùng vẫy một cách tuyệt vọng và quyết liệt. Trong một khoảnh khắc thầy hất mạnh được cái quạt bằng mo cau nằm trên ngực ra. Thế là cuộc sống thực tại ủa vào. Nóng bức và mùi ẩm mốc trong căn nhà chật chội nhưng vô cùng yêu dấu thân thuộc đã giúp thầy tỉnh lại. Thầy ngồi dậy ngó cổ ra cửa sổ và không khỏi kinh ngạc khi nhận ra ông lão Tuân. Hơi vội vàng, thầy Hoan đi ra phía cửa cái, lật bật rút thanh then cửa, mở rộng cánh cửa ọp ẹp, hơi cúi xuống, có phần lễ phép:

- Cụ sang chơi? Mời cụ vào nhà...

Ông lão Tuân cũng cúi xuống đáp lễ:

- Ông giáo nghỉ trưa, tôi sang thế này phiền quá...

Thầy Hoan ngạc nhiên thấy ông lão thông gia hôm nay cũng biết trình bày câu nói của mình một cách lịch lãm đáng kể.

- Không có gì đâu cụ ạ. Tôi mệt quá, nằm thiếp đi một chốc. Chứ dạo này ăn uống ngủ nghỉ kém lắm...

- Vâng! Cánh mình già quá rồi...

Thầy Hoan xúc ấm pha nước, đãi khách, đó là theo lẽ thường mà cũng là theo lệ tục. Càng quý, càng trọng, càng cẩn thận. Trong lúc lúi húi dưới bếp, với ngọn lửa ồm yếu và sức nóng của trời hè, thầy Hoan đầy mồ hôi và nghĩ ngợi. Ờ, mà sao giữa trưa nắng nôi bức bối thế này mà ông lão đến, chắc hẳn phải là điều hệ trọng? Mà hệ trọng nhất của ông lão là gì nhỉ? Với ông lão Tuân, cái gì mà không hệ trọng! Bấy lâu nay, không khi nào thầy Hoan không nghĩ về ông lão. Cứ nghĩ đến chị Nga, thầy trào nước mắt, rồi lại nghĩ đến ông bố chồng chị. Cái cuộc trao đổi vắn tắt, với vẻ hỗn xược của cô con dâu và ông bố chồng làm ông giáo già ngạc nhiên. Chuyện gì đã xảy ra? Chuyện gì đã xảy ra giữa hai con người, một cha, một con, một già, một trẻ?

Kể từ khi sinh thằng Hận, rồi bế nó lên uỷ ban xã làm giấy khai sinh, chị Nga chưa một lần đưa con về thăm thầy Hoan. Chị đi như để chạy trốn, để chết. Và kể cả những lúc hai mẹ con chị ẩn náu ở Soi Vạt, chị cũng không về với cha. Thầy Hoan thì không đi đến đó được. Thầy không dám đi và cũng không thêm đi, mặc dù thầy rất muốn đi. Thế rồi một lần duy nhất, chị về nhà một mình, không bế theo con. Đó là lần chị về để từ giã bố, nhưng thầy Hoan không biết rằng đó là lần cuối cùng cha con gặp nhau. Buổi sáng hôm ấy, hai bố con chị Nga đã khóc đến cạn nguồn nước mắt. Không nói, hai cha con đã không nói với nhau một lời nào. Dường như nước mắt đã nói tất cả. Thầy Hoan khóc vì thương con, vì giận con, vì đau cho con. Cứ mỗi lần thầy định cất tiếng nói thì một cái gì đó tê lương cầu cản lại chẹn lấy ngực thầy. Thầy như nghe thấy tiếng con gái: "Thôi, nói gì nữa, cha ơi!". Chị Nga đã gục vào lòng cha để khóc, như thể chị muốn giấu đi tất cả nước mắt, và cả tiếng khóc, mà nếu được thả ra nó sẽ kinh động đến kiếp nào. Chị rất muốn kể lể với cha tất cả những gì đã đẩy đưa số phận mình, nhưng lại thôi, lại nuốt đi, cho qua bữa ăn đầy kiêng cử của số phận dành riêng cho chị. Chị biết rằng, trên đời này, nếu có một người nghe chị kể ra thì đó là người duy nhất: cha mình. Chị không sợ, không xấu hổ, cũng không phải vì muốn giấu. Chị sợ nhất là sẽ làm cho cha mình đau. Cái lần ông lão Tuân đến thăm mẹ con chị trong lúc thằng Hận còn đỏ hỏn, một câu nói của chị với ông lão Tuân, bố chồng chị, cha của đứa bé nằm

trong đụn giẻ ấy, làm thầy Hoan đã ngất lịm, vì ngờ vực. Chị biết là cha mình đã nghi ngờ, đã lơ mờ nhận ra người cha của thằng bé. Nhưng chị không thể nào nói ra được. Sự nghi ngờ làm người ta đau khổ, nhưng sự thật còn đau khổ hơn!

Nhìn bóng dáng con gái đi lại, lục lọi tìm kiếm, xăm xoi tất cả mọi ngõ ngách trong căn nhà. Chị có tìm gì đâu, chị chỉ nhìn, chỉ ngửi, chỉ sờ mó mọi thứ trong nhà. Cuối cùng chị chỉ mang đi con dao nhỏ mà người mẹ bí hiểm của chị để lại. Trong lúc thầy Hoan đang ngồi như một vị tu hành thoát xác, thì chị Nga quỳ xuống trước mặt cha, tay nâng con dao được bọc trong một mảnh vải chỉ để hở ra cái chuôi sừng đen bóng, lên ngang mày. Thầy Hoan hiểu ra, thầy hiểu cả, khẽ gật đầu. Lúc đó, chị mới đặt con dao sang một bên, dập đầu xuống nền đất ẩm, lạy cha đủ bốn lạy. Chị ra đi, cầm theo con dao. Chị đi giật lùi, ra đến cửa, chị còn cúi đầu chào cha một hồi lâu. Thầy Hoan vẫn như người vô hồn, nhìn ra giữa nắng. Cho đến lúc, chị Nga khép cánh cửa lại, bóng mờ ùn vào, thì thầy như sức tỉnh. Thầy vụt đứng lên, bước chập choạng ra cửa, nhìn theo tấm lưng áo bạc sờn của con gái. Ngày hôm sau, có tin đồn, chị Nga đã đưa con đi xuôi theo giòng sông Công, trên một bè mảng nửa. Thầy biết, thầy đã mất hẳn người con gái duy nhất, người thân ruột thịt cuối cùng...

Có một câu hỏi cứ chồn vờn, chỉ trực bật ra, nhưng rồi thầy Hoan lại có kìm giữ lại được. Chỉ đến khi biết là chị Nga sẽ không bao giờ trở lại, thì thầy cảm thấy hối tiếc; Thằng bé là con ai? Nó dứt khoát sẽ phải có một người cha, nhưng người đó là ai? Là ai thì chỉ có mẹ nó mới biết được, mới có quyền nói ra. Đu thầy là cha của chị Nga, thầy cũng không có cái quyền căn vặn, nếu chị không muốn nói. Và sẽ mãi mãi chuyện đó không được nói ra... Và, thầy tự nghĩ rằng, nếu không được giải đáp câu hỏi ấy, chắc gì thầy đã đủ can đảm để lìa xa cõi đời này!

Ấm trà đã được đem lên bày trên chiếc bàn gỗ một sứt sẹo. Cái bàn thì ghẻ lở là thế nhưng bộ ấm chén thì lại sáng bóng, và hương chè thì lại càng thơm lừng. Dân làng tôi may mắn trời cho có thói quen uống chè ngon, chè tự tay mình sao lấy, gọi là sao suốt. Sao suốt nghĩa là rang chè bằng chính bàn tay mình, rang ngay từ khi chè vừa được hái từ ngoài vườn đem vào, không chậm trễ, và cũng không hề trải qua bất kỳ một động tác nào. Chè như thế mới là tinh khôi. Khi chè đã bắt đầu héo, chảo đã nóng ran thì dùng một cái móc sắt thay cho bàn tay để tiếp tục sao, khi nào nghe có tiếng vang, nghĩa là búp

chè đã khô, rơi vào lòng chảo nghe “roong roong”, thì đem ra xào trên một cái rổ bằng cật tre đan thưa, để lựa ra cái phần trên rổ sao tiếp. Cái phần đã lọt rổ thì đem sàng trên một cái sàng gạo, để lấy phần chè tốt, còn cái phần lọt khỏi sàng là loại chè thứ phẩm, gọi là chè ban.

- Cụ xơi nước! Nhà neo quá, tôi chỉ có chè ban, bên nhà ông Quang cho!

Nhà ông Quang, tức là nhà tôi, chè do mẹ tôi sao, thỉnh thoảng đem sang biếu thầy Hoan, nhưng thầy không lấy chè búp sao, loại tốt nhất ấy, bảo để bán mà đong gạo. Thầy chỉ xin nhận chè ban, nếu không, thầy Hoan sẽ không bao giờ lấy. Còn mẹ tôi, tôi chưa bao giờ thấy bàn tay bà trắng trẻo, lúc nào cũng thâm đen, đấy là do nhựa chè bám vào, rồi sáng mai lại ra cánh đồng đi cấy, sục vào bùn, lập tức trở nên đen xạm.

- Chè ngon quá ông giáo ạ! Ông lão Tuân khen một câu, vừa chân tình, vừa khách sáo. Vì chè ban chẳng bao giờ là thứ chè ngon, cũng ngon, nhưng chẳng bao giờ ngon lắm, vì nó lẫn cả những búp chè đã bị cháy. Dứt khoát, khi uống, phải có mùi khét khét. Nhưng là lời khen chân tình thì cũng đúng, vì nhà ông lão Tuân còn neo người hơn, từ khi chị Nga đi, vườn chè đã bỏ hoang, vả lại cũng chẳng có người hái, sao. Từ lâu, ông lão chỉ còn uống nước chè tươi...

Hai ông già vừa kê cái chén vào miệng vừa nhìn nhau, như thể hai đối thủ đang lừa nhau trên xới vật, cho đến khi cả hai cùng đặt chén xuống mặt bàn, đều đến nỗi, hai tiếng cạch nhỏ, khô khan cùng hoà làm một. Rốt cuộc, vẫn là tiếng thầy Hoan cất lên trước, phá tan cái bầu không khí im lặng, ngọt ngào:

- Cụ bà bên nhà đỡ nhiều chưa hả cụ?

Ông lão Tuân đáp lại câu hỏi của thầy Hoan bằng một giọng ngùi ngùi: - Vâng, cảm ơn ông giáo, bà nhà tôi cũng đỡ được đôi chút, nhưng xem ra, càng ngày bệnh tình của bà ấy càng trầm trọng.

- Cũng gay go đấy cụ nhỉ. Thế mọi chuyện cơm nước trong nhà bây giờ ai lo hả cụ?

- Có con bé cháu con gái nhà mẹ Diệu nó sang nó trông đỡ. Phải cái con bé còn non quá, mới có mười ba tuổi đầu, còn đoảng lắm.

Nhưng cơ mà có nó cũng đỡ dần được đôi việc...

- Thế cháu nó không đi học à?

- Có. Nó vẫn đi học buổi sáng, buổi chiều về trông nom con gà, con lợn, giúp bà nó giặt giũ, cắm bã...

Thầy Hoan thấy thật sự ái ngại. Đến đây, thầy lại thấy cần phải oán trách chị Nga, nữ lòng nào bỏ ra đi được kia chứ? Ừ, nó có thể bỏ ta mà đi cũng được, nhưng với một hoàn cảnh như thế...

- Ông giáo ạ, hôm nay tôi sang đây, trước là thăm ông, sau là để có câu muốn nói.

Còn nói gì nữa nhỉ. Mà thôi, thầy Hoan nghĩ bụng, mọi chuyện cũng là bởi tại con gái ta, đã không biết giữ mình, đã không biết hầu hạ phụng dưỡng bố mẹ chồng. Nó đã đi rồi, nó đã bỏ đi với cả một nỗi niềm của nó. Thôi thì, con dại cái mang, ta sắp phải nghe những lời oán trách nặng nề đổ xuống đây.

- Vâng! Xin cụ có chuyện gì cứ bảo, tôi xin nghe...

- Chả là thế này, ông lão dẫn đo, lâu nay ông giáo có nghe được tin tức gì về... mẹ con cô giáo Nga không?

Đã đoán được trước câu hỏi, thầy Hoan trả lời ngay:

- Không, cụ ạ. Từ ngày nó bỏ đi, tôi nào có được biết tí tin tức gì.

Đến cả nói một lời trước lúc ra đi nó cũng chẳng nói để tôi biết. Thế cụ có nghe được gì không?

Ông lão Tuân hơi nhướm người trên ghế, như muốn ghé sát vào thầy Hoan để thông báo một cái tin quan trọng:

- Hôm nọ, tôi có gặp anh Định, giao thông xã, cái nhà anh khiêng chân ấy, ông giáo có biết anh ấy chứ...?

- Vâng, tôi biết.

- Anh ấy nói với tôi là có biết tin về mẹ con nhà cô Nga...

Quả là một cái tin quan trọng, khiến thầy Hoan lặng đi trong phút chốc. Như chợt tỉnh ra, thầy hỏi:

- Thế anh Định, anh ấy gặp nó à?

- Không gặp, nhưng cơ mà anh ấy nói với tôi, là anh ấy có một người bạn cũng làm cái việc đưa thư, phát báo nói là gặp được mẹ con người bên ta. Theo như anh ấy kể lại thì anh Định bảo đúng là cô Nga thật rồi.

- Nó ở tận đâu hả cụ?

- Phú Thọ. Cái ngày đi dân công Điện Biên, tôi cũng đã đi ngang qua Phú Thọ.

Thầy Hoan lặng đi trong một cơn choáng thất thần. Thế là người ta đã biết về nó, về cái nơi nó đang sống tha hương.

- Vâng, tôi cũng đã ở Phú Thọ. Nhưng đất bên ấy cũng rộng lắm, biết nó ở ngõ ngách nào?

- Chính thế đấy. Tôi đã nhờ anh Định đưa đến nhà anh giao thông ở

Thuận Thành, là người lấy vợ bên Phú Thọ. Bên ấy là quê vợ của anh ta. Anh ấy cũng đã kể cho tôi mọi chuyện. Hiện thời, cô ấy làm thuê cho một cửa hàng ăn uống. Công việc là nấu than quả bèo cho nhà bếp...

Không đợi để thầy Hoan nói gì, bất thần, ông lão Tuân, bằng sức mạnh tiềm tàng của một lão nông, lại được trợ giúp bởi lòng tự tin cũng rất nông dân, đứng bật dậy, chắp hai tay trước ngực:

- Thưa ông giáo! Tôi có câu chuyện này muốn thưa cùng ông. Xin ông cho tôi mượn cái đĩa, tôi cũng muốn có chút lễ mọn, xin được thắp nén hương lên bàn thờ tiên tổ nhà ta. Để rồi, tôi sẽ nói...

Thầy Hoan bàng hoàng thật sự. Chuyện gì sẽ xảy ra nữa đây, nhưng hình như sắp có một sự thật được bộc lộ. Nếu mà đúng như cái sự mà thầy vẫn ngờ vực thì... Thầy không hỏi lại ông lão, đứng dậy vào trong bếp lấy ra một cái đĩa sắt tráng men đưa cho ông lão. Bấy giờ ông Tuân mới mở cái bọc giấy báo, từ trong đó hiện ra: một phong bánh khảo, ba quả cau, mấy lá trầu không và một tờ giấy bạc màu đỏ mười đồng. Tất cả được ông lão bày biện lên cái đĩa, thong thả đặt lên bàn thờ nhỏ nằm cheo leo trên bức vách. Đoạn ông quay xuống rót một chén nước chè, cũng cung kính đặt lên bàn thờ. Ông sửa lại bộ điều, vuốt thẳng nếp áo, vươn tay thắp ba nén hương. Tất cả những việc làm của ông lão khiến thầy Hoan cứ dán mắt vào, trong khi toàn thân bất động. Ông lão khẩn, nhỏ to, thủ thỉ, thể thọt, bỗng trầm. Thầy Hoan ngồi cách đó mấy bước chân, nghe như không nghe. Mà quả thầy chỉ còn nhìn, chứ không nghe được gì. Mùi hương khói trong cái nóng he bức buổi đã đưa đầu óc của thầy đến một phương khác mất rồi. Chỉ đến khi, ông lão quay lại chắp tay cung kính trước mặt thầy Hoan:

- Thưa ông... xin ông ngồi lên cho con... vâng, cho con xin lạy ông...

Lần này thì thầy Hoan chết lặng thật sự. Thầy không chết lặng về cung cách thái độ của ông lão Tuân, mà thầy điếng người đi vì một sự thật mà thầy đã dự đoán từ trước, nhưng cứ mong rằng nó không phải là như thế. Thầy cố lắp bắp

vài câu, chống chọi yếu ớt:

- Kia cụ, cụ làm gì thế?

- Thưa ông giáo, thưa thầy. Con là Trần Tuấn Tuân, con đã làm một điều vô luân, vô đạo. Xin thầy tha lỗi cho con được nhờ. Chẳng hạn con cô Nga, không phải là đứa con hoang, cô Nga không phải là người đàn bà hư hỏng, như bấy lâu nay người ta vẫn đồn đại. Chẳng

Hận chính là giọt máu của con...

Xoảng! Cái bàn gỗ ghè lở rung lên bần bật, ẩm chén xô nhau rơi xuống nền nhà. Thầy Hoan đã giáng một quả đấm bằng tất cả sức nặng tũn hờn xuống nó. Lạ thay, thầy không ngất lịm, trái tim thầy vẫn đập, chỉ có phần hồi hả lên hơn thôi. Mà nó vốn đã đập hồi hả như thế từ cách đây nửa giờ, từ khi ông lão Tuân xuất hiện. Khốn nạn thật! Bố chồng ngủ với con dâu thế thì còn ra thể thống gì nữa, hả Trời? Trời già thật đã trêu gan! Và cũng lạ lùng thay, ông lão Tuân vẫn đứng trơ ra đón nhận cơn giận dữ, mà có lẽ rồi ông cũng đã đoán trước. Ngay cả điều này, ông cũng tiên liệu trước khi đôi mắt thầy Hoan long lên, miệng hét một tiếng nhỏ, khô cằn, nhưng quyết liệt:

- Ông! Ông cút ngay ra khỏi nhà tôi!

Cánh Đồng Lưu Lạc

ĐOẠN 10

Như tôi đã kể ở phần trên cuốn sách này, tôi và chị Nga, hai chị em chúng tôi xa nhau kể từ buổi sáng chị đi lấy chồng, và tôi lên đường nhập ngũ, đến tận mãi hai mươi bảy năm sau, khi cả hai đã bạc tóc mới gặp lại nhau. Quãng thời gian xa cách ấy, là quãng đời lưu lạc, cho đến khi gặp nhau cũng không phải ở quê nhà. Có biết bao nhiêu câu chuyện, bao nhiêu biến cố mà chị dồn nén trong lòng, đem ra kể với đứa em là tôi.

Thì ra cái đêm chị dời Soi Vạt để trôi theo dòng sông Công về xuôi, không phải hai mẹ con chị ngồi trên cái mảng nứa, lênh bênh theo dòng lũ xiết như người ta đồn thổi lên. Chị kể với tôi rằng, Soi Vạt không phải là nơi trú ngụ suốt đời chị và thằng Hận con chị, và ngay cả cái làng Sơn Cốt của chúng tôi cũng không thể dung thứ chị. Phải ra đi, chị nhất quyết đã nghĩ như vậy. Nhưng đi bằng cách nào? Và sẽ sống ra sao?

Ở đây, suốt một thời gian dài, thằng Hợi, đứa trẻ chăn trâu cho hợp tác là sợi dây nối chị với bên ngoài, là kẻ tiếp tế gạo, muối, dầu đốt... cho hai mẹ con chị. Chị thương nó, giá như nó là con chị, thì chị cũng chỉ thương nó đến thế mà thôi. Khi quyết định ra đi, chị thoáng nghĩ

hay là đem nó cùng đi. Đất trời, non nước này, với những gì chị biết được từ những bài địa lý mà chị đã dạy cho lớp học trò của chị sẽ dẫn bước chị đi. Còn thằng Hợi, thằng bé mục đồng đen nhẻm, côi cút nhưng khá thông minh, sớm láu cá sẽ phải để cho nó ở lại để nó gắn bó với cái làng nhỏ bé, điều hieu của nó. Nó còn mẹ, còn các em, còn là nơi đi về của hương hồn cha nó. Chỉ có chị là phải ra đi. Chị nghĩ thế, và chị cũng đã toan tính làm một cái bè bằng tre, ghép lại. Chị cũng định sẽ đặt thằng Hận nằm trên đó, chị sẽ một tay chèo chống, xuống hết quãng thác này, vực nọ, cho đến khi nào ra tới dòng sông Cái.

Thế rồi mùa nước lớn đã đến, cái mùa nguy hiểm của dòng sông, nhưng lại là một mùa xuôi bè thuận tiện nhất, vì lòng sông nở ra, dềnh lên mênh mông hơn. Nhìn con nước lũ ào ạt chảy, cuốn theo cơ man nào cây củi, cành khô, quần quýt vào những bụi tre hai bên bờ rã rợi ngọn lá, chị thấy sợ hãi. Lòng can đảm được ấp ủ suốt một mùa đông giá, khô cằn, cạn hẹp bấy giờ bỗng nhiên tan biến.

Nhưng nhất quyết phải ra đi!

Chị ngồi đếm lại số tiền nhỏ nhoi mà chị đang có bằng những đồng tiền lẻ. Chị vuốt lại cho chúng thẳng thớm, sạch sẽ, gói chúng vào một miếng vải mưa cũ kỹ. Xong xuôi, chị ngồi nhìn thẳng Hận đang lồm cồm bò trên manh chiếu rách, rồi chị nhìn vào hai bàn tay mình, trống trơn. Bất giác chị nghĩ đến tôi, chị kể thế. Chị nhớ đến cái đêm trăng non trên đồi Chùa Phung mà chị đã nhìn vào bàn tay tôi mà dự báo, phỏng đoán cho cuộc đời tôi.

- Ngày ấy chị đã dự báo cho em rằng em của chị sẽ có một cuộc đời phiêu lưu phong phú. Thế mà khi ngồi nhìn hai bàn tay thô tháp đã bắt đầu nhăn lại của mình, mà chị không tài nào dự báo cho mình con đường trước mặt. Em hỏi chị có tuyệt vọng không ư? Không, chị không hề tuyệt vọng, nhưng cũng không thể hy vọng được. Chị chỉ nung nấu một ý chí băng qua, vượt lên chính cuộc đời mình... Dù có ra sao cũng được, dù có đi đến đâu cũng thế!

Một hôm, như lệ thường, thằng Hợi về xóm, chị bỗng thằng Hận ngồi nhìn dòng lũ, thì bỗng có một cái mảng dài, trên đó lô nhô những tay thợ sơn tràng, đang trôi xuôi, chậm chậm, thế rồi nó quay ngoắt, ghé vào Soi Vạt. Người ngồi đầu, dáng như người chỉ huy mảng vít một nhánh tre ghì sát cái mảng dài như con thuồng luồng vào bờ đất, nhóng cổ gọi lên:

- Nhà chị có còn gạo không, để cho anh em tôi một bữa?

Chị Nga hơi bị bất ngờ:

- Các bác hỏi đong gạo?

- Vâng! Nhưng mà không cần nhiều đâu. Anh em tôi vừa hết gạo ăn, cần bữa tối nay thôi, sáng mai ra đến sông Cái thì lại có chỗ mua rồi...

Chị Nga ngần ngại một chút rồi, bỗng loé lên ý nghĩ táo tợn:

- Mời các bác lên đây một chốc. Em có gạo đấy, nhưng sợ không đủ để các bác nấu bữa tối.

Người thợ rừng nháy phắt lên bờ:

- Độ hai đấu là đủ thôi mà!

- Thế thì may ra...

Chị chui vào trong lều, đem ra cái vại nhỏ sút mẻ, đựng lưng lưng gạo ra, xoay xoay:

- Chỗ này cũng đến hai đấu, bác cầm lấy mà nấu. Hay là... sẵn có củi lửa đây, các bác lên nghỉ tạm, cơm nước xong thì xuôi! Chứ dọc bờ nước cả thế neo vào đâu?

Nghĩ ngợi một thoáng, bác san tràng gọi vọng xuống:

- Anh em ơi! Có gạo rồi! Lên đây thối cơm ăn xong ta đi tiếp! Đoạn bác ta quay lại. Chị có cái xoong nào nấu đủ cho năm anh em tôi ăn, thì cho mượn. Mà cánh san tràng chúng tôi ăn khoẻ lắm đấy!

Chị Nga lúng túng:

- Nhà em chỉ có hai mẹ con, không có nồi to, chán thật.

- Thế thì thôi, không sao! Bác thợ nói với xuống mường. Thằng Tỉnh cõng cái xoong to vẫn nấu cơm đem lên đây...

Thế là trong chốc lát, "nhà" chị Nga bỗng rậm rịch khách khứa, lao xao tiếng người. Chưa bao giờ, và cũng chẳng bao giờ chị lại có thể hình dung ra cái cảnh này. Hình như cũng đoán ra hoàn cảnh éo le của chị, bác trưởng toán thợ rừng hết nhìn chị, nhìn thằng Hận rồi lại nhìn túp lều tùm hum, lè tè của chị ý chừng muốn hỏi một câu gì đó. Còn chị Nga thì lạnh lẽo nhiệt thành giành lấy cái xoong từ tay người thanh niên tên Tỉnh vo gạo bắc lên bếp. Nếu bác trưởng tốp giữ ý không hỏi thì anh chàng Tỉnh xốc nổi hỏi ngay:

- Chị ở đây có một mình thôi à?

- Vâng! Có hai mẹ con tôi và thằng cháu. Nó về xóm...

- Xa làng, xa xóm thế này, ngộ nhỡ đêm hôm có chuyện gì thì chị làm thế nào?

Chị Nga cười nhẹ, đôi gò má chợt nóng lên ở đâu đó:

- Chẳng có chuyện gì đâu anh ạ. Mà nếu có gì thì chúng em cũng tự

xoay xở được.

Nhìn nồi cơm đang sôi lục bục trên bếp, toả lan mùi gạo chiêm quanh quất, chị Nga bỗng thấy nhớ cha mình, nhớ ngôi nhà của cha, nhớ làng day dứt. Nhớ là thế, day dứt là thế, nhưng chị đã hình thành trong đầu những kế hoạch của mình. Bác trưởng toán bế thẳng Hận, rung rung nó trên đôi tay vạm vỡ, ngó vào:

- Nhanh nhử! Cơm đã sôi rồi đấy. Tôi mà cứ nghe tiếng cơm sôi là thấy bụng đói cồn cào.

Tĩnh quay sang nói với chị Nga:

- Sao chị không ở trong làng mà ra ngoài bãi soi này?

Chị Nga không biết trả lời thế nào cho dễ nghe. Sự thật không thể nói ra, còn sự không thật thì chị chưa bao giờ chị nghĩ tới. Chị đánh trống lảng bằng một câu hỏi lại Tĩnh:

- Các anh ở đâu lên xuôi bè thế?

- Xa lắm, có nói chị cũng chả biết. Nam Định! Chị đến đó hay nghe nói đến nơi ấy bao giờ chưa?

Chị Nga khẽ bật cười:

- Đến thì chưa đến, nhưng mà nghe thì nghe nhiều rồi chứ. Nghề sơn tràng cực lắm nhỉ?

- Còn phải nói. Tĩnh hào hứng, anh em chúng tôi đây người cùng một xóm cả đấy. Bác Thuần kia là trưởng nhóm, là người dày dặn nhất, là người chỉ huy. Chúng tôi là thợ, trong đó có tôi là lính mới tò te, đi chuyến này là đầu tiên! Kể ra cũng sợ lắm, chị ạ. Mà đâu phải chỉ có làm sơn tràng, chặt nứa khảm bè không thôi đâu, còn phải biết chèo lái, vật lộn với sông nước nữa chứ. Cùng một lúc phải làm hai việc cực nhứt nhì trần đời "nhất phá Sơn Lâm, nhì đâm Hà Bá"...

- Thế trước khi làm cái nghề "phá Sơn Lâm, đâm Hà Bá", anh làm gì?

Tĩnh cười láu lỉnh:

- Nghề bắn giết người!

- Nghề gì mà nghe kinh thế? Anh nói cụ thể xem nào? Tĩnh bỗng trầm giọng xuống, như người nhận lỗi:

- Nói vui với chị vậy thôi, chứ tôi có nghề ngỗng gì đâu. Tốt nghiệp lớp bảy ở nhà học cày dờ dang thì đi lính. Hơn bảy năm trời ở chiến trường về, cũng may giữ được cái gáo, mà cũng không hề hấn, thương tật gì. Đi học thì dờ dang, đi cày thì cũng chả có đất, có ruộng, quê tôi đất chật, người đông. Ngồi chơi mãi cũng chán, thế là theo bác Thuần đi làm thợ phá rừng...

"Lại chiến trường, chiến tranh! Chị Nga thầm nghĩ, cả một thế hệ

thanh niên được huy động vào cuộc chiến. May mà chiến thắng và cũng may mà nguyên vẹn trở về. Chả như anh Kỳ...". Chị Nga ngồi bần thần gắp những mẩu than đỏ lừ gom chúng tùm lại, rồi lại tãi chúng ra dưới đáy nồi cơm đang chín. Anh Kỳ của chị đã mãi mãi chẳng bao giờ được trở về để kể những câu chuyện hiểm nghèo mà vui vẻ, để nói những câu bông lơn mà buồn lo thắt ruột. Nếu anh Kỳ không chết mà cũng trở về nguyên vẹn như người thanh niên tên Tĩnh đang ngồi cạnh chị đây? Rồi anh ấy bế thằng Hận, không, không phải thằng Hận mà là một thằng bé khác, tên là Thắng, là Mừng, là Nam chẳng hạn. Tiếng củi lửa tí tách, tiếng cơm sôi lục bục, tiếng ê a của đứa trẻ. Rồi chị sẽ lại trở lại với nghề dạy học, chị sẽ lại ngồi trên chiếc xe đạp Thống Nhất có tiếng líp kêu lanh tanh... Biết là giữa chị và anh Kỳ chưa hẳn đã có tình yêu, cái thứ tình cảm khó thấy, khó nhìn, khó kiếm nhưng dù sao cũng còn có cái tình, rồi xa hơn nữa, nó là cái nghĩa. Thế mà bỗng dưng, anh Kỳ chết đi, cái tay vịn vững chãi nhất để chị đi trong đời đã bị bẻ gãy, để rồi, chị chung chiêng đi giữa trần gian một mình, một bóng tủi hờn.

Đến bây giờ chị cũng không biết là đối với ông lão Tuân, vừa là cha, vừa là ông của thằng Hận, chị có một tình cảm gì? Căm hận thì rõ rồi, thế nhưng vẫn còn có một chút tình thương cảm, mà ngay bây giờ hoặc đến bao giờ chị mới bày tỏ được? Thắng Hận sẽ như thế nào trong cuộc đời này? Danh chính là gì, để nó được yên bình trong ngôn thuận?

- Thế anh ấy nhà chị đâu, bố thằng bé ấy? Câu hỏi của Tĩnh cắt ngang luồng suy nghĩ ngẩn ngui của chị Nga, làm chị quay về với thực tại. Chị lúng túng:

- Cháu không có bố! À mà bố cháu cũng vào chiến trường, có lẽ... hy sinh rồi!

Tĩnh là một thanh niên nhạy cảm, nếu không anh ta đã vì vui miệng, hay vì hiếu kỳ mà tra vấn đến kỳ cùng. Anh ta đứng dậy, vuốt nhẹ lên má thằng Hận, rồi bước xuống mé bờ sông. Nước sông vẫn đục ngầu, chảy xiết.

Cánh thợ sơn tràng bày ra ăn cơm với thức ăn là những con cá mắm khô nát rữa, nhưng mùi thơm chấy của nó thật quyến rũ.

- Chị ăn cơm cùng với anh em chúng tôi nhé! Bác Thuần nhìn hai mẹ con chị Nga, ái ngại.

- Vâng! Các bác cứ tự nhiên, mẹ con em đợi thằng cháu từ trong xóm ra, tí nữa cùng ăn...

Chỉ loáng cái, nồi cơm đã hết veo, nhìn cánh thợ rừng ăn mà phát thèm. Hình như họ vẫn chưa thật no, nhưng trong nồi hũy còn một ít cơm và trên đĩa có hai con cá mẩm nướng. Chị Nga bưng cái ấm đất đun nước ra mời khách. Bác Thuần, sau khi uống một bát nước vối, lấy dao chẻ một thanh tre làm tăm xỉa răng, rồi đứng dậy đến trước mặt chị Nga:

- Anh em chúng tôi cảm ơn cô đã giúp cho bữa ăn. Chúng tôi xin gửi tiền gạo.

Nhìn mấy đồng bạc kẹp giữa những ngón tay xương xẩu của bác Thuần, chị Nga ngước lên, giọng ần nhẩn:

- Các bác, em muốn có câu chuyện thưa với các bác. Xin bác hãy nghe em nói...

Mấy anh em thợ san tràng nhìn nhau, vẻ mặt đầy sóng gió ngạc nhiên. Anh chàng Tĩnh lặng lẽ lùi ra phía sau, nhưng hai con mắt vẫn cứ dán vào mẹ con chị Nga. Bác Thuần:

- Ấy chết, có chuyện gì thế?

- Chả là thế này, nói ra sợ các bác cười, nhưng mẹ con em đã ở vào cái hoàn cảnh này, xin các bác thương, mà có cười em cũng xin chịu. Rồi dường như để chậm lại một chút, sẽ không thể nói được, chị Nga trở nên linh hoạt hơn. Chả giấu gì các bác, mẹ con em ở vào hoàn cảnh tủi nhục lắm, nên mới phải ra ở cái lều ngoài mom sông, đầu bãi này. Cũng là cái duyên trời dun dủi cho gặp các bác. Chúng em sống không được lòng bên gia đình nhà chồng, còn vì sao thì xin các bác tha cho, đừng gạn hỏi. Cứ ở lại thì bế bàng, nên mẹ con em đã định bế nhau mà đi. Chúng em cũng tính làm một cái mảng thả trôi theo dòng nước này mà ra sông Cái, nhưng vì chân bầy tay yếu chưa làm được. Bây giờ tiện đây, xin cho chúng em lụy theo con mảng để mẹ con em đi khỏi nơi đây...

Chị Nga không định khóc, nhất quyết không khóc, nhưng nước mắt cứ tứa ra, không cầm được. Năm người thợ xuôi bè nhìn nhau, dường như họ không tin vào tai, vào mắt mình. Lại bác Thuần, trưởng toán lên tiếng:

- Chúng tôi nghe mà không hiểu sự thế ra sao, nhưng nghe cô nói, chúng tôi cũng có phần thông cảm. Nhưng tôi xin hỏi thật: thế cô định đi đâu?

- Chúng em cứ ra khỏi được nơi này đã, sau rồi sẽ liệu sau.

- Chết thật! Đàn ông như chúng tôi đây để kiếm được miếng cơm thiên hạ cũng thấy khó, huống như mẹ con cô, đàn bà, con mọn rồi

sẽ ra sao...

Chị Nga gạt nước mắt, giọng chị trở nên răn giời hơn:

- Bác hỏi thế thì em cũng biết là kiếm miếng ăn ngoài thiên hạ không dễ dàng gì. Nhưng đến nước này, là nước cùng, đường cạn mất rồi. Mẹ con em chỉ xin các bác theo ra đến sông Cái. Rồi chúng em lên bờ, đi tiếp...

Anh chàng Tĩnh bước tới, nhìn vào mắt thẳng Hận:

- Cháu tên là gì hả chị?

Chị Nga thấy đã đến lúc phải hé ra một chút sự thật, mong nhận được sự thông cảm của những con người này:

- Em đặt cho nó cái tên khác người xấu lắm. Tên cháu là Hận!

Tĩnh lặng người, nói với bác trưởng nhóm:

- Cô ấy đã nói thế, em cũng xin bác để cho mẹ con cô ấy quá giang...

Bác Tuần chép miệng, thở dài:

- Cơ khổ! Tôi đi ăn mòn bát thiên hạ, thấy người khổ cũng nhiều, mà chưa thấy ai khổ đến như cô. Thôi thế chuẩn bị đi. À mà này, đây là tiền gạo của cô, cầm lấy...

- Em xin biểu các bác, gọi là...

- Sao lại thế? Không được!

Tĩnh tiến lên, giành bế thẳng Hận từ tay chị Nga, hất hàm cho chị Nga:

- Chị cầm lấy, gạo ăn đong chứ có phải phát chẩn đâu. Đưa thẳng Hận cho tôi, chị đi thu xếp đồ đạc đi, kéo tôi!

Chị Nga ngoan ngoãn nghe theo lời Tĩnh:

- Con ra bác bế nhé. Em có cái gì gọi là đồ đạc đâu!

Nói thế nhưng chị Nga vẫn chui vào trong lều, quơ mấy cái quần áo của chị và của con, nhét vào cái túi xách mà chị vẫn đi dạy học ngày trước. Rồi chị trút hết năm gạo trong cái trường mẻ ra cái ruột tượng được khâu bằng ống tay áo cánh. Tất cả chỉ là một tay xách. Chị lần vào túi áo, nhớ nhẩm hơn chục đồng bạc, toàn giấy lẻ cộm lên trong lưng quần, bước ra.

- Anh đưa cháu cho tôi xin. Xong rồi các bác ạ, cho mẹ con em xuống mảng được chưa?

- Cô ra đây tôi dẫn xuống, bác Thuần nắm tay chị Nga kéo đi. Anh Tĩnh bế thẳng Hận, nháy một bước dài xuống mảng. Thằng bé sợ, nó khóc thét lên một tiếng rồi lại im ngay, nhoèn cười.

- Cháu được mấy tháng rồi chị? Tĩnh trao thẳng Hận cho mẹ nó.

- Dạ, cháu được hơn mười tháng rồi ạ. Rồi chị ôm chặt thằng bé vào lòng, giọng đầm nước mắt. Thôi nhé, mẹ con mình đi, chào ông, chào bà, chào cả làng, mẹ con chúng tôi ra đi, chẳng biết có hẹn được ngày trở lại không?

Cái màng vừa nứt, vừa gổ dài ngoằn ngoèo như con thuồng luồng khổng lồ vặn mình cọt két rồi từ từ dạt ra khỏi bờ. Chị Nga ôm chặt thằng Hận như sợ có ai giằng mất, nhìn đắm đắm về phía căn lều. Chợt chị nhớ ra thằng Hợi. Sao nó về xóm lâu thế nhỉ? Liệu lúc trở ra không thấy chị nó nghĩ sao? Tội nghiệp nó quá, nhưng thôi, hẹn thế nào cũng có ngày cô cháu gặp lại nhau...

Đúng lúc ấy, thằng Hợi ôm một cái bọc trước ngực chạy về. Nó cất tiếng gọi "Cô ơi!", rồi chui vào trong lều, lại chui ra. Lúc đầu là tiếng gọi thản nhiên, quen thuộc, nhưng rồi tiếng gọi của nó bỗng trở nên hốt hoảng, lo âu như tiếng con nghé con lạc mẹ "Cô ơi, cô!". Nó đảo dác tìm sau các bụi tre, dọc sông. Không thấy chị, nó gào to:

- Cô ơi! Cô Nga ơi! Cô giáo ơi!

Mọi người trên màng đều nghe rõ tiếng thằng Hợi gọi đến khan giọng. Chị Nga cũng nghe thấy tiếng gào nức nở của nó, xen vào tiếng ầm ào, ì oạp của sóng nước đánh vào thân màng, trong chị quặn lên nỗi lo lắng. Nó sẽ không còn chị để yêu quý, để sẵn sàng làm những việc lặt vặt mà nó càng thích thú bao nhiêu, chị càng lo bấy nhiêu. Chị toan đứng dậy, trả lời nó, nhưng chân tay chị bải hoải, rã rời. Miệng cắn chặt, hai hàm răng tê điếng cố nén một tiếng kêu, chị Nga vẫn lặng yên, một tay ôm con, tay kia ghì chặt lấy sợi dây mây bó màng. Hãy cứ để cho nó nghĩ là mẹ con chị đã mất tích, đã chết, đã... bay lên cõi hạc trắng như trong câu chuyện Dệt gấm huyền thoại mà chị đã kể cho thằng Hợi...

- Cô giáo Nga ơi! Cô ở đâu...âu...u...u? Tiếng gọi thất thanh của thằng bé len lỏi vào khắp bụi tre gai, đám bưởi bung, loang ra mặt sông, đầy thất vọng thảm thiết.

Tĩnh bước loạng choạng trên mặt màng:

- Cháu chị nó gọi đấy, chị Nga ạ...

Chị Nga cúi mặt, lắc đầu:

- Đừng, đừng cho nó biết, anh thương tôi... thương thằng bé, nó cô cút. Cứ để tôi đi, nó biết tôi đi thế nào nó cũng đòi đi theo. Khổ thân nó...

Dưới mắt chị, nước sôi ùng ục, ngầu đục cuộn thành những đụn nước bông lên, như từ sâu thẳm từ trong ruột non, ruột già, lục phủ

ngũ tạng của trái đất, phọt lên, ghê tởm, rồi ngay đó hình thành những cái xoáy sâu hoắm, hun hút có cái miệng đỏ lòm, tái nhợt, chỉ trực hút đi bất kỳ cái gì rơi vào miệng nó. Đó là tương lai trước mặt chị đấy ư? Chị nghĩ thế!

Chiều đang dần phai, một vầng tà dương đỏ bầm, loang lổ vết rạch ngang, rạch chéo của mây đen tơi tả, lùi lại sau lưng đoàn xuôi mảng. Cái bè dài gỗ ken trộn với nửa vắn mình ken kết sau những khúc quanh như con trăn khổng lồ trườn đi khó nhọc, nặng nề. May mà khúc sông này quanh co, chảy chậm nên chị Nga không cảm thấy chóng mặt, mặc dù chị chỉ chực ngã dúi về phía trước. Thăng Hận ngo ngoạy trên tay mẹ, thỉnh thoảng nó lại nhoai về phía trước, đập đôi chân nhỏ nhou của nó xuống mặt nước, rậm rịch. Anh chàng Tỉnh chống cây sào bằng vầu thoăn thoắt, thỉnh thoảng anh ta lại chuyển cây sào sang bên kia con mảng. Nhìn cây sào bay qua trên đầu, lồm tồm nước, chị Nga co rúm người lại, cố dùng thân thể mình che chở cho thằng con. Thỉnh thoảng Tỉnh lại lơ tay, thả cây sào trôi theo mép mảng, nhoẻn cười, "làm xấu" với thằng Hận. Dường như nó cũng thích đùa, chỏi mạnh chân xuống sàn mảng, rồi cười khanh khách, chẳng bao giờ biết đến những hiểm họa đang rình rập trước mặt...

Nhìn Tỉnh trong tư thế chèo chống với chiếc áo quân phục bạc phếch, vài vết vá vụng về trên vai, tự nhiên chị Nga thấy trong lòng dậy một chút cảm tình với con người xa lạ và có con mắt buồn này. Và chị cũng thấy yên tâm hơn khi hai mẹ con chênh vênh trôi dạt trên dòng sông bất trắc này. Chị muốn nói một câu gì đó, một câu vừa để bày tỏ lòng mình và cũng là để an ủi Tỉnh.

Tỉnh vẫn vô tư, thỉnh thoảng còn búng những hạt nước trên tay, lính ti như những giọt mưa phún về phía thằng Hận. Nó cười phô vài cái răng sữa ra, hai mắt nhướn tít, còn hai bàn chân thì thi nhau đập trên đùi chị Nga.

Hai bên bờ sông đã thấp thoáng bóng nhà dân. Tiếng gọi nhau ý ới, vắng vắng làm chị Nga thấy xốn xang. Giờ này là giờ cha mẹ gọi con về rửa ráy ăn cơm chiều. Giờ của đoàn viên, ấm cúng trong mỗi căn nhà. Ở một bến sông, hai ba cô gái đang rửa quang gánh, quần xắn ngang đầu gối, họ nói với nhau những câu gì đó, bỗng một cô chỉ cho bạn mình. Họ chỉ hai mẹ con chị Nga. Chắc họ ngạc nhiên lắm. Cũng phải thôi, xưa nay cánh sơn tràng chỉ toàn đàn ông, con trai.

Côngviệc cực nhọc và đầy nguy hiểm ấy không bao giờ dành cho đàn bà. Mà nếu có thì cũng chẳng ai đem theo trẻ con. Thế mà trên mảng bè kia lại có một người đàn bà ôm con nhỏ. Một cô cất tiếng gọi vọng ra:

- Các bác ơi! Bè xuôi về đâu cho chúng em đi với...

Ông trưởng tràng lại ngỡ là các cô trêu càn thanh niên, đại loại như Tĩnh. Ông Thuần đáp lời họ:

- Về xa lắm! Cực khổ lắm, các cô có đi được không?

- Đi được! Các bác còn đưa cả vợ con đi theo thì chúng em cũng đi theo được chứ!

Ông Thuần nhớ ra là trên bè của mình có mẹ con người đàn bà đi nhờ. Ông hơi nhúu vầng trán lại:

- À, đây là người ta đi nhờ về Bàu thôi. Không phải người của chúng tôi đâu...

"Không phải người của chúng tôi đâu!". Chị Nga nghe sao mà xót xa quá. Chị không phải người của ai, của bất kỳ một gia đình hay làng xóm nào nữa. Bây giờ mẹ con chị lênh đênh, không gia đình, không quê quán... Đôi mắt buồn và lo lắng của chị ngược lên bắt gặp cái nhìn an ủi của Tĩnh:

- Con gái vùng này ghê lắm! Ấy thế nhưng họ tốt bụng lắm. Dạo năm ngoái bè chúng tôi bị vỡ, dạt vào soi của họ. Thế mà họ cho ăn, cho ở chu đáo lắm.

Mỗi giòng sông đều mang một tính cách của nó, và chính nó cũng sinh ra và rèn giũa tính cách của những con người gắn bó với giòng sông. Chị Nga một đứa con của giòng sông, của Soi Vạt và của cánh đồng Lưu Lạc, đã mang đậm trong giàng máu mình tính cách của giòng sông. Như lúc này đây, giòng sông thật dịu dàng, giòng sông con gái...

Tranh thủ lúc dòng sông êm ả chảy, Tĩnh buông lơ cây sào, gác lên mép mảng, anh ngồi xuống nắm lấy bàn tay nhỏ nhoi và nhột nhật của thằng Hận:

- Tội nghiệp cháu bé. Trời chiều rồi, nó lạnh đấy. Chị lấy cái áo của tôi mà quấn thêm cho cháu...

Chị Nga nhìn Tĩnh, cảm động:

- Cháu có áo rồi, anh mặc vào đi. Người anh cũng thâm tái cả rồi kia kìa...

Tĩnh cười, hàm răng ánh lên tia chói sáng:

- Ăn thua gì với chúng tôi kia chứ. Chuyển này tương đối êm ả. Về đến đây rồi, chỉ còn cái vực Ba Quanh nữa là coi như xuôi chèo, mát mái...

- Vực Ba Quanh là vực gì mà ghê thế? Chị Nga lo lắng hỏi.

- Là cái vực xoáy dữ lắm. Bè mảng xuôi về đến đây, khó có anh nào đi lọt một lần, nhất là những bè dài như thế này. Nó phải lượn đủ ba vòng quanh vực, tức ba lần loanh quanh mới ra được. Người không có kinh nghiệm nếu không xô vào bờ đá thì cũng mất cả ngày không ra khỏi vực...

Chị Nga bối rối, vẻ hốt hoảng hiện rõ trong mắt chị:

- Liệu mẹ con tôi ngồi trên này có ảnh hưởng gì đến các anh không? Tỉnh dịu dàng:

- Ăn thua gì! Bác Thuần của chúng tôi đầy kinh nghiệm. Với lại nghe kể cho nó rùng rợn để kể công lao san tràng thôi. Lát nữa đi qua, chị sẽ thấy chỉ như đồ hàng trẻ con thôi. Lại thú vị ngắm cảnh sơn thủy hữu tình nữa...

Chị Nga lẩm nhẩm:

- Lạy Trời lạy Phật, cho chúng con ra khỏi chốn nguy nan này...

- Khoảng sáu bảy giờ tối nay bè chúng tôi đến bến dỡ. Lúc ấy, chị và cháu đi đâu nữa...? Tỉnh ngập ngừng hỏi.

- Ở bến có nhà dân ở không hả anh?

- Bầu mà chị không biết à? Thiếu gì! Nơi buôn bán, trên bến dưới thuyền bát ngát. Là tôi hỏi sau đó thì hai mẹ con tính đi về đâu?

Về đâu? Chị Nga nghe câu hỏi mà ớn lạnh xương sống. Gió lạnh thổi ràn rạt trên mặt sông, luồn lách vào tận sâu thẳm trong cõi lòng phiêu dạt. Bất chợt chị nghĩ đến cái cảnh hai mẹ con bồng bế nhau đi gõ cửa từng nhà, xin miếng cơm ăn... Chị lắc đầu, cố gạt đi cái hình ảnh ảm đạm.

- Đến đó rồi, mẹ con tôi chia tay các anh, để lại lên tàu ngược...

- Đi Phú Thọ hay Yên Bái? Nghe nói trên ấy cũng dễ sống...

- Vâng! Tôi có quen một anh bộ đội ngày xưa đóng quân ở gần nhà. Quê anh ấy ở Phú Thọ. Không biết bây giờ anh ấy còn sống không? Đi B từ năm sáu tám. Cứ nghe anh ấy kể thì làng quê bên ấy thanh bình lắm, mọi người sống với nhau đầy tình nghĩa, không hề đổ kỵ... Tỉnh chộp được một con châu chấu bay sà từ ờ tre đến đậu trên cái nón rách của chị Nga, anh bẻ đi hai cái còng, rồi đặt vào tay thẳng Hận. Nó thích chí, nhoẻn cười, hai chân đạp chỏi lòi ra khỏi vạt áo mẹ nó đang ủ cho nó.

- Đạo tôi ở bộ đội, mấy anh bạn quê Vĩnh Phú cũng nói chuyện thế. Quê tôi có nhiều người ngược lên Phú Thọ, Đoan Hùng, Yên Bái đảo sản. Mùa này cũng là mùa sản trên ấy...

- Anh Tĩnh biết nhiều nhỉ? Chị với các cháu ở nhà chắc trông anh về lắm nhỉ?

Tĩnh đứng dậy vươn vai:

- Chị nào? Cháu nào đâu chị ơi! Tôi cũng muốn có đứa con như cái thằng chó cún này, nhưng mà nghèo lắm, chẳng ai lấy...

Chị Nga bật cười, khiến Tĩnh tò mò:

- Chị cười tôi à? Tôi nói thật đấy...

- Tôi cười cái câu chuyện cổ ngày còn bé tôi được đọc.

- À phải đấy! Chị là cô giáo chứ gì? Nãy nghe thằng bé nói gọi tên chị là "cô giáo Nga". Chuyện thế nào, chị kể một đoạn cho tôi nghe với....

- Chuyện buồn cười, và buồn nữa. Ngày xưa có một chàng thanh niên nghèo lắm, nghèo đến nỗi tóc đã bạc mà vẫn không lấy được vợ... Đấy, tôi nhớ mở đầu câu chuyện như thế. Chuyện của bên nước Ý...

- Buồn cười thật! Nhưng sau đó chắc phải có một nàng tiên thương anh ta chứ? Tĩnh cười híp mắt hỏi lại.

- Không! Không phải thế! Anh chàng kia nghèo đến nỗi không lấy được vợ, thế rồi anh trở thành một ông già tóc bạc phơ...

- Vẫn không có vợ? Tĩnh tò mò.

- Vẫn không có vợ. Một hôm ông vào rừng hái củi. Trên đường về, ông đi qua một khu rừng vắng, bỗng ông nghe thấy tiếng một đứa trẻ gọi:

- Bố ơi! Cứu con với...

Ông già ngạc nhiên nghĩ: quanh đây chẳng có người ở, sao lại có tiếng trẻ gọi. Ông già nghĩ ngợi một lát rồi đi tiếp. Nhưng ông vừa cất bước thì tiếng đứa trẻ lại gọi. Lần này nghe da diết hơn:

- Bố ơi, đừng bỏ con. Con ở đây này...

Không thể bỏ đi được, ông già quăng bó củi xuống đường rồi đi về phía có tiếng gọi. Nhưng ông không thấy gì, dù ông đã cố tìm tất cả các bụi cây quanh đó. Ông vừa quay đi thì lại có tiếng gọi: "Bố ơi! Con đây này".

Lần này thì tiếng gọi phát ra từ một khúc gỗ. Ông lão ngạc nhiên cần khúc gỗ lên, nó cất tiếng nói:

- Con của bố đây! Bố đem con về nhà đi. Rồi con sẽ giúp bố được

nhiều việc...

Ông lão nghèo và tốt bụng nhặt khúc gỗ đem về nhà. Thế rồi ông lấy dao, đẽo gọt noa thành hình một thằng bé con trai. Ông già đặt tên cho nó là Pinôkiô...

Tĩnh sa sầm nét mặt, căn môi im lặng. Chị Nga thấy thế thì thấy sợ:

- Chuyện cổ tích ấy mà. Anh buồn làm gì!
- Không, tôi chỉ thấy buồn cười thôi. Mà đúng thật đấy chị ạ. Đối với người nghèo chúng ta thì, con chó, con lợn, hay khúc gỗ cũng thành người thân thuộc, có linh hồn... Phải không chị?
- Tôi cũng không biết nữa, nhưng tôi biết nghèo thì buồn lắm.
- Chị có thằng chó con này rồi, việc gì phải buồn. Chuyển sau, tôi cũng phải tìm một khúc gỗ để đẽo thành thằng con mới được... Tĩnh cười thoải mái, dường như anh chẳng biết buồn.

Chị Nga cũng cười:

- Anh không cần phải đẽo gỗ làm gì.
- Sao thế? Tôi cũng nghèo đến nỗi, tóc đã bạc mà vẫn chưa có vợ...

Chị Nga dứ dứ thằng Hận về phái Tĩnh:

- Tôi cho anh thằng Pinôkiô này này...

Tĩnh sững người, nhìn người đàn bà xa lạ, nghèo khó mà anh mới quen trước đây vài giờ, mà bỗng cảm thấy thân thuộc từ tận cõi nào, sâu thẳm. Chị Nga thấy xấu hổ, vì câu nói lỡ bả, có vẻ sống sượng của mình, toan ngoảnh mặt đi tránh cái nhìn của người đàn ông san tràng vạm vỡ, từng trải nhưng cũng chất chứa đầy nỗi niềm, nhưng không kịp, khiến đôi má chị thoáng có chút hồng lên. Tĩnh ngồi thụp xuống, ngó sâu vào mắt thằng Hận:

- Thật không? Chị không được đánh lừa tôi đấy nhé...
- Tĩnh! Tĩnh ơi...!

Tĩnh giật mình bởi tiếng ông Thuần quát to. Anh đứng lên nhìn ông trưởng tràng với cái nhìn lạ lẫm, như lạc đi. Ông Thuần nheo nheo cười:

- Chuẩn bị vào quanh! Cầm cái sào bột lên đây!
- Vâng, có ngay! Tĩnh cầm cây sào nặng chịch chạy loạng choạng trên mặt mảng.
- Cố lên! Sau cái khúc quanh này, đến bến giao bè xong tao cho chú mày nghỉ phép. Đồng ý không?

Tĩnh mím môi, cố nén một tiếng "vâng" khoái chí. Anh đứng "bãi chân chèo", cầm nghiêng cây sào bột như người chiến binh cầm đao đứng tấn chờ quân địch.

Cây sào bột là cây sào cổ truyền. Những người thợ săn tràng mỗi lần vào rừng chỉ cần đem theo lưới riu, lưới búa và dao làm công cụ. Tất cả vào rừng sẽ chặt gỗ để làm cán, làm chuôi. Nhưng cây sào bột này thì không thể kiếm từ rừng được, mà là vật bất ly thân. Khi về nhà đem theo, lên rừng lại vác đi, dù nó dài tới sáu thước, có phần bất tiện. Nhìn đoàn người đùm túm đi lên mạn ngược, không ai biết họ đi đâu. Nhưng thấy trong đoàn có người vác cây sào dài, thì đích thị đó là đoàn săn tràng xuôi bè. Đó chính là cây sào bột, là vũ khí, và đồng thời cũng là biểu tượng cho sự can trường và từng trải của đoàn săn tràng.

Cây sào bột được chọn làm từ một cây hóp. Hóp là một loại tre thẳng không có gai và chỉ lớn bằng cổ tay, rất dài. Hóp được dùng làm sao bột phải là loại hóp đực, nghĩa là loại cây hóp không có khả năng “đẻ” ra măng. Vì thế nó cứng và đặc ruột. Cây hóp dùng làm sào bột khi đã gần già, nghĩa là còn có khả năng uốn qua lửa cho thật thẳng. Khi đó nó có cái chất thép để cứng và cũng có khả năng dẻo để không bị giòn và gãy khi bị chống mạnh. Đặc biệt ở phần mũi sào, tức là phần gốc cây hóp được bịt bằng một cái khâu bằng sắt như khâu dao và gắn một mũi đinh thép vào đầu, không cần nhọn, mà tù tù giống y hệt như đầu ngón tay cái. Nó có thể chống lại với đá, sỏi và rút ra dễ dàng khi đâm vào đất. Không hiểu do đâu mà những người săn tràng lại đặt cho nó cái tên rất hiền thực là sào “bột”?

Thực ra nó không hiền lành tí nào. Trong những năm loạn ly, vô chính phủ, giặc cướp nổi lên, cây sào bột đã từng chiến đấu và đâm lòi ruột những tên cướp cạn. Trong đoàn săn tràng, ai được giao cầm cây sào bột, phải là người can trường và có sức lực. Họ chính là người “đứng mũi, chọi sào”. Với cây sào này, người chiến binh có thể chèo chống con mảng bất kham qua bao ghềnh thác hiểm nghèo. Con mảng đang trôi êm ả bỗng vặn mình rằng rắc. Đã vào cổ thác. Tỉnh không quay lại, đôi mắt vẫn chăm chú nhìn mũi mảng, lên giọng nói với chị Nga đang ngồi run rẩy ôm thắt Hận đằng sau:

- Hai mẹ con cẩn thận. Giữ chắc đấy!

Bè đã vào cổ thác, dòng nước bỗng choãi ra, trơn tuột, xanh biếc và mềm mại như lưới một con rắn khổng lồ. Nước réo ầm ầm dưới chân anh. Tỉnh bỗng như người lên đồng, ngực nổi phồng, cầm trong tay thứ vũ khí gia truyền, mắt anh sáng quắc hướng về phía cuối con thác.

Con mảng xuống thác nhẹ nhàng như trườn vào cái hang trơn nhớt.

Nó vặn mình hơi nghiêng sang bên phải, gió tạt ù ù bên tai Tĩnh, khiến anh hơi loạn choạng. Đây không phải lần đầu Tĩnh nhận vai đứng mũi chịu sào, nhưng mỗi lần qua đây, anh cảm thấy giống như những ngàu đầu vào trận của những năm đánh giặc. Vách đá dựng đứng xám xịt choán dần tầm mắt anh. Ánh chiều loang loáng, những con dơi đi ăn sớm bay chấp chới, như muốn phân tán sự chú ý của anh. Nhưng kia rồi, Tĩnh nhận ra cái hốc đá vững chãi đã chịu hàng trăm, hàng ngàn mũi sào bột của dân san tràng. Tĩnh bình tĩnh như người nhắm mũi giáo đâm vào ngực kẻ thù. Một tiếng chát chúa vang lên nháng lửa. Cây sào bột trong tay Tĩnh con lại như bị uốn vồng lên, như muốn hất anh xuống sông. Nhưng Tĩnh đã né nghiêng về phía trong, nhắm tạo phản lực để xô nghiêng con mảng quay đầu trở ra. Răng rắng... tiếng đồn mảng nghe ghê người, vài mũi mảng cô lao vào vách đá đã phải chùn bướng trườn cây sào bột bà cánh tay anh cựa chiến binh. Nó nhích ta một khoảng, chỉ non nửa sải tay, và chỉ các méo đá xanh không đầy một gang tay. Chính xác là một gang tay, đúng kỹ thuật. Bởi vì nếu không đánh kịp đầu mảng sẽ vỡ tung. Còn nếu sớm hơn, mạnh hơn, con mảng sẽ xô ra xa ngoài khoảng cách một gang tay nó sẽ bật ra xa, giống như con tàu sai quỹ đạo nó sẽ quanh mãi... bất tận. Có khi hàng buổi, cả con mảng cứ luẩn quẩn.

- Tốt rồi! Ông Thuần nói to, tiếng ông vang rền nhờ cộng hưởng vách đá bờ vực. Để cho chúng nó quật, cậu xem mẹ con nhà chị kia có sao không?

Tĩnh thở phào, vượt nước sông đã tung lên mặt anh, chạy lại. Chị Nga vẫn nhắm mắt, ông ghì thẳng Hận vào ngực. Tĩnh phải lay mãi, chị mới chịu mở mắt ra, ngơ ngác:

- Qua chưa hả anh?

- Qua rồi! Nhưng mới được một quanh, còn phải hai quanh nữa.

- Ôi Giời...! Vẫn còn nữa à? Em tưởng mẹ con em chết ở đây rồi chứ...

Tĩnh định bế thẳng Hận, nhưng anh nghĩ sao lại thôi, chỉ nắm bàn tay trắng bệch của nó:

- Tí nữa tեն bեն, chú đốt rơm cho cháu sưởi nhé. Cố chịu thêm tí nữa. Chị còn cái áo khô nào không, quần thêm vào bụng cho nó...

Chị Nga thều thào:

- Còn, nhưng trong bọc kia, anh lấy hộ...

Tĩnh tháo sợi dây buộc chặt miệng cái bị bên nách chị Nga. Anh lục

mãi, thấy tấm áo xanh màu trứng sáo đã ngả màu, định cầm lên, lại nhét vào.

- Anh lấy cái đấy cũng được. Áo của tôi may lâu rồi...

Được ủ ấm, Thắng Hận tươi lên một chút, nói lại cười. Lúc này trông nó xúng xính như một con búp bê bằng nhựa, nhưng là con búp bê đã bị tụi trẻ nhà giàu chơi chán, vứt bỏ, trọc tóc, bột màu...

Chiếc mảnh thong thả quanh một vòng rồi lại vịn mình cọt két, trở lại vị trí cũ. Tĩnh đứng dậy, nắm cây sào bột, đi lại phía đầu mảng.

Gặp cái nhìn đầy lo âu của chị Nga, Tĩnh cười:

- Không sao đâu! Lần này dễ hơn nhiều. Tôi chỉ đánh nhẹ cái là nó ra thôi.

Nhưng Tĩnh đã lầm, hay anh chủ quan! Không ngờ người đứng mũi mảng, chịu sào bột chỉ vừa đánh mũi sào vào hốc đá, nó vừa nháng lửa một cái, chiếc sào bột cong lên và... rời khỏi tay Tĩnh! Qua nguy hiểm, một góc đầu mảng đâm sầm vào bờ đá, xô nghiêng một bên. May sao, nó không xô chổng đống lên, hay vỡ vụn, mà ngoan ngoãn như đầu con rắn trườn theo bờ đá, vờ khoảng cách chỉ tính bằng đốt ngón tay. Chiếc sào bột văng trở lại, đúng vào tầm tay ông Thuần.

Ông già đầy bản lĩnh và kinh nghiệm bắt lấy nó, đành tiếp một mũi vào bờ đá, hỗ trợ cho con mảng nhẹ nhàng lướt đi. Những người thợ san tràng cuống quýt lấy sào chống vào vách đá để cạnh con mảng không quệt vào đá, chúng sẽ cứa đứt dây khăn.

Trong khi đó, khi mũi mảng đâm sầm vào bờ đá xanh, thì Tĩnh bị đà quán tính đã hất anh lên vách đá, giống như người ném một con nhái vào bờ vách. Trong tích tắc giữa sống và chết, anh chàng cựu chiến binh đã kịp chống hai tay vào vách đá ghì lại được, không để ngực và đầu đập vào cái mảng xù xì, lởm khởm ấy. Hai tay anh đã bám vào được một mẩu đá nhô ra. Khi chị Nga ngược nhìn lên thì đã thấy Tĩnh như một cái xác bị căng ra, đóng đinh vào vách đá. Nhưng kỳ lạ thay, Tĩnh vẫn sống và ngoảnh lại miệng cười rộng toác, phô hàm răng trắng nhợt.

- Bám chắc vào! Ông Thuần quát to. Đừng buông tay. Có chịu một tí. Tay chận có làm sao không?

- Không! Cháu nhảy xuống nhá!

- Khoan đã! Đừng nhảy xuống mảng. Nửa cắt đứt chân đấy. Để bè đi qua rồi nhảy xuống, bơi theo. Rồi ông quát một tay khác:

- Thắng Phấn, cầm cây sào chạy ra đuôi mảng, lúc nào tao bảo nhảy xuống, thì thắng Tĩnh nó nhảy, mày đưa cái sào này cho nó nắm...

- Vâng! Phấn chạy lão đảo lại phía đuôi mòng. Khi mòng đã trôi khỏi chỗ Tĩnh bám độ dầm sải tay, ông Thuần hô:

- Nhảy! Nhảy đi Tĩnh! Co chân tay lấy đà, nhảy ra xa chứ không rơi vào đá, chết đấy...

Tĩnh cong người búng mình như con tôm rơi tồm xuống nước, chìm nghỉ. Chị Nga hét lên một tiếng, bịt mắt, cúi xuống.

Lát sau Tĩnh trôi lên, lắc đầu hấy nước rồi nhoai tới. Vài sải tay, anh nắm được cây sào của Phấn. Lát sau, anh leo lên mòng, thở phì phì, chữa ngượng:

- Mẹ nó! Mình ngấm kyc thế mà vẫn trạch mục tiêu. Bác Thuận ạ, cháu đâm trượt vào cái mẩu đá, thế là...

Ông Thuần cầm ra một cái chai nhỏ, nút là chuối, đưa cho Tĩnh:

- Chết rét! Uống một ngụm vào!

- Rượu à? Thôi cháu không uống đâu. Tĩnh khẽ lắc đầu.

- Rượu đâu mà rượu, nước mắt đấy. Uống vào cho nó ấm lên...

Tĩnh tu một ngụm nhỏ, le lưỡi:

- Khiếp, mặn quá! Nhưng mà có ấm lên thật! Thế mà bác Thuần chả cho anh em chấm rau tàu bay...

Ông Thuần lấy lại chai nước mắt, bỏ vào túi áo:

- Cái này không ăn được. Để đề phòng chống rét. Cậu bị lần này là mấy rồi, Tĩnh?

- Mới có hai. Kinh thật đấy...

Ông Thuần cười:

- Kinh đếch gì mà kinh! Tao còn bị nó gầy lên tới sáu bảy lần rồi ấy, chả nhớ! Nhưng mà phải rút kinh nghiệm. Không khéo toi mạng!

Thôi nào, đến quanh ba rồi đấy.

- Có ra được không ông Thuần? Cậu Phấn sợ sệt hỏi, nó mới đi lần đầu.

- Ra... a! Sao lại không ra được? Nhìn mòng thì biết. Thằng Tĩnh đánh cú ấy cũng khá. Có điều dở quá để nó đóng đinh lên vách là xoàng đấy Tĩnh ạ...

Tất cả cùng cười, Tĩnh cũng cười, nhìn về phía chị Nga, dường như anh muốn chữa ngượng.

Chị Nga thật ngạc nhiên sau sự nguy hiểm chết người ấy mà những người thợ sơn tràng nghèo khó, rách rưới ấy lại vẫn có thể cười nói vô tư như thế được. Chị cũng đã từng được nghe kể lại, qua những câu hát nói về nghề này. "Nhất phá Sơn Lâm nhì đâm Hà Bá! Ở đây những con người này đã cùng lúc phải đối chọi chống chọi, giành giật

miếng cơm manh áo với cả hai vị hung thần là Sơn Lâm và Hà Bá... Nói đại, nếu chẳng may, Tỉnh có làm sao? Không, anh chẳng làm sao cả, không có gì hại được anh. Tỉnh cũng như những người thợ đẩy nghĩa hiệp và can trường. Nhưng sao đối với chị Nga, hình như trên con mảng lênh đênh đưa đẩy số phận hai mẹ con chị đã gắn liền chị với con người này, một cách mơ hồ.

Quanh thứ ba đã nhẹ đi rất nhiều, ông Thuần chỉ cần dùng một chiếc sào thường đánh và vách đá một cú không mạnh lắm, rồi ông ghì con sào cặp vách, mũi mảng đã ngoan ngoãn trở ra. Nhưng ông vẫn quát to:

- Quạt ra! Quạt ra, mạnh vào không nó trở vào luồng bây giờ...

Con vực sâu hun hút, sào không chống tới mà những người thợ phải dùng đến những mái chèo đan vôi bằng những thanh nan nửa để chèo mũi mảng. Chỉ một chốc, con mảng loảng ngoảng đã ra giữa dòng sông. Nó êm ả xuôi về bến Bầu.

Trời bắt đầu tối. Dòng sông như rộng ra, vời vời. Sông thượng du không có tiếng hò, mà chỉ cuộn cuộn thác ghềnh. Những người dân chài hiểm hoi, cũng đã neo đậu thuyền vào bến, lên bờ. Đèn dầu bắt đầu nhấp nhọang như những con đom đóm lượn lờ trong những lũy tre. Tỉnh đến ngồi xõm trước mặt chị Nga:

- Xong! Từ đây là hết lặn đạn. Lên bờ phải hút một điếu thuốc lào. Từ chiều thèm quá mà thuốc lửa ướt hết cả. Thằng chó con, à thằng Pinôkiô của tôi nó ngủ rồi à?

- Vâng! Có lẽ cháu nó ngủ được một lúc rồi. Mà anh cũng nhớ tài nhỉ, đã nhớ tên nó là Pinôkiô rồi cơ đấy...

- Hồi nhỏ tôi cũng có đọc cuốn truyện đó rồi. Tại chị gọi ra cho tôi nhớ đấy thôi. Thằng bé thông minh lắm...

- Lúc nãy nhìn anh nhảy lên vách đá, bị bám dính vào đấy, nói đại, tôi tưởng...

- Tưởng chết rồi chứ gì! Cũng sợ thật đấy. Nhưng mà may có phúc đức ông bà. Làm cái nghề này kiếm được bơ gạo, nhưng nguy hiểm lắm... Chắc sau chuyến này, tôi cũng bỏ thôi.

Chị Nga im lặng, thần thờ nhìn ra mặt sông rồi lại nhìn vào mặt thằng Hận. Bỗng noa giật mình, choàng tỉnh. Thấy mẹ, nó ưỡn người lên, rôi bắt đầu khóc. Nó đói.

- Có lẽ cháu đói rồi chị Nga ạ... Quên lúc chiều không để phần nó miếng cháy.

- Không. Cháu chưa đói đâu. Chị Nga nói để Tỉnh yên tâm. Thấy

người lạ, lại ngái ngủ nó khóc đấy. Rồi chị nói với con. Nào, để mẹ cho con tè nào... Muốn tè đây...

Chị Nga dỡ đám áo quần quần quanh người nó ra. Tỉnh đứng dậy đi loạng choạng đến bên ông Thuần:

- Chắc khoảng bảy giờ tới bến bác Thuần nhỉ.

- Ủ, tao cũng đang thèm thuốc đây.

Bỗng hai người giật mình, nghe tiếng chị Nga thét lên:

- Oi giờ ơi! Con ơi!

Tỉnh quay lại thì thấy chị Nga đang nằm xoài trên mặt mả, nử người dưới nước, một bàn tay nắm lấy cây nứa, còn tay kia quơ quơ trong nước.

- Cái gì thế? Tỉnh hét toáng lên, giận dữ.

- Con tôi... nó rơi xuống sông rồi... ồ! Anh ơi vớt con tôi với...

Tỉnh không nói, anh nhào xuống sông lặn một hơi. Những cái bong bóng nhuôm màu hoàng hôn vỡ ra như những cục máu trời lên từ đáy sông. Con bè vẫn trôi đi im lặng. Mttốt lúc sau Tỉnh nhô lên, dâng cái bọc vải có thắt Hận trong đó lên cuối mả. Chị Nga nhào tới, nhưng bị ông Thuần chặn lại:

- Cô ngồi xuống đây. Không được động vào thắt bé.

Rồi ông Thuần chạy tới tóm thắt Hận từ tay Tỉnh. Ông lột bỏ quần áo thắt bé dốc ngược nó lên bằng hai chân. Không thấy nước ra, ốc xxốc mạnh và quay quay nó trên tay mình. Lúc sau, nước từ trong bụng thắt Hận ộc ra. Tỉnh vẫn chưa leo lên được mặt mả, anh bám theo nó, nước trong bụng thắt Hận ộc ra lên cả mặt anh. Phấn và hai người nữa chạy tới phụ giúp ông Thuần. Họ cởi áo ra trải xuống mặt mả cho thắt Hận nằm xuống...

Tỉnh đã đu người lên mặt mả, chị Nga định chạy lại chỗ con trai, bị anh giữ lại:

- Chị không được nhìn mặt nó. Thấy mặt mẹ, nó ốc máu tươi ra là chết, không cứu được đâu. Tôi thấy người nó vẫn còn nóng...

Chị Nga khóc lặng đi trong tay Tỉnh. Anh hỏi sang chỗ ông Thần:

- Nó thờ được chưa, bác Thuần?

Im lặng. Chỉ thấy hai vai ông già nhô lên, hạ xuống. Ông đang cố sức thổi hơi vào ngực thắt bé. Một lúc sau, bật lên tiếng khóc ré của thắt Hận. Chị Nga vùng dậy, nhưng Tỉnh vẫn giữ lại:

- Không sao rồi! Chị cứ yên tâm. Có bác Thuần ở đây không có gì ông ấy không làm được. Để ông ấy làm xong việc đã...

Ông Thuần tiếp tục thổ thoi vào miệng thắt Hận, Phấn chạy vòng

quanh. Ông quát:

- Lấy ngay hộp dầu con hổ lại đây. Tốt rồi.

Ông bế thẳng Hận đang khò khè, hấp háy đến đưa vào tay chị Nga:

- May quá cô ạ! Cứu được rồi...

- Con ơi... Các bác ơi... mẹ con em đội ơn các bác. Kiếp này không hết thì sang kiếp sau...

- Thôi được rồi! Để kiếp sau có khá hơn hãy trả ơn. Kiếp này chúng ta khổ đến đây là cùng rồi cô ạ. Cô là cô giáo phải không?

- Vâng!

- Có chồng đi B, hy sinh phải không?

- Dạ, vâng ạ!

- Thôi cố mà sống, mà nuôi con cho chồng. Đây kia rồi, cái chỗ sáng sáng kia là Bến Bàu rồi. Lên đến nơi tôi sẽ xin thuốc cho cháu. Bây giờ thì úm kín nó lại...

Bây giờ thì những con người chỉ là những cái bóng trên mảng. Họ thoăn thoắt, họ lơ lửng với công việc của họ.

Tĩnh cũng định đứng lên, nhưng anh lại cúi xuống, luồn tay vào trong bụng thẳng Hận, lần lên ngực nó, thấy được nhịp đập trái tim nhỏ nhoi, rất mơ hồ của một con người. Anh nói với chị Nga:

- Sắp lên bờ rồi. Tôi sẽ không bỏ mẹ con chị đâu!

Cánh Đồng Lưu Lạc

ĐOẠN 11

Tôi gặp lại chị Nga của mình sau đúng hai mươi bảy năm. Từ dạo ấy, từ sau cái ngày đám cưới chị, tôi đạp xe mài miết về tỉnh đội, mài miết đi B, đi trong nhiều đội hình, rồi nếm trải, thưởng thức hương vị vinh quang của khúc khải hoàn do chiến tranh mang lại. Suốt một chặng đường dài ấy tôi nhận thấy rằng có nhiều lần tôi đã quên bằng hình ảnh chị Nga, nhất là những khi cảm thấy mình có một chút thành đạt trong đời. Nhưng lạ lùng thay hễ cứ mỗi lần vấp ngã, một bận gặp phải nỗi niềm oan trái tai ương ập đến tôi lại nhớ về cái làng quê bé bỏng của tôi. Và hình ảnh chị Nga lại hiện ra, lại thì thầm bên tôi như những ngày thơ dại. Mỗi lần tôi muốn khóc, tôi lại nghe tiếng chị:

- Nín đi em, khóc thế đủ rồi!

Giờ đây gặp lại chị sau hơn một phần tư thế kỷ, tóc tôi đã bắt đầu ngả bạc. Và một nửa số nhân vật, những người tôi nhắc đến trong câu chuyện này đã không còn trên cõi đời này nữa. Anh Kỳ, ông Tuấn, bà Tuấn, bà Phán Lan, thầy Hoan và cả bố tôi, đã lần lượt ra đi...

Vào một đêm tháng sáu oi nồng, bức bối có người đập cửa căn nhà nhỏ ngoại ô của tôi và tiếng một người đàn bà dè dặt nhưng có sức vang như tiếng gọi của quá khứ:

- Cậu ơi! Cậu Hoàng ơi!

Tôi giật mình choàng dậy hốt hoảng. Ai? Ai gọi tên tôi trong đêm thanh vắng thế? Có lẽ là trong chiêm bao, trong tiềm thức không yên ổn của tôi, những tiếng gọi như thế không bao giờ ngưng. Mồ hôi dấp dính trên trán, trong lưng áo, những cái gai trong cột sống của tôi cựa quậy, nhức nhối. Chờ nghe lại nhưng không thấy gì, tôi đặt mình xuống thì tiếng gọi ấy lại vọng vào giường. Lần này đúng là tiếng gọi thật, nghe rõ hơi thở hồi hộp của người gọi:

- Hoàng ơi! Em ơi, chị đây!

Tôi bật đèn mở cửa, trời ngoại ô đêm đêm vẫn một màu vàng đục. Tôi hỏi bằng một giọng lo lắng:

- Ai gọi trong đêm khuya khoắt thế?

Người đàn bà ấy hiện ra: chị Nga! Trời ơi, sao tôi lại gặp chị ở nơi này? Tôi reo lên nho nhỏ:

- Chị... chị Nga phải không?

- Ừ! Chị đây! Em ngạc nhiên lắm phải không?

Chị quay lại phía sau nói nhỏ: "Tối đúng nhà rồi, nhà cậu Hoàng của mình đấy, vào đi con!"

Lúc này tôi mới nhận ra người thanh niên đi cùng chị. Tôi hỏi:

- Ai thế chị? Có phải thằng Hận không?

- Phải! Chào cậu đi con, nhà cậu đây rồi!

Thằng Hận năm nay đã hai mươi hai tuổi, hơi mảnh khảnh cúi đầu lí nhí chào tôi. Cả nhà tôi thức dậy đón mẹ con chị. Bao nhiêu là chuyện thăm hỏi, hàn huyên. Nhưng sao không khí lại không được thân thương như ngày tôi còn nhỏ ở quê nhà mà mỗi lần tôi ngồi bên chị nhỉ? Người ta bảo càng già càng ích kỷ, hay là tôi đã già rồi?

- Hai mẹ con chị chắc là chưa ăn uống gì. Để em bảo nhà em đi nấu cơm chị và cháu ăn nhé?

- Chị ăn ngoài ga rồi, sợ cháu Hận có đói không. Hận ơi, con có đói

không để cậu mợ thổi cơm?

Thằng Hận ngồi lặng thinh ở một góc ghế sa lông. Hai tay khoanh trước ngực, ngửa mặt nhìn những tấm giấy khen của các con tôi treo trên vách. Lúc này tôi mới nhìn kỹ nó, sao mà nó giống anh Kỳ đến thế! Cũng cái cằm nhỏ, hai vành tai chúc hướng về đằng trước hơi nhiều. Đặc biệt cặp lông mày ngắn và xô vào nhau sát tinh mũi, kiểu lông mày của những người ưa toan tính.

Sau khi vợ tôi thu xếp cho thằng Hận ngủ, tôi ngồi lại với chị Nga. Khuôn mặt chị vẫn không khác nhiều so với ngày xưa, chỉ có vóc người thì sứt lại. Tôi bồi hồi nghĩ đến bộ ngực thiếu nữ của chị ngày ấy, cái ngày mà trong cơn thất vọng tôi đã gục vào, như một con gà con nép vào đôi cánh của mẹ mình. Chị nhìn tôi với cái nhìn ấm áp:

- Chị vẫn nghe nói về em luôn, cuộc sống của em thành đạt chứ?

- Chị ơi! Biết nói thế nào để chị hiểu bây giờ? Vâng, em cũng tạm ổn...

- Vậy là tốt, chị mỉm cười, còn chị nhiều gieo neo lắm. Để rồi chị kể cho em nghe. Chắc đời chị chỉ có em là người chị có thể nói hết ra được.

Tôi cúi xuống nhìn vào cốc nước giấu nỗi xúc động của mình. Chỉ một câu nói nữa của chị là tôi sẽ khóc mất. Lát sau, tôi ngẩng lên:

- Chị ơi, em đã nghe hết chuyện của chị rồi. Thôi, mọi chuyện cứ coi như giấc chiêm bao...

- Chị cũng nghĩ thế, nếu không chị làm sao sống nổi suốt một chặng đời tao loạn trái ngang, để hôm nay chị em mình còn được gặp nhau...

- Em cũng đã về đến Soi Vạt, nhưng chỉ gặp thằng Hợi chăn trâu. Nó bảo "Cô Nga trôi sông rồi"...

Chị Nga lắc đầu:

- Khổ thân thằng bé! Bây giờ không biết nó thành cái gì rồi?

Chợt trong lòng tôi dào lên một nỗi hối hận. Sao bao nhiêu năm tháng tôi đã không đi tìm chị? Có lúc tôi cũng đã nghĩ đến chuyện ấy, nhưng lại tự hỏi: để làm gì? Câu hỏi ấy hóa ra là chỉ dành cho tôi chứ không phải cho chị, cho những người thân thiết của tôi. Nghĩ thế nên tôi nói mà thấy gượng gạo:

- Em thì lúc nào cũng nghĩ về chị, nhất là cái đêm trên gò Chùa Phung, em đang nằm một mình cô độc trên cỏ, với những hồn ma... thì chị đến...

Chị Nga cười nhẹ:

- Em vẫn còn nhớ chuyện ấy cơ à?
- Em quên làm sao được hả chị, cái buổi tối hôm ấy đã vực em dậy, và chính chị đã nâng em lên...
- Là em đấy chứ! À mà em có còn làm thơ nữa không?
- Có chị ạ! Nhưng những câu thơ của em cũng không giúp được ai hạnh phúc... Những năm sau này chị ở đâu mà những lần về làng em không gặp chị? Có đúng là chị và cháu Hận nửa đêm xuôi mảng nửa bỏ đi không?

Chị im lặng một lát rồi nói nhỏ:

- Xuôi mảng thì có, nhưng không phải ban đêm mà là buổi sáng, ban ngày, đi nhờ các ông san tràng xuôi gổ.
- Em cũng hỏi thăm chị, nhưng không có thì giờ đi tìm chị...
- Chị bế thằng Hận đi khắp nơi, gặp việc gì làm việc ấy kiếm ăn qua ngày. Mãi sau chị xin được vào nắm than quả bàng cho một cửa hàng chất đốt. Đây, em nhìn hai bàn tay chị xem, cho đến tận bây giờ...

Đó là những ngón tay bột nước và những cái móng đen xạm, lấm than của chị tôi.

Đêm ấy tôi trần trọc cho đến sáng. Hình như tôi có chớp mắt được một lúc, bởi vì tôi đã được đi lại con đường tuổi thơ của mình cùng với chị Nga men theo bờ ruộng và chia tay chị dưới gốc gạo, nơi có con đường dẫn vào ngôi mộ đá Chúc Anh Đài...

Tôi xin được tiếp tục câu chuyện.

Lên bờ! Chị Nga của tôi xốc một bên nách cái tay nải nghèo nàn, ôm thằng Hận trước ngực bước những bước chân chập choạng trên nền đất gồ ghề. Đây, đây đất khách quê người là đây. Nghĩ một thoáng, chị quyết tâm đến một cái quán nước tồi tàn, che bằng mấy tấm liếp tả tơi. Hai người đàn ông nom cũng có vẻ tiều tụy nhích ra nhường một đầu ghế cho chị Nga. Người đàn bà gầy quắt chủ quán nhìn chị nhưng không hỏi. Chị lên tiếng:

- Xin bà cho cháu một cốc nước nóng.
- Chỉ có nước chè, cô uống được không?
- Vâng, được bà ạ.

Thằng Hận vẫn ngo ngoạy trong ngực chị. Thế là chị yên tâm. Chị Nga chỉ sợ, và chị cứ tưởng ra nó im lặng. Lặng ngắt và lạnh ngắt...

Nhưng nó vẫn rọ rạy trong bụng chị, hơi ấm của nó chị vẫn cảm nhận được. Và chị cũng muốn dùng hết sức, hết lực, hết hơi ấm của mình truyền cho nó. Uống hết bát nước chè, chị Nga bỗng thấy trong bụng réo cồn cào, chuyển rần rần. Thằng Hận càng cựa mạnh. Lúc này chị mới vạch những mớ giẻ áo quần cuộn lấy nó, để khuôn mặt xám ngắt và đôi mắt lơ lơ của nó hé ra.

Người đàn ông ngồi cạnh ái ngại:

- Cháu ốm hả chị?

Nghe giọng hỏi thông cảm của người lạ, chị Nga ngước lên:

- Vâng! Cháu bị cảm. Rồi chị ngước nhìn bà chủ quán. Bà ơi, bà có sữa hay nước đường cũng được, bán cho mẹ con cháu một cốc?

Bà chủ quán cười khẩy:

- Làm gì có sữa! Nước đường thì có, nhưng đường Hoa Mai thôi...

- Vâng cũng được, cho cháu xin một cốc. Bao nhiêu bà cho cháu gửi?

Chị Nga móc cái mớ tiền lẻ bụi nhùi trong túi, nhưng bà chủ quán không để ý, quay vào phía trong. Sau một hồi lục lọi, bà ta cầm ra một cái gói bằng giấy bao xi măng, to bằng đầu gối. Cởi hai, ba lần lạt buộc, một bọc giấy báo lộ ra. Thông thả và tỉ mỉ bà chủ quán lấy chiếc thìa nhỏ gò bằng một mảnh nhôm vụng về, nông choèn trịnh trọng múc từng thìa một như thể ao thóc, vào trong cái bát ăn cơm ve lòng, đã mẻ một miếng. Nhìn theo bàn tay bà chủ quán, chị Nga cứ nín thở từng chập, hồi hộp. Nhất định thằng Hận của chị phải được uống nước đường, sẽ được cứu sống!

Cầm cái bát đường vàng trên tay, chị Nga đang phân vân không biết lấy nước gì hoà cho con uống, thì bà chủ quán đã đưa tay ra như là giằng lại:

- Nhà chị đưa đây cho tôi. Rồi bà ngoái vào phía trong, sau lưng, gọi to. Hén ơi, cơm sôi chưa?

Một đứa con gái nhỏ bé, mặt choắt, mũi hếch chạy ra:

- Sắp rồi! Mẹ hỏi làm gì?

- Sôi thì chặt lấy một ít nước cơm ra cái bát, đem ra đây cho tao.

Nghe chưa?

Con bé vội chui tọt vào rồi chỉ một loáng sau, nó đã rón rén bưng ra một bát nước cơm. Bà chủ quán cũng rón rén trút vào cái bát đường vàng, rồi cầm thìa khuấy sơ lên, đưa trả lại cho chị Nga, miệng lầu bầu:

- Gạo mậ(1), nên nước cơm cứ trong leo lẻo như mắt ma ấy. Nhà chị cứ cho cháu uống cũng đỡ hơn nước sông. Đây, cầm lấy mà bón

cho nó...

Nầy giờ hai người đàn ông chăm chú theo dõi những động tác của bà chủ quán. Chị Nga nghe thấy cả tiếng một người nào đó nuốt nước miếng ừng ực. Chao ơi, rồi một ngày nào đó đất nước mạnh giàu, nhân dân hết cơ cực, mọi người sẽ có cơm có cá, có thịt, có đường, có sữa... Chứ còn hôm nay, một nhúm đường vàng mà cả người lớn, lẫn trẻ thơ đều thèm thuồng, nuốt nước bọt cầm chừng. Chị Nga lại muốn ứa nước mắt, nhất là khi thằng Hận hau háu nuốt từng thìa nước cơm. Đối với nó, đây là thứ thuốc thần tiên, thứ chỉ có khi ở thiên đường. Nhưng nó còn nhỏ quá, còn phải lớn lên, còn phải sống dai dẳng, chưa thể lên thiên đường được. Chó con, à Pinôkiô của mẹ nhỉ?

Nhắc đến cái tên thằng bé gỗ, tự nhiên trong lồng ngực chị Nga như có gì hựt hẫng. Trong lúc lo cho thằng Hận chị đã để ra ngoài tâm trí của mình hình ảnh Tĩnh, người đàn ông đã cứu mang, cứu vớt mẹ con chị, mà tưởng như đã gắn bó với chị tư bao giờ. Chị còn nhớ đôi mắt sáng, chứa chất đầy niềm kiêu hãnh, vui mừng khi nói với chị: "Tôi sẽ không bỏ chị đâu!". Vậy mà, bây giờ anh đang ở đâu? Anh đã xong việc của mình chưa? Anh có nghĩ đến mẹ con tôi không? Hay... lúc lên bờ, chị đã vội vã bế con đi thẳng, anh tìm không thấy? Bao nhiêu câu hỏi cứ trôi tuột trong đầu chị, không dừng lại ở một giả thiết nào. Sự trống trải, hẫng hựt dâng lên tràn lồng ngực chị, một nỗi tủi hờn xâm chiếm, từng chút, từng chút... Chị Nga hờ hững buông cái thìa nước cơm trên miệng con, nghển cổ nhìn ra xung quanh, tìm kiếm. Chỉ có bóng đêm đen đặc và thấp thoáng những ánh đèn tù mù, hoang vắng. Gió vẫn thổi từng chập, từng chập ào ạt từ dưới sông lên, lùa trong lưng áo chị, lạnh buốt.

Bỗng chị Nga nghe mơ hồ ai gọi tên mình, trong gió ào ạt. Rất mơ hồ rất không thật, nhưng chị đã nghe thấy. Chị nghe được tiếng gọi của Tĩnh:

- Nga ơ... ơi! Hai mẹ con ở đâu...u?

Chị đã nghe được tiếng gọi đứt quãng, theo từng đợt gió. Chị bế con đứng thẳng dậy bước ra hẳn khỏi túp lều quán nước, lấy hết hơi sức trong người, đáp lại tiếng gọi:

- Anh Tĩnh ơi! Ở đây... ày!

- Nga ơ... ơi!

- Em đang ở đây... anh Tĩnh ơi...!

Chị bước sai những bước chân vấp vấp trên bùn bãi bên sông về phía

tiếng Tĩnh đang gọi. Những người ngồi trong quán nhìn theo ái ngại. Bà chủ quán vẫn lặng thinh, nhưng với con mắt cảnh giác cố hữu, miệng lầm bầm: "Rõ khổ, vợ chồng sông nước".

Tĩnh ào đến, hai bàn tay nóng bỏng rần như thép nắm lấy cánh tay chị Nga, xiết mạnh:

- Có sao không? Thăng bé có sao không?
- Cháu đỡ rồi anh ạ. Em đã xin được chút đường hoà với nước cơm cho nó uống.

Đêm ấy, chị Nga của tôi đã bế thăng Hận đi theo anh chàng sơn tràng. Nửa đêm họ đến được nhà ga tàu hoả. Tĩnh trải manh áo mưa ra một góc tối trong nhà ga lờ mờ:

- Hai mẹ con nằm nghỉ đi, để tôi đi "nằm" tình hình.

Chị Nga thấy ái ngại, nhưng vẫn bật cười:

- Anh lúc nào cũng như người lính!
- Bảo sao? Tĩnh đã bắt đầu có những câu thân mật, thình thoảng là những câu trống không.
- Không! Anh cứ đi "nằm tình hình" đi! Em ngồi nghỉ một lúc cũng được.

Và không biết từ lúc nào, chị Nga cũng đã xưng "em" với người xa lạ. Chị Nga đặt lưng xuống nền đất lạnh, rã rời chân tay. Chị nhắm mắt lại để mặc mọi sự cho cuộc đời. Chị đã đến đây rồi, còn biết làm sao? Điều làm chị yên tâm là tiếng thở đều đều của con trai. Thế rồi chị chìm vào trong cơn mệt mỏi, ngủ thiếp. Độ hơn nửa giờ sau, Tĩnh quay lại. Anh không định đánh thức chị Nga, nhưng chị đã mở mắt:

- Anh về rồi à? "Tình hình" thế nào?

Tĩnh dúm vào tay chị Nga một cái bánh xốp mỏng, nguội ngắt:

- Ăn đi một chút đã. Chắc đói lắm hả?

- Không, em không thấy đói...

- Cố ăn đi... cũng ngon lắm, không đến nỗi...

Chị Nga ngoan ngoãn cắn một miếng bánh rẻ tiền. Quả vị ngọt và hơi bột mì làm chị thấy ấm lên. Tĩnh nhìn người đàn bà xa lạ ăn nhỏ nhẹ từng miếng bánh, bất chợt anh nhận ra vẻ đẹp tiềm ẩn trong chiếc miệng cân đối với hàm răng đều. Dù trong bóng tối lờ mờ anh vẫn nhận thấy những lọn tóc xoà xuống trước vầng trán thanh tú của chị... Thình thoảng chị Nga lại đưa tay sờ sẫm lên thân mình con. Miếng bánh đã hết, chị Nga bần thần vuốt những mẩu vụn vương trên mép, cười:

- Ngon thật anh ạ...

- Bánh mậu dịch, không phải gia công đâu... Uống nước nhé?
Chị Nga khẽ gật đầu, Tĩnh chạy đi mua một cốc nước đặt vào tay cho chị. Chị bình thản cầm cốc nước uống hết, ngon lành, không khách sáo, mặc dù đó là cốc nước nhạt, có vị tanh của chảo gang.
Tĩnh đưa trả lại cốc nước cho quán, bần thần quay lại. Anh nghĩ rất lâu, không nói, chị Nga nhỏ nhẹ:
- Tình hình thế nào, anh?
Tĩnh hất mái tóc loà xoà, nhìn thẳng vào đôi mắt u buồn của chị Nga:
- Bây giờ... Nga tính thế nào?
Chị Nga bất ngờ đưa tay cuộn lại mái tóc rối, quấn một vòng sau gáy. Mái tóc đã rụng nhiều, nhưng vẫn đủ cuộn lại thành một búi, trông nó như một túm lá kiêu khô. Chị nhìn Tĩnh, bình thản:
- Em cảm ơn anh đã đưa mẹ con em đến đây. Em đã tính rồi, mẹ con em sẽ lên tàu đi Phú Thọ.
- Ở đó Nga sẽ làm gì? Làm gì để sống và nuôi con?
Chị Nga chùng xuống:
- Em chưa biết sẽ làm gì, nhưng em sẽ làm. Làm để sống và nuôi con em như anh nói...
Tĩnh thẳng thốt:
- Hai tiếng nữa có tàu ngược Phú Thọ...
Chị Nga quyết định hỏi một câu mà chị đã nghĩ mãi, suốt từ lúc bước khỏi mảng:
- Bây giờ, anh đi đâu?
Tĩnh lắc đầu, buồn bã:
- Tôi cũng chưa định.
Chợt chị Nga thấy ân hận, vì mình mà chàng thanh niên san tràng khoẻ mạnh, can trường phải khó xử. Anh đã dính vào mẹ con chị, để bây giờ đâm khổ. Mới lúc này, chị mong anh đến chừng nào, thì bây giờ chị lại mong anh ra đi chừng ấy. Thôi, anh đã tốt với mẹ con em quá rồi, anh hãy đi đi, đi tiếp con đường, công việc, gia đình của anh... Cuộc đời này, gặp được nhau trong chốc lát như thế cũng đủ để cho nhau niềm an ủi, mà mãi mãi, chị tự nhủ, chị sẽ không bao giờ quên anh được. Đi đi, anh... Đứng lên và đừng quên chìa bàn tay cho em nắm... Trong lòng chị giục anh đứng lên, nhưng miệng chị Nga lại hỏi:
- Bác Thuần và các bác cùng đi đâu rồi?
- Họ còn ở lại ngoài bến chờ lấy tiền...
- Anh cũng phải trở lại bến chứ?

Tĩnh vẽ một điều thuốc lá cuộn quấn queo cho thẳng lại, châm lửa:

- Không biết được bao nhiêu, nhưng cái nghề đi mả của tôi cũng cực lắm. Tôi tính sau chuyến này sẽ nghỉ.

- Em không biết có nghề nào sướng hơn, nhưng quả nghề sơn tràng nguy hiểm thật. Quê anh có việc gì làm không?

Tĩnh lắc đầu:

- Ruộng ít, làm không đủ ăn nên anh em chúng tôi mới phải theo cái nghề này. Nghỉ rồi cũng chưa biết nên làm gì. Thế... Nga biết làm nghề gì không?

Chị Nga cười:

- Em dạy cấp hai, nhưng nghỉ lâu quá rồi. Với lại đó là nghề làm nhà nước, mình bỏ việc thì cũng coi như đào ngũ. Có khi còn bị kỷ luật... Em cũng biết làm ruộng nữa.

- Nga lên Phú Thọ rồi ở đâu?

- Em cứ lên thị xã, rồi tính.

- Nhưng sao Nga lại quyết định lên Phú Thọ mà không phải nơi khác?

- Hồi nhỏ em nghe bố em kể ông có ở Phú Thọ. Người và đất ở đấy tốt lắm. Hình như ông cũng có một số người bạn còn ở bên ấy từ hồi kháng chiến chống Pháp. Em cứ đi, gặp ai em cũng sẽ hỏi thăm, và nhận em là con gái bố em... Biết đâu có người tốt bụng!... Chị Nga cười hồn nhiên như một đứa trẻ. Tĩnh cũng bật cười, kể từ lúc gặp nhau, lần đầu tiên anh thấy chị Nga cười như thế.

- Bố em tên là gì? Tĩnh chợt loé lên tia hy vọng.

- Bố em tên là Hoan, thầy giáo Hà Đức Hoan... Mà anh hỏi làm gì?

Tĩnh trở nên quyết tâm:

- Bây giờ tôi mua vé để hai mẹ con lên Phú Thọ. Rồi tôi phải quay lại chỗ bác Thuần xem có được đồng nào không?

- Vâng... ừ!... Dù đã biết trước và mong muốn để Tĩnh ra đi, nhưng nghe câu nói ấy của anh chị như sụp hẳn xuống. Trong đêm tối, chị nhắm chặt đôi mắt, ngăn giòng nước, giọng nghẹn ngào. Thôi anh cứ đi đi, để mặc mẹ con em...

- Không! Tĩnh rắn rỏi. Tôi có tí việc, phải về quê đưa cho mẹ tôi ít tiền. Mẹ tôi già rồi, các anh chị tôi nghèo lắm, không nuôi nổi mẹ. Thu xếp xong, tôi sẽ ngược Phú Thọ. Tôi không bỏ mẹ con Nga đâu!...

Tĩnh đứng dậy xếp hàng mua vé. Hành khách khá dài, nhưng may nhờ khoẻ mạnh, và có kinh nghiệm, chỉ một lúc sau anh quay lại đưa cho chị Nga tấm vé tàu hỏa làm bằng một miếng bìa các- tông màu

vàng, bé hơn cả quân bài tam cúc, dày và cứng. Cầm tấm vé định mệnh trong tay, chị Nga nhìn ra bầu trời đen kịt, mây chuyển ầm ầm trên đầu, xen lẫn tiếng sấm xa. Tỉnh cúi xuống dòm sát vào mặt thẳng Hận, thì thào:

- Con trai, ngoan nhé. Rồi ta sẽ đi tìm con...

Chị Nga bần thần nhìn mái tóc rậm của Tỉnh phủ xuống cánh tay chị. Bao nhiêu mùi nắng, mùi gió, mùi nước... sông hoà trộn trong hơi thở của chị. Khi Tỉnh ngẩng lên, chị Nga không cầm lòng được. Hai tay chị nắm chặt lấy cánh tay anh, ghì xuống:

- Anh! Anh Tỉnh ơi...

Chị Nga đã yêu!

Trong đêm ngoại ô thanh vắng và oi nồng, chị Nga đã gục xuống thành ghế và khóc với tiếng khóc của hai mươi năm về trước. Tiếng khóc tươi mới và nồng nàn trước mặt thẳng em trai bé bỏng, tóc lốm đốm bạc, là tôi. Tiếng nấc lên nghẹn ngào, khiến tôi hình dung ra hình ảnh anh Tỉnh của chị. Một người đàn ông thánh thiện.

- Em ơi, em biết không? Đây là lần đầu tiên và duy nhất trong đời chị yêu. Yêu trong tuyệt vọng, nhưng đúng là tình yêu thật sự trong một đời người. Chị đã khóc như mưa gió, không cần phải che đậy hay xấu hổ. Chị yêu mà cảm thấy mình vơi nhẹ đi trong bao nỗi niềm. Dù biết mình chắc gì đã được anh Tỉnh yêu lại. Nhưng thôi, như thế cũng đã đủ lắm rồi. Bao cơ cực cay đắng tuyệt vọng chị cũng không ngờ chị còn yêu được. Đó là một thứ tình cảm mới lạ, trong suốt... Nó ngọt ngào, ấm áp, nhưng pha vị cay cay, đắng đắng, đầy ma lực, làm chị quên hết những âu lo, nguy nan đang chờ chị trước mặt.

Chị đã khóc như mưa gió trong đôi cánh tay của anh Tỉnh, của người đàn ông hoàn toàn xa lạ mà chị chỉ mới gặp chưa trọn một ngày. Lúc ấy chị cũng không hề nghĩ tới hoàn cảnh của mình, cái hoàn cảnh éo le rất dễ khiến cho Tỉnh nghĩ rằng chị cần anh ấy, lợi dụng anh ấy.

Không, chị không hề nghĩ đến việc cần anh ấy che chở cho mẹ con chị, bởi vì chị biết cách sống và quyết tâm sống. Chị cần anh, cần anh như cần một niềm an ủi, cần một bầu trời, cần một hướng để hy vọng, dù chị có phải vất vả thêm nhiều lần nữa, cơ cực gấp bao nhiêu đi nữa để được sống bên anh, có anh và nuôi anh...

- Anh có biết em đã yêu anh không?

Tỉnh để yên tay chị trong tay anh, chị Nga cảm thấy được những vận chuyển nhẹ nhàng nhưng hồi hả của từng giọt máu chạy trong cánh tay rắn chắc ấy. Nó cứn run rẩy, cũng loạn nhịp và bồi hồi... Nhưng

Tĩnh đã không nói gì, không nói bất cứ lời nói nào, chỉ thay đổi nhịp bóp mạnh trên bàn tay chị.

Tiếng loa nhà ga ọc ạch, và tiếng tàu hoả nghiêng trên đường ray âm âm vọng tới, làm chị trấn tĩnh lại. Chị Nga buông tay anh ra, đứng hơn là gỡ bàn tay mình ra khỏi tay anh, hồi hải:

- Thôi, anh đi đi! Tàu vào ga rồi...

Tĩnh tần ngần, đứng dậy, hai tay anh buông thõng như người mất trí, lặng lẽ quay đi. Ba bước chân, anh quay lại móc từ trong túi ra dúm vào tay chị một nắm tiền lẻ. Chị Nga gạt lại:

- Em có đủ rồi. Anh giữ lấy mà lo công việc... Nghe em đi, anh!

Tĩnh cầm lại số tiền bước vào trong bóng tối, khuất sau ánh đèn đỏ đọc của nhà ga...

Chị Nga vội vã thu xếp mọi thứ, đến khi chị ôm thẳng Hận lên, thì...

- Ôi Trời ơi là trời! Con tôi...

Thẳng Hận nóng như hòn than, hai bàn tay và cả thân mình nó co quắp, giật liên hồi. Một bên mép nó bọt xùi ra, trắng xoá...

- Ôi... các ông các bà ơi... Con tôi chết mất rồi...

Cánh Đồng Lưu Lạc

ĐOẠN 12

Tôi cho rằng, nhất định đến một ngày nào đó, gần đây thôi, người ta phải chịu hiểu rằng một con người được sinh ra là hoàn toàn ngẫu nhiên. Con người đó, sinh mệnh đó, bắt buộc phải có mặt trên cõi đời này hoàn toàn do ý chí của người khác. Và cũng có khi chẳng do ý chí của một ai. Tình cờ thôi! Đó chính là điều bất hạnh.

Rất nhiều người do chậm hiểu hoặc do lợi ích nào đó của mình, cố gắng biện hộ cho vai trò của con người. Đó là điều bất nhẫn, không thể tha thứ được. Sự ngẫu nhiên đến buồn cười của số phận khoác cho ai, buộc cho ai những thứ gì đó... đến bây giờ cũng chẳng có ý thức nào hiểu nổi.

Con người có thể là tổng hoà xã hội, có thể là người chủ vĩ đại của trái đất, có thể là sinh vật văn minh nhất trong vũ trụ... Có thể là tất cả. Nhưng con người trước sau gì cũng chỉ là một sinh vật nhỏ bé, mỏng muội, không chân tay, cũng chẳng có móng vuốt, không thể

nào cửa quây được với số phận.

Thằng Hận là một ví dụ. Khi nó hai mươi hai tuổi, đi cùng mẹ nó là chị Nga đến nhà tôi trong một đêm mùa hè ngoại ô vàng vọt, tôi không biết nó là một thằng trai bất hạnh. Nó bị bại não, tâm thần, chậm phát triển. Khi nó khoanh tay nhìn những tấm giấy khen của con gái tôi dán trên tường từ hồi cháu học mẫu giáo đến tiểu học và cười một cách ngây ngất, tôi tưởng nó là một người cầu tiến. Những người biết cười với giấy khen, bằng khen, huân chương là người vĩ đại, có chí lớn, họ đã và sẽ làm nên những kỳ tích. Tôi rất hy vọng ở các con tôi. Nhưng khi có một kẻ cứ cười mãi, cười hoài với huân chương, huy hiệu, thì tôi biết đó là một tên bại não. Nguyên nhân có rất nhiều, nhưng chẳng nguyên nhân nào rõ ràng. Riêng tôi có một cách lý giải mà tôi cho rằng tự nhiên nhất, không mất lòng ai.

Chị Nga ôm con kêu gọi Trời Đất và những người khách đi tàu. Tiếng kêu của chị hoà trộn và lọt thỏm vào tiếng còi tàu lạnh lói và tiếng nghiến rầm rầm của bánh sắt. Không một ai nghe tiếng kêu than, van nài trời đất và lòng người. Họ tiếp tục chen lấn nhau để lên tàu, để đến một nơi định trước. Người, quang gánh, thùng mủng và hàng vạn những lời tục tũn tuôn ra... nhưng không ai chú ý đến số phận thằng Hận. Họ còn phải sống cho họ vào những tháng năm tất bật ấy.

Trong lúc thất vọng tuyệt đối thì một người đàn ông rẽ đám đông, vươn hai cánh tay dài như tay vươn và vững như thép ra ôm lấy thằng Hận. Giọng anh lạc đi:

- Nó làm sao?

Anh Tĩnh! Chị Nga như người ôm con giữa dòng nước đe dọa chết đuối vớ được bè mảng. Một lần nữa, Tĩnh ôm thằng Hận chạy thẳng vào nhà ga, gặp một người có vẻ là quan chức, anh chìa thằng bé ra trước mặt ông ta:

- Y tế đâu? Thuốc đâu?

Người quan chức áo xám thoát đầu ngạc nhiên, khi hiểu ra, ông ta lạnh lùng:

- Thuốc gì?

- Cháu bé bị cảm đột ngột, không cứu nhanh nó sẽ chết mất! Các ông có y tá không? Có thuốc không?

- Không có y tá, có thuốc nhưng không phải để cho hành khách.

Chúng tôi chỉ có tủ thuốc nội bộ.

Tĩnh tiến lên áp sát viên quan chức nọ:

- Ông hãy cứu lấy cháu bé! Hãy cứu lấy một con người. Thuốc nào cũng được, nội bộ hay bán cũng được. Chúng tôi có tiền...

Thằng Hận tiếp tục co giật. Hai mắt nó trợn trắng dưới ánh đèn đỏ rực! Hình như điều đó có làm cho viên quan chức đường sắt mỉm lòng. Ông ta quay lưng:

- Đem nó vào trong này...

Một căn phòng kín gió, vài viên thuốc cảm, một hộp dầu "Con Hổ", một ly nước đường đã giúp thằng Hận thoát khỏi bàn tay lạnh lùng của Thần Chết. Tỉnh nhai trệu trạo những viên thuốc cảm, mớm vào miệng thằng Hận. Rồi anh xoa dầu khắp người nó, đến nỗi đang từ cứng ngắt, toàn thân nó dần dần mềm lại. Nó nguội dần, và thở khò khè, khoe miệng nó hơi giật giật, một dòng nước trộn lẫn bột thuốc cảm trắng toát đọng lại, khô dần.

Bấy giờ chị Nga mới hoàn hồn, hay đúng hơn, mới nhìn thấy cái gì trước mắt mình. Thằng Hận đang nằm co quắp, Tỉnh ngồi dưới chân bộ ván bất động. Người cán bộ đường sắt thỉnh thoảng đi lại, vẽ sốt ruột. Những con thạch thùng bò thoăn thoắt trên bức tường vôi. Và chị ngạc nhiên thấy mình không khóc. Không khóc được mà chỉ nhìn. Đôi mắt chị dường như không hề chớp, lúc nào cũng mở trừng trừng. Bất kỳ cái gì lọt vào tầm mắt chị, cái thùng sắt tây, cái ghế gỗ cập kễnh, một người đi ngang qua, hai thanh ray song song hun hút về mãi tận vô cùng... cũng đều trở thành mối đe dọa đến sinh mạng con chị. Chị nhìn chúng, sợ hãi và căm hờn...

Đến lúc này, người cán bộ đường sắt mới hỏi Tỉnh:

- Anh chị đi đâu mà không phòng bị cho cháu? Ghê quá, nhờ chẳng may nó chết ra ở đây thì khổ chúng tôi.

Tỉnh trợn tròn mắt nhìn ông ta:

- Chết thế nào được! Ông chỉ vớ vẩn. Mạng người đâu có dễ thế?

- Thì là tôi nói vậy. Bây giờ nó đỡ rồi, các người ra ngoài trả phòng cho tôi chứ!

Tỉnh thấy máu trong người sôi lên. Anh cố nén giận, hai hàm răng nghiến chặt, quai hàm bạnh ra. Thời buổi cơ khổ, anh có thể nện cho tên áo xám này một trận dễ dàng. Mà thế nào cũng có ngày phải nện cho chúng một trận. Nhưng bây giờ thì chưa, hãy cô nhẫn nại. Dù sao mình cũng còn đang phải nhờ vả nó.

- Bác cho hỏi thăm, mấy giờ lại có tàu chạy Phú Thọ?

- Cái gì? Anh có vé đi Phú Thọ chuyến này à?

- Vâng! Hai mẹ con cháu. Cũng may, nếu lên tàu rồi không biết sẽ

xoay xở ra sao. Thật phúc đức, nhờ được các bác...

Hình như ông cán bộ nhà ga cũng cảm thấy được phần nào an ủi. Ủ thì ra ta cũng đã làm phúc...

- Nếu cháu còn nặng thì tôi khuyên anh chị chưa nên ra tàu.

- Vâng! Xin các anh cho cháu nghỉ nhờ đến khi có tàu ngược. Chuyển tàu sau, chắc khỏi phải mua vé, các bác cho cháu lên nhé!

Người cán bộ áo xám nhìn Tĩnh khinh khỉnh:

- Vé chuyển nào đi chuyển ấy.

- Nhưng mà hãy còn nguyên, chưa xé. Tĩnh giải thích.

- Làm gì có chuyện. Lên tàu nhân viên nó tổng xuống chứ yên với nó đấy...

Tĩnh đuối lý:

- Vậy cũng được! Thế là lại mất toi hai đồng. Mấy giờ mới lại có tàu hả bác?

- Sáng mai mới có tàu. Rồi ông ta lâu bầu: "Thế thì còn ngủ nghề chó gì".

Tĩnh đã nghe thấy, và dường như ông ta lăm bắm cũng cốt để Tĩnh nghe thấy. Anh mỉm cười vì được dịp trêu tức ông ta;

- Làm nghề đường sắt như các bác vất vả thật. Mất ăn, mất ngủ, mà dễ có mấy ai thông cảm...

- Thì đấy! Ngày cũng như đêm...

- Nhưng mà các bác cũng có cái sướng. Vi vu suốt, nhỉ?

- Suốt đời chết dầm ở đây, anh bảo đi đến đâu mà vi vu?

Tĩnh thân mật:

- Bác bảo thế nào chứ, cán bộ ngành đường sắt là có quyền lợi lớn lắm. Chả biết chỗ các bác đây thế nào, chứ ở Hà Nội, hay trong Nam, mỗi người hàng năm có vé đi tàu suốt không mất tiền...

Ông cán bộ áo xám bỗng trở nên linh hoạt:

- À, cái đó thì có. Năm nào tôi cũng có suất. Nhưng mà năm vừa rồi... túng quá, bán lại cho người ta!

Nghề nào cũng có cái cực, cái khổ của nó, Tĩnh nghĩ. Nhưng mỗi nghề cũng có cái hậu của nghề. Anh nhớ hồi từ miền Nam ra, dân tình xếp hàng đăng ký mua vé cơ khổ. Có người xếp hàng cả chục ngày trời mà vẫn không mua được vé. Những nhân viên nhà ga tách từng nhóm xếp hàng đầu lừa hành khách như lừa gà vịt vào trong phòng, có rào lưới mắt cáo kín mít để... xếp hàng tiếp. Tĩnh cũng ở trong số đó, quần áo bạt cục, hơi tả, mồ hôi đầm đìa như thú vật. Ấy thế nhưng tất cả những nhân viên ngành đường sắt trong cả nước,

từ cán bộ lãnh đạo, đến anh công nhân, chị cấp dưỡng... đều được ưu tiên hai "giấy đi tàu" (hai giấy, một công chức đường sắt và một người thân), không những không mất tiền mà còn không phải xếp hàng. Đúng là một người làm quan cả họ được nhờ! Cái thời quan quyền đáng nguyên rủa. Vậy mà hễ cứ có dịp là hạch sách!

- Mẹ kiếp! Tỉnh bất thần đập tay xuống ghế, quát to.

Người cán bộ đang lơ mơ, giật mình:

- Anh chửi cái gì?

Tỉnh lúng túng:

- Dạ không! Là nhờ mất chuyến tàu...

Hình như quá bức xúc vì bị chiếm mất căn phòng, ông ta nghĩ ra một kế:

- Từ đây vào thị trấn hơn cây số, có bệnh viện huyện. Thằng bé có vẻ nặng đấy. Hãy cho cháu vào đó khám, điều trị.

Chị Nga nãy giờ vẫn đứng ngoài sân, vì căn phòng quá nhỏ, giờ len vào ngòai thụt xuống chân giường, hai tay nắm chân thằng Hận.

- Không cần phải vào viện đâu, anh ạ. Chắc nó sốt nóng rồi cũng khỏi thôi.

Thế nhưng, lời khuyên của ông cán bộ nhà ga đã đúng. Thằng Hận đã sốt lỉnh bì, liên tục kéo dài hơn một tuần lễ. Tất cả số tiền chị Nga dành dụm cùng với số tiền kiếm được trong chuyến xuôi mả đã đổ vào cho nó. Tại bệnh viện huyện, đến ngày thứ tám, chị Nga phải năn nỉ các thầy thuốc cho nó xuất viện, vì nếu ở lại chị Nga sẽ không còn tiền.

Thằng Hận sống được là nhờ một phép màu. Nhưng sau trận sốt lỵ bì đó nó trở thành một đứa trẻ khác. Nó bắt đầu lớn nhanh như thổi, không bệnh tật và hầu như cũng chẳng biết khóc. Nó chỉ cười, và cười một cách vô tư, hồn nhiên, không cần lý do. Nhưng đó lại là một điều may mắn cho chị Nga. Trong những ngày đầu đặt chân lên đất Phú Thọ, chị bế nó đi kiếm ăn, tìm việc, nó là đứa trẻ rất ngoan, không gây phiền nhiễu gì cho mẹ. Và vì thế, nó được mọi người không ghét bỏ.

Chia tay mẹ con chị Nga ở nhà ga đêm ấy, Tỉnh lặng lẽ xuôi tàu về quê. Lòng anh bịn rịn và đau đớn khi phải xa mẹ con chị Nga. Anh nói với chị Nga một, nhưng nói với lòng mình mười rằng: "Tôi không bỏ mẹ con Nga đâu! Tôi sẽ đi tìm!".

Câu chuyện của chị Nga ở Phú Thọ là một chuỗi những đắng cay. Đôi lúc, chị đã bất lực, quay đi mắc núi trở lại mắc sông. Không thể quay

về được nữa. Cái thị xã nhỏ bé toàn nhà lá này, không ai biết thầy giáo Hà Đức Hoan.

Một buổi chiều mùa đông giá, hai mẹ con chị Nga đánh liều vào một cửa hàng ăn uống quốc doanh. Ở đây người ta dễ dãi, để cho hai mẹ con chị ngồi vào bàn mà không hề hạch hỏi. Cái cửa hàng ăn uống này bán theo phương thức xếp hàng. Nghĩa là người mua cần người bán, chứ người bán không cần người mua. Vậy thì chị Nga cũng chẳng phải là người cần mua. Cứ ngồi đấy mà đợi, chẳng ai ỏ ề đến đâu mà lo. Nói vậy thôi, chị cũng đứng dậy cúi khom lưng vào cái cửa sổ tò vò mua một bát phở "không người lái" với giá năm hào cho thằng Hận. Nó ăn ngon lành, chị Nga húp phần nước với một cái bánh mì cứng như đá, giá hai hào. Ăn xong thằng Hận gà gật rồi ngoẹo đầu lên đùi chị mà ngủ. Ngoài kia lất phất mưa bay, sụt sùi bùn vữa trên con đường vắng bóng người đi. Gió bắc ù ù thổi trong những tàu lá cọ, thỉnh thoảng lại rú lên những âm thanh tần số cao như tiếng rít của con mèo lên cơn giận dữ. Và trời dần ngả vào đêm. Mùi than đá bay phảng phất gợi lên một căn phòng ấm cúng.

- Này chị kia! Tiếng một người đàn bà lạnh lùng ngay sau vai chị Nga, khiến chị giật mình. Chị ngoảnh lại, bắt gặp cái nhìn đầy vẻ chủ nhân của người đàn bà.

- Dạ, chị gọi em.

- Chị chứ còn ai. Tối rồi, ra ngoài cho chúng tôi đóng cửa!

Chị Nga nhìn thẳng con đang ngủ say, không nỡ đánh thức nó, ngẩng lên nói với bà chủ cửa hàng:

- Vâng! Tại cháu nó đang ngủ, em nhờ các chị. Lúc nào cửa hàng đóng cửa, chúng em ra...

Người đàn bà toan nói câu gì đó để đuổi được mẹ con chị Nga, nhưng lại bước vào. Nhưng dường như không yên tâm, bà ta quay lại hỏi:

- Nhà chị không phải người ở thị xã này phải không? Ở đâu mà giờ này còn ngồi đây?

- Vâng! Em ở xa lắm...

Chị Nga định nói rằng nhà chị không phải ở đây, rằng tí nữa hai mẹ con chị sẽ lại trở về với cái lều ngoài chợ. Nhưng người đàn bà bán hàng ăn uống đã tiếp:

- Thế không có họ hàng bà con gì hay sao?

- Dạ, có nhưng em không tìm được. Có lẽ họ chuyển đi rồi mà em không biết.

Bà chủ kéo cái ghế đầu ngồi xuống trước mặt chị Nga:

- Phải rồi đấy. Từ ngày giải phóng miền Nam nhiều gia đình đã chuyển cả về trong ấy. Chắc người nhà cô cũng thế?

- Vâng! Em cũng đoán thế... Chị Nga thấy người đàn bà này cũng có vẻ dễ chuyện.

- Cô tìm hết chưa? Thế không thấy thì quay về chứ? Quê cô ở đâu?

- Dạ không! Quê em ở xa lắm, mãi bên Thái Nguyên cơ. Em cũng chẳng còn ai bên ấy. Em có quay về thì cũng như ở đây...

- Thế? Thế... cô? Bà ta ngạc nhiên, nhìn chị Nga như một con bệnh, miệng lắp bắp. Chị Nga tuy rất tuyệt vọng, nhưng đã quen rồi, lại mỉm cười:

- Vâng! Em ở đây, tìm xem có việc gì ai thuê mướn, khổ mấy cũng được...

- Cô muốn làm việc? Bà ta bỗng dịu giọng.

- Vâng! Chị có biết ai cần thuê mướn không? Chỉ cho em với...

Người đàn bà mà sau này, chị Nga biết chị ta tên là Thắm, thở dài:

- Rõ cơ khổ!

Rồi không nói không rằng, chị ta vào trong.

Chị Nga không biết mình vừa nói những gì và cứ thế trôi đi trong triền miên lạnh giá. Bỗng có tiếng kéo ghế sát bên. Chị Nga choàng tỉnh ngược lên, bắt gặp một khuôn mặt đàn ông đứng tuổi, có dáng vẻ của một người lãnh đạo bởi vẻ tự tin thường trực:

- Chào cô! Tôi nghe chị Thắm nói, cô muốn có việc làm ở đây? Ở thị xã này?

- Dạ, vâng! Chị gì khi nãy có hỏi em...

- Cô ở Thái Nguyên sang à? Lâu chưa? Có hai mẹ con à?

Chị Nga lúng túng trước những câu hỏi dồn dập của người đàn ông:

- Vâng ạ!

- Cô biết làm gì? Mà trông cô cũng là người có học đấy nhỉ? Đi tìm người nhà không gặp phải không? Ai thế?

Chị Nga cảm thấy có một chút vận may đang đến, khiến chị tự tin hơn:

- Tuy bố em có làm nghề dạy học, nhưng em làm gì cũng được ạ.

- Thế cô có biết năm than quả bàng không? Than đá ấy...

- Dạ, biết! Chị Nga gần như reo lên. Than đá trộn bùn rồi nắn thành từng nắn để nấu bếp lò?

- Phải đấy. Ừ... Ông ta ngưng lại như để tìm lời. Lát sau ông dứt khoát. Tôi là cửa hàng trưởng ở đây. Tôi nhận cô vào làm công nhật.

Công việc là nếm than quả bàng cho cửa hàng. Ngày công mỗi ngày, xem nào... một đồng hai một ngày. Cô có thằng con, tôi cho thêm ba hào là một đồng rưỡi. Ăn uống thì tùy...

Chị Nga ngăn người ra, không hiểu gì. Bỗng chị ngồi thụp xuống cúi đầu:

- Đội ơn bác đã thương mẹ con em... Thế này thì còn gì bằng.
- Thôi nào, đứng dậy. Còn chỗ ngủ? Chưa có phải không? Bên trong kia cạnh kho than có một cái chái, cô có thể ngủ ở đấy. Còn trống lắm, mai rồi quây mấy tàu lá cọ vào cũng tốt...
- Dạ! Ơn này sống để dạ, chết em mang theo, chứ không dám quên...

Ông cửa hàng trưởng cười:

- Ơn huệ gì. Tôi là Thức, cửa hàng trưởng, nhớ chưa? Mà cô chưa trả lời tôi: cô học lớp mấy rồi? Bố là thầy giáo, tôi trông cô cũng có vẻ là cô giáo đấy mà sao lưu lạc thế này? Thôi, cô bế cháu vào trong kia tôi chỉ chỗ cho. Mọi chuyện thủ tục gì nữa, mai làm tiếp.

Lần đầu tiên trong những ngày lưu lạc, rời khỏi cái túp lều ở Soi Vạt, chị Nga mới biết được cái cảm giác thế nào là ngôi nhà "của mình", mặc dù cũng chẳng phải của chị.

Cái chái cạnh đồng than đá, ba mặt trống hoang, chỉ có mỗi một phía liền với vách bếp được đắp bằng gạch vỡ, sần sùi, làm chỗ dựa cho mẹ con chị. Đêm ấy chị ngủ được một giấc dài và chị lại mơ về cái làng Sơn Cốt bé bỏng và người cha đang lom khom bên mảnh vườn còi cút.

Cánh Đồng Lưu Lạc

ĐOẠN 13

Đang dở tay với mấy cái cọc bên bờ dậu, lúng túng thế nào để cái lật cật cửa ngang lòng bàn tay, máu ứa ra, buốt xót, Tỉnh vào sân, quăng con dao lên hè, vào nhà, nếm vật ra giường. Bà cụ mẹ anh đang ngồi xếp lại mấy thứ lật vặt, cũ kỹ, trong cái làn mây, thấy con trai thở dài thì nhìn lên, ái ngại. Cụ định nói một câu gì đó, nhưng nghĩ mãi chẳng ra. Khuyên nó mãi cũng chẳng nổi. Mắng nó rồi cũng chẳng thấy xiêu. Nhất là sau chuyến ngược bè về, tiền nong có được vài chục đưa hết cho mẹ rồi không đi nữa. Bà cụ hỏi ông Thuần, thì

ông ấy cũng chẳng nói thật:

- Bè giang cực lắm cụ ơi! Sức chú ấy trông thế nhưng còn yếu lắm. Ở chiến trường bao nhiêu năm, còn gì là người. Chuyến này để cho nó ở nhà...

Ở nhà là phải rồi, mấy sào ruộng thẳng anh nó san bớt cho, hai mẹ con cũng đủ rau cháo. Nó không nói gì, cứ hơn hớn theo bè ông Thuần. Những chuyến trước chẳng sao, nhưng mà chuyến này về thấy được ít quá, hay nó chán?

Cũng chẳng phải thế! Chắc cần tiêu nên nó mới giữ lại, chứ mấy lần trước mỗi chuyến đi về cũng có ngót trăm bạc, lần này nó đưa cho bà có ba chục. Công của nó, của của nó, bà nhận là giữ hộ cho nó thôi, chứ bà thì tiêu gì! Nhưng mà thấy nó đưa ít, bà cũng nghĩ.

Đúng rồi, đàn ông con trai, chưa vợ con cũng phải có bạn bè, điều thuốc, hớp nước...

Têm miếng trà, vết tí thuốc Lào nhét vào chân răng, bà cụ toan vào giường hỏi nó làm sao, thì đã thấy Tỉnh lò dò ra:

- U cho con xin tí thuốc Lào!

- Mà làm sao? Hay lại tập tọng hút thuốc Lào...

- Đây này... Tỉnh chìa bàn tay rớm máu ra. Con cầm ngang cái lạt mà nó sứt thế.

Bà cụ vội vàng lấy nắm thuốc Lào nhét vào vết đứt ngang lòng bàn tay:

- Mấy hôm nay mà làm sao thế? Đi rừng đi búi mà hấp hoảng thế này thì có ngày chết đấy con ạ. Tao thấy ghê quá.

- Thì con đã bỏ rồi đấy thầy! Tỉnh cười.

- Ừ thì bỏ quách đi. Tao thấy nhà ông Thuần đấy, cả đời lặn lội cũng có hơn ai? Gốc mình là chân đồng chiêm, bì sao nổi với san tràng, rừng rú ...

Bà cụ lấy miếng giẻ quấn vào bàn tay cho con, ái ngại:

- Thôi cứ nghỉ ít bữa, mai u bảo thằng bố An nó san cho mảnh ruộng ngoài Cầu Đá mà làm. Hai mẹ con mình thì chừng ấy cũng đủ ăn...

- U này...! Tỉnh đột ngột cắt ngang lời mẹ. U có còn tiền không?

- Thì mà đưa bao nhiêu tao vẫn giữ chứ có tiêu cái gì đâu mà con hay hết.

Tỉnh ngạc nhiên:

- Thế u lấy đâu ra tiền mà mua mắm muối, cái ăn cái mặc?

Bà cụ cười phô hàm răng đen nhưng nhúc:

- Tao khắc có. Mà cần tiêu bao nhiêu thì cứ nói, u đưa cho mà tiêu.

- U không được lấy của anh chị An đâu đấy. Anh chị ấy còn một lũ con, lít nhít thấy phát sợ.

- Tiên nhân bố anh, một con, một của, có gì mà sợ. Còn anh đấy, thế có định lấy vợ, để con không hay lại sợ?

Tĩnh cười:

- Sợ thì con không sợ, nhưng mà lấy ai... Người con thích thì u không ưa. Mà cái cô u thích thì con lại thấy nó làm sao ấy...

- Tao không ưa bao giờ? Bà cụ nhìn con, cười để rơi mấy giọt nước trầu ra áo. Thôi được rồi, bây giờ anh cứ việc thích thì lấy, ai cũng được, tôi không cản. Đứa nào con thích là u thích!

Nhớ hồi mới về, Tĩnh cũng hăng lắm. Lúc ấy bộ đội ở Nam ra rất có giá, thành ra lấy vợ cũng cứ như phong trào. Thi đua anh này với anh kia, chị này với cô nọ. Suýt thì Tĩnh cũng đã lấy cái cô Hải con bà hàng nước ngoài đầu sông. Cũng chỉ vì anh tuếch toác, nói năng không giữ ý, làm bà ấy giận. Cô Hải thì không đẹp mà cũng chẳng xấu, lấy nhau để đẻ con thì được, nhưng mà yêu thì... Giận thì cho giận luôn. Tĩnh cứ nhơn nhơn, sống "cá thể", chẳng chịu theo phong trào. Thế rồi, phong trào tạm lắng, có đôi hạnh phúc, sung sướng, có cặp an phận chịu đựng lẫn nhau. Nhưng cũng chỉ ba bốn năm sau, có anh chị đưa nhau ra toà, nhẹ hơn thì chồng dắt tay vợ về trả cho ông bà nhạc. Buồn thật... Tĩnh thấy buồn cho tình đời, chung quy cũng chỉ tại nghèo khó. Ấy thế nhưng cả làng cứ thấy Tĩnh cười hơ hớ. Bí chân anh theo ông Thuần lên rừng...

- Con kể u nghe chuyện này nhá. Nghe được hay không thì u cứ nói ra, chứ con cũng được.

Bà cụ nghĩ ngay đây không phải chuyện đùa của con trai. Nó đã ngoài ba mươi, cái đùa cũng không phải là thứ bông phèng, hôn xược. Với lại nó đã nói "u chứ cũng được" thế có nghĩa là nó đã nghĩ kỹ.

- Con cứ nói xem nào! Bà cụ nghiêm giọng.

Thấy Tĩnh đắn đo mãi, bà phải giục:

- Khó nói lắm hả con? Cứ nói đi, u nghe đây...

Tĩnh bắt đầu kể về chị Nga. Anh kể hết, nhưng khổ nỗi, anh cũng chẳng biết gì nhiều về chị:

- Một cô giáo cấp hai, chồng đi B đã hy sinh, có một đứa con trai hai tuổi. Cuộc sống cơ cực và dư luận độc địa khiến cô ấy phải bỏ nhà bỏ con ra đi. Cái buổi chiều trên mương và cái đêm ở nhà ga, con thấy cô ấy là người mà chưa từng gặp... Một phụ nữ biết vì người khác và

dám sống vì người khác...

“Thế là nó đã phải lòng người ta rồi”, hèn nào nó ăn nói văn hoa như thế, bà cụ nghĩ thầm trong bụng. Rõ khổ, gần thì chẳng bén duyên cho, xa xôi cách trở... Thương con, muốn che chở cho con không ai bằng người mẹ, dù là một nông dân, nhưng bà cụ rất thấu hiểu lòng con...

- Bây giờ mẹ con cô ấy ở đâu?

- Con cũng không biết đích xác. Con chỉ biết cô ấy bế con ngược lên Phú Thọ, mà thằng bé thì đang ốm.

Bà cụ không nói gì, đứng dậy xuống bếp. Thế giới của bà mẹ chúng ta có lẽ là cái bếp. Chỉ ở đây, bà mới có thể suy nghĩ, đến thấu đáo nghĩa tình, và đưa ra những quyết định sáng suốt. Con lợn trong chuồng nghe tiếng lịch kịch của bà, vội vàng cất lên hững tiếng kêu ư ử. Đó là lời cầu xin, là tiếng reo vui chào mừng của chúng. Bà cụ lấy nắm gạo đầu ra dưới ánh sáng cuối ngày, ngồi nhặt những hạt thóc. Tĩnh lo lắng nhìn những động tác của mẹ. Anh hiểu mẹ đang lo cho anh. Trong mắt mẹ anh là một thằng trai ngang tàng, và mẹ tự hào về điều đó. Cái lần anh lấy vợ hụt, cô Hải con bà hàng nước, chính mẹ đã an ủi anh: “Làm trai quyết chí tu thân; công danh chớ vội, nợ nần chớ lo”. Niềm vinh quang từ chiến trận anh đem về cho mẹ, nhưng mẹ cũng không bị choáng ngợp như những người khác. Mẹ dặn anh: “Còn có những người chết, không về. Con liệu mà vui mừng cho phải lẽ”.

Tiếng xoa gạo sàn sạt khiến Tĩnh không thể nào yên tâm. Anh mon men đến định hỏi, nhưng lại không dám. Có thể mẹ buồn, có thể mẹ giận... Thôi hãy cứ để như thế. Thế nhưng còn anh? Tĩnh bắt đầu chất vấn mình. Anh đã nghĩ thế nào về người phụ nữ anh gặp dọc đường? Hai mẹ con cô ấy sẽ ra sao nếu họ không gặp anh? Và rồi họ gặp anh họ sẽ ra sao? Những lời hứa hẹn và những việc anh làm cho mẹ con họ có phải là tình yêu? Đã mấy tháng nay anh bồn chồn. Mấy ngày đầu khi về với mẹ, anh quyết định sẽ quay trở lại đi tìm mẹ con chị Nga. Nhưng rồi, bên mẹ và gia đình làng xóm, anh đã có những ý nghĩ khác. Anh muốn quên, muốn quên đi cũng như những câu chuyện qua đường thường thấy. Anh có cuộc sống riêng của anh. Mẹ cũng có cuộc sống của họ. Không ai có thể bắt lỗi anh được. Anh đã làm hết mình, làm những gì cần làm. Thế nhưng một thời gian sau anh càng lúc càng thấy trong lòng mình không yên. Tĩnh thường mất ngủ, dù anh đã quyết bỏ nghề san trang, nhưng hình như anh thấy

nhớ rừng, nhớ sông nước. Cái buổi chiều thối cơm nhờ bên bến sông đã làm anh thao thức. Hay là anh lại sẽ lên rừng, sẽ xuôi mảng và trở lại bến sông. Nhưng..., ở đó không còn gì nữa. Dòng sông cũng không còn gì cho anh nữa.

Hai chữ “phải lòng” không đủ sức chứa nỗi niềm của Tĩnh. Ở đây chẳng phải là một mối tình si thông thường của người đời. Hình như nó có cái gì đó như một định mệnh. Tĩnh không muốn ra khỏi nhà, không muốn nói chuyện với ai. Bà mẹ biết nhưng không biết cách can thiệp. Con trai bà là một kẻ ngang tàng, và can trường, bà biết... Bữa cơm tối hôm ấy, dưới ánh đèn tù mù, hai mẹ con im lặng cho hết bữa. Hình như ai cũng nhai trệu trạo, ai cũng muốn ngấm nghỉ hơn là ăn. Lần đầu tiên, sau bữa cơm mẹ nói với Tĩnh:

- Con cất dọn mâm bát đi. Để u ngồi đây ăn miếng giầu...

Tĩnh lẳng lặng làm. Anh rửa bát, dọn mâm rất chăm chú và cẩn thận, đến nỗi chính anh cũng ngạc nhiên. Sao lại không huýt sáo lên một bài vui vui nhỉ? Anh huýt sáo nhưng hơi hướng cứ đi đâu mất, chỉ là những tiếng thảo thảo qua kẽ răng. Bực mình thật...

Tĩnh trở lên nhà, đã thấy mẹ đặt sẵn một xấp tiền chặn cái cối trầu:

- Ngồi đây u nói này, Tĩnh!

Tĩnh ngồi ở một góc chiếu, nhìn mẹ. Anh đã hiểu.

- Ngày mai, con đi tìm hai mẹ con cô giáo Nga đi...

Tĩnh cảm động:

- Con cũng có ý định ấy, nhưng...

- Được rồi, con cứ đi tìm, đúng như lời con đã hứa. Không nên để lời hứa thành lời đầu môi, chót lưỡi. Tiền đây, con cầm cả lấy mà chi tiêu cho chuyến đi.

Tĩnh cầm xấp tiền lên, nhắm đếm:

- Nhiều quá u ạ, chắc không dùng đến thế đâu.

- Cứ mang đi. Đường xa tiền bạc không biết thế nào là nhiều với ít.

- Con cầm một trăm thôi, còn để lại cho u giữ...

Bà cụ vươn cổ ra khỏi hè, nhổ miếng nước trầu rồi như tiện tay, móc trong túi áo ra một cái bọc:

- Đây là cái vòng bạc, cái vòng con đeo hồi còn bé. U đưa cho con mang theo, gặp đứa bé, con hãy đeo vào cho nó.

Tĩnh thần thờ:

- Sao lại thế?

- Nếu con thấy không cần thì thôi. Nhưng hãy cứ mang theo.

Bây giờ Tĩnh mới hỏi một câu mà anh chợt nghĩ ra:

- U ạ, nếu gặp người ta, con phải làm thế nào? Hay là con đưa cô ấy về đây với u?

Bà cụ đứng dậy, vào giường:

- Sao anh lại hỏi u câu ấy? Anh cứ làm đúng như những gì anh nghĩ. Thấy đúng thì cứ làm, nếu vạ nhất có sai lầm cũng không có gì phải hối hận...

Đêm ấy Tĩnh đã thức trắng đêm, tiếng gà xao xác ba canh đã vụt vã, cật vắn anh theo từng chập. Tĩnh có cảm giác như một định mệnh đã gắn đời anh với mẹ con người đàn bà bất hạnh ấy. Chẳng thể mà, lúc chia tay với tiếng khóc tức tưởi, ngọt ngào của chị Nga, Tĩnh phải cố nén lòng. Anh chỉ đứng lại một chút nữa thôi, thì chính anh cũng bật khóc, và không thể đi được nữa. Anh cũng nghĩ mình không thể xa họ được, mà quay lại chỗ ông Thuần và anh em sơn tràng, xem có lấy được ít tiền, rồi đuổi theo. Anh đã đi như chạy. Nhưng khi đoàn tàu ầm ầm kéo đến và tiếng người nhốn nháo, anh nghe thấy thoảng trong gió tiếng kêu cứu của chị Nga. Rất mỏng manh, rất mơ hồ, nhưng lại rất rõ nét bởi âm sắc của lời cầu cứu hình như đã được ghi lại trong tâm trí anh. Tĩnh rảo bước nhưng không đi nổi, bởi trong gió thoảng, trong tiếng bánh sắt nghiền rầm rập ấy, có tiếng chị Nga. Tĩnh vội vã chạy ngược trở lại, và anh lao vào ôm lấy thẳng bé.

Không thể chậm hơn!

Anh đã hối hận khi không đưa ra quyết định kịp thời ngay từ cái hôm đưa thẳng Hạnh ra viện. Đêm ấy là một đêm khó khăn nhất trong đời anh. Phải từ biệt mẹ con chị Nga trong một hoàn cảnh éo le như thế đã xát trái tim Tĩnh biết chừng nào. Có tất cả ba con đường, anh đã chọn con đường bỏ chạy. Ừ mà sao mình không đi cùng Nga? Sao mình không biết hoặc không nghĩ đến con đường trước mắt của hai mẹ con cô ấy? Còn một con đường nữa là đưa Nga cùng về với mình, với mẹ? Anh sợ gì? Sợ dư luận và tai tiếng ư? Cuối cùng anh đã chọn con đường bỏ đi, để đến bây giờ thấy nhói đau trong lòng.

Thôi, Tĩnh ơi, hãy cố chợp mắt một lúc, lấy sức để sáng mai anh hãy lên đường đi tìm người anh yêu quý. Tĩnh ra sức dỗ giấc ngủ, và khi nó đến, anh nằm chiêm bao thấy mình đã tìm được mẹ con chị Nga. Họ đã tìm thấy nhau, và thẳng Hạnh, đưa con trai người gỗ Pinôkiô của anh đã tung tăng đi lên phía trước, trên con đường đầy ánh sáng và hoa. Anh cố sức gọi "Con ơi!", và đuổi theo những bước chân nhỏ bé lon ton của nó. Nhưng rồi, Nga kéo anh lại, bằng bàn tay nhỏ bé, ấm áp... Hai người anh và Nga nắm tay nhau đi theo nó, đi mãi... cho

đến khi mẹ gọi:

- Tỉnh ơi! Trời sáng rồi... Dậy đi con!

Anh vẫn còn thấy tiếc giấc mơ. Giấc mơ lành, đầy ngọt ngào thi vị.

Nhưng... cuộc đời này, giữa giấc mơ và hiện thực luôn có những khoảng cách không dễ gì lấp đầy.

Buổi sáng ấy, Tỉnh lên đường tìm chị Nga, nhưng cuộc tìm kiếm ấy đã không dễ dàng chút nào, mà nó kéo dài suốt mười năm! Phải mười năm sau, họ mới gặp nhau. Đó là một định mệnh khắt khe, và độc ác của cuộc đời!

*

Thật ông Trời cũng có mắt, chị Nga nghĩ thế, khi hai mẹ con chị có được một chỗ trú thân trong cái chái nhà than của cửa hàng ăn uống. Trưa hôm sau, ông Thức cửa hàng trưởng đi họp về, tạt vào đã thấy cái chái vốn trống hoang, trống hoác đã được quây kín thì lắc đầu:

- Cô này giỏi nhỉ? Lấy đâu ra những thứ này? Ông chỉ vào những tàu cọ chị Nga đã thương làm vách.

Chị Nga từ đồng than sau nhà chạy ra, hai tay đen nhẻm, rứt rề:

- Bác ạ! Chị Thắm chỉ cho em đấy. Không biết có ảnh hưởng gì đến cửa hàng không hả bác?

- Không sao! Cái bà Thắm này cũng đáo để nhỉ. Bà ấy là vợ liệt sĩ, một nách nuôi bốn đứa con đấy. Được cái chúng cũng ngoan và lớn cả. Ghê gớm ra phết nhưng được cái hảo tâm, tốt bụng. Thế bố thằng cháu nhà cô đâu?

Ông Thức bực tức quá, thấy cái gì là hỏi, dễ gây ra ấn tượng một người ỷ quyền thế, hay lục vấn, chẻ hoe. Nhưng, tính ông lại xuề xòa, mau quên. Hỏi thế thôi, trả lời cũng được, mà không trả lời cũng chẳng sao. Chị Nga lúng túng, không biết để hai bàn tay toàn than của mình vào đâu:

- Dạ... bố cháu... mất rồi ạ!

- Cô từ bên Thái Nguyên sang à? Này, dạo trước tôi cũng đóng quân ở bên ấy mấy năm trước khi đi B. Cô có biết trung đoàn 165 của sư đoàn 312 không?

Chị Nga càng lúng túng:

- Vâng, em có nghe!

- Bên ấy cũng khó khăn nhỉ. Dân "con củ" cô biết không? Khoai lang ấy mà... Có câu chuyện buồn cười thế này, một ông nông dân ra

ruộng của mình thấy rõ ràng dấu chân người, mà phân thì lại phân chó! Hơ hơ... đói quá, dân ta ăn khoai lang cả vỏ. Khổ thế! Không biết bây giờ thế nào?

- Cũng vẫn khổ lắm bác ạ.

- Ủ thôi, tôi hỏi thăm qua cô một tí cho biết. Cô cũng đảm đang đấy. Chịu khó làm ăn, anh em chúng tôi thấy cô lưu lạc thì thương cô. Nhưng mà này, tôi dặn cô một câu, một câu thôi: chó có tắt mắt! Tôi ghét nhất là ăn cắp vặt, thế nào cũng có người thấy, mà không ai thấy thì trời thấy! Thiếu thì xin, xin người ta không cho thì nhin. Nhất chết chứ đừng ăn cắp. Ăn cắp dù một năm than, tôi biết là tôi đuổi đấy. Tôi coi cô như em mới nói thế, đừng giận!

- Vâng! Em xin nghe lời bác...

- Tôi đi đây! Có khó khăn gì thì hỏi bà Thắm. Tôi hay đi vắng lắm... Chị Nga bần thần nhìn theo cái dáng đi hơi gù, một bên vai xệ xuống và đôi chân tập tễnh của ông cửa hàng trưởng mà ứa nước mắt. Người đâu mà tối thế!

Thời gian đối với chị Nga thật chẳng có ý nghĩa gì, nếu không có thằng Hận. Chị không mong gì cho mình, dù tháng ngày dài hay ngắn, nhanh hay chậm, chị không bận lòng. Nhưng còn thằng Hận, nó phải lớn, phải lớn thật nhanh. Trong những đêm vắng, hai mẹ con nằm trong cái chái nhà quây lá cọ, chị Nga ôm con mà lòng thật chua chát. Đôi lúc chị lại tự vấn lòng mình. Tại sao chị phải bỏ làng vào Soi Vạt, sống như một con bệnh hủi, bị cộng đồng hắt hủi. Chị cứ sống đàng hoàng giữa làng giữa nước, sợ gì ai. Ủ thì anh Kỳ đi bộ đội ba năm rồi có giấy báo tử. Ủ thì có giấy báo tử của anh Kỳ hơn một năm sau chị mới đẻ thằng Hận! Thì đã sao? Tại sao chị lại không có quyền có con? Mà tại sao người ta lại cứ phải hỏi nó là con ai. Rõ ràng nó là con anh Kỳ. Không! Nó không thể là con anh Kỳ, mặc dù nó mang họ Trần. Chị thì không sao, chị sống thế nào cũng được, nhưng còn thằng Hận, nó là giòng dõi họ Trần, nó phải được mang họ Trần và được hưởng tất cả những gì mà nó đáng được hưởng.

Chị đã chạy trốn, điều ấy chỉ chứng tỏ chị có lỗi. Nhưng nếu chỉ trốn lên Soi Vạt thôi thì một thời gian sau, dư luận sẽ lắng xuống. Cười ba năm chứ chẳng ai cười ba đời! Bỗng dưng chị hận ông lão Tuân, ông bố chồng chị, người cha của đứa con chị. Nỗi nhục nhã ê chề luôn đè nặng xuống vai chị. Nó đã giết chết cả tuổi thanh xuân của chị, chưa đủ, nó còn hạ gục cả cha chị, là thầy Hoan.

Chị bật khóc trong đêm vắng khi nghĩ về cha mình. Giờ này cha đang

làm gì, hay cũng lại thao thức với con. Cuộc đời cha đặt gọn trong tranh chấp, trong nghi kỵ. Lúc nào cũng đề phòng, cũng cảnh giác. Mấy năm nay tạm yên tiếng súng, lẽ ra cha phải được sống thanh thản. Thế mà con đã giết cha. Giết mà cha không chết, cha sống để ôm hận. Ôi, nhưng nếu cha biết con gái cha lại ăn nằm với bố chồng để đến nỗi sinh con đẻ cái, thì hẳn cha đã ngã gục rồi...

Gà gáy liên hồi, chị Nga thao thức rồi ngồi dậy, xoay nhẹ đầu thẳng Hận ra khỏi cánh tay, đặt cho nó ngay lại rồi bước xuống đất ra ngoài. Mùa thu trung châu sớm giăng sương bụi. Chị vào bếp nhóm bếp than. Đó là công việc mà chị em trong cửa hàng nhờ chị Nga. Chị thấy vui khi được làm việc. Càng nhiều việc càng tốt. Ai nhờ gì chị cũng làm, làm nhiệt thành, từ giặt khăn bàn, rửa bát, đến quét nhà nhóm lò... việc nào chị cũng làm gọn ghẽ, sạch sẽ. Mỗi lần xong việc nằm than của mình, chị ngồi không mà không ai nhờ việc gì, chị thấy bồn chồn, lo lắng.

Thẳng Hận đã lớn. Nó là một đứa trẻ ngoan và đẹp như thiên thần, không ai có thể ngờ rằng mẹ nó chỉ là một mụ nằm than với hai bàn tay đen đui. Nước da nó trắng hồng, đôi môi đỏ như được tô son.

Mọi người đều thích nó, nhất là những cô gái chưa lấy chồng, nhìn vào khuôn mặt có mái tóc loà xoà trước trán, với cặp lông mày xéo xiên trong xô vào tận sống mũi của nó, hứa hẹn một chàng trai tuấn tú, thông minh. Tuy thế, không khỏi có những cặp mắt đổ kỵ, ghen tức. Không biết nó ăn gì mà xinh đẹp thế? Mà có phải con nhà giàu có gì cho cam? Một con mụ nằm than công nhật, loại người thấp hèn, mặt hạng nhất thì có gì cho nó ăn, nó mặc? Con nhà người ta, nào có thiếu gì cá thịt, vậy mà sao vẫn xanh xao, còi đẹt?

Lúc đầu chị Nga tự hào về đứa con của mình, nhưng dần dà, chị nhận thấy có những cái nhìn không mấy thiện cảm, chỉ vì nó đẹp quá, nó khoẻ mạnh quá, chị thấy lo. Ông Thức mỗi lần đến thấy nó, thì ngồi thụp xuống tóm lấy "con chim" của nó, nức nở:

- Con cái nhà nào mà đẹp thế này không biết? Cô Nga này, vợ tôi mà đẻ được đứa con xinh đẹp khoẻ mạnh như thẳng Hận của cô thì tôi phải bảo bà ấy đẻ lấy chục đứa...

- Bác quá khen cháu nó hư đấy bác ạ!

Vợ ông Thức không đẻ được. Đó là lỗi tại ông. Ông đi bộ đội vào chiến trường trở ra, sốt rét trọc đầu, lại bị thương lệch vai, kiễng chân. Thương tật thì không sao, nhưng không đẻ được đứa con thì thật đau khổ. Vợ ông là giáo viên dạy cấp một. Người ta khuyên ông

xin lấy đứa trẻ làm con nuôi, nhưng ông không muốn. Ông nghĩ thế nào, chả ai hiểu, đến vợ ông cũng không hiểu ông. Người ta ưu tiên cho ông cái chức cửa hàng trưởng cửa hàng ăn uống, ông tận tình, nhưng cũng không mấy thiết tha. Mọi chuyện đều giao cả cho bà Thắm, bà vợ liệt sĩ bốn con.

- Nay cô, bố cháu hy sinh ở chiến trường nào? Khi đã quen thân, biết được chuyện của chị Nga, ông Thức hỏi. Lần này, không thể lảng tránh mãi được, chị Nga đành trả lời theo đúng như người ta đã ghi trong giấy báo tử của anh Kỳ:

- Em cũng không biết rõ lắm, chỉ thấy báo là anh ấy hy sinh ở "Mặt trận phía Nam" thôi ạ!

Ông Thức lại được dịp căn nhắc, mà căn nhắc rõ to:

- Phía Nam thì đúng rồi, không lẽ lại phía Bắc? Chiến trường mênh mông thế, ai biết đâu mà tìm. Thì cũng coi như mất tích! Có mấy cái kẹo Hải Châu, cô cầm lấy cho thằng bé...

Chị Nga ái ngại:

- Bác cho cháu nhiều thế? Các bác thương đã cho mẹ con em được ở nhờ, lại có việc làm, em còn chưa đền ơn được.

- Ơn huệ gì cái nhà cô này! Hay là cô cho thằng Hận làm con tôi nhé? Ông Thức nói bằng một giọng nửa đùa, nửa thật, nhưng chị Nga nghe thấy rất rõ nỗi khát khao được làm cha của ông. Lần này, ông Thức nhìn chị Nga cười nheo mắt, ý như ông nhất quyết không để cho chị được lảng chuyện như những lần trước. Thấy chị Nga cứ cậm cúi, không trả lời, ông giục:

- Sao? Cô thấy thế nào?

Chị Nga ngừng lên, đôi mắt buồn xa thẳm:

- Đời em chỉ còn mỗi mình cháu, em làm sao xa cháu được? Em chỉ mong cho cháu lớn khôn, rồi lúc ấy đời em coi như xong...

- Thì ai bắt cco xa nó đâu? Nó vẫn là con cô mà... Chỉ cần nó nhận tôi làm bố, bà nhà tôi là mẹ, là được rồi.

- Thế...? Thôi, em sợ lắm! Nhỡ nó thấy em nghèo, nó bỏ em thì em chết! Chị Nga gượng cười, làm như đó hoàn toàn là chuyện đùa.

Ông Thức thôi không nói nữa, nhưng bỗng hỏi:

- Thế chế độ chính sách con liệt sĩ của cháu thế nào? Ở bên ấy người ta không lo cho nó à...

Lần này thì chị Nga không thể trả lời được. Chị cúi xuống gần sát đồng than, cố giả vờ không nghe câu hỏi của ông cửa hàng trưởng. Nước mắt chị lại sắp ứa ra, chị quệt một ngón tay lên ngăn giòng

nước mắt sắp trào ra, để lại một vệt nhỏ ngang bên má. Ông Thức thấy thế thì cũng không hỏi nữa, lặng lẽ quay đi. Nhưng không phải lúc này, mà ngay từ hôm đầu tiên gặp mẹ con chị, ông vốn là người đi đây, đi đó, hiểu nhiều chuyện, ông đã ngờ đến một câu chuyện không bình thường rồi. Thì có trắc trở, bất an thì người ta mới lưu lạc đến đây, ông nghĩ thế, và ông sẵn lòng thương người, đã cứu mang mẹ con chị. Nhưng như mọi người đàn ông khác, ông nghĩ thế nào cũng có dịp hỏi cho ra nhẽ. Không thể để một đứa con của người liệt sĩ sống lưu lạc, thiếu thốn như thế được.

Chị Nga bắt đầu dạy học cho con trai. Và chị đã thất vọng! Một lần nữa, trời cao đã hành hạ chị, nhất quyết không buông tha người thiếu phụ này.

Cánh Đồng Lưu Lạc

ĐOẠN 14

Ông lão ra đi vào một đêm tối trời, dường như để lánh mặt người làng. Hành lý của ông lão chỉ gồm có một bộ quần áo được coi là tươm tất nhất, chiếc áo gụ hơi bạc mồm hôi, cái quần kaki của anh Kỳ để lại cũng đã sờn bạc. Với số tiền tổng cộng được gần hai mươi lăm đồng bạc, trong đó có đến quá nửa là loại giấy một hào, hai hào, do tích góp mà có, số còn lại là tiền liệt sĩ của anh Kỳ, của nhà nước. Vào những tháng năm ấy, hẳn nhiều người còn nhớ việc đi lại bằng xe ô tô khách là một cực hình. Cả tỉnh chúng tôi chỉ có một bến xe Đồng Quang, mà xe thì ọc ạch, giờ giấc thì phập phều, hành khách lên chật cứng, còn tài xế là những người mà vừa là hung thần, vừa là tên lưu manh mặt hạng. Xe ô tô của nhà nước, thường được ca ngợi là của nhân dân, tài sản của toàn dân, nhưng rơi vào tay tài xế nó đương nhiên là của báu để kiếm chác, để điều võ giương oai. Đến nỗi, trong quân đội vẫn có câu: "Trung uý thiếu uý, không bằng một tí lái xe!". Vì thế, ông lão Tuấn không thể chọn con đường xe ô tô khách để đi Phú Thọ. Ông quyết định lấy con đường tàu hỏa, lên từ ga Phổ Yên để về Hà Nội, rồi từ ga Hàng Cỏ, ông lại lên tàu đi Phú Thọ. Con đường đi của mẹ con chị Nga cũng là con đường ấy, tuy xuất phát từ một bến sông, con đường định mệnh...

Chuyến tàu xuôi khởi hành lúc chín giờ tối xuôi xẻ. Nửa đêm, ông lão về đến ga Hàng Cỏ. Ông lão Tuân không lạ gì nhà ga này, tuy là một nông dân nhưng ông đã từng có nhiều lần lộn trên bến tàu, nhà ga, đường phố... với những tháng ngày lưu lạc giang hồ thời trẻ. Và gần đây thôi, những năm đói kém, những chuyến buôn bán sắn khô, khoai lang, lạt dang, củ nâu... đổ xuống ga Long Biên, hay còn gọi là ga Đầu Cầu. Thời trẻ khoẻ ấy đã qua rồi, ông và mấy anh bạn buôn tàu sau khi bán xong hàng, tản bộ vào chợ Đồng Xuân tìm một cửa hàng phở. Ai "không người lái" (phở sông, không có thịt) chứ ông Tuân cứ là phải tìm cho được món xá xíu, thịt quay, đánh một bát to, rồi ra vỉa hè sà vào quán chè chén, làm năm xu, một hào, rồi bán nhờ điều thuốc lào. Gần sáng lại cuốc bộ ra ga Hàng Cỏ, mua vé tàu hắt hoi, leo lên toa tàu chợ, tìm chỗ gà gật...

Bây giờ ga Hàng Cỏ đã khác. Cái đồng hồ to ngất ngểu trên nóc nhà ga không còn, nhìn nhà ga cũng không còn cái vẻ oai phong mà trẻ trung, từng trải mà dễ tính như ngày trước. Người đi lại buôn bán khá đông, công nhân, bộ đội, học sinh... rầm rập. Cảm giác mất an toàn ngự trị. Công an và kẻ móc túi khá nhiều. Anh công an, anh bảo vệ đeo băng đỏ thì nhắc nhở hành khách cẩn thận kẻ móc túi, lừa đảo, trấn lột. Còn kẻ lừa gạt, xách làn, bạc bịp... thì vừa lân la gạ gẫm vừa dọa "công an đấy" để ù té, làm ăn.

Bây giờ ông lão cũng đã khác, không còn cái vẻ ung dung tự tin như một thời tráng kiện, gặp thẳng đạo trộm thì sẵn sàng ra oai cho một đòn gánh. Ông lão Tuân ôm cái bị vào lòng tìm một góc khuất, hạ lưng tựa vào mảng tường cấu cây, giả vờ lim dim. Ông lim dim thế, nhưng rất cảnh giác, một là không để kẻ gian nào mon men lại gần, hai là hễ quầy bán vé đi Phú Thọ mở cửa, là có thể nhòe dậy, lao tới, đút tiền lẻ vào cái khe bẹp, không lọt bàn tay, nhận tấm vé bằng bìa cứng, bằng hai ngón tay chéo. Ấy nó nhỏ thế nhưng lại đủ sức kéo ông đi mãi tận phương lai xứ sở nào, tùy theo cái giá tiền ghi trên đó.

Tự dưng, trong tiếng bát nháo của loài người di động, ông lão nghĩ: sao con người ta lại có số nhỉ? Số may, số rủi, số nhàn, số sướng, số nghèo, số giàu, số có phúc, số bạc phận...? Là ông nghĩ về người em họ, con bà cô ruột mình, tên là Đạo, nhà ở chợ Hoà Bình, đằng kia. Kể ra, thoát đầu khi tính kế ra đi tìm mẹ con chị Nga, phải qua Hà Nội, ông có nghĩ đến ông em này. Đó là một người họ hàng của ông, tuy không tốt nhưng không thể bảo là anh ta xấu. Không hại ai, cũng

không làm lợi cho ai, có chăng chỉ làm cho người ta ghét. Có một đạo, khi bà cô còn sống, anh ta cũng có mấy lần về quê, chả biết thật hay giả, Đạo “thẳng tính” một cách... hợm hĩnh:

- Ồi giới ơi! Bác làm gì mà cứ đầu tắt mặt tối thế chả biết. Người Hà Nội chúng em cứ là sáng bảnh mặt trời ra mới chui ra khỏi chăn, mà cũng có kém gì ai. Ờ mà này, nước giếng nhà bác nó làm sao ấy, giặt xà phòng nó cứ nhờn nhờn, kinh bỏ sù! Nước máy ở Hà Nội giặt đến đâu sạch đến đấy...

Lần khác, anh chàng con cô ông Tuân lại giả là:

- Nói thật với các bác chứ, đúng là em chả biết gì sất. Thế cái cây kia nó là cây cỏ hay cây lúa?

- Thế chú không phân biệt được cây cỏ với cây lúa à? Ông Tuân đáp nhời ông em. Để tôi kể chú nghe. Ngày xưa, dưới trần gian chưa có cây lúa làm lương thực cho con người đâu... Con người ta sống bằng hoa quả, thịt chim chóc, cào cào châu chấu thôi. Ông Trời thấy thế mới thương tình, cử một ông Thần, đem hai thứ hạt cây xuống gieo cho trần gian có cái ăn. Hai thứ này giống nhau lắm, để cho bọn người ngốc như chú không biết. Một thứ là cỏ, một thứ là lúa. Hạt lúa, Trời bảo Thần reo vung ra cho rộng rãi, còn thứ hạt kia là cỏ thì rắc từng cụm, từng cụm, ít thôi. Thần nghe tai nọ xọ tai kia mới đem gieo cỏ vung ra khắp gầm trời, còn lúa thì rắc từng nhúm nhỏ. Đấy, thế là bây giờ cỏ thì mọc tứ tán, tràn lan, còn lúa thì lại hiếm hoi, ít quá. Thấy thế Trời mới nổi giận, bắt vị Thần kia hoá thành con trâu, xuống hạ giới phải kéo cày để làm ra hạt thóc mà chỉ được ăn cỏ... Ông Đạo cười khơ khớ:

- Chuyện hay nhỉ? BỐ SƯ, cái lão Thần, à mà cái con trâu ngốc nghếch kia vung nắm thóc ra thì có phải bây giờ sướng biết mấy, chả phải cấy hái đầu tắt mặt tối, cứ việc ra đồng mà gặt lúa, bác nhỉ!? Khi chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Giôn- xơn, vợ chồng con cái anh ta cũng về ở nhà ông đến hơn hai năm trời. Thế là cũng gần bó lắm, cũng thân thiết lắm. Nếu bây giờ ông có đến nhờ vả Đạo thì cũng là công bằng, phải lẽ... Ông lão lại nghĩ, ấy những người Hà Nội như Đạo, tuy nói tục như ranh, lưu manh nhất hạng nhưng lúc nào cũng sướng, cũng phồn phơ. Họ ăn nói, đi lại, khạc nhổ... giữa ngoài đường ngoài phố mà không khác gì ông ở trong bếp hay trong chuồng xí nhà mình? Chả thế mà dân gian đã có câu: “Tự nhiên như người Hà Nội”, và cũng những trường hợp tương tự, họ lại nói tránh đi, là “tự nhiên như ruồi”. Ông lão bật cười, thế chả hoá ra người Hà

Nội cũng như con ruồi, con nhặng à?

Có tiếng rao bán bánh mì ở ngay trên đầu ông lão Tuân, ông không thấy đói, nhưng ông thèm. Ông thèm cái bánh mì, thèm cái mùi phố thị, và thèm được bát phở xá xíu bốc hơi và mùi thơm của hành mỡ. Thôi nào, thèm thế thôi, chứ ông nhất quyết không mua. Phải hà tiện, đường còn dài... Một cơn mưa ào ạt kéo đến, nước tràn xuống các rãnh nước làm dềnh lên mùi ống cống nồng nặc, lập tức dập tắt cơn thèm của ông lão. Người chạy rầm rập, sát sạt đến bên cái góc tối ẩm ướt của nhà ga. Có hai người thanh niên hạ hành lý của mình xuống cạnh ông Tuân, rồi một người đặt đít xuống chỗ gạch còn trống. Ông Tuân tảng lờ như đang ngủ, nhưng tất cả tinh lực ông đang căng ra, cảnh giác hết mực. Một người nói:

- Bố sư con "phò"() , nó tưởng bỏ ăn, cứ dính lăng nhăng, làm mất cả việc...

Ông Tuân không biết "con phò" là con gì, nhưng cũng đoán ra rằng đó là một con người, mà là đàn bà con gái, chắc là ghê gớm lắm...

- Đéo mẹ, trông người như con ve, mà đòi những một cụ ! Có cho không thì tao cũng làm được một quả! Hơ hơ... tiếng một người khác.

Một "cụ" thì ông biết, và thế là ông cũng biết họ đang nói về một cô gái điếm.

Tiếng hai người đàn ông nói với nhau không to lắm, nhưng cũng không phải là nhỏ, là thì thầm, đủ biết họ từng trải cảnh này. Lại tiếng một người:

- Bình này, mày bảo con phò đấy là dân Hà Nội gốc hay tỉnh nào lên?

- Chắc là dân tứ xứ thôi... Chứ dân Hà Nội gốc nó có tem phiếu, làm gì đến nổi.

- Tao cũng nghĩ thế, mà như thế thì thì khổ quá nhỉ...

Im lặng một lúc, có tia lửa xoèn xoẹt từ một cái bật lửa bằng xăng, họ châm thuốc hút, mùi khói thuốc lan toả, bỗng dưng ông lão Tuân thấy thèm một môi thuốc Lào. Tiếng Bình:

- Này Ngọc, sao tự dưng tao lại thấy thèm cái hồi chúng mình ở với nhau ở Đắc Tô, Tân Cảnh quá. Lúc ấy tao nghĩ, nếu mà sống sót trở về thì dứt khoát không phải khổ, không phải tủi nhục. Nào ngờ...

- Ai mà chả nghĩ thế. Nhưng dù sao bây giờ cũng sướng chán. Có khổ, có nhục một tí nhưng không lo phải chết. Còn giữ được cái gáo là may lắm rồi. Đấy, hôm mày sang tao, bà cụ mẹ thằng Tuyên vừa ở nhà tao về, lại khóc lóc, nhớ thương con. Cái thằng Tuyên bẻm mép

ấy. Bây giờ mà có nó đi với chúng mình thì hay biết mấy...

- Hôm nó chết, tao đi nhặt xác nó tan thành mấy mảnh. Hình như chỉ còn có một cánh tay... Tiếng anh tên Ngọc.

Họ lại im lặng. Ông lão Tuân đoán biết đây là hai anh bộ đội phục viên, hình như họ cùng đơn vị với nhau. Giờ họ gặp nhau thế này, không biết họ đi đâu nhỉ?

- Bình, mày bảo có ma không? Là tao hỏi có linh hồn thật không? Họ lại tiếp tục câu chuyện.

- Tao không biết, mà từ bé đến giờ tao có gặp ma bao giờ đâu.

- Tao thì nghĩ là có. Hôm chôn cất thằng Tuyên xong, đêm về đến phiên tao gác, có một con đom đóm to bằng quả trứng gà ấy, nó cứ lờn vờn quanh trận địa. Tao cũng sợ, đom đóm gì mà to thế, chưa thấy bao giờ. Lúc sau nó cứ chập chờn, đến gần chỗ tao, rồi lại lảng ra. Bất đồ tao nghĩ hay là linh hồn thằng Tuyên? Tao hỏi nhỏ, gần như là nói thầm, sợ có người nghe thấy. "Tuyên ơi, có phải mày không? Nếu đúng là mày thì bay bổng lên cho tao biết. Có thiếu gì thì đợi ngày hoà bình về, chúng tao cúng, chứ bây giờ thì chả có gì đâu". Là tao cứ lẩm bẩm thế, bất ngờ cái cục sáng đó vọt lên trời cao, rồi tắt ngấm... Tao vừa sợ, vừa tiếc. Giá nó đến gần hơn, cho mình hỏi một câu.

- Mày định hỏi câu gì?

- Thì câu gì cũng được. Mà tao sẽ hỏi bao giờ thì chiến thắng, thì hoà bình?

Tiếng cười khùng khục của Bình:

- Mày chỉ hỏi vớ vẩn. Nó là lính tráng như bọn mình thì biết quái gì mà hỏi.

- Biết chứ! Người chết trẻ là thiêng lắm. Chưa biết chừng, ở trần gian nó làm lính, lúc chết nó làm tướng cũng nên. Với lại ở cõi trên, cái gì chả biết. Đấy mày xem, chúng mình là người trần, mắt thịt ở dưới này, đứa nào làm cái gì thất đức, ác độc, trên ấy biết cả đấy...

Không thấy Bình nói gì, ông lão Tuân thấy yên tâm. Ông bỗng thấy quý mến hai người bạn đồng hành đêm nay.

- Nếu thế thì tao phải khẩn thẳng Tuyên mới được. Tuyên ơi, bữa nay tao với thằng Ngọc đi mót sẵn, mày có khôn thiêng thì phù hộ cho chúng tao mỗi đứa kiếm được một gánh về đỡ vợ con. Ở nhà chúng nó đang đói... Có tiền chúng tao sẽ cúng mày một con gà thật ngon, có cả lá chanh, chấm muối ớt...

- Sau đó để chúng tao hưởng lộc... Có thêm chút rượu nữa chứ!

- Ừ đúng đấy! Mỗi thằng một cái đùi... Nhưng thôi, chưa nói trước, sợ bước không qua. Càng nói càng thêm!

Ông lão thấy thương hai chàng trai quá. Mà ông cũng thêm một cái đùi gà thật thơm, thật vàng, và một hộp rượu thật cay, thật nồng. Cơn thèm vội vã cọ quạ vào ngực ông, khiến ông bật ho thành tiếng.

- Ai thế? Mày ngó xem có phải cảnh giác không?

Khuôn mặt Bình hình xương xương ngó xuống sát mặt lão Tuân, thì thầm: "Một ông cụ". Lão Tuân mở mắt:

- Các anh đi đâu thế?

- Chúng con đi mót sẵn đây. Thế cụ đi đâu?

Ông lão ngồi thẳng dậy, nhìn hai khuôn mặt, sao ông bỗng thấy hao hao nhang nhác khuôn mặt anh Kỳ:

- Tôi nghe các anh nói chuyện hết rồi. Ở bộ đội về mà khổ thế à?

Ngọc cười:

- Khổ sở gì đâu hả cụ. Chúng con nói chuyện vui thế thôi. Thế cụ có đi mót sẵn với chúng con không? Nhìn hành lý của cụ, chắc cụ cũng phải đi xa lắm nhỉ?

- Tôi lên Phú Thọ, tìm người nhà...

- Thế thì đi với chúng con, chúng con cũng lên thị xã Phú Thọ đây! Rồi từ thị xã chúng con còn đi nữa. Thế người nhà của cụ làm gì? Là con hay cháu? Đàn ông hay đàn bà?

Ông lão Tuân ngẩn người ra trước những câu hỏi dồn dập của hai anh cựu binh. Lát sau ông nói:

- Là con. Con dâu, với lại con nó...

- Thế chồng nó đâu mà để cụ phải lặn lội thế này?

Bỗng ông lão rớm nước mắt, ngập ngừng:

- Chồng nó, con trai tôi chết rồi... ông lão dường như nghĩ ngợi không biết có nên nói ra không. Sau, ông nghĩ là có nói ra với hai anh cựu binh này cũng chẳng việc gì. Con trai tôi cũng trạc tuổi các anh, nó hy sinh rồi, ở mặt trận phía Nam!

Hai anh cựu binh nhìn nhau im lặng. Mặt trận phía Nam là một mặt trận mênh mông, bạt ngàn rừng rú, làm sao mà biết một nơi nào cụ thể. Tất cả các loại giấy tờ liên quan đến người lính chỉ có một địa danh duy nhất. Cuộc chiến đấu của họ mang nhiều yếu tố bí mật, đã đành, suốt một thời gian dài, sự có mặt của anh bộ đội miền Bắc ở chiến trường miền Nam không được coi là hợp pháp. Đến cả những anh hùng, dũng sĩ cũng chỉ được báo chí nêu lên bằng cái tên rất dễ

thương: chiến sĩ quân giải phóng, và giấu biệt tăm tích quê hương, nếu anh ta là người ra đi từ miền Bắc. Đã có hơn một triệu người như thế, mà sau này chính các anh mới biết. Đã có một cuộc lưu lạc tập thể, rầm rập bước quân hành mà chỉ có rừng, có đất mới hiểu nổi những bước chân các anh. Rồi ngày chiến thắng trở về, hàng trăm đoàn xe, đoàn tàu hoả đưa các anh trở lại quê hương, nhưng với những người đã ngã xuống, họ nằm lại với một địa chỉ quy ước: mặt trận phía nam!

- Quê cụ ở đâu? Sao con dâu cụ không ở nhà, mà lại bỏ đi để cụ phải đi tìm?

Ông lão Tuân nghĩ cách nói tránh đi sự thật, nhưng ông vẫn chưa nghĩ ra được câu chuyện hợp lý. Mỗi lúc sau, ông mới thở dài:

- Chuyện nó cũng dài dòng lắm, các anh ạ. Chuyện cơm chẳng lành, canh không ngọt, để nó bế con ra đi...

Bình, anh chàng có khuôn mặt xương xẩu, cặp môi thâm và cong tớn, đặt cái ba lô con cóc lộn trái sang một bên, giọng gay gắt:

- Thế là tệ! Đàn bà thế thì tệ thật. Chồng đi B, hy sinh mà dám đem con bỏ nhà ra đi thì thật là quá lắm. Thế cụ có biết cô ta ở đâu không?

- Không, không phải thế đâu các anh ạ. Con dâu tôi tốt nết lắm. Chỉ tại gia đình nhà tôi không ưa nó nên mới nên nông nổi. Hai anh, có anh nào ăn thuốc lào không?

- Không cụ ạ! Nếu cụ thèm thì ra cái quán nước đằng kia mà hút nhờ một điếu, để chỗ đấy chúng con trông cho. Hay cụ hút thuốc lá?

Ông lão vuốt lưng đứng dậy:

- Tôi không hút được thuốc lá, ho lắm. Nhờ các anh giữ hộ tôi cái túi, tôi đi hút điếu thuốc. Từ tối đến giờ chưa được hơi thuốc, nhọt mồm quá!

Hai anh cựu binh nhìn theo cái lưng to bè, chắc chắn, nhưng đã hơi còng xuống của ông lão mà ái ngại. Ngọc bảo:

- Giá bố mình còn sống thì cũng trạc ông cụ này...

Bất thành linh có tiếng loa nhà ga ọ ọ, rồi một giọng nữ phát thanh nhào nhoét theo truyền thống các nhà ga đường sắt vang lên:

"Đoàn...à tàu...à Hà...à Nội...ừ Lào...à Cai...a đang...a từ...ừ từ...ừ tiến...ừ vào...à ga...a Hàng...à Cỏ...!"

Ô cửa sổ bán vé bỗng nhiên bật sáng, lập tức hàng chục con người nhào tới, bâu kín. Một anh nhân viên bảo vệ đồng phục xanh thẫm, đeo băng đỏ, tiến đến, bằng một giọng ngái ngủ nhưng vẫn toát ra

một giọng nói của kẻ vốn xử dụng quyền uy quen thuộc:

- Xếp hàng vào! Hàng hai! Chen nhau mất trật tự thế này nhà ga bán vé thế nào được?!

Ngọc vừa giữ quần đứng lên, vừa ngó quanh:

- Quái, ông cụ này đi lâu thế nhỉ? Bình, mày ngồi đây đợi ông cụ, để tao ra xếp hàng!

Vừa đói, vừa thèm thuốc, điều thuốc lào đã vật ông lão Tuân say lâu quá. Phải mãi ông mới lật đật chạy về chỗ ngồi, nhưng nghĩ sao ông lại chen vào xếp hàng. Nhận ra ông, Ngọc bảo:

- Cụ cứ về chỗ khi này, để cháu mua vé cho. Cụ di Phú Thọ à?

- Thế anh mua hộ tôi nhé! Vừa nói ông vừa móc túi ra một nắm tiền. Đây tôi có tiền đây, anh cầm mua giúp tôi!

- Thôi con có đây rồi, tí nữa con lấy sau. Cụ cứ cất đi. Cẩn thận cụ ạ, kẻ trộm nó móc mất bây giờ...

Theo kinh nghiệm cũng như kiến thức sư phạm của mình, chị Nga hoàn toàn thất vọng khi dạy cho thằng Hận học những chữ cái đầu đời. Dù cố gắng hết sức nhưng chị không làm thế nào để thằng Hận học. Nó ngúng nguẩy, không chịu học, và nếu cố gắng lắm, chị Nga bắt nó ngồi vào bàn để học thì nó chỉ cười một cách hồn nhiên. Mọi lời nói từ ngọt ngào, dỗ dành đến qua dọa đều không có kết quả. Chị cố gắng dạy cho nó vẽ một hình tròn, bảo nó đọc đấy là chưa "o", thì nó đọc thành "a", và vẽ một hình tam giác. Một tháng trời không thể nào dạy cho nó vẽ được một hình tròn và chữ "o". Nhưng nếu chị dạy nó vẽ chữ "a" in, hình tam giác, thì nó vẽ một hình vuông! Chị không chịu đầu hàng, thử làm một vài trắc nghiệm khác nữa, thì chị nhận thấy thằng con trai thiên thần của chị hoàn toàn là một đứa trẻ chậm phát triển. Nó không thể nào phân biệt được dài hơn với ngắn hơn, lớn hơn với bé hơn. Cũng như, nó không phân biệt được trong với ngoài, trước với sau... Đây là một đòn giáng mạnh vào chị Nga, mà chị không biết kêu ai, ngoài Ông Trời!

- Trời ơi là Trời! Sao ông nỡ ăn ở bất công đến thế? Nếu tôi có tội tình gì thì hãy bắt tội tôi đây, chứ nó là một đứa trẻ, sao Trời nỡ hành hạ nó? Nó đã làm gì nên tội? Tất cả sai lầm hay tội lỗi do tôi gây ra tôi đều nhận hết! Dù Trời có bắt tôi phải cực khổ, vất vả, làm thân con chó, con trâu... nhưng hãy để cho con tôi được yên! Mà bao nhiêu năm nay và rồi có khi là hết cả cuộc đời này, tôi đã là một kẻ

hèn mọn, sống cơ cực đến thế mà Ông vẫn chưa hả hay sao? Nhiều đêm chị vật vã, không ngủ được. Mà hễ cứ nhắm mắt lại, thì lại mơ thấy thằng Hận. Nó ngờ nghệch, bơ vơ, khi chị không còn trên cõi đời nữa... Con ơi! Con ra đời là gì cho cơ khổ thế này! Có con, mẹ đã chịu bao nhiêu tai tiếng, cay đắng, nhục nhã. Nhưng dù cho cay đắng, tủi nhục đến đâu mẹ cũng chịu đựng được, chịu đựng để có con, có mẹ. Mẹ chỉ mong con được thành người, một con người bình thường như mọi người. Nào ngờ, con lại ra nông nỗi này!

Chị không muốn truy tìm nguyên nhân, nhưng chị luôn ân hận. Đó là chuyện nó bị ngã xuống sông, chết đuối hụt. Có thể sau cú chết hụt đó và những trận sốt ly bì, đã làm hỏng thằng bé. Cụ thể là đầu óc nó làm sao đó.

Nhưng cứ nhìn nó ăn, nó chơi, nó lớn lên phổng phao, xinh đẹp thì chị lại không thể nào tin được. Lần chết đuối hụt và những cơn sốt nếu có gì thì ảnh hưởng đến cơ thể bên ngoài của nó thôi chứ? Đàng này, nhìn nó không ai có thể ngờ được nó lại là một đứa trẻ tâm thần, ngờ nghệch?

Tất cả là tại Trời! Có lẽ Trời xanh đã nổi giận! Chuyện loạn luân trong nhà giữa bố chồng và nàng dâu đã lay động đến lòng tự ái của Trời Già! Các người đã dám tự ý sắp đặt, tự ý sinh con đẻ cái. Cái sự tuyệt tự của dòng họ Trần phải xảy ra, phải được thực hiện theo ý của ta. Bất cứ kẻ nào can thiệp vào đều bị ta hành hạ, tiêu diệt...

- Không! Chị Nga đã cố cãi lại, trong đêm đen đặc, màu than và mùi than đá. Chị đã cãi phăng phăng, dù đó là Ông Trời! Nếu không có chiến tranh, không có cuộc binh lửa thì chồng tôi đã không phải ra trận. Sẽ không có người chết, sẽ không có cảnh chồng vợ chia lìa! Lúc đó những đứa con sẽ được sinh ra đàng hoàng dưới ánh sáng mặt trời, minh bạch! Nhưng các người đã làm gì? Trời xanh có mắt như mù. Tại sao cứ đem can qua binh lửa đến cho chúng tôi. Chúng tôi không thể tuyệt tự được, chúng tôi phải tồn tại và kéo dài mãi kiếp người, loài người...

Tự đứng trong đêm tha hương, chị Nga nhớ về quê nhà, và chị thấy thương ông lão Tuân! Ông lão bố chồng và là cha của con trai chị, là nối tiếp, là không dứt bỏ một giò giống, vốn cũng đã được duy trì trong nhiều thế hệ. Bây giờ ông lão đang ở đâu? Liệu ông có hối hận về việc mình làm không? Liệu ông lão có khi nào tự xỉ vả mình vì sự hèn nhát của mình trước dư luận xóm làng, và trước những người con gái hàm hồ của mình không? Nếu ông lão can đảm và thương

yêu chị, có thể chị đã không phải bước những bước gập ghềnh đầy bất trắc trên con đường lưu lạc này? Và nếu ông lão nghĩ lại và hối hận, biết đâu chị Nga sẽ quay trở về với cái làng Sơn Cốt bé bỏng kia?

Đêm gió bắc đầu mùa kéo về đột ngột, sột soạt ngoài vườn chuối, hai dòng nước mắt của chị cứ tuôn dài xuống chiếu, ướt đẫm cả một bên má con trai...

Sáng sớm ngày thứ tư, kể từ khi đặt chân lên đất Phú Thọ, ông lão Tuân trở dậy sớm hơn mọi ngày. Trong bóng tối lờ mờ, nhờ ánh trăng già thấp thoáng sau ngọn bạch đàn, ông lão ngồi lần mò đếm lại số tiền trong túi. Năm- mười- hai đồng một hào tám, là số tiền còn lại, gồm hai đồng tiền to (mười đồng), ba đồng tiền nhỏ (năm đồng), còn bao nhiêu là tiền nhỏ, tính cả vài đồng xu lắc cắc, ông xâu vào một sợi lạt.

Bây giờ, với số tiền này, làm sao có thể sống đến khi tìm được “nó”? Ông lão bần thần ngồi tựa lưng vào tấm vách ẩm, hai bàn chân lùa vào cái bao tải rách, chống rét và chống muỗi, thỉnh thoảng lại giật bần bật. Chứng thấp khớp kinh niên gặp gió lạnh và khí ẩm lại lên cơn hành hạ. Nhưng ông không thấy thế nào đau, không thấy thế nào chán chường.

Bây giờ, với số tiền còm trong tay, ông lão đã thấp thoáng có ý nghĩ ân hận về việc ra đi của mình. Đây là một cuộc tìm kiếm vô vọng. Chỉ có một nguồn tin mập mờ từ anh bạn của Định Khiển, người giao thông xã. Ông muốn tìm người bạn của Định, nhưng lại không dám. Ông muốn việc làm của ông phải được giữ kín, tuyệt đối giữ kín.

Chính vì muốn giữ kín nên ông lão Tuân không thể đem đi được nhiều tiền. Muốn có nhiều tiền phải bán thóc, bán gà, bán lợn... Thậm chí có thể bán cả chiếc xe đạp của chị Nga để lại. Nhưng như thế sẽ ồn lên, đến tai mọi người và bị lộ, chưa chắc ông đã đi được. Nhưng ông lão đã quyết đi. Và bây giờ trong tay ông có ba nước cờ, ông lão đã bày tính kỹ lưỡng. Nhưng cũng như người ta ngồi vào bàn cờ, quân chưa đi, đối phương chưa bộc lộ, thì chẳng có nước nào đáng tin cậy.

Trời sáng dần, ông lão nhìn quanh, thu xếp đồ lể, cuộn tròn lại trong cái tay nải, lững thững đi về phía chợ. Mấy ngày qua ông đã đi tha

thần như người nhàn rỗi, thấy người thiếu phụ nào đặt con, ông đều ghé mắt nhìn. Đôi khi gây ra những điều khó chịu cho người ta. Vậy mà người ông tìm vẫn chưa thấy.

Hôm nay khác, một nước cờ nhỏ đã được thực hiện. Ông không đi mà ngồi một chỗ ở cổng chợ. Cái nón mê úp lên đầu, chỉ chừa một khoảng để con mắt nhìn nghiêng lên có thể thấy người qua lại. Một bàn tay chìa ra hờ hững... Thỉnh thoảng, rất lâu ông mới lên tiếng, hình như chỉ để cho phải lệ:

- Bà ơi, ông ơi... Xin ông bà rủ lòng thương kẻ già nua, đơn chiếc...

- Khổ quá mất thôi! Một bà lên tiếng lắm lắm, tuy nhỏ thôi lại giữa chợ ồn ào nhưng ông vẫn nghe được. Thời buổi đói kém, ăn mày, ăn xin ở đâu mọc ra lắm thế...

Ông lão nghe tiếng người than vãn, trách quở, và cũng nghe được, tiếng đồng xu rơi "cạch" xuống cái bát sắt. Ông hờ hững nhặt lên, nhìn chăm chú. Đây là đồng tiền đầu tiên trong cuộc đời ngoài sáu mươi của mình, ông lão kiếm được từ ăn mày thiên hạ. Không sao! Nó có thể giúp ta thực hiện được ý nguyện.

Từ hôm ấy, ông Tuấn trở thành kẻ ăn mày. Ta chợ, ông lần mò đi vào các ngõ ngách. Đó là một nước cờ, nhưng cũng là một kế sinh nhai. May mắn thay, đây là chốn tha hương, không có người nào quen biết. Ông lão yên tâm...

Thế rồi một ngày kia, mưa phùn lâm thâm, cái rét của trời đất cùng với cái lạnh tha hương, lưu lạc và kiếp ăn mày làm ông lão chùn chân. Ông ghé vào một cái quán nước nhỏ nằm nép cạnh cái nhà kho để hút nhờ thuốc lào. Mấy cái cột tre chống xiêu chống vẹo đỡ mấy tàu lá cọ rung lên phần phật. Cả buổi sáng không hút, giờ đây hơi thuốc làm ông say lử đử. Ông lão loạng choạng, tay quờ quạng, bám vội vào cái cột tre, suýt hụt, mãi mới vớ được khúc giống, làm cả cái lều được thể rung lên rầm rắc. Đầu ghé bên kia một anh thanh niên có khuôn mặt vuông, hai quai hàm nở nang, nhìn ông chăm chăm, khiến ông thấy ngượng. Ông không ngượng về cơn say thuốc lào, cái thứ thuốc ma này hút phải say. Có say mới là thuốc lào chính cống. Ông ngượng về thân phận của mình, đã là kẻ ăn mày còn ngồi nhai xôi gấc. Nhưng có lẽ chẳng ai biết ông ăn mày, mà chỉ có ông biết ông thôi, nhưng dù sao cũng ngượng lắm. Đã ngửa tay xin đồng xu của thiên hạ thì còn gì là con người nữa, đến cả ngồi trong cái quán lụp sụp này, ông cũng chẳng còn quyền ngồi ngang với người ta. Ông phải ngồi xuống đất, ngồi ra xa góc kia

cơ! Ông lão tự giày vò mình. Bỗng nhiên anh thanh niên ngồi nhích lại, miệng nở:

- Cụ ngồi nhích vào trong này cho đỡ hắt. Gớm trông cụ hút điều thuốc mà phát thèm...

Ông lão cười tróm trém:

- Thuốc ngon là nó say thế đấy anh ạ. Anh có hút không?

- Thỉnh thoảng thôi cụ ạ. Đạo trước con còn đi rừng thì hay hút, bây giờ ở nhà, chả làm gì, cũng phải bỏ, cụ ạ.

- Đây, thuốc đây, anh có ăn một điều thì ăn! Trời rét thế này, có hơi thuốc vào nó cũng ấm. Bà chủ quán, cho tôi xin một chén nước...

Người thanh niên kia mỉm cười, nửa như muốn xin điều thuốc, nửa lại quyết bỏ, chần chừ không dám. Mãi sau, anh nói:

- Đâu? Cụ cho con xin điều thuốc! Rét thật đấy...

Ông lão vạch áo đưa cho anh thanh niên gói thuốc:

- Thuốc ngon đấy! Lâu không hút, anh làm cái này là say phải biết! Anh thanh niên châm lửa từ que đóm, rít một hơi, bỗng nhả khói ra rồi ho sặc sụa. Anh ho đến nỗi bà chủ quán phải lắc đầu:

- Rõ khổ, không hút được thì tập tọng làm gì không biết!

Anh ngồi ngẩn ra một lúc, lấy lại sức rồi trả lại gói thuốc cho ông lão, chữa ngượng:

- Đạo trước con cũng hút nhiều lắm, mấy năm nay bỏ nên hút lại không được. Mà cai anh thuốc lào nó phải say, đến mấy giây ấy, như người ta thăng thiên, cụ nhỉ?

- Thế là anh biết hút đấy. Anh người ở đây hay từ nơi khác đến?

- Dạ, con ở dưới xuôi, lên Yên Bái đảo sản.

Bà chủ quán răng đen, cũng là người xởi lởi, thấy vậy thì hỏi:

- Đi Yên Bái sao còn xuống đây?

Anh tần ngần một lúc, rồi nói nhỏ, như người có lỗi:

- Mấy năm nay rồi, năm nào mùa này cháu cũng lên Yên Bái. Mà... nửa đường cháu xuống đây tìm một người quen. Bà ở đây lâu chưa?

Bà chủ quán, rót từ cái tích ủ ra đây hai chén nước, cười thân tình:

- Tôi cũng người dưới Nam Định, lên đây từ hồi còn con gái, dạo đánh nhau với Pháp ấy. Sau lấy chồng, hoà bình rồi ở lại đất này...

- Cháu hỏi bà, thế bà có biết thầy giáo Hoan hồi chống Pháp dạy học ở đây không? Dạy bình dân học vụ...?

Bà chủ quán nghĩ ngợi:

- Thầy giáo Hoan à? Dạy bình... dân... học... vụ? Không, tôi không biết! Những người có tuổi thì có nhẽ biết đấy. Mới lại tôi có đi đến

đâu. Ông ấy là thế nào với anh?

- Dạ không! Cháu cũng có biết mặt đâu, nghe người nhà nói lại thế thôi...

Trong lúc anh thanh niên vẫn chuyện với bà chủ quán, ông lão ăn mày làm như người ngoài cuộc. Ông lão né nửa người ra ngoài mưa, nhìn đâu đó. Anh thanh niên tiếp:

- Thế mấy năm nay bà có thấy một chị phụ nữ có đứa con trai độ chừng ba, bốn tuổi từ nơi khác lưu lạc đến đây không?

- Nhiều lắm! Ổi giời, mấy năm nay giờ làm đói, người tứ xứ đổ về đây nhiều lắm. Họ đến một dạo, không sống nổi, lại đi... Thế anh tìm ai?

Anh thanh niên hơi ngần ngừ:

- Dạ cung một người làng thôi. Năm sáu năm nay, cháu đi tìm, mà chẳng nghe phong thanh gì!

- Khéo thường đi rồi! Có khi đi mãi lên Lào Cai, Yên Bái... Mà cũng có cả người vào tận trong Nam nữa kia... Thời buổi này, chim trời cá nước, biết sao mà tìm!

Ông lão ăn mày vẫn để tâm nghe câu chuyện, dù cố làm như không để ý. Sao người ta lại đổ dồn về cái thị xã nhỏ bé, toàn nhà tranh vách đất này nhỉ? Để rồi người ta lại đổ đi tìm kiếm một cách tuyệt vọng như thế nhỉ? Đâu có phải mình ông, đâu có phải chỉ có một mẹ con cô Nga? Thiên hạ không chịu ở yên một chỗ, mà thiên hạ cũng không chịu để cho nhau được ở yên một chỗ. Vừa suy nghĩ miên man ông vừa nhìn ra đường, câu chuyện của bà chủ quán và chàng thanh niên có khuôn mặt vuông chữ điền vẫn rĩ rả:

- Anh đi có một mình thôi à?

- Có một anh bạn nữa, cũng nể cháu, anh ta xuống đây. Có lẽ tối nay hai đứa lại nhảy tàu đi Yên Bái.

Mưa bắt đầu nhẹ dần, nhưng gió thì tạt mạnh hơn. Con đường nhỏ lợp nhớt bùn trước cửa quán, thỉnh thoảng lại có người đi như chạy, như có ai đuổi sau lưng để tránh gió, tránh mưa. Ở đâu đó, trong những ngôi nhà ẩm cúng đang đợi họ. Chàng thanh niên như sốt ruột:

- Ở thị xã này, ngoài cái cửa hàng ăn uống chỗ ngã ba, còn chỗ nào bán cơm không bà nhỉ?

Bà chủ quán lắc đầu:

- Chỗ đấy bán phở, mà phở cũng làm bằng bột sắn, bột mì thôi, Anh muốn ăn cơm phải có tem gạo. Ra phía chợ có mấy bà bán cơm

nhưng phải quen mới nhận ra. Anh cứ thấy bà nào có hai cái làn mây to tướng, ngồi thu lu là bán cơm đấy. Nhà nước quản lý lương thực mạnh lắm, ai bán là bị bắt, tịch thu rồi còn phạt nữa!

- Vâng! Ở dưới cháu cũng thế, nhưng người ta vẫn bán. Chứ không ai đi đâu xa, không là cán bộ, không có tem gạo thì có mà chết đói, bà nhỉ...

Bông vẽ mặt anh thanh niên tươi hẳn lên, nhìn người thanh niên khác đang co ro chạy đến:

- Sao lâu thế?

Anh kia ngồi sà xuống, hai tay xoa vào nhau:

Chờ mãi cho vẫn người mới hỏi. Đây này... Anh ta chìa ra một cái gói nhỏ, bên trong là hai cái áo may ô dẹt kim. Cô bán hàng cảm tình lắm đấy. Hồi trước bọn mình cùng học cấp hai. Mình đi bộ đội, cô ta đi thanh niên xung phong. Bây giờ theo chồng lên đây bán cửa hàng mậu dịch.

- Có hai cái áo mà mất cả buổi chiều lại còn mang ơn, mang nợ. Tớ thì chả cần!

Anh kia cười xòa, nhét cái gói vào túi của mình:

- Chuyện tình cảm thôi. Khi nào về, ghé qua chơi, cô ấy nói thế. Chả gì cũng đồng hương. Đây, thế cậu vẫn đang tìm người trong mộng đấy à?

Anh mặt chữ điền, lắc đầu:

- Vô vọng lắm! Mấy năm rồi còn gì!

- Sao dạo ấy không đi tìm ngay?

- Thì đi ngay đấy, nhưng có biết gì cụ thể đâu. Bây giờ gặp lại chưa chắc đã nhận ra nhau...

Anh thanh niên đến sau, châm một điếu thuốc lá, phả khói. Làn khói tan biến vào ngọn gió bắc. Thấy bạn mình im lặng, anh giật áo:

- Này Tĩnh! Chuyển này ta không mót sẵn nữa...

Người có khuôn mặt vuông chữ điền chính là anh thợ san tràng tên Tĩnh. Nghe bạn nói thế, Tĩnh quay lại hỏi:

- Thế biết làm gì?

- Tớ có ít vốn đây, của cô bạn mậu dịch cho mượn đấy. Ta mua sẵn khô, về bán. Vừa nhẹ sức lại vừa có lời...

Tĩnh ngạc nhiên:

- Cho mượn vốn? Bao nhiêu mà dám liều thế? Liệu có đòi được không? Thời buổi này...

Anh ta cười:

- Thời nào cũng thế. Có tin nhau mới sống được. Cô ấy còn bảo: nếu anh biết buôn bán, lên đây em chạy hàng cho, không cần vốn! Mình bảo "Cái thằng Thuận này, từ bé chỉ biết đánh đập, lớn lên cầm súng, biết buôn bán bao giờ". Thế là cô ấy cười: "Cứ tập dần đi thành quen". Mình nói: "Quen thì hết sạch cả vốn". Ấy thế mà cco ấy còn cười mình nữa chứ: "Có hết vốn mới biết buôn bán". Tính này, gần tới giờ tàu rồi, chúng mình ghé cửa hàng ăn uống, làm xuất cơm đi. Tớ có tem gạo đây!

Tĩnh cười:

- Lại của cô bạn học cùng lớp?

- Tất nhiên rồi! Thuận nheo mắt. Nhưng rồi mình sẽ có cách trả lại. Mình đâu phải là thằng hèn, nhất lại là bạn cùng làng.

Tĩnh thầm nghĩ: thằng Thuận này thế mà đồ số. Nghe người ở nhà nói có cô bạn cùng xã, lấy chồng lên đây, thế mà nó tìm ra ngay. Lại còn được trợ cấp nữa chứ! Thế mà mình đổ bao nhiêu công sức và thời gian mấy năm trời mà vẫn biệt vô âm tín. Có lẽ số trời nó thế mất rồi. Tĩnh thở dài:

- Đi thì đi. Bà ơi, cho cháu thanh toán này...

Vừa lúc ấy, phía con đường lầy trước mặt, có bóng một phụ nữ đi qua. Ông lão nhận ra ngay đấy là chị Nga. Ông lão thì nhận ra ngay, còn Tĩnh cũng nhìn theo cái bóng dáng ấy, nhưng anh không nhận được. Ông lão đã có cả một quãng đời gắn bó, nợ nần với chị dù xa cách sáu bảy năm. Còn anh chàng Tĩnh tội nghiệp, chỉ có vài ngày bên chị, lại tất tưởi những lo toan, làm sao mà nhận ra được, lại từ phía sau lưng, với dáng đi như trốn chạy của chị.

Ông lão lập cập quơ gậy và cái tay nải của mình, móc vôi mấy hào lẻ đưa cho bà chủ quán. Nhưng Tĩnh đã gạt lại:

- Cụ có chén nước chứ gì? Thôi để con. Cụ vôi thì cứ đi đi...

- Không mà! Anh để tôi trả phần tôi chứ! Ông lão cố đưa nhưng bà chủ quán không nhận:

- Thôi, ông để đấy, tôi biếu ông chén nước. Già cả rồi...

Ông lão đành cảm ơn một cách đầy mặt cảm rồi vôi vàng theo hút người đàn bà mà ông tin chắc đó là chị Nga. Ông lao đi trong gió lạnh, chỉ sợ bóng cái áo len màu gụ mất dạng.

Cánh Đồng Lưu Lạc

ĐOẠN 15

Chị Nga không biết có người đang theo sát chân mình, nên cứ chạy co ro trong gió. Chiếc nón lá già thỉnh thoảng lại bị gió lật nghiêng, khiến chị phải vừa chạy vừa giữ. Mưa đã ngớt nhưng vẫn còn thấm ướt lưng áo. Chiếc áo len gụ cũng thấm đẫm nước mưa. Không sao, tí nữa chị có thể hong khô ngay trên mặt bếp lò than của cửa hàng, chị vừa đi vừa mỉm cười một mình.

Đằng sau chị một quãng xa, ông lão cũng rảo chân theo sau. Thỉnh thoảng đến chỗ ngã rẽ, ông cố chạy lên để không bị mất dạng người ông đang tìm. Đến khi thấy người đàn bà rẽ vào cửa hàng ăn, ông định ninh chị vào ăn hàng. Ông thu xếp một chỗ ngồi bên dưới một mái hiên nhà kho, chờ đợi như một người qua đường trú mưa, nhất là trông ông trong bộ dạng một lão già hành khất như thế này.

Thấy chị Nga vào đã lâu, ông lão sốt ruột. Ông đứng dậy, hai chân đã tê cứng vì ngồi xồm quá lâu. Ông băng qua đường mon men nhìn vào bên trong. Tuy trời hãy còn sáng nhưng ánh đèn măng-xông sáng rực rỡ, khiến ông lão hơi bị loá mắt. Những người khách ăn quà lác đác đứng dậy, thỉnh thoảng mới lại có người vào, ai cũng lôi thôi một kiểu hành trang như khách vắng lai. Ông lão cũng vào, nhưng không định ăn gì, cũng chẳng có ai hỏi. Lạ nhỉ, hay là cô ấy lại biến đi đâu, hay lúc cco ấy trở ra, ông không nhìn thấy? Không nhẽ thế, ông không rời mắt khỏi ba cái cửa của cửa hàng kia mà. Chờ cho đến lúc một cô gái don bàn đến gần, ông đánh bạo đến gần hỏi khế:

- Này cô gì ơi?

Cô phục vụ mặc cái tạp dề trắng loang lổ nhìn ông, như chờ đợi.

Thấy thế, ông lão lại ngập ngừng, khiến cô ta phải hỏi lại, giọng đĩnh đạc:

- Cụ – ăn – gì?

Ông lão giật mình, lắp bắp:

- Không, tôi không đói...

- Khổ quá, thế thì ra ngoài kia. Không ăn thì hỏi cái gì?

- Tôi... tôi hỏi khí không phải. Trong cửa hàng có chị cán bộ nào tên là Nga không hả cô?

- Nga nào? Không coa chị cán bộ nào tên Nga cả. Ông ra ngoài kia mà hỏi.

Ông lão thất vọng đành quay đi thì cô phục vụ tạp dề loang lại xằng giọng:

- Nga hả?

- Vâng! Ông quay lại khắp khởi.

- Có phải có một đứa con trai cùng đi không?

- Vâng đúng đấy ạ!

- Hừ, thế mà bảo chị cán bộ? Có, có Nga đấy, nhưng mà Nga nằm than ở đằng sai kia kìa...

Cô phục vụ hất hàm ra phía sau, rồi ngoa ngoắt bưng chồng bát ô tô đi vào.

"Thế là đúng rồi! Thì ra cô ấy đã vào làm ở cửa hàng này. Nằm than à? Cũng tốt rồi. Cũng tốt cho cô ấy, và cũng tốt cho thằng con của ta! Thế mà bao nhiêu lần qua đây, ta không hề để ý. Thế là tôi tìm được cô rồi, cô Nga ơi... Bây giờ giữa thiên hạ này ta là chồng, cô là vợ, thằng Hận là con trai của ta. Nó là thằng nối dõi dòng họ Trần ta. Nó là thằng chống gậy đưa ta xuống mồ. Nhưng sao lại tên là Hận nhỉ? Thì ra cô ấy hận ta! Cũng phải thôi. Nhưng cô đừng trách tôi, nếu đừng có chiến tranh, đừng có bắn nhau. Mà dù có đánh nhau kịch liệt đi nữa, thì sao thằng Kỳ lại hy sinh? Bao nhiêu người đi cũng khối người trở về đấy thôi! Ta vô phúc! Nếu không, thằng Kỳ có đi đánh nhau mà để lại đứa con cho ta, cho ta thằng cháu nội. Mà nó chưa có con thì nó cũng đừng chết trận! Đừng chết, để mà về với vợ, mà sinh con đẻ cái cho ta... Nếu vậy thì đâu đến nỗi? Khổ thân tôi, khổ thân cô!"

Ông lão cứ tiếp tục độc thoại giữa cửa hàng, nơi kẻ ra, người vào như thế, nếu như ông không nhìn thấy hai chàng trai Tĩnh và Thuận khi nãy ở ngoài quán nước đang đi vào cửa hàng. Ông vội lách qua một bên cửa (tất cả có ba cái cửa cơ mà), đi vòng ra bên đầu hồi, nhìn quanh thấy một đồng gạch vụn, ngồi xuống. Từ đây ông có thể nhìn ra phía sau cửa hàng, nơi lô nhô nhà cửa. Mẹ con thằng Hận ở trong ấy. Chắc chắn rồi! Ông định ninh thế và bắt đầu nghĩ đến nước cờ của mình.

Có lẽ ông phải tìm gặp ngay cô Nga để khuyên nhủ cô ấy trở về làng. Không ai còn cười, không ai còn nhớ. Làng Sơn Cốt của ta tuy ác khẩu, cong môi nhưng cũng chả chấp lâu. Cứ về, cứ sống đàng hoàng, không sợ gì mấy đứa con gái lăng loạn, ác nhân của tôi. Chúng nó mà hành nghề thì ông đuổi, ông tù, ông sẽ công khai nói cho cả họ, cả làng nước biết thằng Hận là con trai ông. Chứ ông mà

sợ?

- Về đi, Nga ơi! Về làng, có nhà có ruộng cho con chúng ta. Nó sẽ lớn lên và nó sẽ biết cách cởi giải những trái ngang. Về đi, còn ông giáo, còn cha cô đang mồn mõi trông tin cô đấy! Ừ thì ông giáo hận ông lão Tuân lắm, nhưng sự thể đã như thế rồi, lẽ nào ông cầm dao giết con gái ông? Ừ thì ông giáo đã đuổi thẳng cổ ông ra khỏi nhà, dù ông có quỳ xuống, tạ tội và nhận làm con rể ông giáo, nhưng lẽ nào ông ấy lại đuổi thẳng cháu ngoại duy nhất của mình? Phải rồi, lấy ông giáo Hoan ra mà dụ, mà dỗ dành, thế nào cô ấy cũng quay về! Ông lão cứ loanh quanh với ý nghĩ về nước cờ của mình. Nếu cô ấy nhất quyết không trở về làng thì sao? Cũng phải thôi, nói đi rồi nói lại, con dâu mà ngủ với bố chồng thì xưa nay, chả cứ gì làng Sơn Cốt, của mình, ở đâu người ta cũng có thể cạo đầu, bôi vôi mà thả cho trôi xuống Ba Quan ấỵ chứ! Nếu thế thì ông sẽ ở lại đây để được trông nom thẳng con ongcho đến ngày nó lớn, nó sẽ biết quê hương bản quán của nó mà về. Nếu thế thì ông sẽ về nhà, bán hết lợn gà, vườn ruộng, xe đạp... để lấy tiền đi với con, với vợ! Ông lão mỉm cười một mình, với con thì được, chứ mà với vợ thì... trơ quá! Nhưng mà có sao đâu, trông thế thôi lão mới có sáu mươi ba, còn cô Nga cùng đã ngoài ba mươi rồi. Ngày xưa, ông chánh ông lý nhà ông, đến gần thất tuần mà vẫn cưới được vợ ba, vợ tư mười tám đôi mươi, mơn mớn non tơ kia mà! Thế có khi cũng hay!

Ông lão đang hân hoan với những ý nghĩ táo bạo của mình, thì hai chàng thanh niên Tĩnh và Thuận từ trong cửa hàng đi ra. Họ đã ăn uống xong, ông nghe thấy anh Thuận bảo có cô mậu dịch nào đó tặng cả tem gạo nữa mà. Họ sung sướng hơn ông nhiều! Tuổi trẻ là thế đấy. Thuận đi ra trước, với vẻ mặt hớn hở, thoải mái. Đi sau là Tĩnh, anh chàng có khuôn mặt chữ điền, đáng lẽ thanh thoát thì lại u uất. Đi một quãng, nghĩ thế nào Tĩnh ngoái cổ nhìn vào cửa hàng, rồi anh ta quay lại đến sát bức tường quét vôi, loằng ngoằng những chữ viết, bằng đủ thứ màu, than đen và gạch nâu. Tĩnh cúi xuống tìm cái gì đó, có lẽ là một hòn gạch, ông lão đoán thế.

Quả nhiên anh ta cầm trên tay viên gạch nhỏ, đứng bần thần chọn một chỗ còn trống trên bức tường. Rồi anh ta viết, ông lão nhìn từng chữ hiện dần ra dưới tay Tĩnh:

Nga- Hận! Đã mấy năm rồi anh đi tìm em khắp mọi nơi, mà không thấy. Em ở đâu? Tĩnh.

Tĩnh bần thần nhìn lại một lần nữa những chữ mình vừa viết rồi

thẳng tay ném viên gạch non vào chân tường, rồi anh vừa đi giật lùi, vừa nhìn bức tường một lần nữa, trước khi chạy đuổi theo bạn.

- Ra thế! Anh chàng này cũng là kẻ đi tìm Nga của ông! Ông lão nghĩ vậy và đột nhiên, dòng máu nóng từ đâu không biết dồn chảy ngược lên thái dương ông. Ông ghen! Thì ra chính cái kẻ này đã quyến rũ, rũ rê vợ con ông rời bỏ làng quán ra đi lưu lạc đến đây đây! Được! Thế thì được, ông sẽ có cách của ông! Ông chẳng cần mẹ, chỉ cần thẳng con. Nó là máu mủ của ông, không thể để nó rơi vào tay kẻ khác!

Cơn giận làm ông không còn thấy rét, ông đứng dậy, cảm thấy khoẻ mạnh hơn người, định phăm phăm đi vào dãy nhà kho đằng sau cửa hàng, nơi có mấy bóng đèn tù mù. Ông sẽ... ông sẽ... Ờ, mà ông sẽ làm gì nào? Cơn giận bất ngờ hạ xuống, khiến ông sững lại. Không, ông không thể làm gì được, không thể làm to chuyện ra ở đây, bề mặt quá.

Ông lão lặng lẽ quay lại, trở về cái lều chợ ông vẫn tá túc để tiếp tục suy nghĩ về nước cờ thứ ba của mình. Nhưng hình như đôi chân ông đã rời mất rồi, ông không đủ sức về chợ nữa. Nhìn sang bên kia đường, thấy hàng hiên một ngôi nhà, hình như là cái kho. Ông lão đến đó, lấy cái tay nải làm chổi, phui sạch một khúc hè, ngồi tựa lưng vào tường, nhắm mắt lại.

Mưa đã tạnh hẳn, gió khan bắt đầu thổi mạnh, réo ù ù trên dây thép và trong mái hiên. Đêm ấy ông lão Tuấn thức trắng.

Sau những ngày âm thầm theo dõi, ông lão vẫn chưa tìm ra cơ hội tiếp cận thẳng Hận. Ông cũng biết rằng, chị Nga làm việc ngay tại bãi than đằng sau cửa hàng, nên ông không dễ gì vào "nhà" chị được. Thế rồi, thời cơ cũng đã đến, khi chị Nga đi đâu đó. Nhìn cách ăn vận của chị, ông lão biết chị đi khá xa và còn lâu mới về. Với tư cách của một ông lão ăn mày, ông vào quanh mấy ngôi nhà gần đó và, bất ngờ ông ngoặt một cái, rẽ vào cái chái quây lá cọ, nơi trú ngụ của hai mẹ con chị Nga. Trời không mưa, nhưng mây ảm đạm, xám xịt, tạo ra cái không khí âm u, ai nấy ở trong nhà, chỉ biết mình.

Thuận lợi cho ông thật! Ông lão ngó trước sau, không thấy ai để ý, ông vạch cửa bước vào. Ông lão sững sờ trước thẳng Hận. Quả nó là một đứa trẻ đẹp và ngoan, ngoài sức tưởng tượng của ông. Hình như trong đời ông chưa bao giờ nhìn thấy một đứa trẻ nào đẹp như thế

- Hận ơi! Hận!...

Thằng Hận đang chơi một cái trò gì đó trong góc giường, nghe tiếng người gọi tên mình, nó ngẩng lên và... cười! Nó cười không thành tiếng, nụ cười thơ ngây của một đứa trẻ được chăm sóc đầy đủ. Nhìn ông lão, tức cha nó, dù chưa gặp bao giờ, hoàn toàn là người xa lạ, nhưng nó không thấy sợ.

- Lại đây! Lại đây với... ông! Ông lão đã suy nghĩ về cách xưng như thế, vì dù sao ông cũng là một ông lão. Lại đây ông cho kẹo.

Thằng Hận ngửa cổ lên cười, rồi lật đật chạy lại, sà vào lòng ông lão:

- Kẹo à? Đâu, kẹo đâu?

Ông lão ngồi thụp xuống đón thằng Hận vào lòng, rồi lấy gói kẹo, bóc một cái đưa cho nó. Thằng bé nhìn cái kẹo một cách trịnh trọng rồi há miệng nhận chiếc kẹo. Nó không cười nữa, mà nhai nghiền ngấu. Đó là một cái kẹo Hải Châu, một loại kẹo cao cấp, chỉ để phân phối cho cán bộ cao cấp, dân thường hoặc cán bộ cấp làng nhàng hồi đó không thể có được. Nhưng ở bất kỳ hàng nước nào cũng có bán. Nó rất đắt, một gói kẹo giá trị bằng bốn, năm cân gạo. Ông lão đã mua gói kẹo dành cho thằng con trai lưu lạc, bằng tất cả ý chí nhằm đạt được mục đích và cả tình thương của ông đối với thằng con.

Trong lúc thằng Hận ăn kẹo và ngồi yên trong lòng, ông lão đưa mắt quan sát căn phòng. Trên vách lá cọ treo vài cái áo, cái nào cũng rách. Một cái túi xách may bằng vải mưa mà từ hồi còn đi dạy học, hồi chưa lấy anh Kỳ, chị Nga vẫn xách, và bây giờ nó vẫn còn giá trị, đang được treo vào chỗ trang trọng nhất trong căn phòng tạm bợ. Ở một góc, một cái hòm gỗ thông dựng vốn để đựng xà phòng của Liên Xô, được kê trên mấy hòn gạch vỡ, và trên trốc hòm là mấy cái bát. Tuy nhiên căn phòng rất sạch, mặc dù nền đất, thỉnh thoảng nhô lên vài đồng mùn giun. Xung quanh được thương kín bằng những tàu lá cọ, đủ cỡ, đủ loại, toả ra một mùi ẩm cúng.

Thằng Hận đã ăn xong cái kẹo thứ nhất, nó nắm lấy cổ áo ông lão lay mạnh, và há miệng ra cười một cách thành thật. Ông lão cười:

- Cha bố cậu! Đây!

Ông đưa cho nó cái kẹo, nhưng nó vẫn ngần ngừ, không chịu cầm. Chỉ đến lúc ông bóc, bỏ vào miệng nó, nó mới chịu nhai và lại vừa nhai vừa... cười!

Ông lão cũng cười, vén giòng nước giải của thằng bé trào ra khoe miệng. Có lẽ đây là giây phút hạnh phúc nhất của đời ông. Ước gì ông được ôm thằng con bé bỏng thế này mãi mãi. Ông dụi mái đầu

bạc và đầy bụi bặm vào ngực nó, thọc ngón tay vào sườn nó, thẳng Hận ngoẹo người và cười, nhưng nụ cười rất rộng của nó vẫn không thành tiếng.

Đột nhiên ông lão giật thót người, tim đập thành thịch ở hai bên thái dương. Chị Nga về? Ông lão cứng người lên chuẩn bị đối phó. Ông khẽ khàng hé cánh cửa lá ra nhìn, nhưng bên ngoài hoàn toàn im lặng. Chị Nga đi đâu? Ông lão bỗng trào lên nỗi ngờ vực. Cô ấy đi đâu mà để thẳng con ta ở nhà một mình? Ở đây cco ấy đã kịp quen biết được những ai? Hay là...? Hàng chữ mà anh chàng Tỉnh viết ngoài bức tường quét vôi của cửa hàng lại hiện ra trong óc ông. Hay là cô ấy đi với con người trẻ tuổi ấy? Được rồi! Thế thì còn đợi gì nữa, ta đã có cách của ta.

Ông lão đặt thẳng Hận ngồi lên giường rồi nhìn quanh. Ông vợ lấy bộ quần áo của thẳng Hận phơi trên sợi dây thép căng chéo góc nhà. Hãy còn hơi ẩm ỉm, nhưng không sao. Ông vo lại, nhét vào cái tay nải bột bột, nhóp nhép của ông. Rồi ông lấy ra cái áo mưa, choàng lên mình, khoác tay nải rồi ôm thẳng Hận, nói:

- Đi! Đi với ông nào!

Thẳng Hận hình như có trần xuống, khiến ông lão hơi loạng choạng. Cái thẳng, lên sáu rồi đấy, lại được chăm, trách gì chả nặng. Nhưng khi ông lão Tuấn ôm chặt nó, ủ vào bên trong áo mưa, thì nó nín lặng. Ông tưởng nó sợ, nhưng khi ông vạch áo mưa ra, thì thấy nó đang cười, cái vẻ ngây thơ, không ra sợ sệt, cũng chẳng là thích thú, nên ông lão yên tâm.

Ông lão lách ra cửa, nhìn trước mặt và hai bên, đến lúc biết chắc không có ai nhìn, ông bước những bước nhẹ nhàng ra hàng rào nứa, rồi lách qua chỗ giậu đỗ, ra ngoài đường phố.

Không hiểu lấy đâu ra sức lực mà một ông lão ăn mày bế nổi thẳng Hận, vốn được mọi người gọi bằng cái tên "cối đá" chạy nhong nhong trên một quãng đường như thế.

Xù xì như một con lạc đà già, dạn dày kinh nghiệm, ông lão phăm phăm đi về phía nhà ga xe lửa.

Non trưa, chị Nga về đến cửa hàng. Thỉnh thoảng chị vẫn chạy đi đây đó, mua cái gì đó, hoặc chỉ vì có ai nhờ một việc mà, chính họ thấy ngại. Cái đức lam làm của chị Nga được mọi người mến. Nhưng chị biết rất rõ, dù mến, dù quý nhưng hầu như ai cũng có cái vẻ coi thường chị. Chỉ có ông Thúc cửa hàng trưởng là tỏ ra tôn trọng chị.

Nhất là trong một dịp kê khai nhân khẩu để trình với công an, nhìn nét chữ của mẹ năm than, ông kinh ngạc:

- Chữ của cô đấy à?

- Dạ, vâng! Em viết đấy có chỗ nào không được phải không bác?

Ông Thức xoa tay:

- Không! Cô học đến lớp mấy rồi mà chữ nghĩa sáng sủa thế? Lại đẹp nữa! Đã bảo mà, con người này quả là có chỗ oan khiên, bất hạnh đây...

Chị Nga chỉ im lặng, thỉnh thoảng lại nhìn ông cửa hàng trưởng vẻ lo ngại. Lát sau, ông Thức mím môi:

- Tiếc là lý lịch cô không rõ ràng, nếu không tôi cho cô làm kế toán rồi!

- Thôi bác ạ! Bác thương mẹ con em như thế cũng là quá tốt rồi. Em không dám mơ gì hơn.

- Không phải mơ! Mà là người biết làm việc. Khi thật, tôi cũng không biết mình làm gì nữa. Cô thông cảm nhé, tôi coi cô như đứa em. Đây, thế còn, chuyện cô cho tôi thẳng con cô làm con nuôi tôi thế nào rồi?

Chị Nga cười như mếu:

- Bác cứ nói vui thế chứ, em làm sao bỏ cháu được!

- Không phải bỏ! Ông Thức to tiếng. Nó vẫn là con cô, mà nó lại là con chúng tôi. Có ai bỏ nó đâu!

Chị Nga thấy mình cần đi xa thêm một chút, tuy có mạo hiểm:

- Em biết bác thương cháu, mà là mẹ cháu em cũng muốn cháu có chỗ nương dựa. Nhưng mà, em nói có gì không phải bác bỏ quá cho. Nói thật, nếu bác không phải là lãnh đạo ở cửa hàng, chắc tình cảm giữa hai mẹ con em và gia đình bác cũng có thể gần bó, ấm áp hơn. Đằng đây, bác là người lãnh đạo, có quyền, có thế, khiến em phải giữ gìn. Nhỡ ra, có chuyện gì thì mẹ con em khổ đã đành, lại còn làm lây sang bác!

Ông Thức ngồi thừ, như người bị điểm đúng huyệt, đúng chỗ yếu, thì ngồi thừ ra. Lát sau ông nói nhỏ:

- Cô nói cũng có chỗ phải, nhưng tôi thương thằng bé, thương cô. Vì thế mà tôi không muốn cản vạ cô. Nhận cô vào làm mấy năm nay, mà tôi không hỏi vạ cô như kiểu người ta thường nghi vấn người xa lạ. Co cũng biết rồi đấy! Ấy thế mà tôi biết có kẻ xấu mồm đã xì xào rằng tôi muốn nhân cơ hội lợi dụng cô. Nhưng tôi đâu có phải là thằng xấu, không bao giờ làm kẻ lợi dụng nỗi khổ khó của người khác, nên tôi không sợ. Thôi thế hôm nào, mời hai mẹ con cô đến

nhà tôi chơi, vợ tôi cũng nhẩn máy lần. Bà ấy muốn bế thẳng cháu nhà cô lắm đấy!

Chị Nga vâng dạ thế thôi nhưng cũng chưa bao giờ dám đến nhà ông Thức. Còn bà vợ ông, một phụ nữ răng đen (có lẽ đây là người cuối cùng của thế hệ nhuộm răng), nhìn thuần phác, cũ kỹ nhưng tướng người cũng không phải dễ dãi. Chị Nga đã tự nghĩ như thế, nên thấy sợ.

Thấy trong cửa hàng đang đông khách ăn nên chị không dám vào thẳng cửa giữa, chị tạt sang cửa bên, không phải cửa ngách, cũng rộng rãi, đàng hoàng, nhưng không có vẻ trang trọng nhờ cái hàng hiên mở rộng, như một cái đại sảnh công đường. Mọi ngày, kể cả lúc vắng người, chị Nga có thói quen khi đi thường nhìn xuống đất, nhìn xuống mỗi bước chân mình. Mãi rồi thành quen, thói quen của thân phận những kẻ hèn mọn, lấy thủ làm chính, bởi mỗi bước chân của chị, biết đâu chẳng dễ sa vào chỗ hiểm. Nhưng hôm nay, trong lòng có cái gì bất ổn. Chị có cảm giác một cái gì đó nguy hiểm đang rình rập và đổ ập xuống đầu thẳng con chị. Thường mỗi lần để con để đi một việc gì đó, chị hay để nó chỗ bà Thắm, nhờ trông hộ. Mà bà ấy cũng thích thẳng Hận, nó ngoan, chỉ cười cả ngày, mà không hề quấy. Nhưng hôm nay, chị đi vội, chỉ dặn nó ở nhà chơi, không được chạy ra đường. Nên chị thấy sốt ruột. Bất ngờ, chị nhìn lên bức tường vôi, có dòng chữ viết bằng gạch non, có đóng khung. Thấy có chữ "Nga", tên chị, nên chị dừng lại, đọc kỹ. Và... hai chân chị như muốn khụy xuống! Thì ra, con người ấy, anh ấy vẫn nhớ tới chị và đã đi tìm chị, như lời nói lúc chia tay.

Trời Già thật trở trêu! Chị đã thất vọng hoàn toàn, không còn hy vọng gì gặp lại Tỉnh! Những ngày đầu chị luôn nhớ tới anh, luôn hy vọng gặp lại anh. Chị đã yêu anh, và dần dần chị nhận ra, chị chỉ yêu anh ấy bằng một tình yêu đơn phương, vô vọng! Chị chỉ còn coi anh như một người mà mình đã mang ơn. Một người gặp gỡ giữa đường, nếu có mong đợi, thì đây chính là sự mong đợi để gặp được anh, mong đền ơn, đáp nghĩa. Nhưng rồi chị lại nghĩ: bây giờ mà gặp lại anh ấy, thì biết lấy gì đền đáp, khi chị vẫn chỉ có hai bàn tay trắng! Thôi thì thà để người ta quên mình, còn hơn là gặp nhau lại thấy thẹn lòng.

Bất ngờ, nhìn được giọng chữ của anh, như một lời than tuyệt vọng. Sao chị lại không nhìn thấy anh nhỉ? Chị tự hiểu, rằng chị có bước ra ngoài mấy khi, để anh tìm, anh thấy! Cuộc sống của chị là đồng than

mỡ trộn bùn, đảo xới lên rồi nắm lại thành những nắm nhỏ, để hong khô, cho vào lò. Trước mắt chị, chỉ toàn có một màu đen, của than! Anh không tìm được chị là phải. Chị ứa nước mắt, nhìn lại dòng chữ và đoán ra là nó mới được viết, chắc mấy hôm gần đây thôi. Chị vội vàng đưa mắt nhìn quanh, tìm kiếm, hy vọng bắt gặp đôi mắt nào đó đang nhìn mình. Chị hầu như đã quên khuôn mặt anh, nhưng đôi mắt và giọng nói thì chị vẫn nhớ. Chỉ cần một đôi mắt nhìn chị, hay một giọng nói gọi tên chị, là chị sẽ nhận ra anh, và... nhào tới! Nhưng không có ai nhìn chị cả, không có ai gọi chị! Khách ăn uống vẫn vào ra cửa hàng thản nhiên, họ có niềm vui, nỗi lo âu, sự vội vã của riêng họ. Chị đứng lặng dưới ánh nắng hanh vàng, se se lạnh. Chị Nga dần bình tĩnh lại, và ngay lập tức lại nghĩ đến hoàn cảnh và số phận của mình. Chị dặn với lòng mình rằng, thế nào, hai người cũng có ngày gặp nhau... Còn bây giờ, thôi nhé, anh ơi, em phải quay vào với đồng than đen và thằng con. Chị bước đi vài bước nhưng nghĩ sao lại quay lại cúi lom khom, tìm một viên gạch non. Tìm mãi không thấy, và bất ngờ, chị nhặt được một hòn than. Chị cầm lênm ướm ướm thử và viết bên dưới, hàng chữ của chị chân phương, yếu đuối: "Em ở đây". Chỉ thế thôi, nhìn hàng chữ màu đen của mình bên dưới hàng chữ ngang tàng màu gạch nâu của Tỉnh, chị cắn chặt môi, từ từ buông tay, thả hòn than xuống... Chị đi như chạy về căn nhà tuy tạm bợ, nhưng nó là nơi chị thấy yên lòng nhất... Nhưng...

Chị Nga đứng sững lại, và như người hụt hẫng khi thấy cánh cửa lá gồi bật tung ra. Chị vừa lao tới vừa gọi:

- Hận ơi! Hận...!

Như mọi ngày, dù đang mài chày, thằng Hận dạ một tiếng thật to, có khi nó "dạ, dạ..." liên hồi, rồi xuất hiện ở cửa với cái miệng há ra cười, phô một hàm răng trắng nhỏ đều và cặp môi đỏ như son.

Không nghe tiếng con thưa, chị Nga lao vào giữa nhà, tìm khắc các xó xỉnh. Dù căn phòng rất nhỏ, nhưng chị vẫn xới tung lên. Không thấy con, chị nhào ra cửa cất tiếng gọi tên thằng Hận rất to, không có tiếng trả lời của con, mà những người trên cửa hàng thấy đó là một chuyện lạ, nên họ đều đỏ dờn cả ra sau nhà. Người đầu tiên lên tiếng vẫn là bà Thắm, cửa hàng phó:

- Có chuyện gì thế cô Nga? Gọi con gì mà ầm lên thế?

Chị Nga rơm rớm nước mắt, chạy trên hai bàn chân trần đến trước bà cửa hàng trưởng lúc ấy đang đứng trên bậc tam cấp:

- Chị ơi! Chị có thấy thằng cháu nhà em ở chỗ chị không?

- Không! Bà Thắm tỉnh như không, lại còn vặn lại. Sao mọi ngày cô đi đâu hay để nó ở chỗ tôi, hôm nay đem đi đâu?

- Khổ quá, nào em có đem nó đi đâu? Chị Nga bắt đầu vật vờ. Em chạy lên cửa hàng chất đốt, theo lời bác Thức nhờ, để hỏi lượng than về tháng sau. Tiện thể em mua cho cháu cái quần Đông – Xuân (chị Nga chừa cái gói bằng giấy xi- măng ra trước mặt). Lúc em đi thấy cháu đang mãi chơi, nên cũng chẳng nhớ đem nó ra khỏi nhà. Thế mà lúc về, không thấy nó đâu nữa...

Bà cửa hàng phó bước xuống mấy bước, ngang với chị Nga:

- Cô đã tìm hết chưa? Trong nhà? Xuống chỗ nằm than? Hay vào trong bếp? Đoạn bà quay sang hỏi mấy người nhân viên cũng đang tò mò. Có ai thấy thằng con cô Nga đâu không?

Bọn họ nhìn nhau, rồi lắc đầu.

Chị Nga như người mất hồn, chạy sang bãi nằm than, xuống bếp, ra cả cái bờ ao nhỏ bên kia nhà bếp, vạch bụi cây, gốc chuối... Không thấy con, chị thất thểu quay lại. Mấy người ở cửa hàng vẫn đứng đấy, chờ chị về, nhao nhao hỏi. Bỗng một người lên tiếng:

- Hình như lúc nãy em thấy có người trong nhà chị Nga. Lúc em đi qua nhìn vào thấy cánh cửa hé!

- Thật không chị? Chị Nga vội vàng quay về nhà, theo sau là bà Thắm. Chị Nga lại vừa xoa xào căn phòng vừa gọi tên con. Bỗng bà Thắm nhặt một mẩu giấy gói kẹo lên hỏi:

- Thế cái này là cái gì?

Chị Nga cầm lấy mẩu giấy tần ngần:

- Không phải của nhà em. Nhà em không có loại kẹo này cho cháu. À có, cách đây lâu lắm rồi, bác Thức có cho cháu ba cái kẹo, cũng nhãn hiệu Hải Châu thế này, nhưng cháu ăn hết ngay rồi.

- À, ra thế! Bà Thắm gật gù. Thế cái giấy gói kẹo này ở đâu ra?

- Em cũng không biết! Chị Nga thật thà.

- Cô Nhuận cô ấy bảo, lúc nãy thấy có người ở trong nhà cô, chắc cái giấy kẹo này là của người ấy bóc cho nó ăn. Hay là...? Bà Thắm bỏ lửng.

- Chị bảo sao? Hay là... cái gì?

Bà Thắm vẫn im lặng, để chị Nga phải giật cánh tay áo, bà mới chậm rãi:

- Hay là... ông Thức?

Chị Nga buông tay áo bà cửa hàng phó, tần ngần:

- Không có lẽ? Em nghĩ, bác Thức là người đảng hoàng, sao bác ấy lại làm thế được!

- Cũng có thể lắm chứ! Bà Thắm nghiêm trang. Máy lần ông ấy chả tính xin cô cho nó làm con ông ấy là gì? Mà có phải giấu giếm gì, ông ấy nói oang oang, cả cơ quan này ai cũng nghe. Này, tôi bảo nhá, có khi ông Thức thích nó quá, tranh thủ lúc cô đi vắng, ông ấy lấy kẹo dụ nó đi, rồi bắt cóc nó về nhà ông ấy rồi!

Chị Nga quay sang, nhìn vào đôi mắt ráo hoảnh của bà Thắm:

- Có thật thế không chị?

- Thật hay không thì bây giờ chưa biết. Theo tôi cô nên đến nhà ông Thức ngay đi...

- Nhưng mà...!

- Còn nhưng cái gì nữa không biết? Bị người ta bắt mất con mà còn đứng đấy để "nhưng với chả nhĩ?!

- Tối qua bác ấy có nói với em là sáng nay bác ấy đi Việt Trì sớm. Bác ấy có ở nhà đâu mà...

Bà Thắm nhìn chị Nga cười bằng cái vẻ thương hại:

- Ông ấy nói thế, chứ chắc gì đã đi Việt Trì?

Chị Nga lại ngắc ngứ:

- Nhưng...

- Còn nhưng gì nữa?

- Em không biết nhà bác Thức ở đâu?

- Thế à? Bà Thắm ngạc nhiên, rồi tỏ ra thông cảm, bảo một cô gái đứng gần đó:

- Cô Nhuần, cô biết nhà ông Thức chứ? Cô lấy xe của tôi, đèo chị Nga đến nhà ông Thức ngay đi. Xong rồi về ngay cho tôi biết nhá! Cô Nhuần ngúng nguẩy một cái, rồi bẽn lễn:

- Vâng! Nhưng em cũng đến nhà bác Thức từ năm ngoái cơ, không biết có còn nhớ đường không?

- Đi đi, nhanh lên, còn ở đấy mà ổng ọ. Bà Thắm mắng cô Nhuần một cách chân tình.

Chị Nga theo Nhuần ra cổng, lúc sắp nhảy lên booc- ba- ga, chị hỏi:

- Nhà bác ấy có xa không, cô?

- Cũng không xa lắm! Em tưởng chị biết nhà ông ấy rồi mới phải chứ?

Chị Nga cắn chặt môi, ngồi im lặng sau xe đạp của Nhuần. Mỗi cái xóc mạnh dưới bánh xe, lại làm nước mắt chị muốn trào ra, và con đường thì lại quá dài. Chị mong những điều bà cửa hàng phó nói vừa

là sự thật, lại vừa không phải thế. Chị mong là sẽ gặp được đứa con yêu mà chị dứt ruột đẻ ra, để lại thấy nó ngây dại cười, để chị không phải cạn nước mắt một lần nữa. Nhưng chị lại không muốn thấy nó ở trong nhà ông Thức, vì chị không mong ông Thức là người như thế. Ông Thức đã là ân nhân của chị, hơn thế nữa, ông là một nhân cách lớn mà không để gì một kiếp người lưu lạc như chị lại gặp được một lần. Vì thế, chị không muốn thấy ông là kẻ nhỏ nhen.

Chiếc xe đạp của cô Nhuận loạng choạng rồi rẽ vào một ngõ nhỏ nửa phố nửa làng. Không muốn để cô Nhuận phải vất vả, chị Nga đã nhảy khỏi xe và chạy gần theo sau cho đến khi, cô Nhuận chúi bàn chân xuống đất, làm chiếc xe đạp dừng lại. Không rời khỏi yên xe, cô Nhuận cất tiếng lạnh lùng, gọi nhóng vào cánh cổng:

- Bác Thức ơi! Bác Thức!

Không có tiếng người, chỉ có hai con chó xồ ra quyết liệt. Chị Nga thất vọng, vì không thấy bóng thẳng Hận đâu. Một lúc sau, để hai con chó sủa phát mỗi mồm, mới thấy một người đàn bà te tái chạy ra cổng, tay vẫn cầm cái liềm:

- Ai gọi gì đấy? Người đàn bà rằng đen, chị Nga hiểu đó là vợ ông cửa hàng trưởng.

- Cháu đây! Cháu ở ngoài cửa hàng đây. Bác Thức có nhà không bác?

Người đàn bà quát hai con chó rồi nhắc thanh then cổng:

- Không! Thế ông ấy không nói với các cô là sáng nay ông ấy đi Việt Trì à?

- Đi lâu chưa bác? Vẫn cô Nhuận hỏi, còn chị Nga đứng thụt lại phía sau, hồi hộp nghe hai người đối đáp. Cô Nhuận:

- Ồi, thôi chết! Thế mà cháu cứ tưởng bác ấy có ở nhà. Bác ấy đi tàu hay đi xe đạp ạ?

Bà chủ nhà rằng đen xởi lời:

- Ông ấy bảo đi xe đạp, nhưng tôi can, sức vóc còn chừng ấy, đi xe đạp có mà bò ra đường! Mấy lần trước ông ấy đi về phải nghỉ mất mấy ngày. Thế là sáng sớm nay ra mua vé tàu hoả...

- Bác có biết bao giờ bác Thức về không ạ?

- Có giờ biết! Không khéo lại ngủ đêm ở dưới ấy cũng nên. Cía lão già nhà tôi đoảng lắm. Thế mà cũng được tin nhiệm làm lãnh đạo cơ đấy! Bà cười, khoe hai hàm răng vẫn còn đen nhưng nhứt hạt na.

Cô Nhuận quay lại nhìn chị Nga ái ngại, còn chị thì chỉ biết im lặng nhìn người đàn bà phúc hậu đứng sau cánh cổng bằng tre. Thấy hai

cô im lặng nhìn nhau, bà chủ nhà lo lắng:

- Chết! Thế có chuyện gì không các cô?

Nhuần nhìn chị Nga, như giục. Chị Nga sẽ sàng:

- Dạ, thưa bác, em làm ở nhà than ngoài cửa hàng...

- Thế à? Cô là cô Nga phải không? Ồi giờ ơi, nhìn hai bàn tay kìa?

Nhưng cơ mà cô có thằng con kháu lẫm, vừa ngoan vừa trắng trẻo, sạch sẽ. Gớm sao mà lại có người khéo đẻ khéo nuôi thế không biết. Mời hai cô vào nhà uống nước đã... Bà vừa nói vừa mở rộng cánh cổng.

Chị Nga lưỡng lự, rồi nói với Nhuần:

- Thôi, hay là cô có việc bận thì về trước đi, để chị Thắm ở nhà lại chờ. Cứ để tôi ở đây, tí nữa tôi về một mình cũng được...

Cô Nhuần quay xe ra ngõ, chị Nga theo bà Thúc vào sân. Chị Nga không vào nhà, mà ngồi xuống bậc hè cửa. Bà Thúc đơn đả chạy đi lấy nước, chị Nga bảo:

- Thôi bác ơi, nước non làm gì! Em nghe nói về bác, cũng định hôm nào hai mẹ con đến chào bác. Mãi mà chưa đi được...

- Tôi trông thấy nó rồi, thích lắm! Thế sao hôm nay cô không cho thằng bé đến đây chơi?

Chị Nga bồng nắc lên:

- Nó bị người ta bắt đi mất rồi! Em khổ quá?

- Sao? Sao? Bà Thúc cũng rồi lên, hỏi dồn. Ai bắt? Bắt bao giờ?

- Em đi lên bãi Than của công ty chất đống về thì không thấy cháu. Em đến đây vì nghe người ta nói... Chị Nga định nói ra câu chuyện mà bà Thắm đã nghĩ, nhưng chị nghĩ, như thế thật bất nhã, nên kịp ngưng lại.

- Nghe người ta nói sao? Thế cô đã đi tìm cháu ở những đâu rồi?

- Em đã tìm cháu khắp cả rồi!

- Nhờ người ta đi hỏi giúp chứ? Để đấy rồi tôi cũng đi hỏi xem. Khổ quá, cái nhà ông Thúc này, sao hôm nay lại dửng mớ thế không biết? Xuống Việt Trì làm gì? Lại mấy ông bạn bộ đội cũ rủ rê thôi mà! Thế cô đến đây để tìm ông Thúc hay là tìm nó?

Lúc này, chị Nga mới nói theo ý bà Thắm:

- Chị Thắm bảo em là lên nhà chị xem hay nó có theo bác Thúc...?

- Ồi giờ đất ơi! Được thế thì đã phúc! Tôi bảo ông ấy xin cô cho đem nó về đây để tôi nuôi, mà ông ấy có chịu nói đâu? Bây giờ thế này, nó chỉ quanh quẩn ở đâu đấy thôi, nhất định tìm được. Lần này tìm thấy nó về, cô để tôi nuôi nó cho. Để cho cô thì vất vả quá, cả mẹ

lần con... Nói thật nhé, cô còn trẻ, rồi cũng phải tìm xem ai người ta để ý đến mình...!

Chi Nga đang như đứt từng khúc ruột, nghe bà Thức nói thế cũng thấy tấm chân tình của hai vợ chồng bà. Nhưng, biết tìm con ở đâu bây giờ, Hận ơi!

Chị Nga cúi chào bà Thức rồi chạy ra cổng, chạy về phía trung tâm thị xã. Chị chạy gắt từng bước, vừa chạy vừa ngó nhìn xung quanh. Chỗ nào chị cũng thấy như thằng Hận đang đứng cười ngậy đại với chị với hai con mắt mở to, đen láy và đôi môi mọng đỏ ...

Ông Thức ngó ra ngoài cửa sổ, thấy mưa bụi đã ngớt, có chút nắng hanh vàng, thì quay sang cáo bạn, đòi về. Mặc cho mấy ông bạn cự chiến binh chèo kéo rồi nói khích, ông vẫn kiên quyết:

- Xin các anh, hôm nay tôi phải về. Chuyện cơ quan cũng có mà chuyện gia đình cũng có chỗ neo. Chả nói giấu gì, hai vợ chồng già, con cái không có, nhìn nhau đôi lúc muốn rớt nước mắt. Để bà ấy cò cỏi một mình, xót xa lắm...

Mấy ông bạn nhìn nhau, thôi thì ông ấy đã nói thế thì cũng đến phải để cho ông ấy về. Một ông bạn đèo ông Thức ra ga, chờ mua vé xong rồi ông Thức nhảy lên tàu mới quay về.

Nghĩ cuộc đời mình cũng chả ra làm sao. Ngồi trên cái toa "tàu chợ", lổn nhổn quang gánh, ầm ào tiếng người, ông Thức lại nghĩ về mình. Đi bộ đội chống Pháp được hai năm, tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ hần hoi, rồi hoà bình. Về nhà cưới vợ! Ờ, bà vợ ông ngày ấy đẹp lắm, răng đen, đẹp theo kiểu cổ. Thì ông cũng cổ đấy thôi. Ông phục viên làm cán bộ huyện, ở nhà vợ ông vào tổ đổi công, rồi hợp tác xã... Hai vợ chồng cứ như sao Hôm, sao Mai, mãi chẳng có con... Đùng một cái, sau cái ngày "mùng năm tháng Tám" năm ấy, ông lại được gọi tái ngũ. Rồi đi B, đi một mạch vào tận Nam bộ, đánh nhau mãi, suốt hơn mười năm...

Trở về, bà ấy vẫn đảm thắm, dịu dàng dù phải chịu bao nhiêu là truân chuyên. Cái khổ nhất là vợ chồng không có con. Thôi thì, nó xấu xí, nó chẳng ra gì, nhưng nó là đứa con của mình... Ông thì công tác, đi đây đi đó, bận bịu đủ loại, cũng có cái nguôi ngoai, nhưng với người đàn bà thì muôn vàn cơ khổ!

Tàu cuối năm đông cứng, người dưới xuôi lên kiếm ăn, người buôn chuyển cứ lèn cẳng từ toa này sang toa kia. Ông Thức thu người, dựa lưng vào đồng bao tải của ai đó, cố nhắm mắt, như để tách khỏi

cái bầu không khí đang muốn nghẹt thở xung quanh.

Lúc ông choàng dậy, tàu đã vào đến ga. Len mãi ông mới nhảy được xuống đất. Khổ, lại lòng thòng mấy cân mì sợi mà cái bà vợ ông bạn cứ ấn vào. Đã bảo "Nhà tôi có người đâu mà ăn?", thì lại cứ cười cười mà nhét vào tay: "Không ăn thì cho hàng xóm!". Bây giờ nó nát vụn ra thế này, để hàng xóm cũng chẳng dám cho, cho để họ bảo nhà cán bộ khinh người, thừa ăn, cho đồ nát... Rách lắm cơ!

Ông Thức nhắm phía cửa ga, chìa vé cho người soát vé rồi thủng thẳng đi ra cổng. Nghĩ thế nào, ông quay lưng ghé vào cái quầy nhỏ nhỏ bán đủ thứ, kẹo bánh. Ông mỉm cười một mình, định bụng mua gói kẹo cho "thằng bé". Bỗng ông cảm thấy như có đôi mắt nào đang nhìn mình. Ông nhìn quanh và nghe tiếng trẻ con gọi tên:

- Bác Thức! Bác Thức ơi...

Ông Thức sững sờ nhìn thấy "thằng bé" đang rướn người lên mà gọi. Nó gọi thật thanh, khiến ông phải chạy vội đến và sà vào thằng bé đang đứng một mình. Trên người nó quàng mảnh áo mưa, loà xoà. Ông Thức nắm lấy cánh tay thằng Hận rồi hỏi nó:

- Cháu đi đâu ra đây? Đi với ai?

Ông bỗng chợt nghĩ hay là mẹ con chị Nga đã bỏ đi, bỏ ông, bỏ cái cửa hàng để lại ra đi. Cơ khổ, hai mẹ con thân sơ thất sơ! Nhưng nếu có đi thì cũng phao nói với ông một tiếng, đợi ông về chứ? Hay có ai trêu chọc, hành hạ? Mà ông đối xử với mẹ con cô ấy bằng cả tấm chân tình của con người...

Thằng Hận níu chặt lấy ông, không trả lời. Ông Thức nhìn quanh:

- Ai đưa cháu ra đây, Hận?

Thằng Hận cười, chỉ vào ông lão đang từ đằng kia đi tới. Nhìn thấy ông lão rách rưới, ông Thức buông thằng Hận ra, đứng thẳng lên, nhắm ông lão, giận dữ. Tức thì, ông lão cũng nhận ra thằng Hận đang đứng nép vào một người đàn ông, dáng chừng như nó rất quen thân. Ông lão chứng lại khi thấy thằng Hận chỉ tay vào mình. Ông lão cảm thấy sợ, có lẽ chuyện không xong rồi! Một "nước cờ" nhanh chóng xuất hiện. Ông lão rẽ vào một đám đông hình như đang xô sát hay mua bán gì đó, tránh không gặp người kia.

Ông Thức nhìn ông lão, rồi co chân chạy tới. Lão già ghê thật! Một tay bắt cóc chính hiệu! Nhưng ông chạy được một quãng, thấy khuất bóng ông lão, thì dừng lại. Ông sợ, để thằng Hận một mình ở đấy, nhỡ ra có đồng bọn của chúng bắt mất thằng bé? Ông đành quay lại, không đuổi theo kẻ bắt cóc nữa, thấy thằng Hận đang cười:

- Cháu muốn về với mẹ! Bác Thức ơi!

Ông Thức bế nó lên, dỗ dành:

- Ừ, để bác đưa về với mẹ Nga! Thế ai đem cháu ra đây?

- Ông cụ, kia kìa, đến nhà cho cháu ăn kẹo. Kẹo ngon lắm...

- Rồi sao nữa? Ông Thức sốt ruột.

- Ông cụ bảo cháu đi theo ông ấy về quê!

- Thế mẹ cháu đâu?

- Mẹ đi đâu rồi? Cháu muốn về nhà với mẹ Nga cơ!

Ra thế! Ông Thức đặt thẳng Hận xuống, mua cho nó một gói kẹo rồi nắm tay nó dẫn ra khỏi sân ga:

- Thôi, bây giờ bác cháu ta về với mẹ Nga nhé!

Thằng Hận lại ngửa mặt lên cười!

Được một đoạn, thấy thằng Hận lếch thếch, ông bế nó lên. Nhưng chỉ một chốc, cánh tay ông mỏi nhừ. Thế là ông để nó lên vai, cứ thế công kênh nó mà đi. Hai bác cháu nghe nghe, thỉnh thoảng có người quen mặt chào, ông lại cười với họ. Một niềm vui khôn tả ập đến với ông Thức. Lần đầu tiên trong đời, ngoài bốn mươi tuổi đầu, ông được làm "trâu ngựa" cho một đứa trẻ! Ôi, phải chi nó là con ông!

Nghĩ thế, nên đáng ra phải về cửa hàng giao thẳng Hận cho mẹ nó, ông đi tắt một quãng phố, về thẳng nhà mình. Được cái thằng Hận không nói gì, nó nói muốn về với mẹ, nhưng khi ông bảo "Về nhà bác nhé!", thì nó chỉ cười! Cái thằng, nhẹ dạ thế chả trách bị bắt cóc là phải! Đúng là con nhà không có cha! Ông phải dạy nó mới được!

Về đến nhà, ông Thức co chân đạp mạnh làm cánh cổng, làm nó bật ra. Tiếng ông oang oang:

- Bà ơi! Bà Thức ơi! Ra đây mà xem này...

Bà Thức từ đầu hồi chạy ra, nhìn thấy thằng Hận đang cười trên cổ ông thì bà hốt hoảng:

- Chết rồi! Thế này thì chết chứ chả sống!

Ông Thức đặt thẳng Hận xuống, ngạc nhiên:

- Cái gì mà bà bà bảo chết?

Bà Thức sà xuống vuốt tóc thằng Hận, rồi ngược lên nhìn chổng, thì thầm:

- Cô Nga cô ấy đi tìm con suốt từ trưa đến giờ. Cô ấy đến cả đây, nghe bà Thắm bảo ông bắt nó...

Ông Thức quăng cái túi mùi sợi xuống hè, cười cười:

- Đứa nào bảo? Ừ mà tôi bắt nó đấy! Thì đã làm sao?

- Còn hỏi làm sao nữa! Ông bắt nó đi mà không nói, để mẹ nó khóc hết nước mắt... Cô ấy đang chạy cuống chạy cuồng lên vì thằng con kia kia! Thế mà ông còn cười được?

Ông Thức thần thờ:

- Tôi có bắt nó đâu? Vừa từ trên tàu xuống, thấy thằng bé đứng trơ ở ngoài ga. Hỏi nó, nó bảo có mọtong cụ đến nhà nó bắt nó đi theo. Phải không Hận?

Thằng Hận cười:

- Ông cụ bảo đưa cháu về quê! Cháu không đi đâu, cháu muốn về với mẹ!

Bà Thức sợ sệt, hai bàn tay cứ cuống lên:

- Thôi hay là để tôi chạy đến báo cho cô Nga, mẹ nó, để cô ấy biết mà mừng. Chứ không thì cô ấy đến đâm đầu vào ô tô mất!

- Thì bà đi đi! Báo cô ấy cứ từ từ nhá! Mà bà cũng cẩn thận đấy!

Bà Thức lấy xe đạp ra, nhảy pê- đan rồi nhoay nhoáy đạp đi. Ông Thức, nhìn theo bà một quãng rồi kéo thằng Hận vào nhà. Nó ngoan ngoãn đi theo và lại cười...

Trông thấy chị Nga đang thần thờ ở trước cửa hàng, bà Thức nhảy khỏi xe:

- Cô Nga! Thấy rồi...

Chị Nga như người mất hồn, ngơ ngác nhìn bà Thức:

- Chị hỏi ai?

- Tôi đây! Tôi là vợ ông Thức đây. Tìm thấy thằng con cô rồi!

Chị Nga bừng tỉnh:

- Bác Thức? Bác nói sao ạ? Nói lại em nghe nào!

Bà Thức thì thầm vào tai chị Nga:

- Ông Thức nhà tôi ông ấy thìm thấy thằng Hận con cô rồi.

- Thế ạ? Bây giờ cháu đang ở đâu hả bác?

- Đang ở nhà tôi. Cô lên đây tôi đèo đi...

Chị Nga không nói không rằng, định nhảy lên xe đạp của bà Thức.

Nhìn thấy hai bàn tay chị đen toàn than, bà cười:

- Đi vào rửa tay đi đã! Rõ khi!

Có lẽ không cần phải thuật lại cái cảnh hai mẹ con chị Nga gặp lại nhau. Chỉ biết rằng, hai vợ chồng ông Thức đứng ngây ra nhìn người mẹ ôm ghì lấy đứa con vào lòng. Chị Nga nức nở chán, lại xoay ra phát vào mông thằng Hận bồm bộp, khiến bà Thức phải sốt ruột, can thiệp:

- Cái cô này! Sao lại đánh nó? Lần sau có đi đâu thì đem nó lên đây

cho tôi. Ở với tôi đỡ đứa nào bắt được.

Ông Thức nhìn vợ, cười:

- Nấu cơm! Nấu cơm! Cái bà này, đi nấu cơm cho cả nhà ăn. Mẹ con cu Hận ở đây ăn cơm nhá!

Trong lúc chị Nga lúi húi cùng bà Thức dưới bếp, ông Thức bày ra baonhiêu thừ trò chơi. Thăng Hận, lần đầu tiên nó được chơi với một người đàn ông. Hình như đây là điều lạ lùng đối với nó. Nó vẫn cười, nhưng hình như có khác lệ thường. Nó nhìn ông Thức mà cười say đắm hơn, chứ không có vẻ ngây dại như mọi ngày...

Cơm nước xong, trời cũng vừa tối. Ngày cuối năm, đêm sập xuống rất nhanh, khiến chị Nga không kịp đưa con về lúc trời còn sáng.

Nhìn thằng Hận ngồi trên đùi ông Thức, chị Nga thấy vui vui mà cũng thật tủi lòng. Có lẽ trong đời nó, đây là lần đầu tiên nó được sung sướng đến thế. Đột nhiên chị lại nghĩ đến Tĩnh, nó cũng nằm trong lòng Tĩnh, nhưng đó là lúc nó đang ốm đau.

Ông Thức kể lại câu chuyện ngoài ga, chị Nga cúi đầu lắng nghe. Khi ông Thức dừng lời, chị nhìn hai vợ chồng ông bà;

- Em cảm ơn hai bác! Không có bác hôm nay chắc em chết mất! Thật là ơn tái sinh cho cháu...

Ông Thức nghĩ ngợi, rồi hỏi:

- Tôi không hiểu tại sao cái người bắt cóc thằng Hận con cô lại là một ông lão già nua? Đã thế lại bảo là đưa nó về quê? Hình như trong chuyện này có cái gì đó, hà cô?

Chị Nga cúi đầu, im lặng, dường như chị đang phải chịu một gánh nặng ghê gớm đang đè lên đôi vai ốm yếu. Nhưng thật bất ngờ, chị ngẩng lên, nhìn ông Thức rồi lại nhìn bà:

- Đúng là câu chuyện của em thật đáng buồn, lại rất đáng xấu hổ.

Em định giấu suốt đời này, kể cả với con em. Nhưng thôi, giấu mãi cũng chẳng được, mà càng giấu thôi lại càng đau lòng. Em coi hai bác đây như anh, như chị, như ân nhân, em xin kể lại chuyện đời em để hai bác nghe. Nghe rồi, nếu chỗ nào thương được thì thương, còn chỗ nào không được thì bỏ quá cho em!

- Bố em, là thầy giáo bình dân học vụ ở thị xã này từ những năm đầu kháng chiến chống Pháp.

Ông Thức thông thả:

- Cụ tên là gì?

- Bố em tên là Hoan. Hà Đức Hoan...

Ông Thức nhồm dậm:

- Thầy giáo Hoan? Giời đất ạ...! Thầy Hoan người cao cao, quē ở Bắc Ninh?

- Thế ra... Ồi bố ơi... bác cũng biết bố em?

- Tôi học thầy Hoan! Nhưng mấy năm sau, thầy đi kháng chiến lên Việt Bắc?

- Đúng thế đấy ạ! Trời ơi, thế ra trời cũng có mắt cho em gặp lại người quen của bố mình... Bố em lên Việt Bắc, gặp mẹ em rồi có em...

- Bây giờ cụ thế nào rồi?

- Mấy năm nay em không nghe tin tức gì. Nhưng thôi, bây giờ hai bác nghe em kể đã. Em là giáo viên cấp hai...
 Đêm ấy chị Nga đã kể lại hết câu chuyện của đời chị cho hai vợ chồng ông Thúc nghe. Câu chuyện cũng chính là chuyện tôi đã thuật lại từ đầu cuốn sách này. Có điều, chị kể bằng một giọng buồn, lúc thì rành rọt, rõ ràng, khi lại ngắt ngứ, quặn đau và đầy nước mắt... Nhưng hầu như không phải chị kể mà là chị trút câu chuyện hoà nước mắt trước mặt hai người xa lạ, ở một nơi xa lạ mà chị lưu lạc đến!

Cánh Đồng Lưu Lạc

ĐOẠN 16

Sáng hôm sau tôi dậy muộn, đó là một tật xấu của tôi. Trong một số tật xấu có thể kể ra được của tôi, có tật ngủ vùi. Người ta bảo càng già càng ít ngủ. Những người cùng tuổi với tôi, bốn năm giờ sáng đã dậy, họ đi bộ, tập thể dục, chăn lợn gà, đưa hàng ra chợ cho vợ con... Còn tôi vẫn đang ngủ, thường trở dậy vào khoảng tám giờ sáng! Cho nên khi tôi mở mắt ra đã thấy chị Nga đang cúi húi quét nhà. Tôi ra khỏi giường, nhìn đồng hồ thấy hơn bảy giờ, cười ngượng:

- Chị quét làm gì? Cứ để đấy, tí nữa trẻ con về chúng nó làm...
 - Cậu hay nhỉ? Người đâu mà ngủ khiếp thế? Người ta chả bảo "Cuộc đời ngắn một gang tay; những kẻ ngủ ngày còn độ nửa gang". Chị cười thật tự nhiên, cái hồn nhiên của tuổi sắp già, nó vừa buồn cười, lại vừa thương.

Tôi cũng cười:

- Chắc em chả sống lâu đâu, nửa gang tay cũng là tốt lắm rồi! Những người vô dụng sống dai chỉ tổ vướng bận thiên hạ...

- Phỉ thui cái miệng cậu! Mới sáng ra đã nói năng lăng nhăng cái gì thế? Hôm nay cậu không đi làm à?

Tôi không phải đến cơ quan, cái nghề của tôi nó thế. Không đến cơ quan là một sự sung sướng hay thiệt thòi tôi cũng chả biết. Có người sướng thì bảo khổ, và ngược lại. Cơ quan bây giờ sang lắm, ở đâu cũng thế. Máy lạnh sướng cả ngày, nước trà ngon, ai không thích thì có nước ngọt tinh khiết. Lương tháng lĩnh đủ, có phụ cấp, trợ cấp, ăn trưa... Nhưng mà khổ, vẫn bảo là khổ, cả nhày chết dí ở đây, chả đi được đến đâu. Thế thì ai sướng? Đấy, thích thì lên công ty, không thích thì ở nhà, mỗi tháng có định xuất, phải bán được mấy triệu tiền hàng. Cha ơi, đi bán hàng khuyến mãi, nhục còn hơn ăn mày. Vào nhà người ta gõ cửa, họ đuổi như đuổi ma... Tiền xăng xe, tiền gửi xe bãi, tiền nước nô đùa đường, cộng vào cũng gần cạn túi. Lên công ty một tí thì lặn. Mà có lên cũng chả biết ngồi đâu, có ghế, có bàn, có chỗ cả đấy. Đừng có mà ló xó! Thế mà vẫn cứ hơn hơn ra. Khổ mà không biết khổ! Sướng cũng chả biết đẳng sướng! Mà luận về sướng khổ nó vô cùng lắm. Tôi ngẫm ra, ở đời này cứ bon chen, tị nạnh, hiềm khích, đổ kị... cũng mất đến hai phần ba gang tay rồi, chứ có ngủ như tôi, cùng lắm cũng mới mất có một nửa.

Vừa nghĩ thầm, vừa cười một mình trong nhà tắm, tôi nói vọng ra:

- Em ở nhà với chị! Kệ đời, làm nhiều ăn nhiều, làm ít ăn nhiều, lo gì!

- Cậu vẫn như trẻ con ấy. Chị lại cười. Làm ít mà ăn nhiều thì có mà... làm quan!

- Làm quan cũng khổ lắm chị ơi! Ăn miếng ăn cũng cứ phải trông trước trông sau...

Không thấy tiếng chị, có lẽ chị ra ngoài sân. Lúc tôi ra đã thấy chị đang nói gì với thằng Hận. Thấy tôi, thằng Hận ngửa mặt cười. Cái thằng?

Chị Nga bảo vợ tôi đi làm rồi, hai đứa cũng đi học sớm.

- Cô ấy dặn chị đủ thứ, nào là gạo ở đâu, muối mắm, bột ngọt... ở chỗ nào, cả từ dầu gội đầu, xà phòng cũng chỉ hết. Cậu lấy được cô vợ ngoan quá, tốt quá! Các cháu cũng ngoan!

Tôi không trả lời chị, mà chăm chú nhìn thằng Hận. Tôi đã biết nó là một con người không bình thường, bệnh hoạn. Nhưng cứ nhìn dáng bộ nó, không ai biết nó bị bại não. Nó đang ngồi chăm chú vẽ suy tư

rất trầm lắng, hiền triết. Hai bàn tay thon dài đang cầm một cái que, gầy gầy những mảnh đất vụn và những con cuốn chiếu trong cái chậu cây mai. Đầu hơi cúi xuống, để lộ một tấm lưng dài, vạm vỡ, thỉnh thoảng lại ngẩng lên cười thản nhiên.

- Hận này, cậu hỏi nhá, đi tàu từ ngoài Bắc vào đây có thích không? Nó ngẩng lên, trả lời tôi bằng một giọng ồm ồm, lễ phép:

- Dạ, thích lắm cậu ạ! Cháu bảo mẹ, sao không đi nữa, lại xuống đây?

Tôi lắc đầu:

- Xuống đây chơi với cậu chứ đi nữa chơi với ai?

Nó đứng lên, cao hơn tôi, nửa đầu, tôi chỉ đến vành tai nó:

- Khỏi gì người chơi? Bác Thúc, bác Thúc gái nữa, với cả bố Tĩnh. Cậu có biết bố Tĩnh không?

Tôi nhìn chị Nga, thấy chị khẽ gật đầu, tôi trả lời cốt để nó khỏi thất vọng:

- Cậu biết bố Tĩnh rồi! Bố có đi với cháu không?

Nó cười hì hì, rất nhạt.

- Bố Tĩnh bảo mẹ đưa cháu đi, bao giờ về, bố đón. Mẹ nhỉ!

Chị Nga để chúng tôi lại, vào nhà. Có tiếng lục cục dưới bếp. Tôi với thằng Hận còn trò chuyện một lúc nữa. Chuyện với một người không bình thường, nếu nhẫn tâm để làm vui thì được. Nhưng nếu nó là người thân của mình thì xa xót lắm.

- Cháu học lớp mấy rồi?

Nó xòe bàn tay ra, nhìn một lúc rồi giơ một bàn tay lên, cười:

- Lớp Năm!

- Đâu, cháu viết tên cháu ra đất cho cậu xem có đẹp không nào?

Thằng Hận nhìn quanh, nó tìm được một mẫu gạch vỡ, cẩn thận, gò gẫm, viết hai chữ "Trần Hận" lên nền xi măng. Nhìn hai chữ viết bằng lối chữ in hoa, khẳng khiu, gãy khúc, rồi nhìn vào hai bàn tay thon dài, đẹp mẫu mực của nó, tôi lắc đầu:

- Ai dạy cháu học?

- Mẹ! Mẹ dạy...

- Thế cháu có đến trường không?

- Có! Cháu đến trường, nhưng người ta bảo cháu lớn quá, chỉ đến để thi xong rồi về.

Chị Nga gọi vọng ra:

- Hai cậu cháu vào ăn sáng nào!

Chị Nga dọn cơm ra, gần đúng với "gu" của vợ tôi: rau muống luộc,

lạc rang muối. Đây là kiểu ăn sáng trường kỳ của gia đình tôi. Vợ và các con tôi đã ăn từ rất sớm để còn đi làm, đi học.

Xong bữa, thằng Hận loanh quanh rồi leo lên phản, còn hai chị em tôi ngồi ở bàn, uống nước. Cái thằng ngủ rất nhanh, đến nỗi, tôi phải ngạc nhiên hỏi chị Nga:

- Đêm qua đi tàu, chắc nó mệt lắm?

Chị lắc đầu:

- Nó vẫn thế đấy! Chị khổ với nó lắm!

- Chị xem thế nào, có điều kiện chạy chữa cho nó chứ? Chẳng lẽ cứ chịu mãi thế à? Ở trong này có nhiều thầy thuốc giỏi. Để hôm nào em thử nhờ một vài người quen, kiểm tra xem nó ở mức độ nào?

- Không ăn thua đâu... Chị Nga nói nhỏ như nói một mình.

- Chị cứ thế, chả trách! Để rồi em tính...!

Tôi có biết một ông thầy ở Bình Dương, nhà ngay thị xã. Gọi ông là thầy, thầy gì cũng không chắc, mà gọi là thầy gì cũng đúng, bởi ông có thể làm được nhiều chuyện gây ngạc nhiên. Ông là thầy lang, vì ông bốc thuốc nam rất hay, gãy chân, gãy tay, mụn nhọt nhiễm trùng hoá sâu quảng cho người và cả trâu bò, đều khỏi. Ông cũng là thầy địa lý, xem đất cát phong thuỷ, hướng nhà, hướng bếp, mồ mả... Ông lại có tài sờ tay vào điện nhà, hai trăm hai mươi vôn hắt hoi, điện không giật, mà tay kia chạm vào người khác, mụn nhọt đầu đinh, máu bầm, máu tụ đều tan ra. Đặc biệt, ông có cái nhìn như có tia điện, hoặc tia gì đó, có đủ khả năng bắt mà nhập vào người, hay bị bùa ngải ám, phải buông tha hoặc hoá giải vô nghiệm. Đây là thầy pháp!

Thằng Hận thuộc loại nào? Căn của nó ra sao, chắc phải nhờ đến ông thầy Bình Dương, may ra có cơ chữa khỏi. Nhưng tôi chỉ nghĩ thế thôi, chứ chưa nói với chị, bởi cũng chẳng biết cơ sự thế nào. Người ta nói, phước thầy, may chủ kia mà. Tôi nghĩ sang chuyện khác, chợt nhớ ra mấy tên người thằng Hận nói: bác Thức, "bố" Tỉnh... tôi hỏi chị:

- Mấy người mà thằng Hận nhắc tên lúc nãy là ai thế? Có phải người làng ta không chị?

Chị Nga cũng như người chợt nhớ ra, cười buồn:

- Đó là những ân nhân của mẹ con chị. Có lẽ chị khó có thể bước qua những hoạn nạn mà không có những con người này. Suốt đời chị mang ơn vợ chồng ông Thức, bà Thắm, cô Nhuận ở Phú Thọ...

Câu chuyện như một dòng hồi ức mang đậm vẻ u hoài, nhưng cũng

có lúc loé lên những ánh vàng nhân ái, mà chị đã trải qua hơn mười năm, kể từ khi mẹ con chị bước lên cái mảng nửa xuôi dòng sông Công. Tôi ngồi nghe chị kể, y hệt như ngày còn bé, lắng nghe chị kể chuyện cổ tích hay những câu chuyện chị đọc được trong những cuốn sách. Bên kia giường, thằng Hận vẫn nằm ngủ yên lành, thỉnh thoảng tiếng ngáy của nó rộ lên, cũng thật bình yên...

- Sau lần cháu Hận suýt bị bắt cóc, chị cũng đoán biết ra người bắt nó là ai rồi. May mà nhờ ông Thức, mẹ con chị mới lại được gặp nhau, nên chị đã quyết định kể hết mọi sự thật về đời chị cho vợ chồng ông Thắc nghe. Và chị cũng đồng ý để thằng Hận thỉnh thoảng về chơi với với vợ chồng ông ấy, chứ chị không muốn cho nó về ở hẳn. Em biết đấy, chị khổ vì nó, nhưng nếu không có nó, chắc chị cũng chẳng sống làm gì. Tất nhiên, sau chuyện này cũng có nhiều lời bàn ra, tiếng vào, nhỏ to quanh chuyện ông Thức và chị. Chị thấy lo ngại, nhưng ông Thức thì chẳng coi vào đâu những lời đàm tiếu ấy, lại được cả bà Thức phụ hoạ, chị cũng thấy hơi yên yên với đồng than và căn phòn dột nát của mình.

Nhưng rồi, càng ngày, thằng Hận càng bộc lộ ra là một đứa trẻ không bình thường. Tệ hại nhất là nó không biết khóc, và cười thì không thành tiếng. Tiếng nói bình thường như mọi người nhưng ắp úng, ngắt ngứ, không đầu, không cuối! Chị thất vọng lắm, ông Thức cũng bối rối, nhưng bà Thức thì càng hy vọng rằng chị sẽ bỏ thằng Hận lại cho bà ấy. Là đàn bà, chị hiểu sự ích kỷ thường tình của người đàn bà, nên không giận. Chị chỉ cố dạy cho nó học, và cũng nhờ ông Thức xin cho nó đến trường. Cháu học vất vả lắm, phải đúp hai lớp. Đến năm lớp Năm thì nó lớn quá rồi, quá tuổi, đành phải thôi...

Cuộc đời chị Nga của tôi, có lẽ sẽ được chôn chặt ở cái thị xã nhỏ bé này với hai bàn tay suốt đời nắm than quả bàng, nếu như không có một biến cố xảy ra. Sau mười hai năm lưu lạc, biệt tích, lần đầu tiên chị Nga... nhận được thư! Chị không tin, nhưng trên phong bì ghi rõ họ tên chị và người gửi là... thầy Hoan! Chị bồi hồi nhìn nét chữ của bố mình rồi chạy về căn phòng vách lá của mình. Chị muốn mở lá thư nhưng rồi lại không dám. Chị không sợ những lời trách móc, nhưng chị hốt hoảng phải đọc được những dòng buồn tủi của người cha bị mất đứa con, sống vò vố một mình trong tuổi già cô độc. Mãi sau, chị rứt rề xé từng tí một chậm chạp, để lấy ra tờ giấy học trò gấp tư. Chị không cầm được nước mắt, nhìn những dòng chữ chân phương, rõ

nét và đều tăm tắp nhưng lộ rõ vẻ run rẩy của cha.

Nga, con gái của bố!

Nhận được thư này, nếu không có gì khó khăn, trở ngại cho con, con hãy về với bố. Bố biết con nhớ bố, cũng như bố nhớ con. Mọi chuyện ở quê nhà vẫn như cũ, chỉ có bố là già yếu nhiều. Con về được thì bố con gặp được nhau lần cuối. Nhưng, bố nhắc lại, nếu có trở ngại mà con không về được, thì con cũng đừng quá buồn, mà hãy coi đây là lời bố chào con, đưa con xầu phận của bố, và mẹ.

Bố Hoan.

Khóc và suy tính mãi, cuối cùng, chị Nga đưa bức thư của thầy Hoan cho ông Thức xem. Suy nghĩ một hồi, cũng chẳng hỏi ý chị, ông lạnh lùng bảo:

- Cô nên về! Không! Cô phải về, để ông cụ được gặp mặt! Tôi có cảm giác đây là lời trăng trối của thầy Hoan!

Chị Nga ngân ngấn nước mắt:

- Vâng! Em cũng đã nghĩ thế. Có lẽ bố em sắp chết...

Ông Thức nhìn chị Nga, như muốn dò xét:

- Còn thằng cháu Hận, cô có nên cho nó về cùng không?

Nhìn thằng bé đang nằm ngủ ngon lành dưới làn quạt phe phẩy của bà Thức, chị không nỡ nói thật. Bà Thức vẫn chưa biết chị Nga nhận được thư bố nhưng linh cảm cho bà thấy có chuyện gì đó không lành:

- Cô định về bên Thái à? Cứ đi đi, để thằng cháu cho tôi.

Cuối cùng, thì chính chị Nga cũng không nhớ, bằng cách nào mà cả hai mẹ con chị cùng lên tàu về quê. Bà Thức sụt sịt:

- Hai mẹ con về lo cho ông cụ rồi lại sang ngay nhé!

Ông Thức thì đứng lặng dưới sân ga, nhìn theo hai mẹ con vất vả lên tàu. Ông kéo bà về, không đợi tàu chạy, vì nếu đứng thêm chút nữa ông sẽ khóc mất! Vì ông biết, chẳng bao giờ ông còn gặp lại hai mẹ con chị Nga nữa!

Nhưng cuộc đời chị Nga vốn có nhiều bước ngoặt. Nếu việc chị nhận được thư của thầy Hoan mà phải về là bước ngoặt thứ nhất, thì hãy còn một bước ngoặt nữa đang đợi chị. Nó không ở đâu xa, ngay trên chuyến tàu này thôi.

Chị Nga cũng không tin rằng mình sẽ còn trở lại mảnh đất này, mảnh đất đã mười hai năm che chở, cứu mang mẹ con chị. Cho đến lúc này, chị mới nhận thấy dù hơn mười năm qua, chị sống ở đây với

biết bao cay cực, tủi buồn, và cũng có những lúc loé lên tia sáng của tình người, nhưng ngoài những người ở cửa hàng ăn uống, chị không hề quen biết một ai! Thậm chí chị vẫn còn bị lạc đường khi ra phố, dù cái thị xã nhỏ bé và hoang vắng này, người ta chỉ đi xe đạp trong một hai giờ là hết đất. Mà rồi chị cũng chẳng nhớ được tên phố, tên làng nào... Thế nhưng, khi con tàu chuyển bánh một cách lễ mễ, chậm chạp, nhà cửa, cây cối, trời mây... ở ngoài cửa toa đang lần lượt trôi qua, tự dưng trong lòng chị dâng lên một cảm giác bùi ngùi... Nhìn hai bàn tay đen xạm và những chiếc móng tay đen bóng lên của mình, chị Nga lại rưng rưng. Từ biệt nhé, dù rằng có một ngày nào ta sẽ trở lại nơi đây, hay dù mãi mãi không còn được thấy nhau nữa, thì mảnh đất và con người nơi này sẽ còn đọng mãi trong cuộc đời ta, trong ký ức của ta!

Khi con tàu đã ổn định vận tốc, chạy khá êm ái, gió ở hai bên đường lùa vào mang theo hơi hướng của những cánh đồng, những vạt rừng châu, sừng sỏ nhút ngàn, chị Nga mới trở lại với thực tế. Và bỗng nhiên trong lồng ngực chị hình thành một khoảng trống, cứ dần lớn mãi lên, phồng lên vặn xiết con tim, khiến chị như muốn nghẹt thở. Chị bắt đầu hình dung ra ngôi nhà tuổi thơ của mình. Ngôi nhà chị đã lớn lên rồi từ giã nó một cách âm thầm, vụng trộm. Ngôi nhà ấy giờ đây ra sao, khi không có chị? Hình bóng người cha sau mười hai năm chắc đã già lắm, lưng còng xuống chịu đựng muôn vàn tiếng tăm và cả thời gian xoay vần theo mỗi mùa gió bắc thổi. Và mỗi chiều về bóng cha ngả dài xuống mảnh sân cỏ cút. Rồi khi đêm xuống, cha lại lấm lũi một mình, không tiếng người, không hơi hướm người thân, chỉ có bóng cha in trên vách đất!

Chị lại hình dung ra từng ngõ ngách của làng xóm, những con đường ghập ghềnh những dấu chân trâu, nứt nẻ mùa đông và sứt sùi bùn lầy trong mùa mưa gió. Rồi chị nhớ đến những cô, những cậu học trò ngày xưa, tất nhiên trong đó có cả tôi, đứa em ngỗ ngược và yếu đuối của chị. Và cuối cùng, chị không sao dứt ra được ngôi nhà của anh Kỳ. Ở đó có tiếng lợn kêu, tiếng gà gáy, tiếng rên rẩm của bà mẹ chồng đau khớp quanh năm. Ở đó chị đã chôn vùi niềm hy vọng và cả cuộc sống bình thường, giản dị của chị. Những con mắt dò xét, nghi kỵ và những lời nói độc ác của những người chị chồng, khiến chị không thể nào đứng vững trên đời. Và giờ đây, thằng Hận đã lớn, nó đã rõ ràng là một bản sao của anh Kỳ với đôi lông mày xếch xiên trong vào tận sống mũi và cái miệng cười mở thì chị sẽ ăn

nói thế nào? Thăng Hận vẫn ngẩn cổ ngó ra ngoài cửa toa, với nét mặt lạnh lẽo, không thần sắc, chỉ có cái miệng là hình như lúc nào cũng sắp cười.

Chị cúi xuống chân, cầm cái túi vải đặt lên đùi, cảm giác ấm áp và đau nhói lại trở về. Trong này là những kỷ vật về cha, và đặc biệt về người mẹ mà chị chưa hề biết mặt. Chị thử hình dung ra lúc gặp lại cha mình, và cả hai cha con chị cùng lật giở những kỷ niệm. Đó là con dao oan nghiệt, là nắm tóc xanh củ mẹ, là những mảnh áo màu xanh lá rừng... Chị Nga nhắm mắt lại, nhưng hình như trong cõi tối tăm mù mịt, chị cảm thấy yên lòng hơn, mặc dù chị biết cuộc trở về này, có thể lại mở đầu cho một cuộc hành trình lưu lạc mới...

Đoàn tàu dừng lại ở một ga, người xuống, kẻ lên lại rầm rập. Dường như mỗi người xuống, đem đi những nỗi niềm của họ, thì những người lên lại mang lên những câu chuyện và tâm sự mới. Cứ thế, đoàn tàu đi mãi để tiếp nhận những số phận và rồi lại bỏ lại những cuộc đời trên mỗi sân ga. Chị Nga lẩn thẩn nghĩ ngợi về bao chuyện trong lòng và cả những gì chị nhìn thấy trước mắt...

Bỗng chị vô cùng kinh ngạc thấy một người đàn ông đang đi tới chỗ chị với một khuôn mặt quen quen. Có phải chị đã gặp con người có khuôn mặt vuông chữ điền và cái miệng nở này? Với chiếc áo quân phục cũ sồn, loang trắng mồ hôi anh đang mặc gợi cho chị một cảm giác gần gũi và thân thiện. Chị cố nhớ, trong khi anh ta đang đi lại phía chị và đôi mắt đang kiếm tìm một người hay một cái gì đó. Chị mong anh hãy nhìn vào mắt mình. Nhanh lên, chị thầm giục mình, hãy nhớ nhanh lên, kéo anh đi qua mất! Anh vẫn len lỏi trong đám đông, mãi nhìn đi đâu đó. Anh là ai? Có phải là một người nào đó mà chị đã gặp? Một, hai bước chân và anh đã đi qua chỗ hai mẹ con chị đang ngồi, mà không nhìn vào chị. Như một tia chớp nhỏ, nhưng vô cùng sắc sảo, rõ nét hiện ra trong đầu, chị nhìn theo vội vã cất tiếng gọi thảng thốt:

- Anh Tĩnh...!

Người đàn ông quay lại như một phản xạ tự vệ. Đôi mắt anh sáng lên chứa chất đầy nỗi kinh ngạc:

- Nga? Nga phải không?

Chị Nga loạng choạng đứng dậy, một tay chị chơi với hướng về phía anh, còn tay kia nắm vội vào thành ghế tàu.

Thế là hai con người này rồi cũng đã gặp được nhau sau mười năm! Tĩnh len qua một người đàn bà đang lom khom chất xếp gồng gánh,

đến bên chị. Bộ ngực vạm vỡ của anh áp sát vào đùi chị Nga:

- Trời ơi! Có đúng là Nga không?

- Đúng rồi, anh! Em, Nga đây...

- Ngồi xuống, em, kéo tàu chạy giật ngã bây giờ. Anh đỡ chị Nga ngồi xuống ghế rồi tìm chỗ trống quỳ một chân ngược lên nhìn chị:

- Em trốn ở đâu mà để anh đi tìm suốt mười năm trời? Anh hỏi một câu đầy trách móc.

Chị nhìn anh đăm đăm, lắc đầu:

- Em có trốn anh đâu! Nhưng em phải trốn tránh cuộc đời. Em biết anh đi tìm em, và em cũng đọc được dòng chữ viết anh nhắn tìm em trên bức tường vôi của cửa hàng ăn uống.

Tĩnh gật đầu:

- Anh thất vọng và viết lên đó, nhưng không hy vọng gặp được em.

Bây giờ... thật không ngờ! Tĩnh quay sang nhìn thẳng Hận. Nó vẫn thản nhiên, trong bộ mặt sáng sủa của mình. Tĩnh hỏi chị Nga:

- Thẳng Hận? À, không, thẳng Pinôkiô của tôi đây phải không?

Chị Nga cười ngậm ngùi:

- Anh vẫn còn nhớ à? Nó đấy! Con, chào chú Tĩnh đi con! Chú Tĩnh là người đã cứu sống mẹ con ta đấy!

Thẳng Hận còn đang nghĩ ngợi, nó muốn tìm một câu chào, nhưng Tĩnh lại cho là nó xấu hổ, bởi nó đã lớn lên thành một trang thiếu niên tuấn tú. Anh nhanh nhẩu:

- Không phải chú Tĩnh, mà là bố! Bố Tĩnh, phải không con?

Nó cười:

- Cháu chào... bố!

Tĩnh phá ra cười vang cả một góc toa:

- Giỏi lắm! Thẳng cu giỏi lắm! Lại đây với bố nào...

Thẳng Hận còn đang lưỡng lự thì đoàn tàu giật mạnh một cái, khiến chị Nga xô hẳn người vào vòng tay đang vịn trên thành ghế của Tĩnh. Anh vội vàng đỡ chị, làm chị đỏ bừng mặt. Lần đầu tiên sau nhiều năm, chị Nga cảm thấy mình nóng mặt, chị mỉm cười một mình.

- Anh ngồi lên đây, quỳ thế mới chân chết! Chị âu yếm nói với anh.

Tĩnh đứng lên, vạch một chỗ giữa hai mẹ con chị, nhưng rồi anh nhắc bổng thẳng Hận đặt lên đùi. Thẳng Hận có vẻ khoái chí lắm, nó cười. Hồi lâu, giữa hai người là một khoảng im lặng, dường như mỗi người đều đang ấp những câu muốn hỏi, nhưng chưa ai nghĩ ra là hãy bắt đầu thế nào. Thế rồi anh Tĩnh lên tiếng trước:

- Bây giờ em đi đâu đây?

Như một đứa trẻ ngang bướng, chị Nga đặt tay mình chặn lên bàn tay Tĩnh mỉm cười:

- Em hỏi trước: thế anh đi đâu?

Không đắn đo, Tĩnh đáp ngay:

- Anh đi tìm hai mẹ con em!

Chị Nga cúi xuống và giật mình nhìn vào những cái móng tay đen nhầy của mình. Chị cố giấu chúng vào sau vạt áo, nói nhỏ:

- Có thật không anh? Chẳng lẽ suốt mười năm qua...?

Một tay Tĩnh ôm lấy vai thẳng Hận, bàn tay kia nắm lấy tay chị Nga, đầu cúi xuống như nhìn xuyên suốt sàn tàu:

- Nếu nói suốt mười năm qua anh chỉ đi tìm em thì anh là người không trung thực. Nhưng quả thật suốt mười năm, lúc nào anh cũng nghĩ về em, ngay cả khi anh đã cưới vợ, lập gia đình riêng...

Chị Nga thẳng thốt:

- Anh đã lấy vợ? Nhưng như sự nhỡ ra điều gì đó không phải, chị vội chữa. Em hiểu, cuộc đời con người ta được mấy đợt "mười năm". Mười năm là một thời gian quá dài của một cuộc đời...

- Anh không nói dối em, lúc nào anh cũng nhớ về em. Sau khi chia tay em ở nhà ga, anh về quê, cảm thấy mình trống trải vô cùng. Nhưng, nói thật nhé, anh không đủ sức lực và tự tin để đi tìm em, nhưng nhờ mẹ anh. Sau đó mấy tháng, biết rõ sự thật về anh với em, mẹ anh đã lấy hết số tiền cụ đã dành dụm đưa cho anh và nói với anh những lời thăm thía, cổ vũ thêm lòng tự tin cho anh. Em có biết mẹ anh đã nói thế nào không? Bà cụ bảo: "Con hãy giữ đúng lời hứa, dù rằng sau đó câu chuyện có như thế nào đi nữa thì làm thẳng con trai, con không được thất hứa". Thế rồi anh đã lên cái thị xã nhỏ bé, mà em đã đến. Nhưng anh đã không tìm thấy em...

Chị Nga cảm thấy như người có lỗi:

- Em ở ngay cái cửa hàng ăn uống mà anh đã viết lên đấy...

Tĩnh lắc đầu:

- Tê quá! Hình như số phận cứ trêu ghẹo chúng ta? Thế rồi mỗi năm một lần, anh lấy lý do đi đảo săn, rồi đi buôn quế, buôn săn khô... cứ vào cái ngày chia tay em, anh lại lên... Sau ba năm, anh cưới vợ, một cô gái cùng quê. Ngay cả sau khi anh đã lấy vợ rồi, anh vẫn giữ nguyên tắc ấy, tất nhiên vợ anh không biết. Mà anh cũng không biết là nếu gặp được em, anh sẽ xử sự như thế nào, nhưng anh vẫn đi tìm. Đến bây giờ, quả thật lòng trời không phụ anh.

Cả hai cùng im lặng trong tiếng rập rình của toa tàu. Lúc sau, Tĩnh

phá vỡ sự im lặng:

- Còn em, thế nào?

Chị Nga gỡ bàn tay mình ra khỏi tay Tĩnh, nói nhỏ:

- Em vẫn thế! Nghĩa là em trốn chạy và giấu biệt tăm tích của mình. Nếu không như thế, không phải chạy trốn, có lẽ anh đã tìm thấy em cũng không chừng!

- Nghĩa là em vẫn chỉ có mình thằng Hận?

- Vâng! Em chỉ có mỗi mình cháu, và có lẽ mãi mãi cũng chỉ có hai mẹ con với nhau!

Tàu lại dừng, rồi lại chạy, và rồi lại thay đổi những số phận trên mỗi toa. Tĩnh gỡ tay thằng Hận đang ngủ, để nó dựa vào chị Nga:

- Em ở đây, anh về chỗ anh bạn người cùng quê một tí rồi anh quay lại. Chị Nga đỡ vai con, không nói. Chị nghĩ mọi chuyện sẽ phải thế thôi, gặp nhau rồi, anh lại đi...

Nhưng một lúc sau, Tĩnh quay trở lại, với cái túi nhỏ đựng quần áo của mình. Chị Nga cố làm ra tự nhiên, nhưng chị thật không tin nổi. Đáng lẽ, sau những câu chuyện như thế, Tĩnh phải bỏ đi. Anh phải bỏ đi và tránh không gặp chị nữa mới hợp với lẽ thường. Nhưng anh đã trở lại, trở lại với lòng hăm hở khiến chị thật xúc động.

- Bây giờ mẹ con đi đâu?

Chị Nga kể lại cho anh Tĩnh nghe chuyến đi về quê này của mình.

Tĩnh lắng nghe và mỗi lúc lại nở nụ cười trên miệng, khiến chị Nga phải hỏi:

- Sao em nói gì anh cũng cười thế?

- Anh cười anh! Vì anh là một tên nhát gan!

- Sao lại nhát gan? Chị Nga ngạc nhiên hỏi lại.

- Có lúc anh nhát gan, toan đầu hàng số phận. Nhưng bây giờ thì không! Anh đã "xác định lập trường" rồi!

Chị Nga cười:

- Nhưng mà anh chưa "nắm tình hình" thì xác định sao được?

- Em vẫn nhớ nhỉ? Thành tật mất rồi, nhưng có lẽ cũng không phải là xấu. Phải không nào?

- Không! Chị Nga lắc đầu. Sao lại xấu? Anh tốt lắm! Tốt hơn cả em nghĩ.

Tàu dừng, chị Nga lay thẳng Hận dậy. Đây là lúc phải chia tay với Tĩnh, nhưng sao chị không thấy buồn. Có lẽ chị nghĩ rằng, cuộc đời cho chị một người bạn thế là quá đủ. Thậm chí chị còn cảm thấy xấu hổ vì chị đã dám yêu anh, dù đó là tình yêu chân thật, đầu đời, và

cũng có thể là duy nhất.

- Đưa tất cả đây cho anh, hai mẹ con cứ đi ra cửa toa đi. Vừa nói, Tỉnh vừa giành lấy cái tay nải của chị Nga. Chị không cưỡng lại, mà nghĩ, thôi cứ để anh làm gì anh muốn. Chỉ một phút nữa thôi, mọi chuyện sẽ mãi mãi đi vào kỷ niệm.

Chị Nga bình thản rời khỏi toa tàu, khi chị đưa tay ra định nhận lại cái tay nải, thì Tỉnh đã kéo thẳng Hận về phía cửa ga:

- Thôi, ta ra đi. Để anh xem mấy giờ có tàu Thái?

- Anh Tỉnh! Anh đưa mẹ con em đến đây là được rồi. Anh trở lại toa của mình đi, kéo nhỡ tàu.

- Không sao! Anh đã hứa với chính mình rồi, anh không thể bỏ em giữa đường như thế này một lần nữa. Tất cả hàng hóa, anh đã gửi bạn rồi. Cậu ta sẽ làm thay anh...

- Thế anh...

- Anh sẽ lên tàu ngược Thái cùng với em! Được không?

Chị Nga kêu lên kinh ngạc:

- Trời ơi! Không được đâu, anh! Em van anh, anh còn vợ con anh...

- Chuyện đó tính sau! Tỉnh tỉnh bơ, như không. Bây giờ cả nhà ta hãy vào cái cửa hàng ăn của ga, ăn cái gì đã. Anh đang đói đây. Tám giờ tối mới có tàu Quán Triều cơ...

Không để chị Nga kịp nghĩ ngợi, anh cứ kéo thẳng Hận đi, làm chị phải chạy gần mới kịp. Bây giờ người ta đã cải tiến, không còn phải xếp hàng nữa mà cứ ngồi một chỗ, sẽ có người đến hỏi xem anh muốn ăn gì. Họ ghi vào giấy rồi bưng ra tận bàn. Sướng thật! Tỉnh rung đùi. Trong lúc chờ người ta bưng cơm, phở ra, Tỉnh nhìn chị Nga cười cười, khiến chị đỏ mặt:

- Anh muốn đùa em một tí, nhưng bây giờ thôi, anh sẽ nói thật hoàn cảnh của anh. Anh lấy vợ được một năm thì sinh cháu gái. Nhưng thật đáng buồn cho số phận anh. Nghèo túng quá, hai vợ chồng cãi nhau suốt. Khi con gái anh được bốn tuổi, thì anh phải ký vào đơn để ra tòa. Cháu bây giờ ở với bà nội và đang học lớp Một.

Chị Nga thẫn thờ nhìn anh và hỏi một câu vô tình:

- Thế chị ấy bây giờ ở đâu?

- Lấy một anh lái xe khách, ở Quảng Ninh. Anh không gặp lại, nhưng nghe mẹ anh nói, họ cũng đã có một đứa con...

Chị Nga cúi nhìn xuống chân bàn, cố giấu nỗi ghen ngào:

- Thật tội nghiệp cho cháu bé, không được sống bên mẹ...

- Không có mẹ cũng khổ, mà không được sống với cha cũng là bất

hạnh, khổ đau. Ước gì đừng có đứa trẻ nào phải thiếu vắng cha mẹ...
Ăn xong, họ ra ngồi ở một cái ghế xi măng đợi tàu. Chị Nga thấy mình như bơi trong sự bất ngờ. Sau cùng, chị nói với Tĩnh:

- Anh ạ, em biết anh thương mẹ con em, mà em cũng rất quý trọng anh. Nhưng, anh chưa biết gì nhiều về em, dù chúng ta gặp nhau đã mười năm. Chị cười mỉm. Nói như kiểu của anh: anh chưa hề nắm được tình hình của mẹ con em, liệu khi biết rõ sự thật, anh sẽ nghĩ về em ra sao? Ngay bây giờ đây, em sẽ kể cho anh nghe về em. Để rồi, tùy anh suy nghĩ, quyết định ...

Tĩnh nhìn chị Nga lộ rõ vẻ thông cảm, xen lẫn lo lắng:

- Em nói đi. Đến một lúc nào đó, anh cũng sẽ yêu cầu em nói hết, nhưng chưa phải bây giờ...

- Không! Em phải nói ngay bây giờ, ở đây, khi tàu chưa đến ga! Để chằm một tí nữa thôi nữa sợ sẽ muộn!

Tĩnh mỉm cười, khuyến khích, và chị Nga cũng sợ rằng chị sẽ không thể nói hết, nên chị nói ngay:

- Thăng Hận không phải con của chồng em, mà nó là con của... bố chồng em. Nó được sinh ra khi chồng em đã có giấy báo tử được gần hai năm! Và, hình như có cái gì đó trái đạo, nên trời phạt, để thằng Hận là một đứa trẻ không bình thường...

Tĩnh sửng sốt, nhưng anh không tỏ thái độ ngạc nhiên, khiến chị Nga nghĩ hay là anh ấy đã rõ mọi chuyện...? Chị kể lại tất cả, chậm chạp, rõ ràng và tỉnh táo. Tĩnh im lặng, dường như để tôn trọng nỗi đau mà chị Nga phải gánh, trong khi đó, thằng Hận gối đầu lên đùi anh, ngủ ngon lành.

Chị Nga ngừng kể đã lâu, nhưng Tĩnh vẫn không lên tiếng, anh nhìn xa xăm vào đâu đó. Chị Nga lại thấy hoang mang, nhưng không dám hỏi. Chị đang hình dung ra khi Tĩnh đặt trả thằng Hận lại cho chị, lặng lẽ cầm cái túi hành lý của mình, đi về phía con tàu xuôi...

Bất thần, có tiếng loa ọc ạch của nhà ga thông báo có chuyến tàu ngược, và tiếng bánh sắt nghiền rầm rầm trên đường ray, Tĩnh lay lay thằng Hận:

- Đồng chí! Dậy thôi nào! Dậy về thăm ông ngoại nào!

Nó vẫn say ngủ oạt ọ, Tĩnh đưa cái túi cho chị Nga, nói nhỏ:

- Em cầm cho anh, để anh cõng thằng con trai lên tàu. Đánh thức bây giờ tội nghiệp nó.

Chị Nga lặng lẽ đi theo, như một đứa trẻ ngoan!

Cánh Đồng Lưu Lạc

ĐOẠN KẾT

Khi chị Nga về đến làng Sơn Cốt của chúng tôi thì sức lực của thầy Hoan đã suy kiệt, thầy yếu lắm rồi. Chị Nga lao vào ôm lấy bố khóc như mưa gió, trong khi anh Tĩnh và thằng Hận chỉ biết ngồi nhìn. Nhưng khi thấy con gái đã về, thầy cố gương dậy và cố vui như không có chuyện gì xảy ra, như chị Nga vẫn ở bên thầy từ trước đến giờ. Thấy thế chị Nga càng tủi. Một tuần sau, thầy qua đời. Đám ma của thầy giản dị nhưng trang nghiêm. Tất cả người làng đều đến đưa thầy ra nghĩa trang, ai cũng muốn thả một hòn đất xuống cho thầy được yên ấm. Kể cũng lạ, anh Tĩnh là người hoàn toàn xa lạ với phong tục tập quán của làng tôi, nhưng anh đã rất thành thạo trong công việc ma chay, khiến dân làng cứ tưởng anh là chồng chị Nga từ lâu rồi...

Mấy năm sau, tôi có dịp về quê và có đến thắp hương trước mộ thầy. Nhưng tôi vô tâm, đến nỗi không hỏi xem chị Nga bây giờ ở đâu. Mà có hỏi chắc cũng chẳng ai biết. Tôi chỉ được nghe mẹ tôi nói rằng, "có cả thằng chồng nó cùng về trước khi ông giáo qua đời. Sau đó chúng nó đưa nhau đi đâu thì không ai biết".

- Thế sao mẹ không hỏi kỹ xem chị ấy đi đâu?

- Có, nhưng nó không nói. Nó bảo cũng chưa biết sẽ đi đâu. Chỉ nhờ tao và các em mày trông nom giúp mộ ông giáo. Nó bảo một vài năm nữa sẽ đem tiền về xây lên cho chắc chắn. Cũng đến mấy năm, chưa thấy nó về...

Chị Nga đi đâu, làm gì? Thế là lại một lần nữa lưu lạc xứ người.

Những buổi chiều tôi lang thang trên cánh đồng Lưu Lạc, cánh đồng tuổi thơ, mà tưởng như mới đây thôi, tuổi thơ của tôi, tuổi thiếu nữ của chị Nga vẫn còn đang trước mặt, đang rì rào trong gió thổi, đang phơn phớt tím trong cánh hoa đậu bướm... dù cánh đồng đã đổi thay quá nhiều. Con sông đã đổi dòng, Soi Vạt đã bị bạt đi do nước sông cũng có, mà do con người đào bới lấy cát, lấy sỏi cũng có.

- Cậu ạ, chị đành phải quyết định ra đi. Tất nhiên là do anh Tĩnh, nhưng nếu chỉ có thế thôi chị nghĩ cũng chưa chắc đã đành lòng bứt đi khỏi nơi bố chị đang nằm, chỉ ít cũng ba năm sau... Nhưng, chị vẫn

còn thấy rằng mọi người nhìn thẳng Hận như nhìn một con thú hoang từ đâu xộc đến. Nó đúng là con anh Kỳ, vì không ai không thấy nó giống anh ấy. Đến cả chị Diệu, chị anh Kỳ người quyết liệt nhất để tìm cách loại trừ nó ngay khi nó vừa chào đời, đã phải đến xin được hỏi chị về nguồn gốc của nó để đón nó về nuôi. Nhưng chị biết, thẳng Hận không thể sống một mình được, nhất là lại sống bên họ. Chị hận đời, nhưng chị đã thề rằng, chị còn sống trên cõi đời này, chị không bao giờ xa nó.

Lạ lòng nữa, ông lão Tuân, bố chồng chị và là cha của thẳng Hận thì không biết ở đâu, sống chết ra sao? (bà mẹ thì mất ngay năm chị đem thẳng Hận đi). Người làng chỉ biết rằng, khi mẹ con chị không còn ở Soi Vạt nữa, thì mấy năm sau ông lão cũng mất tích. Có lẽ ông lão đã chết mất rồi. Khi chị lục lại chỗ giấy tờ của bố chị, thì thấy một lá thư ông lão viết cho bố chị. Nhờ đó mà những ngày cuối cùng bố chị đã viết thư nhắn chị về...

Ông lão Tuân đã không còn, thì dù lai lịch thẳng Hận có được làm rõ ràng ra cũng phỏng có ích gì?

Bây giờ mọi chuyện đã yên hàn, tôi vẫn thương chị Nga, nhưng hình như tôi đã thương chị theo một cách khác. Có lẽ vì chúng tôi đã có tuổi, không còn cái kiêu nhố thương mà không biết phải làm gì. Bây giờ thì chị Nga của tôi lại là một cô giáo dạy học ở quê anh Tĩnh. Chị yêu quý hai đứa con, thẳng Hận và con gái anh Tĩnh. Chị cũng được anh Tĩnh yêu chiều, và bà mẹ chồng có tấm lòng rộng lượng bao la thương mến. Phải thế thôi, cánh đồng Lư Lặc của làng tôi tuy rộng thế, nhưng nó cũng có giới hạn.

- Chắc em chưa biết vì sao chị lại vào tìm em phải không?

Tôi thật thà:

- Vâng! Đúng là em muốn hỏi chị, nhưng sợ chị buồn.

- Chị đưa cháu Hận đi tìm mộ anh Kỳ. Có một đồng đội của anh ấy viết thư cho chị nói là mộ anh Kỳ được chôn trong một cái nghĩa trang của bệnh xá hồi ấy. Đây là bản đồ do người bạn của anh Kỳ vẽ gửi cho chị. Trước khi chuẩn bị đi, chị nhớ đến em!

Tôi cầm tờ giấy xem những nét vẽ tuy nguệch ngoạc nhưng khá chi tiết, rồi bảo chị:

- Nếu là khu vực này thì em cũng biết! Để em thu xếp đưa chị đi.

- Em có bận gì không?

- Bận thì bận, em cũng phải đưa được chị đi chứ. À mà chắc chị chưa biết, hồi ở chiến trường em có gặp anh Kỳ trước khi anh ấy hy sinh!

Chị cúi đầu buồn buồn:

- Có, chị có nghe người làng kể lại..

Chị Nga ở chơi nhà chúng tôi ba hôm, ngày thứ tư tôi đưa hai mẹ con chị lên Lộc Ninh tìm mộ anh Kỳ.

- Anh Tĩnh cứ đòi đi, nhưng chị phải van nài, anh ấy mới chịu ở nhà. Để bà cụ ở nhà một mình, chị thấy không yên tâm, dù cũng còn các anh, chị.

- Đáng lẽ chị phải để cho anh ấy được đi! Em biết chị lo cái gì rồi, nhưng chị ơi, một người như anh Tĩnh là của hiểm thời chiến tranh đã tạo ra và còn lại...

Phải qua hai ba chặng xe mới tới khu rừng nơi anh yên nghỉ. Cũng nhờ bà con địa phương giúp đỡ chúng tôi mới tìm được nghĩa trang. Mất gần hai giờ đồng hồ tìm kiếm nhưng không thấy, tôi đem tất cả số hương mang theo đốt lên cắm trên những ngôi mộ xung quanh, vẫn không đủ. Trời đã chạng vạng chiều bỗng tôi nghe ở đâu đó có tiếng khóc. Tiếng khóc âm ỉ và nghẹn tắc. Chị Nga nhìn tôi lo lắng, tôi hỏi chị:

- Thăng Hận đâu?

Như sức nhớ ra, chị em tôi dáo dác tìm. Chúng tôi lần theo tiếng khóc ra mãi phía bờ rừng và bắt gặp thằng Hận đang ngồi thụp xuống ôm lấy một mô đất mà khóc. Không nhẽ lại thằng Hận? Cái thằng suốt từ nhỏ, hai mươi hai năm qua chỉ biết cười? Và cả cười cũng không thành tiếng kia mà? Nhưng đúng là thằng Hận rồi!

Chị Nga sưng lại xoắn mái tóc quỳ xuống cạnh con, giọng sợ sệt:

- Hận! Sao con khóc?

Thằng bé cứ ghì xuống mặc cho tôi dùng hết sức gỡ tay nó ra khỏi nắm đất. Tôi đành đứng dậy, lùi lại ngó ra xung quanh, không thấy dấu hiệu của những ngôi mộ, bèn bảo chị Nga:

- Chị ơi, hay là...? Cháu có hay khóc như thế này không?

Chị lắc đầu, mắt đầm nước:

- Từ khi nó năm, sáu tuổi chị chưa bao giờ thấy nó khóc. Đây là lần đầu tiên...

Tôi chạy ra nghĩa trang lấy ba nén hương đem vào cắm lên mô đất, quỳ xuống:

- Anh Kỳ ơi! Anh sống khôn thác thiêng, có nghe thấy lời em không? Hôm nay em đưa chị Nga và thằng Hận đến tìm anh đây. Anh ở chỗ nào thì hiển hiện ra, chỉ cho chúng em biết...

Tôi vừa dứt lời thì thằng Hận đứng thẳng dậy và cất tiếng cười. Tiếng

cười ha ha của nó, của một người đàn ông thực sự, nghe vang vang, âm âm, vọng vào mãi tận trong rừng xa, dội lại. Chị Nga bần thần rồi khuyu xuống. Trong giây phút linh thiêng lạ lùng và thần bí này, tôi vẫn còn kịp nhận ra niềm hạnh phúc của chị Nga. Trong suốt hai mươi hai năm cực nhọc nuôi con, lần đầu tiên chị được nghe tiếng khóc, tiếng cười của nó!

Rồi một luồng gió xoáy, không biết từ đâu, có lẽ từ mạn góc rừng xuất hiện ào tới, cuốn lấy ba chúng tôi.

Tôi tin là anh Kỳ đã hiển hiện!

TP.Hồ Chí Minh 1996- 2004

H.Đ.Q.

Nguồn: Phụng Hoàng

Người đăng: Ct.Ly

Thời gian: 03/08/2006 11:34:20 CH